

Phật Giáo Nguyên Thủy Theravāda

--- ❧ ---

Đức Phật

Và

45 năm Hoằng pháp độ sinh

Tập 16

Tỳkhu Chánh Minh
Biên soạn

Những chữ viết tắt

-0-0-

A.	Aṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA.	Aṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap.	Apadāna (Ký sự).
ApA.	Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal.	Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật) (Kegan Paul).
Bu.	Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuA.	Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
BuAB.	Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Miến.
BuAC.	Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Tích Lan.
Cp.	Cariyapiṭaka (Hạnh Tạng)
Cv.	Cūḷavaṃsa (Tiểu sử).
CvA.	Cūḷavaṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
D.	Dīghānikāya (Kinh Trường bộ).
DA.	Dīghānikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp.	Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA.	Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv.	Dīpavaṃsa (Đảo sử).
DvA.	Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đảo sử).
Dvy.	Divyāvadāna (Thiện nghiệp thí dụ).
Iv.	Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA.	Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
Ja.	Jātaka (kinh Bốn sanh).
JA.	Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bốn sanh).
Lal.	Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
M.	Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA.	Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv.	Mahāvaṃsa (Đại sử).
Mil.	Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu.	Mahāvastu (Đại Sự).
Pv.	Petavatthu (Ngạquỷ sự).
PvA.	Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Ngạ quỷ sự).
S.	Samyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA.	Samyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng).
Sn .	Suttanipāta (Kinh Tập)
SnA.	Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tập).
Sp.	Samantapasādikā (Sớ giải Tạng Luật).
Thag .	Theragāthā (Kệ Trưởng lão Tăng).
ThagA.	Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão tăng).
ThigA.	Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão ni).
Ud.	Udāna (Phật tự thuyết).
UdA.	Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin.	Vinaya (Luật Tạng).
Vv.	Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA.	Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Lời nói đầu

- O-O-O-

*“Bạch Đấng Thiện Thệ, tôi là mẹ của Ngài.
Bạch Đấng Đại Hùng, Ngài là cha của tôi”.
Nhờ tôi, xác thân Ngài được lớn mạnh.
Nhờ Ngài, Pháp thân tôi được tăng trưởng.
Nhờ tôi, Ngài được uống giòng sữa làm dịu đi cơn khát trong chốc lát.
Nhờ Ngài, tôi được uống giòng sữa Giáo Pháp thanh tịnh vô cùng tận.
Bạch Đấng Đại Hiền Triết, trong việc dưỡng nuôi chăm sóc của tôi,
Ngài là người không mang nợ.
Bạch Đấng Lãnh Đạo thế gian, tôi xin đánh lễ dưới bàn chân đỏ như son,
Có hình bánh xe với ngàn cãm xe của Ngài”.*

Dòng sữa ngọt ngào của tôi đã giúp xác thân Ngài trưởng thành, tôi chăm sóc, nuôi dưỡng Ngài khi Ngài còn thơ ấu, nhưng trong việc này Ngài là người không mang nợ.

Tình mẫu tử ngập tràn thấm thiết, nhưng không hề bị trói buộc.

Tình mẫu tử thật tha thiết vô biên, nhưng không hề vướng lụy.

Có thể nói, khó tìm được những kệ ngôn súc tích, thấm đượm thâm tình như thế.

Bà Di mẫu Gotamī (Gô-Tá-Mi) đã nói lên những lời này, tạ từ Đức Thế Tôn lần cuối trước giờ viên tịch, để tiến vào nơi vĩnh hằng tuyệt đối.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

“Nay Di mẫu hướng về viên tịch, Như Lai còn biết nói gì hơn nữa”.

Không bi thương mà sao nghe lòng quặn thắt, không u buồn sao cảm thấy lạnh trong tim.

Cho phép Di mẫu viên tịch thì không đành lòng, nhưng biết làm sao chống lại định luật vô thường của pháp hữu vi, làm sao cưỡng lại định luật “rã tan” đang chi phối toàn bộ thế gian này?

Ngôn từ bỗng lắng đọng, ngôn ngữ chợt chìm sâu vào vùng yên nghỉ, Đức Thế Tôn chỉ còn biết cảm thán rằng: *“Như Lai còn biết nói gì hơn nữa”.*

Không gian như ngưng đọng, thời gian như ngừng trôi; triệu triệu tinh cầu dường như đứng lặng yên, núi chúa TuDi dường như mềm nhũn, sắp ngã nghiêng.

Ngài Ananda (A-Năn-Đá) tuổi gần bảy mươi, không dẫn được cảm xúc, giữa hội chúng đông người, khóc than như đứa trẻ thơ khóc mẹ sắp lìa trần.

Trên gương mặt già nua đầm đìa lệ nóng, những giọt lệ cứ tuôn trào ra khóe mắt, lăn dài trên đôi má dày dặn phong sương.

“Di mẫu Gotamī viên tịch, rồi đây Đức Thế Tôn cũng sẽ ra đi”.

Di mẫu Gotamī, một cuộc đời gắn liền với Đức hạnh là vật trang điểm và đức nhẫn nại với những điều khó nhẫn nại.

Một lão bà tuổi gần 90, từ thuở nhỏ cho buổi xế niên, luôn sống trong điện ngọc cung son, đôi bàn chân mềm thường gắn liền với hài nhung êm ấm, thường dạo bước trên thảm gấm thêu hoa.

Thế mà, không kiệu không xe, với đôi chân trần vượt quãng đường dài 800 km, thân già chẳng quản chi gió rừng rét lạnh, chẳng quản chi sương đọng lúc đêm về, chẳng màng đến muôn trùng hiểm nguy đang chực chờ trong rừng sâu thẳm, hối hả ra đi, quyết sống đời sống ly gia, để tìm về suối nguồn giải thoát.

Ôi! Cảm phục thay, một ý chí dũng mãnh. Ôi! Cảm phục thay, một nghị lực kiên cường. Không ngôn từ nào có thể miêu tả trọn vẹn ý chí “bất động” như bảo thạch không tỳ vết của những nữ nhân giòng ThíchCa này.

Trong tập sách này, chúng tôi ghi chép cuộc đời những Thánh nữ tài hoa như: Di mẫu Gotamī, các Thánh nữ dòng Sākya (ThíchCa).

Ghi chép lại cuộc đời của các Thánh nữ được Đức Thế Tôn ban địa vị *Tối thắng* của kinh thành Sāvatti (XáVệ), những mảnh đời như những khúc bi hùng ca réo rắc đau thương hòa lẫn vào những điệp khúc khái hoàn: Thánh nữ Uppalavaṇṇā (Úp-Pá-Lá-Quần-Na), Thánh nữ Paṭācārā (Pá-Ta-Cha-Ra), Thánh nữ Kisāgotamī (Kí-Sa-Gô-Tá-Mi)...

Mỗi cuộc đời là những tấm gương phản ánh hiện thực những muộn phiền không thể nói hết, những nỗi khổ triền miên dai dẳng của kiếp nhân sinh.

Một Sonā Bahuputtikā (Sô-Na nhiều con), tuy có nhiều con, nhưng bà trở thành bất hạnh, những đứa con khi đã được chia gia sản, đã quay mặt với bà, người mẹ thân yêu đã trở thành người mẹ vô dụng trong mắt bọn chúng, chúng chế giễu bà chẳng chút xót thương, chẳng còn chút hương tàn của tình mẫu tử.

Một Paṭācārā, những đau khổ lớn liên tục đè ập lên trái tim nhỏ bé, chỉ trong một ngày: chồng chết, hai con chết, mẹ, cha và em trai cũng chết.

Làm sao có thể kham nhẫn với những nỗi bất hạnh này? Nàng trở nên loạn tâm cuồng trí, trở thành *"người nữ lửa thế"*, lang thang trên đường phố.

Một Kisāgotamī, nguồn hạnh phúc duy nhất của nàng bỗng trở thành khói tán mây tan, lâu đài hạnh phúc chợt sụp đổ, phút chốc trở nên hoang tàn lạnh lẽo, nàng ôm xác con, điên cuồng chạy khắp nơi, cố tìm thuốc giúp con mình mau chóng hồi sinh.

Những khổ ải vô biên ấy, được linh đôn Pháp bảo của Đức Thế Tôn trị liệu, đưa những mảnh đời đau khổ về nơi Thánh vực, nơi an bình tuyệt đối; nơi đau khổ không tìm được nơi nương, nơi đau khổ phải chìm sâu vào vùng quên lãng, không có cơ hội quay về.

Ngoài ra, trong tập sách này còn mô tả cuộc nhiếp phục du sĩ Saccaka, một biện sĩ nổi tiếng đương thời, một biện sĩ mà sáu Tôn chủ ngoại giáo đương thời phải tránh đối mặt.

Với vài câu hỏi ẩn tàng trí tuệ thâm sâu của Bạc Chánh Giác, Đức Thế Tôn không phí sức nhiếp phục biện sĩ ngang ngạnh, tư cao, ngông cuồng này.

Chúng tôi xin vắn tắt vài hàng giới thiệu nội dung tập sách này cùng chư độc giả.

Tỳkhuu Chánh Minh cẩn bạch.

II- Những sự kiện quan trọng.

A- Đức vua Suddhodana (Tịnh Phạn) viên tịch.

B- Bà Di mẫu Gotamī (Kiều Đàm Ni) xuất gia.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh Đại hội xong, Ngài cùng 500 vị Tỳkhuu ALaHán dòng ThíchCa trở về kinh thành Kapilavatthu trú ngụ nơi Tự viện Nigrodha (Cây Bàng).

Nơi Tự viện Nigrodha, Đức Thế Tôn có thuyết lên bài kinh Kalahavivāda (*Tranh luận*) đến hai Vương tộc Sākya (ThíchCa) và Koliya (Kô-Lí-Dá).

Bà Mahāpajāpati Gotamī (Ma-Ha-Pá-Cha-Pá-Tí Gô-Tá-Mi) sau khi nghe kinh Kalahavivāda, khởi lên ý nghĩ: “Theo lời dạy của Đức Thế Tôn, thế gian luân tranh chấp với nhau, chỉ có Pháp và Luật được Đức Thế Tôn công bố, vượt ra mọi tranh luận, để đi đến giải thoát cuối cùng. Vậy ta hãy xuất gia, sống đời sống Phạm hạnh được Đức Thế Tôn tuyên thuyết”.

Nhưng bấy giờ Đức vua Suddhodana đang lâm trọng bệnh nên bà Gotamī chưa thể xin Đức Thế Tôn được xuất gia, sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.

Sau lễ hỏa táng di thể vua Suddhodana hoàn tất, Đức Thế Tôn và các vị Tỳkhuu trú ngụ nơi Tự viện Nigrodha.

Bà Mahāpajāpati Gotamī suy nghĩ: “Trước đây ta có ý được xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn. Nhưng khi ấy Đức vua Suddhodana (Tịnh Phạn) đang lâm trọng bệnh, đó là một chướng ngại cho sự xuất gia của ta. Nay Đức vua Suddhodana đã viên tịch, chướng ngại ấy đã không còn, vậy ta hãy xin Đức Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, sống đời Phạm hạnh trong Pháp và Luật được Đức Thế Tôn tuyên thuyết”.

Bà Mahāpajāpati Gotamī cùng với đoàn nữ hầu đi đến Tự viện Nigrodha, sau khi vào đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng vào một bên hạp lễ, bà Gotamī (Kiều Đàm Ni) bạch với Đức Thế Tôn rằng.

- Bạch Thế Tôn, thật tốt đẹp thay, người nữ được xuất gia, sống đời sống không nhà trong Pháp và Luật được Đức Thế Tôn tuyên thuyết.

- Nay bà Gotamī (Kiều Đàm Ni), thôi đi. Bà chớ nghĩ đến việc nữ nhân xuất gia, sống đời sống không nhà trong Pháp Luật được Như Lai tuyên thuyết.

Lần thứ hai, bà Gotamī (Kiều Đàm Ni) bạch với Đức Thế Tôn rằng.

- Bạch Thế Tôn, thật tốt đẹp thay, người nữ được xuất gia, sống đời sống không nhà trong Pháp và Luật được Đức Thế Tôn tuyên thuyết.

- Nay bà Gotamī (Kiều Đàm Ni), thôi đi. Bà chớ nghĩ đến việc nữ nhân xuất gia, sống đời sống không nhà trong Pháp Luật được Như Lai tuyên thuyết.

Lần thứ ba, bà Gotamī (Kiều Đàm Ni) bạch với Đức Thế Tôn rằng.

- Bạch Thế Tôn, thật tốt đẹp thay, người nữ được xuất gia, sống đời sống không nhà trong Pháp và Luật được Đức Thế Tôn tuyên thuyết.

- Nay bà Gotamī (Kiều Đàm Ni), thôi đi. Bà chớ nghĩ đến việc nữ nhân xuất gia, sống đời sống không nhà trong Pháp Luật được Như Lai tuyên thuyết.

Biết Đức Thế Tôn không đồng ý cho nữ nhân xuất gia trong Pháp, Luật của Ngài. Bà Gotamī sầu khổ, gương mặt ủ dột, cùng đoàn nữ hầu trở về nội cung.

Giải.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn từ chối ước nguyện “nữ nhân được xuất gia, sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo Pháp Đức Thế Tôn” của bà Gotamī?

Đáp. Đức Thế Tôn thấy rằng: “nữ nhân có khuynh hướng ngã mạn cao”, nên Ngài quyết định “người nữ xuất gia trong Giáo pháp này không phải dễ dàng, cần phải có sự kiên trì cùng với nỗ lực. Việc nữ nhân thành tựu phẩm mạo Tỳkhuu ni không phải dễ

dàng, từ đó những nữ nhân này sẽ gìn giữ phẩm mạo Tỳkhuu ni như gìn giữ một bảo vật, sẽ nỗ lực kiện toàn Giới hạnh đã thọ trì, đồng thời buông bỏ sự “tự cao” vốn tiềm ẩn trong tâm”.

Do vậy, Đức Thế Tôn từ chối ba lần lời thỉnh cầu của bà Gotamī.

Lại nữa, Đức Thế Tôn thấy rằng: “Với sự khôn khéo của mình, Ngài Ānanda (A-Năn-Đá) sẽ tạo điều kiện để Đấng Như Lai chấp thuận cho “nữ nhân được xuất gia”. Và như thế, các Tỳkhuu ni suy nghĩ: “Phẩm mạo Tỳkhuu ni có được do nương nhờ vào Tỳkhuu”, từ đó các Tỳkhuu ni có sự kính trọng các Tỳkhuu.

Sau lễ hỏa táng di hài của vua Suddhodana, Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu du hành trở lại kinh thành Vesālī (VệXá), trú trong Đại Lâm (Mahāvana) nơi Kūṭāgārasālā (*Giảng đường nóng nóng*) an cư mùa mưa lần thứ năm.

Sau khi vua Suddhodana mệnh chung, ý muốn được xuất gia trong Giáo pháp của bà Gotamī tăng trưởng mãnh liệt, nhưng bà e ngại vì Đức Thế Tôn đã ba lần từ chối “người nữ được xuất gia trong Giáo pháp này”.

Nói về 500 nữ nhân dòng ThíchCa là vợ của 500 Vương tử đã xuất gia theo hầu Đức Thế Tôn. Các nàng gửi thông điệp đến 500 vị Tỳkhuu (là chồng của các nàng trước đây) rằng: “Vương tử hãy trở về đời sống tại gia để hưởng thụ dục lạc”, các vị Tỳkhuu gửi thư đáp rằng: “Hiện tại chúng tôi không muốn trở về sống đời sống tại gia chật hẹp nữa, các người hãy tự do làm theo ý thích của mình”.

Năm trăm vương phi suy nghĩ: “Các Vương tử không trở về đời sống tại gia, chúng ta tái hôn với người khác là điều không xứng đáng với chúng ta. Vậy chúng ta sẽ sống đời sống Phạm hạnh như các Vương tử dòng Thích Ca này”.

Năm trăm Vương phi dòng ThíchCa đi đến bà Gotamī trình bày ý nguyện của mình:

- Thừa Di mẫu Gotamī (Gô-Tá-Mi), chúng tôi muốn được xuất gia trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn.

- Đây các nàng, ta đã ba lần xin Đức Thế Tôn cho “nữ nhân được xuất gia, sống đời sống Phạm hạnh trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn tuyên thuyết”, nhưng Đức Thế Tôn đã ba lần từ chối rồi.

Một ý kiến trình lên bà Di mẫu Gotamī rằng:

- Thừa Di mẫu Gotamī, chúng ta hãy nhờ người cạo tóc, khoác lên mình y phục màu casa, với đôi chân trần đi đến nơi ngự của Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn cho “nữ nhân được xuất gia, sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn”.

Và bà Mahāpajāpati Gotamī cùng 500 nữ nhân dòng ThíchCa, nhờ người cạo tóc, khoác lên mình y phục màu casa, đi chân trần đến Đại Lâm trong kinh thành Vesālī (VệXá).

Những Vương tử Hoàng tộc ThíchCa và Koliya (Kô-Lí-Dá) được tin “Di mẫu Gotamī cùng 500 vương phi cạo bỏ tóc, đắp lên mình y phục màu casa, đi chân trần đến Đại Lâm trong kinh hành Vesālī, xin Đức Thế Tôn được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn”.

Các Vương tử hai bộ tộc Thích Ca và Koliya hội nhau lại, nói rằng:

- Không thể để Di mẫu Gotamī và các Vương phi đi chân trần đến Đại Lâm với khoảng đường dài 50 do tuần (= 800 km) được, vì thân thể của những người này mảnh dẻ và quen sống trong nhung lụa cao sang rồi. Những nữ nhân này khó kham nhẫn với con đường dài như thế”.

Các Vương tử hai bộ tộc ThíchCa và Koliya sắp xếp năm trăm đôi dép cho đoàn nữ nhân, nhưng các nữ nhân từ chối rằng:

- Chúng ta có ý nguyện được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn được tuyên thuyết. Nếu chúng ta mang dép đến Đại Lâm xin Đức Thế Tôn được xuất gia, như thế không nói lên được thành ý của chúng ta đồng thời tỏ ra bất kính với Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn từ kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ) đến Đại Lâm bằng đôi chân trần, vì sao chúng ta lại mang dép từ Kapilavatthu đến Đại Lâm?”.

Nên năm trăm nữ nhân từ chối mang dép, chỉ đi chân trần đến yết kiến Đức Thế Tôn. Các Vương tử hai bộ tộc sắp xếp vật thực ở những điểm thích hợp, hộ độ đoàn nữ nhân có Di mẫu Gotamī là trưởng, đồng thời cho san lấp bằng phẳng, lót cát êm mịn lên trên con đường dài từ Kapilavatthu đến Mahāvana (Đại Lâm), để đoàn nữ nhân dòng Hoàng tộc ThíchCa đi đứng dễ dàng và đôi chân trần không bị đau đớn nhiều. Tất cả người theo bảo vệ an toàn cho đoàn nữ nhân suốt lộ trình từ kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ) đến thành Vesāli (VệXá).

Đoàn nữ nhân nỗ lực đi nhanh đi đến Đại Lâm, rồi đến “*Giảng đường nóc nhọn* (Kūṭarāgasālā)” sau khi vượt qua 50 dotuần với đôi chân mảnh dẻ, đôi chân của họ đã sưng vù lên, trên đôi chân nổi lên những mụn nước, phồng lên như bong bóng nước hoặc đã vỡ ra, nhìn đôi chân những nữ nhân giống như được phủ bên trên những hạt đậu ván còn bóng hay những hạt đậu bị bể vụn ra.

Đến cổng ra vào “*Giảng đường nóc nhọn*”, bà Gotamī (KiềuĐàm) cùng 500 nữ nhân chưa dám đi vào đánh lễ Đức Thế Tôn; bà Gotamī cùng 500 nữ nhân đứng khóc bên ngoài cổng “*Giảng đường nóc nhọn*”, trên má những dòng nước mắt chảy dài, thân thể phủ đầy bụi bẩn.

Hỏi. Vì sao bà Gotamī không đi vào “*Giảng đường nóc nhọn*” đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi xin xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật được Đức Thế Tôn công bố. Bà lại đứng khóc bên ngoài cổng ra vào “*Giảng đường nóc nhọn*”?

Đáp. Bà Gotamī suy nghĩ: “Chúng ta đã tự mặc y phục của bậc xuất gia, chưa được Đức Thế Tôn cho phép; việc chúng ta tự đắp y để được xuất gia đã lan truyền khắp quốc độ dòng ThíchCa. Sẽ tốt đẹp nếu Đức Thế Tôn chấp nhận cho chúng ta được xuất gia trở thành những Tỳkhuu ni, nhưng nếu Đức Thế Tôn từ chối thì chúng ta sẽ vô cùng hổ thẹn; chúng ta hãy nhờ những Tỳkhuu dòng ThíchCa xin hộ chúng ta, nếu bị Đức Thế Tôn từ chối thì chúng ta cũng không hổ thẹn nhiều”.

Do vậy, bà Gotamī cùng 500 nữ nhân không dám vào đánh lễ Đức Thế Tôn, đứng ngoài cổng “*Giảng đường nóc nhọn*” mà khóc.

Ngài Ānanda (A-Năn-Đá) nhìn thấy bà Gotamī đang đứng khóc ngoài cổng “*Giảng đường nóc nhọn*”, với hai bàn chân sưng vù, thân mình phủ đầy bụi bặm. Ngài Ānanda đi đến hỏi bà Gotamī rằng:

- Này Di mẫu Gotamī, vì sao bà quá đau khổ như vậy? Những người thân trong dòng Sākaya (ThíchCa) hay dòng Koliya (Kô-Lí-Dá) gặp phải bị kịch chi chẳng? Vì sao bà xuất hiện với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, đứng khóc ở bên ngoài cổng “*Giảng đường nóc nhọn*” vậy?

- Thưa Ngài Ānanda, chúng tôi khóc vì không được Đức Thế Tôn cho phép được lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình trong Pháp và Luật được Đức Thế Tôn tuyên thuyết.

Ngài Ānanda xoa dịu sự đau khổ của bà Gotamī rằng:

- Này Di mẫu Gotamī, nếu vì việc ấy, bà hãy đứng nơi đây, tôi sẽ vào cầu xin Đức Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia trong Giáo pháp này.

Ngài Ānanda đi vào đánh lễ Đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī (Má-Ha-Pá-Cha-Pá-Tí Gô-Tá-Mi) này với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc ở bên ngoài cổng ra vào (nghĩ rằng): “*Đức Thế Tôn không cho phép người nữ rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố.*”

Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia, rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, thôi đi! Người chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố nữa.

Lần thứ nhì, Đại đức Ānanda đã nói với Đức Thế Tôn điều này:

- Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia, rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, thôi đi! Người chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố nữa.

Lần thứ ba, Đại đức Ānanda đã nói với Đức Thế Tôn điều này:

- Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia, rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, thôi đi! Người chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố nữa.

Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): "*Đức Thế Tôn không cho phép người nữ rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố; có lẽ ta nên cầu xin Đức Thế Tôn việc người nữ rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố bằng một phương thức khác?*"

Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với Đức Thế Tôn điều này:

- Bạch Ngài, sau khi rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố, người nữ có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, hoặc quả vị Nhất Lai, hoặc quả vị Bất Lai, hoặc quả vị ALaHán hay không?

- Nay Ānanda, sau khi rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố, nữ nhân có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị ALaHán.

- Bạch Ngài, nếu sau khi rời nhà xuất gia, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố, người nữ có khả năng chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả quả vị ALaHán.

Bạch Thế Tôn, bà Mahāpajāpati Gotamī có nhiều công đức đối với Đức Thế Tôn, là dì ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời.

Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia, rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố.

1- Tám Trọng pháp của Tỳkhuu ni.

- Nay Ānanda, nếu bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp (garudhammā), hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà:

1- Tỳkhuu ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến vị Tỳkhuu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

2- Tỳkhuu ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có Tỳkhuu.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

3- Tỳkhuu ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng Tỳkhuu là việc hỏi ngày lễ *Uposatha* (Bố tát) và việc đi đến (để nghe) giáo giới.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

(Là hỏi các vị Tỳkhuu ngày thực hành lễ Bố tát, và đi đến nơi làm lễ Bố tát của chư Tỳkhuu, thực hành lễ Bố tát, nghe tụng Giới Bốn Tỳkhuu).

4- Tỳkhuu ni đã trải qua “an cư mùa mưa” nên yêu cầu⁽¹⁾ ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

(Là khi vừa mãn mùa an cư, các Tỳkhuu ni làm lễ Tỳ tứ (Pavāraṇā) bên Tỳkhuu ni xong rồi, phải sang Tỳkhuu làm lễ Tỳ tứ chung với Tỳkhuu lần nữa).

5- Tỳkhuu ni vi phạm tội nghiêm trọng⁽²⁾ nên thực hành hành phạt *mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

6- Cô ni tu tập sự (sikkhamānā) đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

(Sadi ni muốn tu lên Tỳkhuu ni, ngoài “Sadi giới đã thọ trì”, phải thọ trì 6 giới là: “Không sát sinh, không lấy của không cho, không phi phạm hạnh (abrahmacariyā), không nói dối, không uống rượu nấu, men say và không dùng vật thực phi thời”, gọi là Học nữ giới (Sikkhāmānāsīla) trọn hai năm không gián đoạn. Nếu vi phạm vào một điều học, phải thọ giới trở lại và thực hành từ đầu; như thế nào? Ví dụ. Học nữ gìn giữ 6 giới trên được 18 tháng, vi phạm vào *giới nói dối* chẳng hạn, phải sám hối tội nói dối, rồi thọ lại Học nữ giới và thực hành lại từ đầu; 18 tháng trước xem như bỏ).

7- Tỳkhuu ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi nói xấu Tỳkhuu.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

8- Kể từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳkhuu ni đến các Tỳkhuu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳkhuu đến các Tỳkhuu ni không bị ngăn cấm.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

(Là Tỳkhuu được dạy bảo Tỳkhuu ni, Tỳkhuu ni không được dạy bảo Tỳkhuu).

Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

Đại đức Ānanda đã học tám Trọng Pháp từ Đức Thế Tôn, rồi đi đến gặp bà Mahāpajāpati Gotamī, sau khi đến đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám Trọng Pháp thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà:

1- Tỳkhuu ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến vị Tỳkhuu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

2- Tỳkhuu ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có Tỳkhuu.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

3- Tỳkhuu ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng Tỳkhuu là việc hỏi ngày lễ *Uposatha* (Bố tát) và việc đi đến (để nghe) giáo giới.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

(1)- Là việc tiến hành lễ *Pavāraṇā* (Tỳ Tứ) sau khi an cư mùa mưa (Chú thích của người dịch).

(2)- Là phạm giới Tăng tàng (Saṅghadisesa).

4- Tỳkhuu ni đã trải qua mùa (an cư) mưa nên yêu cầu⁽¹⁾ ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

5- Tỳkhuu ni vi phạm tội nghiêm trọng⁽²⁾ nên thực hành hành phạt *mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

6- Cô ni tu tập sự (sikkhamānā) đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

7- Tỳkhuu ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi nói xấu Tỳkhuu.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

8- Kể từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳkhuu ni đến các Tỳkhuu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳkhuu đến các Tỳkhuu ni không bị ngăn cấm.

Đây là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám Trọng Pháp này thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà.

- Thừa Đại đức Ānanda, cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại nên thọ lãnh bằng hai tay rồi đặt lên ở đỉnh đầu.

Thừa Đại đức Ānanda, tương tự như vậy, tôi thọ nhận tám Trọng Pháp này cho đến trọn đời không vi phạm.

Rồi Đại đức Ānanda đi đến gặp Đức Thế Tôn, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, bà Mahāpajāpati Gotamī đã thọ nhận tám Trọng Pháp. Người dì của Đức Thế Tôn đã được tu lên bậc trên.

- Này Ānanda, nếu nữ nhân không đạt được sự xuất gia, rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài. Thánh Pháp (saddhamma) có thể tồn tại một ngàn năm. Này Ānanda, bởi vì nữ nhân đã xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được Đức Như Lai công bố, này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda, giờ đây Thánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.

Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập; này Ānanda, tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào nữ nhân đạt được sự xuất gia, rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như trong thửa ruộng lúa đang phát triển, có loại bệnh gọi là mốc trắng xuất hiện, như thế ruộng lúa ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào nữ nhân đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như trong ruộng mía đường đang phát triển, có loại bệnh gọi là rệp cây xuất hiện, như thế ruộng mía ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào nữ nhân đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

(1)- Là việc tiến hành lễ *Pavāraṇā* (Tự Tứ) sau khi an cư mùa mưa (Chú thích của người dịch).

(2)- Là phạm giới Tăng tàng (Saṅghadisesa).

Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông chính vì phòng xa nên củng cố bờ đê của cái hồ lớn để không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, tương tự như thế, tám Trọng Pháp do ta chính vì phòng xa đã quy định cho các Tỳkhuu ni cho đến trọn đời không được vi phạm⁽¹⁾.

Thế là Ni chúng được hình thành.

Sau khi xuất gia bà Gotamī cùng năm trăm Tỳkhuu ni dòng ThíchCa an cư mùa mưa lần đầu tiên gần kinh thành Vesālī (VệXá) (các Tỳkhuu ni này an cư mùa mưa vào thời kỳ sau, tức là an cư mùa mưa vào ngày 16-7 ãl và mãn mùa an cư vào ngày 15 -10 ãl, tính theo lịch VN).

Giải.

Theo Bản Sớ giải Tạng Luật (Samantapasādikā), ý nghĩa “*Thánh Pháp (Sadhammā) tồn tại một ngàn năm*” là:

- Một ngàn năm đầu còn Thánh quả ALaHán với Tuệ phân tích.
- Một ngàn năm kế chỉ còn là Thánh quả ALaHán Nhất minh.
- Một ngàn năm kế, chỉ còn Thánh quả ANaHàm.
- Một ngàn năm kế chỉ còn Thánh quả Nhất Lai.
- Một ngàn năm kế chỉ còn Thánh quả Dự Lưu.

Như vậy Pháp Thành được tồn tại năm ngàn năm⁽²⁾.

Nếu không có “*tám trọng pháp*” được Đức Thế Tôn thiết lập cho các Tỳkhuu ni thì Pháp Thành chỉ tồn tại 2500 năm.

Ở đây, Pháp Thành là chỉ cho các Thánh quả như: Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai và ALaHán.

Theo Bản Sớ giải kinh Trường bộ (Dīghanikāya-atthakathā) có khác chút ít là:

- Ngàn năm đầu còn Thánh quả ALaHán với Tuệ phân tích (Paṭisambhidā).
- Ngàn năm thứ hai còn Thánh quả ALaHán với Lục thông (Chalābhiññā).
- Ngàn năm thứ ba còn Thánh quả ALaHán với Tam minh (Tevijjā).
- Ngàn năm thứ tư còn ALaHán Lạc quán (Sukhavipassanā).
- Ngàn năm thứ năm chỉ còn Giới Baladễmộcxoa (Paṭimokkhasīla), tức là Tỳkhuu

giới.

Theo Bản Sớ giải kinh Tăng chi (Aṅguttaranikāya-atthakathā), lại có khác chút ít là.

- Ngàn năm đầu còn Thánh quả ALaHán với Tuệ phân tích (Paṭisambhidā).
- Ngàn năm thứ hai còn Thánh quả ALaHán với Lục thông (Chalābhiññā).
- Ngàn năm thứ ba còn Thánh quả ALaHán với Tam minh (Tevijjā).
- Ngàn năm thứ tư còn ALaHán Lạc quán (Sukhavipassanā).
- Ngàn năm thứ năm chỉ còn những Thánh quả thấp là: Dự Lưu, Nhất Lai và Bất

Lai⁽³⁾.

2- Linh tinh.

a- Nghi thức cho nữ nhân xuất gia.

Bà Mahāpajāpati Gotamī (Má-Ha-Pá-Cha-Pá-Tí Gô-Tá-Mi) đi đến Đức Thế Tôn, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi đứng sang một bên, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, con thực hành như thế nào đối với những người nữ dòng ThíchCa (Sākya) này?

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, thức tỉnh khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī.

Nghe xong pháp thoại, bà Mahāpajāpati Gotamī hoan hỷ, đánh lễ Đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh Đức Thế Tôn, rồi ra đi.

(1)- ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu Phẩm II. Tám Trọng pháp của Tỳkhuu ni; xem A.iv. 274.

(2)- Xem chú thích. ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu Phẩm II. Chương Tiểu sự. Tám trọng pháp của Tỳkhuu ni.

(3)- Xem Đại Trưởng lão Mahā ThôngKham (biên soạn). Lịch sử Đức Phật CồĐàm. Độ Đức Tịnh Phạn vương đắc ALaHán quả.

Đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy, thuyết Pháp thoại rồi dạy các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, ta cho phép các Tỳkhuu ni được tu lên bậc trên (*upasampadāsīla: Cự túc giới*) với các Tỳkhuu.

Và các vị Tỳkhuu giúp 500 Thích nữ xuất gia Tỳkhuu ni có bà Mahāpajāpati Gotamī là thầy Tế độ (*upajjhāya*).

Những Tỳkhuu ni này được gọi là “ekata upasampanṇa” vì không có đủ số lượng Tỳkhuu ni tham dự trong lễ thọ Đại giới.

Về sau, có các Tỳkhuu ni đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī rằng:

- Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì Đức Thế Tôn đã quy định như thế này: “*Các Tỳkhuu ni được tu lên bậc trên với các Tỳkhuu*”.

(Theo Bản Sớ giải kinh Pháp cú, các Tỳkhuu ni này không chịu làm lễ Uposatha (Bố tát) và lễ Tự tứ (*Pavāraṇā*) với bà Mahāpajāpati Gotamī)⁽¹⁾.

Bà Mahāpajāpati Gotamī đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng ở một bên, bạch rằng:

- Thưa Đại đức Ānanda, các Tỳkhuu ni này đã nói với tôi như vậy: “*Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì Đức Thế Tôn đã quy định như thế này: “Các Tỳkhuu ni được tu lên bậc trên với các Tỳkhuu”*”.

Đại đức Ānanda đi đến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói như vậy: “*Thưa Đại đức Ānanda, các Tỳkhuu ni này đã nói với tôi như vậy: ‘Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì Đức Thế Tôn đã quy định như thế này: “Các Tỳkhuu ni được tu lên bậc trên với các Tỳkhuu”*”.

- Nay Ānanda, kể từ lúc bà Mahāpajāpati Gotamī thọ nhận tám Trọng Pháp, chính việc ấy là đã được tu lên bậc trên đối với bà⁽²⁾.

Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

Yassa kāyena vācāya, manasā natthi dukkaṭaṃ.

Samvutaṃ tīhi ṭhānehi, tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.

“*Với người thân, ngữ, ý; không làm các ác hạnh.*”

Ba nghiệp được phòng hộ; Ta gọi Bàlamôn” (HT.TMC d)⁽³⁾.

Về sau, vị Tỳkhuu hỏi các Học nữ (*Sikkhāmānā*) muốn tu lên bậc trên về những chướng ngại của nữ nhân, các Học nữ bối rối, mắc cỡ, không trả lời được.

Đức Thế Tôn cho phép các Tỳkhuu ni hỏi những chướng ngại của nữ nhân, rồi cho các Học nữ (*Sikkhāmānā*) tu lên bậc trên; sau đó đến hội chúng Tỳkhuu tu lên bậc trên, không phải hỏi những chướng ngại nữa⁽⁴⁾.

Lại nữa, có cô kỹ nữ tên Addhakāsī (*Át-Thá-Ka-Si*)⁽⁵⁾, đã xuất gia tu lên bậc trên nơi các Tỳkhuu ni, cô có ý định đến kinh thành Sāvatti (*XáVệ*): “*Ta sẽ tu lên bậc trên với Đức Thế Tôn*”.

Những kẻ bất lương nghe tin này, đã bao vây các ngõ đường; nghe tin những kẻ bất lương bao vây các ngõ đường, nàng kỹ nữ Addhakāsī cử sứ giả đến gặp Đức Thế Tôn (thưa rằng): “*Bởi vì con có ước muốn tu lên bậc trên, con nên tiến hành như thế nào?*”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các Tỳkhuu rằng:

(1)- DhpA. Câu số 391.

(2)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu Phẩm II. Chương Tiểu sự.

(3)- Dhp. Câu 391.

(4)- Xem ĐĐ Indacan (d). Luật Tiểu Phẩm II. Chương Tiểu sự, số 574.

(5)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 11). Trưởng lão ni Addhakāsī.

- Nay các Tỳkhuu, ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện. (Do tình tiết phát sinh, nên người đại diện phải là Tỳkhuu ni) (sđd, số 595). Và như vậy, về sau, Học nữ xuất gia Tỳkhuu ni ở lưỡng phái Tăng.

b- Lờn thỉnh cầu của bà Gotamī không được chấp thuận.

Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp Đại đức Ānanda (A-Năn-Đá), đánh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên, bạch rằng:

- Thưa Đại đức Ānanda, con cầu xin Đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay Đức Thế Tôn có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp là tính theo thâm niên (yathāvuddham) đối với các Tỳkhuu và các Tỳkhuu ni.

Đại đức Ānanda đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói như vậy: "*Thưa Đại đức Ānanda, con cầu xin Đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay Đức Thế Tôn có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các Tỳkhuu và các Tỳkhuu ni*".

- Nay Ānanda, việc Đức Như Lai có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân là điều không có cơ sở và không hợp lý. Nay Ānanda, bởi vì các ngoại đạo có kỷ luật không nghiêm khắc còn không thực hành sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân. Vậy điều gì khiến Như Lai lại cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân?

Sau đó, Đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi dạy các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

c- Tỳkhuu ni thọ trì giới.

Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đi đến gặp Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, có những điều học của các Tỳkhuu ni tương đương với các Tỳkhuu, bạch Thế Tôn, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?

- Nay Gotamī, có những điều học của các Tỳkhuu ni tương đương với các Tỳkhuu, các Tỳkhuu học tập thế nào các người hãy học tập những điều học ấy như thế.

- Bạch Thế Tôn, có những điều học của các Tỳkhuu ni không tương đương với các Tỳkhuu. Bạch Thế Tôn, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?

- Nay Gotamī, có những điều học của các Tỳkhuu ni không tương đương với các Tỳkhuu, các người hãy học tập những điều học ấy như đã được quy định.

d- Tám pháp đặc trưng là Pháp và Luật của Đức Thế Tôn.

Có lần, Bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi đứng một bên, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, lành thay xin Đức Thế Tôn hãy thuyết giảng Pháp một cách vắn tắt để con sau khi nghe Pháp của Đức Thế Tôn có thể sống một mình, cách ly, không biếng nhác, tinh tấn, có sự quyết tâm.

- Nay Gotamī, bà nên biết rằng các Pháp nào (có đặc tính như vậy):

*Các pháp này đưa đến tham ái, không đưa đến ly tham ái.

*Đưa đến ràng buộc, không đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc.

*Đưa đến tích lũy, không đưa đến không tích lũy.

*Đưa đến ham muốn nhiều, không đưa đến ham muốn ít.

*Đưa đến sự bực bội, không đưa đến hoan hỷ.

*Đưa đến sự tụ hội, không đưa đến sự đơn độc.

*Đưa đến sự biếng nhác mà không đưa đến sự tinh tấn.

*Đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng.

Này Gotamī, bà nên xác định dứt khoát rằng: “Điều này không phải là Pháp, điều này không phải là Luật, điều này không phải là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư.”

Này Gotamī, bà nên biết rằng các Pháp nào (có đặc tính như vậy):

*Các pháp này đưa đến *ly tham ái* mà không đưa đến tham ái.

*Đưa đến sự *thoát khỏi ràng buộc* mà không đưa đến sự ràng buộc.

*Đưa đến sự *không tích lũy* mà không đưa đến sự tích lũy.

*Đưa đến sự *ít ham muốn* mà không đưa đến sự ham muốn nhiều.

*Đưa đến sự *hoan hỷ* mà không đưa đến sự bực bội.

*Đưa đến sự *đơn độc* mà không đưa đến sự tụ hội.

*Đưa đến *tinh tấn*, không đưa đến biếng nhác.

*Đưa đến *dễ nuôi dưỡng*, không đưa đến khó nuôi dưỡng.

Này Gotamī, bà nên xác định dứt khoát rằng: “Điều này là Pháp, điều này là Luật, điều này là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư”⁽¹⁾.

Bà Mahāpajāpati Gotamī hoan hỷ đánh lễ Đức Thế Tôn, vai phải hướng về Đức Thế Tôn, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi ra đi⁽²⁾.

Bà Mahāpajāpati Gotamī tìm nơi thanh vắng tinh cần hành pháp, chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả ALaHán với Tuệ phân tích ngay trong lần an cư mùa mưa đầu tiên⁽³⁾ (tức vào hạ thứ năm của Đức Thế Tôn).

Năm trăm Tỳkhuu ni dòng ThíchCa nói trên, về sau theo Đức Thế Tôn đến kinh thành Sāvatti (XáVệ), trú ngụ nơi Ni viện của vua Pasenadi (Pa-Tư-Nặc) xây dựng, cúng dường đến các Tỳkhuu ni.

Năm trăm Tỳkhuu ni dòng Thích Ca này, nghe bài pháp của Ngài Nandaka⁽⁴⁾, tất cả đều chứng đạt Thánh quả từ thấp đến cao, sau đó 500 Tỳkhuu ni này đều chứng đạt ALaHán Lục Thông⁽⁵⁾.

3- Bà Mahāpajāpati Gotamī.

a- Tiền hạnh

Cách Hiền kiếp (Bhaddākappa) này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất. Vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân bà Mahāpajāpati Gotamī là một nữ nhân danh giá, con gái một đại gia tộc trưởng giả, trong thành Hamsavatī (Hãng-Sá-Quá-Ti).

Vào một dịp, nữ nhân danh giá này chứng kiến một Tỳkhuu ni được Đức Thế Tôn ban cho địa vị: “Tối thắng về hạnh *lâu ngày (rattaññanam)* trong hàng đệ tử Tỳkhuu ni”.

Nữ nhân này muốn thành tựu địa vị ấy trong thời Đức Chánh Giác tương lai, nên cúng dường trọng hậu đến Đức Thế Tôn Padumuttara (Pá-Đú-Mút-Tá-Rá) cùng 68 ngàn vị Tỳkhuu lên tục 7 ngày.

Vào ngày thứ 7 sau khi Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu thọ thực xong rồi, nữ gia chủ này đi đến quỳ trước Đức Thế Tôn Padumuttara, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn, với phước lành con đã thực hiện trọn bảy ngày qua, xin cho đạt được địa vị “*tối hắng về hạnh lâu ngày nhất*” trong hàng đệ tử Tỳkhuu ni của Đức Chánh Giác tương lai”.

Đức Thế Tôn Padumuttara đưa Phật trí quán xét, rồi Ngài tiên tri rằng: “Sau trăm ngàn kiếp trái đất kể từ hiện kiếp này, ước nguyện nữ gia chủ này sẽ trở thành hiện thực trong thời Đức Chánh Giác có Hồng danh là Gotama (Gô-Tá-Má)”.

(1)- Xem Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu Phẩm II. Chương Tiểu sự.

(2)- A.iv. 280. Samkhitasuttam (kinh Samkhita).

(3)- ThigA. Kệ ngôn Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī.

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 11).

(5)- ThigA. Kệ ngôn Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī.

Trải qua 100 ngàn kiếp trái đất, hậu thân nữ gia chủ ấy chỉ luân lưu trong hai cảnh giới “*người và chư thiên*”.

b- Là trưởng nhóm nữ tỳ 500 người.

Vào kiếp trái đất này, hậu thân nữ nhân ấy tái sinh làm người, thuộc dòng nô lệ. Nàng là vợ thôn trưởng của một làng nô lệ có 500 gia đình, sống bên ngoài kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại), nàng là trưởng của 500 nữ nhân thuộc dòng nô lệ ở trong làng ấy.

Bấy giờ, sắp đến mùa mưa, có năm trăm vị Phật Độc giác từ *khối đá lớn* Nandamūla (Nandamūlapabbata) trong núi Gandhamādana (Hương Sơn) đi xuống vùng Isipatana (Í-Sí-Pá-Tá-Ná) nơi Migadāvana (rừng dành cho Nai) gần thành Bārāṇasī, tìm chỗ an cư ba tháng mùa mưa⁽¹⁾.

Sau khi đi khát thực trong thành Bārāṇasī trở về, các vị bàn luận cùng nhau rằng: “Chúng ta nên vào thành tìm người hỗ trợ chúng ta, kiến tạo nơi cư ngụ có mái che để chúng ta an cư ba tháng mùa mưa”.

Theo Luật, vị Tỳkhuu khi nguyện an cư ba tháng mùa mưa, phải trú ngụ nơi có mái che, như hang động, chòi lá có mái che ... không được sống ngoài trời. Mái che có thể bằng gỗ, bằng gạch hay bằng lá

Ngay cả vị thực hành hạnh ĐầuĐà (Dhutaṅga) sống ngoài trời, hay sống nơi cội cây; trong bốn tháng mùa mưa phải trú nơi có mái che.

Luật này không có ngoại lệ, cho dù vị ấy tu tập khắc khổ như Ngài Nālaka tu tập “*con đường của bậc ẩn sĩ (Moneyyapatipadā)*”⁽²⁾.

Chỉ đến Đức Chánh Giác, khi an cư mùa mưa cũng phải trú ngụ nơi có mái che, như Đức Chánh Giác Kassapa (CaDiếp), khi chuẩn bị vào mùa an cư, mái liêu thất của Đức Thế Tôn bị dột, Đức Thế Tôn CaDiếp dạy các Tỳkhuu đến nhà người thợ gốm Ghaṭṭikārā, dỡ mái nhà người thợ gốm mang về lợp mái cho Ngài⁽³⁾

Nếu nơi dự kiến sẽ an cư mùa mưa nơi chỗ ngụ không có mái che, các Ngài phải tìm người hộ độ, xây dựng nơi trú ngụ có mái che. Chỗ ngụ có mái che này là nơi cư ngụ suốt ba tháng mùa mưa của các Ngài, sau khi đã nguyện “Ta (hay chúng ta) sẽ ngụ nơi đây suốt ba tháng mùa mưa”.

Năm trăm vị Phật Độc giác cần có chỗ ngụ để an cư ba tháng mùa mưa, nên cần người hỗ trợ “trú xứ có mái che”.

Vào buổi sáng, sau khi vận mặc y phục tề chỉnh, tay cầm lấy y bát, các Ngài đi vào thành Bārāṇasī (BaLaNại) đến đứng trước nhà một gia chủ đại Trưởng giả danh tiếng. Vị Trưởng giả nhìn thấy các vị Samôn đang đứng trước cửa, liền ra đến cửa chào hỏi thân hữu, rồi hỏi rằng:

- Thưa các Ngài, các Ngài cần điều gì?

Vị Độc Giác Phật Trưởng nhóm nói rằng:

- Nay gia chủ, chúng tôi sẽ an cư mùa mưa gần thành Bārāṇasī (BaLaNại) này, gia chủ hãy hỗ trợ chúng tôi một trú xứ có mái che; chúng tôi sẽ an cư trọn ba tháng mùa mưa ở nơi ấy.

- Thưa các Ngài, hiện tại chúng tôi đang chuẩn bị cho lễ hội được tổ chức nơi thành Bārāṇasī này, nên không có thời gian trống để giúp các Ngài được, Xin các Ngài đi nơi khác tìm người giúp đỡ.

(1)- Theo Tập Sớ giải “Kệ ngôn Trưởng lão ni” (Therīgāthā-Atthakathā) chỉ có năm vị Phật Độc Giác. Theo tập Manorathapūranī thì số lượng là 500 vị Phật Độc Giác (xem MP.i. 3438-340). Chúng tôi ghi chép theo tập MP, vì có tính tuyệt phục hơn. Với số lượng 500 vị, làm 500 am thất cho các Ngài có nơi an trú mùa mưa, đối với vị Trưởng giả danh tiếng đang bận rộn với lễ hội, thì quả thật khó chu toàn, Riêng đối với làng nô lệ có 500 gia đình, mỗi gia đình kiến tạo một am thất cho một vị thì không khó khăn lắm.

Lại nữa, nếu chỉ có 5 vị Samôn, có lẽ vị Trưởng giả có danh tiếng sẽ không từ chối, vì số lượng am thất rất ít.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 3).

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 1).

Vào buổi sáng hôm ấy, vợ người thôn trưởng làng nô lệ, đi lấy nước ở bờ sông, nàng nhìn thấy năm trăm vị Samôn (Phật Độc Giác) đang đi vào kinh thành, nàng lưu ý đến các vị Samôn có phong cách nghiêm trang, nước da trong sáng, các quyền được gìn giữ tốt đẹp, phong thái ung dung thanh tịnh.

Vợ người thôn trưởng sau khi lấy nước ở bờ sông trở về, đến cổng thành, vừa khi ấy năm trăm vị Phật Độc Giác cũng vừa ra cổng thành.

Vợ người thôn trưởng suy nghĩ: “Khi đi lấy nước ta gặp các Ngài, khi lấy nước trở về ta cũng gặp các Ngài. Đây là duyên lành hạnh phúc đã phát sinh đến ta, ta hãy đến đánh lễ các Ngài để tạo phước lành cho mình, thoát ra khỏi giai cấp nô lệ thấp kém này”.

Nàng đi đến đánh lễ năm vị Phật Độc giác với cách “*năm chi chạm đất*”, rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch các Ngài, các Ngài đi vào thành Bārāṇasī có việc chi vậy?
- Này nữ gia chủ, chúng tôi tìm người giúp chúng tôi kiến tạo trú xứ có mái che, để chúng tôi an cư ba tháng mùa mưa.
- Các Ngài tìm được chưa?
- Này nữ gia chủ, chúng tôi có đến vị trưởng giả danh tiếng nhất trong thành Bārāṇasī này, nhưng vị ấy bận chuẩn bị cho lễ hội nên từ đã từ chối.
- Bạch các Ngài, phải chăng chỉ có những thí chủ có đại tài sản, có danh tiếng mới thực hiện được phước sự này?
- Này nữ gia chủ, bất cứ ai cũng có thể thực hiện phước sự này.
- Như vậy, chúng con xin cúng dường nơi an cư mùa mưa đến các Ngài. Kính thỉnh các Ngài nhận lời thọ thực nơi trú xứ của con vào ngày mai.
- Lành thay, lành thay, này nữ gia chủ.

Sau khi báo cho các Ngài biết trú xứ của mình, nàng đánh lễ năm trăm vị Samôn rồi trở về nhà.

Khi về nhà, nàng tập hợp 500 người nữ trong làng đến, hỏi rằng:

- Các nàng có muốn mình luôn luôn là người nô lệ chăng? Hay các nàng muốn thoát ra khỏi dòng nô lệ thấp kém này?
- Thưa chủ, chúng tôi muốn thoát ra dòng nô lệ thấp kém này.
- Nếu vậy, này các nàng, ta có thỉnh năm vị Samôn có đạo hạnh tốt đẹp an cư mùa mưa nơi trú xứ của chúng ta. Ta có thỉnh các Ngài thọ thực vào ngày mai nơi đây, các nàng hãy báo cho chồng mình biết, cùng nhau tạo phước sự này để thoát ra khỏi dòng nô lệ thấp kém.
- Lành thay, thưa chủ.

Khi những người chồng của các nữ nhân ấy từ rừng trở về, những người vợ thuyết phục chồng, cùng tạo thiện nghiệp. Ban đầu một số người chồng không đồng ý, nhưng rồi trước ước muốn thoát ra khỏi kiếp sống “nô lệ”, nên tất cả đều hân hoan tạo phước thiện.

Vào sáng hôm ấy, tất cả dân làng nô lệ ra trước cổng làng chờ đợi. Khi năm trăm vị Samôn đi đến, năm trăm người nam và 500 người nữ quỳ xuống đánh lễ các Ngài theo cách “*năm chi chạm đất*”.

Năm vị Độc Giác Phật đến nhà người thôn trưởng, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, 500 gia đình trong làng nô lệ cúng dường vật thực đến các Ngài.

Sau khi các Ngài thọ thực xong rồi, năm trăm gia đình làng nô lệ thỉnh các Ngài an cư mùa mưa gần trú xứ của họ, năm trăm vị Độc giác Phật im lặng nhận lời. Cảnh làng nô lệ có khu rừng, những người nam đi vào rừng đốn những cây gỗ cùng lá rừng mang về, làm năm trăm liêu thất bằng gỗ, lợp mái là lá rừng cho các vị Độc Giác Phật, những liêu thất không xa nhau lắm, có những con đường đi từ liêu thất này đến liêu thất khác, có con đường đi chung... có hàng rào bằng cây bao quanh khu vực để ngăn ngừa thú dữ đi vào bên trong.

Những người nữ mang đến liêu thất những chum, vại, rồi ra sông mang nước về đổ đầy những chum vại, mang những vật dụng cần thiết đến liêu thất để các Ngài trú ngụ.

Chỉ trong một ngày, năm trăm liêu thất cùng với những vật cần thiết để trú ngụ đã hoàn tất. Năm trăm gia đình làng nô lệ thỉnh năm trăm vị Samôn an cư ba tháng mùa mưa nơi trú xứ mà họ đã thiết lập. Mỗi gia đình hộ độ vật thực cho một vị Phật Độc Giác, nếu hôm nào có gia đình nào không chuẩn bị vật thực kịp thì vợ người thôn trưởng đảm nhận.

Ba tháng an cư mùa mưa trôi qua, vợ người thôn trưởng cùng 500 nữ nhân trong làng cùng nhau dệt những tấm vải tốt, tạo thành những tấm y, rồi cúng dường vật thực và y đến năm trăm vị Phật Độc Giác.

Năm vị Phật Độc Giác thọ dụng vật thực cùng những tấm y, sau khi chúc phước đến năm trăm gia đình làng nô lệ, các Ngài từ giã, trở về núi Gandhamādana (Hương Sơn).

Mệnh chung, tất cả những người nam nữ ấy tái sinh về Thiên giới.

* *Nandamūla*.

Nandamūla (Nan-Đá-Mu-Lá) là một "*khối đá lớn (pabbata)*" nằm trong núi Gandhamādana (Gan-Thá-Ma-Đá-Ná), "*khối đá lớn*" này, từ bên ngoài nhìn vào có ba hang động (guhā) là: động vàng (Suvanṇaguhā) ở bên phải, chính giữa là động Ngọc (Maṇiguhā), bên trái là động Bạc (Rajataguhā).

Động Ngọc là nơi trú ngụ của các vị Phật Độc Giác, trước động Ngọc có cây Mañjusaka (Manh-Chú-Sá-Ká)⁽¹⁾. Động vàng là nơi trú của Sư tử Vương.

c- Kiếp là Trưởng nhóm thợ dệt.

Luân lưu trên Thiên giới với thời gian dài, hậu thân người trưởng làng nô lệ, tái sinh về nhân giới, là vị Đại đế nơi thành Bārāṇasī (tiền thân của Ngài Nandaka), vợ người trưởng làng nô lệ là Hoàng hậu của vị ấy; còn năm trăm nữ nhân ở làng nô lệ ấy, trở thành những cung phi của Đức vua xứ Kāsi.

Mệnh chung, tất cả đều sinh về Thiên giới.

Từ thiên giới, hậu thân hai vợ chồng thôn trưởng làng nô lệ tái sinh về nhân giới, người chồng là con một tộc trưởng làng dệt ở gần kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại); hậu thân vợ người thôn trưởng cũng tái sinh vào làng dệt ấy. Khi trưởng thành cả hai kết hợp với nhau, trở thành vợ chồng như những kiếp trước. Người chồng là Trưởng làng dệt, làng dệt có 500 gia đình.

Thời ấy, Hoàng hậu của xứ Kāsi là nàng Padumavatī (Pá-Đú-Má-Quá-Ti), nàng Padumavatī có 500 người con trai, Hoàng tử đầu có tên là Mahāpaduma (Má-Ha-Pá-Đú-Má: *Hoa sen lớn nhất*), do duyên lành quá khứ viên mãn nên tất cả 500 vị chứng đắc quả vị Phật Độc Giác lúc 16 tuổi, cùng nhau theo đường hư không đến "*khối đá lớn Nandamūla*" ở núi Gandhamādana (Hương sơn), trú trong động Ngọc (Maṇiguhā)⁽²⁾. Hoàng hậu Padumavatī đau khổ ngã xuống bể tìm rồi mạng chung.

Có lần 500 vị Phật Độc Giác theo lời thỉnh cầu của vua xứ Bārāṇasī đi đến cổng Hoàng cung của Đức vua, nhưng không có ai tiếp rước, dâng chỗ ngồi cùng vật thực, các Ngài phải quay trở về chỗ ngụ của mình, khi ra đến cổng kinh thành Bārāṇasī, các Ngài đi đến *làng dệt*, vợ người trưởng *làng dệt* vừa nhìn thấy các vị Phật Độc giác, phát khởi tâm tịnh tín, đi đến đánh lễ năm trăm vị Samôn với cách "*năm chi chạm đất*", sau khi biết các Ngài chưa có vật thực, nàng cung thỉnh tất cả các Ngài ngụ đến tư gia của mình, cúng dường vật thực đến 500 vị Phật Độc giác. Các vị Phật Độc Giác im lặng nhận lời.

Vợ người trưởng thợ dệt đi nhanh về nhà, cho gọi 500 gia đình thợ dệt đến, nói rằng:

(1)- SnA. i. 66; DhAp. i. 226; JA. ii. 195.

(2)- Xem chuyện Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā, ở phần sau.

- Nay các người, hạnh phúc đã đến với chúng ta, hôm nay ta có thỉnh 500 vị Samôn có phong cách nghiêm trang thanh tịnh đến đây thọ thực. Vậy mỗi gia đình hãy cúng dường vật thực đến một vị Samôn đi.

- Lành thay, lành thay, thưa chủ.

Năm trăm vị Phật Độc Giác sau khi thọ thực xong, phúc chúc đến 500 gia tộc làng dật, rồi các Ngài theo đường hư không trở về núi Gandhamādana⁽¹⁾.

d- Kiếp sống cuối.

Vợ trưởng làng dật thực hành thiện pháp suốt quãng đời còn lại, mệnh chung tái sinh về Thiên giới. Mệnh chung từ thiên giới, hậu thân vợ trưởng làng dật tái sinh về nhân giới nơi kinh thành Devadaha (Hồ Thiên), là con của vua *Añjana* (Anh-Chá-Ná) và bà *Sulakkhaṇā* (Sú-Lắ-Khá-Na) thuộc tộc họ Gotama của bộ tộc Koliya (Kô-Lí-Dá)⁽²⁾.

Bà là em song sinh của Hoàng hậu Māyā, là chị của vua Suppabuddha (Thiện Giác) và Vương tử Daṇḍapāṇi⁽³⁾, vua Suppabuddha (Súp-Pá-Bút-Thá) là cha của bà Yasodharā (DaDuĐàLa), vợ của Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa).

Khi hai cô bé song sinh con của vua Añjana chào đời, các nhà tinh thông nhân tướng học, sau khi quan sát những quý tướng của hai cô bé, đã tiên đoán rằng: “Con trai của một trong hai bé gái này sẽ là vị vua Chuyển Luân”.

Người chị được đặt tên là Māyā (Ma-Da), người em được đặt tên là Pajāpati (Pá-Cha-Pá-Tí), tộc họ là Gotamī (Gô-Tá-Mi), vì các nhà tinh thông nhân tướng học tiên đoán: Cô công chúa em:

- Nếu sinh ra người con trai, nàng sẽ là mẹ vua Chuyển Luân.

- Nếu sinh ra con gái, nàng sẽ là mẹ vợ của vua Chuyển Luân.

Về sau, cô công chúa em sẽ có một hội chúng tùy tùng rất đông.

Khi được 16 tuổi, cả hai thành hôn với Thái tử Suddhodana (Tịnh Phạm); khi Thái tử Suddhodana đăng quang, là vua của Bộ tộc ThíchCa, nàng Māyā và nàng Pajāpati Gotamī đều được tấn phong là Hoàng hậu.

Trải qua thời gian dài, cả hai đều không có con, khi bà Hoàng Māyā Gotamī gần năm mươi tuổi, Bồ tát từ cung trời ĐâuSuất (Tusita) theo lời thỉnh cầu của chư Thiên, Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, giáng sinh vào lòng của bà Hoàng Mahāmāyā; sau đó bà Hoàng Mahāpajāpati Gotamī cũng mang thai.

Khi bà Hoàng Mahāmāyā sinh ra Bồ tát nơi vườn Lumbinī (LâmTỳNi) vào ngày trăng tròn tháng Visākhā (15-4 âm, theo lịch VN), vào ngày thứ bảy sau khi sinh ra Bồ tát, bà Hoàng Mahāmāyā mệnh chung, khi ấy bà Hoàng Pajāpati cũng vừa hạ sinh Thái tử Nanda (Năn-Đá) được ba hay bốn ngày.

Bà Hoàng Pajāpati thay chị nuôi dưỡng Thái tử Siddhattha (SĩĐạtTa) bằng chính dòng sữa từ thân của bà. Bà giao con mình là Thái tử Nanda cho các nữ mẫu nuôi dưỡng.

Và bà được gọi là Mahāpajāpati Gotamī.

Khi Bồ tát Siddhattha từ bỏ kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ) ra đi xuất gia, sau sáu năm thực hành khổ hạnh khắc liệt, Ngài tự tìm ra “con đường giải thoát” và chứng đạt Vô thượng Chánh Giác.

Vào năm thứ bảy, Đức Thế Tôn trở lại kinh thành Kapilavatthu để tế độ quyến thuộc (khi ấy Ngài được 37 tuổi).

Khi trở lại kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ), vào ngày thứ hai, sau khi thọ thực nơi hoàng cung của vua Suddhodana (Sút-Thô-Đá-Ná), Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp và kết thúc pháp thoại bằng kệ ngôn.

Dhammaṃ care sucariṃ; na namaṃ duccharitaṃ care.

(1)- ThigA. 140; AA. i. 185; Ap. ii. 529-43.

(2)- Ap. ii. 538. Nhưng theo Mhv. ii. 18; cha bà là Añjana và mẹ bà là Yasodharā.

(3)-Dpv. xviii. 7,

Dhammacārī sukhaṃ seti; asmim loke paramhi cā'ti.

"Hãy khéo sống chánh hạnh; chớ sống theo tà hạnh.

Người chánh hạnh hưởng lạc; cả đời này, đời sau" (HT. TMC d)⁽¹⁾.

Nghe dứt kệ ngôn Đức vua Suddhodana chứng Thánh quả Nhất lai (Sakadāgāmi) và bà Di mẫu Gotamī chứng Thánh quả Dự Lưu⁽²⁾.

Để tỏ lòng tri ân Đức Thế Tôn, bà Mahāpajāpati Gotamī chọn hạt giống bông vải tốt, tự tay bà gieo trồng, chăm bón phân nước. Khi bông vải chín, tự tay bà hái rồi dệt thành hai tấm y quý.

Vào khoảng hạ thứ ba (hay hạ thứ tư) của Đức Thế Tôn, khi Đức Thế Tôn du hành đến thành Kapilavatthu, trú giữa dòng họ Sakka (Thích Ca), nơi Tự viện Nigrodha. Bà Mahāpajā Gotamī đi đến Tự viện Nigrodha, mang theo hai tấm y quý, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên bạch rằng.

- Bạch Thế Tôn hai tấm y này do con cắt, dệt đặc biệt cho Đức Thế Tôn, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hạnh nhận lấy cho con.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay bà Gotamī, hãy cúng dường Tăng chúng. Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính và Tăng chúng cũng vậy.

Bà thỉnh cầu Đức Thế Tôn thọ nhận hai tấm y quý ba lần, cả ba lần Đức Thế Tôn đều dạy như trên.

Thấy vậy, Ngài Ānanda bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn thọ nhận hai tấm y của bà Mahāpajāpati Gotamī, vì bà Mahāpajāpati Gotamī giúp ích nhiều đến Đức Thế Tôn, đã nuôi dưỡng Đức Thế Tôn bằng chính sữa của mình, sau khi sinh mẫu Đức Thế Tôn mệnh chung.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cũng giúp ích nhiều cho bà Mahāpajāpati Gotamī. Chính nhờ Đức Thế Tôn, bà Mahāpajāpati Gotamī nương nhờ Tam Bảo, giữ gìn năm giới, có niềm tin bất động với ân đức Tam Bảo.

Chính nhờ Đức Thế Tôn, bà Mahāpajāpati Gotamī không còn hoài nghi "*bốn sự thật cao quý*" là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Đức Thế Tôn xác nhận "*đúng như vậy*" và Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Ānanda, nếu do nhờ *một người*⁽³⁾ mà *một người khác*⁽⁴⁾ được nương nhờ Phật, nương nhờ Pháp, nương nhờ Tăng, thời này Ānanda, Ta nói rằng "*người này*" không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, về cúng dường bốn món vật dụng.

- Nay Ānanda, nếu do nhờ *một người* mà *một người khác* từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm sai quấy trong dục, từ bỏ nói dối, từ bỏ uống rượu nấu, rượu men...

- Nay Ānanda, nếu do nhờ *một người* mà *một người khác* có niềm tin bất động với ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng....

- Nay Ānanda, nếu do nhờ *một người* mà *một người khác* không còn hoài nghi về "*bốn Thánh đế*", thời này Ānanda, Ta nói rằng "*người này*" không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, về cúng dường bốn món vật dụng.

Tiếp theo Đức Thế Tôn dạy lợi ích cho (hay cúng dường) đến 14 đối tượng theo cách phân biệt.

1- Cúng dường đến Đấng Như Lai

2- Cúng dường đến Đức Độc Giác.

(1)- Dhp. Câu số 169.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 11).

(3)- Chỉ cho Bạc Đạo Sư, ở đây chỉ cho Đức Thế Tôn.

(4)- Chỉ cho Thánh đệ tử.

- 3- Cúng dường đến bậc ALaHán.
- 4- Cúng dường đến bậc đang hành pháp để chứng đạt ALaHán đạo.
- 5- Cúng dường đến bậc Bất Lai.
- 6- Cúng dường đến bậc đang hành pháp để chứng đạt Bất Lai đạo.
- 7- Cúng dường đến bậc Nhất Lai.
- 8- Cúng dường đến bậc đang hành pháp để chứng đạt Nhất Lai đạo.
- 9- Cúng dường đến bậc Dự Lưu.
- 10- Cúng dường đến bậc đang hành pháp để chứng đạt Dự Lưu đạo
- 11- Cúng dường ngoại học (bāhiraka) ly tham⁽¹⁾.
- 12- Cho đến phạm phu giữ gìn giới luật.
- 13- Cho đến những phạm phu ác giới.
- 14- Cho đến hàng súc sinh.

Trong đó.

- Cho đến súc sinh, có hy vọng mang lại 100 lần lợi ích (sataguṇā).
- Cho đến kẻ ác giới, có hy vọng mang lại 1.000 lần lợi ích.
- Cho đến người có giới, có hy vọng mang lại 100.000 lần lợi ích.
- Cúng dường đến ngoại học ly tham, có hy vọng mang lại 100.000x 100.000 lần lợi ích.
- Cúng dường đến vị đang thực hành pháp để chứng Dự Lưu đạo, có hy vọng mang lại vô lượng lợi ích, thì còn nói gì đến vị chứng đạt Thánh quả Dự Lưu và trên nữa cho đến cúng dường đến Đấng Như Lai.

Tiếp đến Đức Thế Tôn dạy 7 cách cúng dường Tăng thí là:

- 1- Cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu Tăng và các Tỳkhuu ni.
- 2- Cúng dường đến các Tỳkhuu Tăng và các Tỳkhuu ni (sau khi Đức Thế Tôn viên tịch).
- 3- Cúng dường đến các Tỳkhuu Tăng.
- 4- Cúng dường đến các Tỳkhuu ni.
- 5- Cúng dường đến một số Tỳkhuu Tăng và một số Tỳkhuu ni theo sự chỉ định của Tăng.
- 6- Cúng dường một số Tỳkhuu Tăng theo sự chỉ định.
- 7- Cúng dường đến một số Tỳkhuu ni theo sự chỉ định.

Trong tương lai, có những hạng Tỳkhuu phá giới, tuy vậy khi người bố thí muốn thông qua họ cúng dường đến Tăng Bảo, cũng có vô lượng lợi ích.

Sau cùng Đức Thế Tôn dạy về bốn sự thanh tịnh do bố thí.

- 1- Trong sạch ở người cho, không trong sạch ở người nhận.
Là người cho là bậc giữ giới, thực hành thiện pháp; còn người nhận là kẻ phá giới, thực hành ác pháp.
 - 2- Trong sạch ở người nhận, nhưng không trong sạch ở người cho.
Là người nhận là bậc có giới hạnh, thực hành theo thiện pháp; còn người cho là kẻ không có giới hạnh.
 - 3- Cả người cho và người nhận đều trong sạch.
 - 4- Cả người cho lẫn người nhận đều không trong sạch.
- Một thí sự có lợi ích ích lớn là: Người cho lẫn người nhận đều trong sạch, vật thí đúng pháp và người cho có tâm hoan hỷ cúng dường do tin vào lý nghiệp báo².

Giải.

*Gọi là “Tăng thí”, là không nêu tên người nhận vật thí.

Thí dụ. Người thí chủ đến tự viện, bạch với vị Trưởng lão (vị trụ trì) rằng:

(1)- “Ngoại học ly tham”, là chỉ cho những tu sĩ ngoài Phật giáo đã chứng đắc thiên tịnh- Ns.

(2)- M.iii. 253. Dakkhināvibhaṅgasuttam (Kinh Cúng dường phân biệt).

- Con xin thỉnh chư Tăng (hay chư Ni) nơi Tự viện, nhận vật thực của con vào ngày mai.

Hoặc là: “Con xin thỉnh một vị Tỳkhuu (hay một vị Tỳkhuu ni) đến nhà con nhận vật thực vào ngày mai”.

Vị Trưởng lão cử vị Tỳkhuu (hay Tỳkhuu ni) đi đến nhận vật thực của người thí chủ. Gọi là theo “sự chỉ định”, tuy cúng dường đến “một vị Tỳkhuu (hay một vị Tỳkhuu ni)”, cũng được gọi là “cúng dường đến chư Tăng”, vì vị Tỳkhuu ấy đại diện cho Tăng đến nhận vật thực.

Có câu chuyện như sau.

Có một làng quê ở xứ Tích Lan, một người Phật tử đi đến một Tự viện bạch với vị Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài, con xin thỉnh một vị Tỳkhuu đến nhà con nhận vật thực vào ngày mai.

Hôm sau, sau khi xem xét danh sách nhận phiếu thực, vị Trưởng lão cắt một vị Tỳkhuu ác giới đến nhận vật thực nơi nhà người thí chủ ấy.

Khi vị Tỳkhuu ác giới đến nhà gia chủ, gia chủ bước ra cung kính đánh lễ, rước bát thỉnh vị Tỳkhuu phá giới vào bên trong, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn. Vị gia chủ dùng nước rửa chân cho vị Tỳkhuu ác giới, xoa bóp chân cho vị ấy, rồi cúng dường vật thực đến vị ấy với thái độ rất kính trọng.

Vào buổi chiều, vị Tỳkhuu ác giới ấy đến nhà người gia chủ ban sáng, mượn cuốc về để cuốc đất trồng rau, người gia chủ ban sáng dùng chân hất cái cuốc đang nằm cạnh chân đến vị Tỳkhuu ác giới với thái độ khinh bạc, nói rằng:

- Này Tỳkhuu hãy cầm lấy.

Những người chung quanh ngạc nhiên hỏi rằng:

- Này anh, ban sáng chúng tôi thấy anh rất cung kính vị Tỳkhuu này, sao giờ đây anh lại khinh bạc như thế?

- Này các người, đây là vị Tỳkhuu phá giới, tôi biết rõ như vậy. Nhưng ban sáng vị ấy do chư Tăng cử đến, là đại diện cho Tăng chúng, nên thông qua vị ấy tôi đánh lễ Tăng chúng, phục vụ Tăng chúng và cúng dường đến Tăng chúng. Giờ đây không do Tăng chúng cử đến, không còn đại diện cho Tăng chúng, vị ấy hiện là Tỳkhuu phá giới, do đó tôi mới khinh bạc.

**Về “bốn sự bố thí trong sạch”.*

Có hai hạng thí chủ.

- Có hạng thí chủ chỉ trong sạch với cá nhân, chỉ cúng dường đến vị mình hoan hỷ, ngoài ra không cúng dường đến ai khác. Đây là nguyên nhân khiến cho tâm người thí chủ ấy chất chứa thêm phiền não ái luyến, không có lợi ích cho việc tu tập, vì tâm còn vướng mắc.

- Có hạng thí chủ tâm hướng về giải thoát, xem sự bố thí là “nhịp cầu” dẫn đến giải thoát, nên không còn phân biệt đối tượng thọ thí.

Ví như có ba trận mưa:

**Trận mưa có phạm vi nhỏ.* Chỉ có một số ít sinh vật nương nhờ.

Cũng vậy, có một số người thực hành hạnh bố thí, chọn những người mình ái mộ để cúng dường, ngoài ra không cúng dường đến ai khác.

**Trận mưa trung có phạm vi trung bình.* Chỉ có một số sinh chúng được nương nhờ.

Cũng vậy, có một người thực hành bố thí hạnh, chỉ cúng dường đến những người thân quen, có quen biết; ngoài ra không cúng dường đến ai khác.

**Trận mưa có phạm vi lớn.* Nhiều sinh chúng được nương nhờ.

Cũng vậy, có hạng thí chủ thực hành hạnh bố thí, không phân biệt đối tượng thọ thí, chỉ mong đạt được lợi ích lớn là Thánh quả Siêu thế.

Nghe thời pháp của Đức Thế Tôn, tâm bà Mahāpajāpati Gotamī hoan hỷ hiểu rõ lợi ích to lớn khi cúng dường đến Tăng chúng.

Bà hiểu rõ “vì sao Đức Thế Tôn không thọ nhận hai tấm y quý của bà”, vì đó là “cá nhân thí” không có lợi ích lớn so với Tăng thí.

Bà Mahāpajāpati Gotamī mang hai tấm y quý đến dâng Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) nhưng Ngài Xá Lợi Phất cũng không nhận, rồi đến Ngài Moggallāna (Mục Kiền Liên), Ngài Mục Kiền Liên cũng không nhận.

Lần lượt bà dâng đến các vị Tỳkhuu, nhưng không một ai nhận lãnh, cuối cùng vị Tỳkhuu mới xuất gia trong ngày tên là Ajita (Á-Chí-Tá) thọ nhận hai tấm y quý của bà Gotamī.

Bà Mahāpajāpati Gotamī tủi thân, giòng nước mắt trào ra đầm đìa trên má, bà nghĩ rằng: “Ta thật vô phước, ta đã gắng công gieo hạt, chăm bón phân nước, tụi tay hái bông vải, chọn bông vải tốt, tụi tay dệt thành hai tấm y quý cúng dường đến Đức Thế Tôn. Nhưng Đức Thế Tôn cùng với 80 vị Thánh đệ tử đều không nhận lãnh, chỉ có vị Tỳkhuu mới xuất gia trong ngày nhận lãnh y quý của ta. Ta thật là người vô phúc”.

Hiểu được tâm trạng của bà Mahāpajāpati Gotamī, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Như Lai hãy làm cho tâm bà Gotamī hân hoan với sự cúng dường của mình”.

Đức Thế Tôn dạy Ngài Ānanda mang chiếc bát của Đức Thế Tôn đến, Đức Thế Tôn cầm chiếc bát trong tay, Ngài quyết định rằng: “Không vị Thánh đệ tử nào có thể tìm thấy chiếc bát của Đấng Như Lai, ngoại trừ Tỳkhuu Ajita”. Rồi Đức Thế Tôn tung chiếc bát lên hư không, chiếc bát biến mất.

Ngài Sāriputta đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin đi tìm chiếc bát về cho Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, nhưng Ngài Sāriputta không tìm thấy chiếc bát; lần lượt các vị Thánh đệ tử có năng lực thần thông như Ngài Moggallāna (Mục Kiền Liên), Ngài Uruvelā Kassapa (Ú-Rú-Quê-La Ca Diếp), Ngài Mahā Kassapa (Ma-Ha Ca Diếp), Ngài Anuruddha (ANaLuật)... tìm chiếc bát, nhưng đều không thấy.

Khi tất cả những vị Thánh đệ tử cùng các Tỳkhuu có năng lực thần thông không ai tìm thấy chiếc Bát của Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Ajita, người hãy đi tìm chiếc bát cho Như Lai.

Tỳkhuu trẻ Ajita suy nghĩ: “Thật kỳ diệu thay, các vị Đại đức có năng lực thần thông, không tìm thấy chiếc Bát của Đức Thế Tôn. Còn ta mới thọ đại giới trong ngày, thế mà Đức Thế Tôn dạy ta “đi tìm chiếc Bát cho Như Lai”. Chắc chắn phải có duyên sự chi đây, và Ta phải làm thế nào để tìm được chiếc bát của Đức Thế Tôn?”.

Bấy giờ tâm của Tỳkhuu Ajita rất hoan hỷ, phát sinh phỉ lặc, suy nghĩ tiếp rằng: “Ta còn là phạm nhân, không có năng lực thần thông. Vậy ta nên nương vào nguyện lực của chính mình vậy”.

Suy nghĩ xong rồi, Tỳkhuu Ajita đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ tìm chiếc bát của Đức Thế Tôn, mang chiếc bát ấy về cho Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Tỳkhuu Ajita bước ra ngoài Giảng đường, ngó lên hư không phát nguyện chân ngôn rằng:

- “Nếu ta xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn do vì “nuôi mạng sống, hay do nhân bốn món vật dụng, hoặc mong cầu hưởng thụ dục lạc”, chiếc Bát của Đức Thế Tôn đừng xuất hiện nơi tay của ta.

Nếu ta xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn với tâm nguyện chứng đạt pháp giải thoát, tế độ chúng sinh cùng thoát khỏi khổ sinh tử luân hồi như ta, chiếc Bát của Đức Thế Tôn hãy xuất hiện nơi tay của ta”.

Dứt lời phát nguyện, kỳ diệu thay chiếc bát của Đức Thế Tôn xuất hiện trên tay vị Tỳkhuu trẻ Ajita.

Hiện tượng kỳ diệu này khiến hàng tứ chúng luôn cả bà Mahāpajāpati Gotamī kinh ngạc, và bà phát sinh sự hoan hỷ với Tỳkhuu trẻ Ajita.

Đây là điềm báo “Ngài Ajita sẽ chứng đạt Vô thượng Chánh Giác trong tương lai. Và cũng là hiện tượng báo cho các vị Thánh đệ tử hiểu rằng: “Ta (chiếc bát) không phải là đồ dùng của hàng đệ tử. Ta là đồ dùng của Đấng Đại Giác”.

Bà Mahāpajāpati Gotamī chợt hiểu ra rằng: “Tăng chúng uy lực thật vô biên, chỉ là vị Tỳkhuu xuất gia trong ngày mà có được năng lực như vậy, thì còn nói gì đến Tăng chúng và uy lực của Đức Thế Tôn”.

Tâm bà Gotamī phát sinh phỉ lạc rất mạnh, bà đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi cùng đoàn nữ hầu trở về nội cung⁽¹⁾.

**Thọ ký Đức Chánh Giác Metteya (DiLặc) vị lai.*

Tỳkhuu Ajita suy nghĩ: “Hai tấm y này là y quý, nhưng ta không xứng đáng đắp lên mình những tấm y quý này. Vậy ta hãy cúng dường hai chiếc y quý này đến Đức Thế Tôn”.

Tỳkhuu Ajita lấy một chiếc y làm trần che mát cho Đức Thế Tôn khi Ngài ngồi trên bảo tọa, một chiếc chia làm bốn phần treo bốn góc trần thật xinh đẹp. Tỳkhuu Ajita hân hoan với phước sự của mình, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn, do phước lành cúng dường hai tấm y quý đến Đức Thế Tôn, xin cho con chứng đạt Vô thượng Chánh Giác trong tương lai.

Đức Thế Tôn mỉm cười, đưa mắt nhìn vị Tỳkhuu trẻ Ajita, nơi chót răng nhọn của Đức Thế Tôn phóng ra hai tia hào quang rất xinh đẹp. Thấy vậy Ngài Ānanda bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân chi, do duyên chi Đức Thế Tôn mỉm cười.

- Nay Ānanda, ước nguyện của Tỳkhuu này sẽ trở thành hiện thực ngay trong hiện kiếp (bhaddākappa) này. Tỳkhuu ấy sẽ trở thành Đức Chánh Giác có Hồng danh là Metteyya (DiLặc).

Theo tập Anāgatavaṃsa (Vị lai sử). Sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, do ác - bất thiện pháp sinh khởi và tăng trưởng, tuổi thọ chúng sinh cứ 100 năm giảm xuống một tuổi, đến năm ngàn năm thì Giáo pháp của Đức Thế Tôn chấm dứt.

Khi ấy, ác - bất thiện pháp càng lúc càng sinh khởi và tăng trưởng mạnh, dần dần đến khi tuổi thọ nhân loại còn 10 tuổi. Bấy giờ một đại họa xuất hiện cho nhân loại, một cuộc đại tàn sát khởi lên, con người khi ấy trở nên điên loạn không còn phân biệt ai là thân tộc, mẹ, cha... gặp nhau, họ dùng vũ khí tàn sát lẫn nhau không còn phân biệt là họ hàng hay không phải là thân quyến.

Cuộc đại tàn sát này khởi lên 7 ngày, một số người có phước còn tỉnh táo, kinh hoàng chạy sâu vào rừng để lánh nạn; sau 7 ngày những người này trở về chỗ sinh sống khi trước, họ gặp lại những người còn sống họ vô cùng hoan hỷ.

Khi đàm luận với nhau, những người này hỏi nhau rằng: “Vì sao có đại nạn khủng khiếp như thế?”, họ thấy rằng “do sát sinh nhiều” nên chúng sinh trở thành cuồng tâm loạn trí. Những người này nguyện “không sát sinh” nữa; thế là con cháu của họ tăng tuổi thọ là 20 tuổi, rồi nhân loại giữ thêm một giới là “không lấy của không cho”, đời kế tiếp có tuổi thọ là 40 tuổi.

Dần dần những thế hệ sau thực hành giữ giới, khi giữ thêm một giới thì tuổi thọ tăng lên gấp đôi và khi nhân loại thực hành một thiện pháp thì tuổi thọ lại tăng trưởng gấp đôi, cho đến khi nhân loại có tuổi thọ là vô lượng tuổi.

(1)- MA. ii. 1001.

Bấy giờ do kinh thường (pamāda) nên ác pháp lại nảy sinh, tuổi thọ nhân loại dần dần giảm xuống cho đến khi nhân loại có tuổi thọ là 80 ngàn tuổi.

Bấy giờ kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại) thay đổi tên gọi, thành có tên là Ketumatī (Kê-Tú-Má-Ti), kinh thành có chiều dài là 12 do tuần, chiều ngang là 7 do tuần.

Kinh thành Ketumatī rộng lớn và xinh đẹp như thành phố nơi Thiên giới, là một kinh thành phần vinh và trù phú nhất trong 84.000 kinh thành lúc bấy giờ⁽¹⁾.

Một Thiên tử⁽²⁾ trên cõi Đao Lợi (Tāvatisa) mệnh chung tái sinh về nhân giới, là Thái tử của Đức vua cai trị kinh thành Ketumatī. Khi trưởng thành, Thái tử thay vua cha trị vì kinh thành Ketumatī, là vua Chuyển Luân Saṅkha (Săng-Khá), cung điện bằng 7 loại ngọc báu của vua Mahā Padāna (Má-Ha Pá-Đa-Ná, tiền thân của Trưởng lão Bhaddaji)⁽³⁾ xuất hiện cho vua Chuyển Luân Saṅkha.

(Tiền thân vua Chuyển luân Saṅkha là người thợ mộc cùng người con kiến tạo thảo lư cúng dường đến Đức Phật Độc Giác; người con tái sinh về nhân giới trước là vua Mahā Padāna.

Một tòa cung điện bằng 7 loại ngọc báu xuất hiện cho vua Mahā Padāna. Vì thảo lư là do hai cha con người thợ mộc cùng làm, nên cả hai cùng hưởng phước lành ấy, nên tòa cung điện bằng 7 loại ngọc báu vẫn tồn tại; chìm sâu vào sông Hằng sau khi vua Mahā Padāna mệnh chung. Khi hậu thân người thợ mộc là vua Chuyển Luân Saṅkha, tòa cung điện của vua Mahā Padāna khi xưa xuất hiện cho vua Chuyển luân Saṅkha).

Tòa cung điện bằng ngọc bảy báu này ở giữa trung tâm kinh thành Ketumatī.

Về sau, khi nghe được Pháp thoại của Đức Phật Metteyya (ĐiLặc), vua Chuyển luân Saṅkha hoan hỷ cúng dường tòa cung điện bằng 7 loại ngọc báu này đến Tăng chúng có Đức Phật Metteyya là vị thượng thủ,

Vua Chuyển Luân Saṅkha xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Metteyya và chứng đắc Thánh quả ALaHán⁽⁴⁾.

***Đức Phật Metteyya (ĐiLặc).**

Theo lời thỉnh cầu của chư Thiên, Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, Thiên vương Santusita (Săn-Tú-Sí-Tá) chúa cõi Tusita (ĐầuSuất) tái sinh về nhân giới, Ngài giáng sinh vào thai bào của bà Brahmavati (Brăm-Má-Quá-Ti) vợ của vị Đại thần Tế lễ sư của vua Chuyển Luân Saṅkha là Subrahmā (Sú-Brăm-Ma). Ngài có tên gọi là Ajita (Á-Chí-Tá), tộc họ Metteyya (ĐiLặc) thuộc dòng Bàlamôn ưu thắng.

Bồ tát Metteyya thọ hưởng an lạc như Bồ tát Siddhattha (Sĩ-Đạt-Ta) đến 8 ngàn năm trong bốn cung điện là: Cung Sirivaddha (Sĩ-Rí-Quát-Thá), cung Vaddhamāna (Quát-Thá-Ma-Ná), cung Siddhattha (Sít-Thát-Thá) và cung Candaka (Chan-Đá-Ká).

Vợ Bồ tát Ajita (Á-Chí-Tá) là nàng Candamukhī (Chăn-Đá-Mú-Khi), Ngài có người con trai là Brahmavaddhana (Brăm-Má-Quát-Thá-Ná).

Như Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa), Bồ tát Ajita thấy bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, Bồ tát Ajita lia bỏ cung điện ra đi xuất gia.

Bồ tát Ajita thực hành khổ hạnh 7 ngày và chứng đắc Vô thượng Chánh giác nơi cõi cây Nāga (Na-Gá).

Đức Thế Tôn Metteyya chuyển Pháp luân nơi Nāgavana (Long Viên).

Hai Thượng thủ Thịnh văn của Ngài là: Ngài Asoka (ADục) và Ngài Brahmadeva (Phạm Chí Thiên).

(1)- D.iii. 75. Cakkavattisuttam (kinh Chuyển Luân vương), kinh số 26; JA. iv. 594; Anāgat.vv. 8, 30; theo Anāgat. v. 8, kinh thành Ketumatī giống như kinh thành Kusāvati của vua Mahā Sudassana.

(2)- Theo quyển Lịch sử Đức Phật Tổ CồĐàm do Đại Trưởng Lão Mahā Thông Kham biên soạn, thì vị Thiên tử này có tên là Jetthanala, nhưng chúng tôi không tìm thấy tên này trong quyển Anaagatavamsa (Vị lai sử). (Xem ĐTL Mahā Thông Kham (biên soạn). Lịch sử Đức Phật Tổ CồĐàm. Thọ Ký Đức Phật Tổ vị lai Đức ĐiLặc).

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 14).

(4)- DA. iii. 856.

Hai nữ Thánh vẫn thượng thủ của Ngài là: Trưởng lão ni Padumā (Liên Hoa) và Trưởng lão ni Sumanā (Diệu Ý).

Thị giả của Đức Thế Tôn Metteyya (Di Lạc) là Ngài Siha (Sĩ-Há).

Hai nam cư sĩ hộ pháp của Đức Thế Tôn Metteyya là Ngài Sumana (Hảo Ý) và Ngài Saṅgha (Săng-Khá).

Hai nữ cư sĩ hộ pháp của Đức Thế Tôn Metteyya là: Bà Yasavatī (Dá-Sá-Quá-Ti) và bà Saṅkhā (Săng-Kha).

Sau khi Đức Thế Tôn Metteyya viên tịch, Giáo pháp của Ngài tồn tại 80 ngàn năm⁽¹⁾.

Hiện nay Đức Phật vị lai Metteyya đang sống nơi cung trời Tusita (Đầu Suất) với danh hiệu là Thiên vương Nātha (Na-Thá) theo truyền thống.

***Được ban địa vị tối thắng.**

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng tứ chúng nơi Đại tự Kỳ Viên (Jetavanavihāra), Đức Thế Tôn dạy rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ rattaññūnaṃ yadidaṃ mahāpajāpatigotamī.

“Này các Tỳkhuu, trong các vị nữ đệ tử Tỳkhuu ni đã lâu ngày của Ta, tối thắng là Mahāpajāpati Gotamī”⁽²⁾.

Để nói lên sự tri ân Đức Thế Tôn, trước Đức Thế Tôn và hàng tứ chúng, bà Mahāpajāpati Gotamī nói lên sáu kệ ngôn, tuyên bố lên Thánh trí của mình.

157- Buddha vīra namo tyatthu, sabbasattānamuttama;

Yo maṃ dukkhā pamocesi, aññañca bahukaṃ janamaṃ.

“Bậc Giác ngộ anh hùng; con xin đảnh lễ Ngài.

Ngài là bậc Tối thượng; giữa mọi loài chúng sinh.

Ngài giải khổ cho con; cùng rất nhiều người khác”.

158- Sabbadukkhaṃ pariññātaṃ, hetutaṇhā visositā;

Bhāvito aṭṭhaṅgiko maggo, nirodho phusito mayā.

“Liễu tri mọi đau khổ, gột sạch nhân khát ái.

Con đường Thánh tám ngành; đoạn diệt ta chúng ngộ”.

159- Mātā putto pitā bhātā, ayyakā ca pure ahuṃ;

Yathābhuccamajānantī, saṃsarimaṃ anibbisamaṃ.

“Trước Ta sống là mẹ; là con, là cha, anh.

Là ông nội, ông ngoại; đời sống trước là vậy.

Không rõ biết như thật; luân hồi, tìm không gặp”.

160- Diṭṭho hi me so bhagavā, antimoyaṃ samussayo;

Vikkhīṇo jāti saṃsāro, natthi dāni punabbhavo.

“Nay Ta thấy Thế Tôn; thân này thân tối hậu.

Sinh tử được đoạn tận; nay không còn tái sinh”.

161- Āraddhavīriye pahitatte, niccaṃ daḷhaparakkame;

Samagge sāvake passe, esā buddhāna vandanā.

“Siêng, tinh cần, nỗ lực; thường kiên trì tinh tấn.

Hãy thắng, đệ tử Phật; hòa hợp đảnh lễ Ngài”.

162- Bahūnaṃ vata atthāya, mājā janayī gotamaṃ;

Byādhimaraṇatunnānaṃ, dukkhakkhandhaṃ byapānudi”ti.

“Vì hạnh phúc nhiều người; MaDa sinh CồĐàm.

Giải tỏa nhóm khổ đau; cho người bị bệnh chết” (HT.TMCd)⁽³⁾.

***Bà Gotamī với những Học giới.**

Theo sự nghiên cứu của Đại Đức Indacanda (Nguyệt Thiên).

(1)- J.P.T.S. 1886, pp. 42, 46 .

(2)- A.i. 25. Phẩm “người tối thắng”.

(3)- Thig. Mahāpajāpati Gotamītherīgāthā (kệ ngôn Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī), số 157 – 162.

- Đức Phật quy định các điều học cho các Tỳkhuu ni thông qua các Tỳkhuu.
Mỗi khi có sự việc sinh khởi trong Ni đoàn, các Tỳkhuu ni đã kể lại sự việc cho các Tỳkhuu rồi các Tỳkhuu mới trình lên Đức Phật.

Khi Đức Phật quy định điều học, Ngài cũng quy định gián tiếp qua các Tỳkhuu: "...
Và này các Tỳkhuu, các Tỳkhuu ni hãy phổ biến điều học này..."

- Trong các câu chuyện ở Tạng Luật, dường như chỉ có bà Mahāpajāpati Gotamī là chủ động thưa chuyện cùng Đức Phật, còn các Tỳkhuu ni chỉ lắng nghe và trả lời mỗi khi Đức Phật hỏi đến.

- Các Tỳkhuu ni khi đến với đức Phật đều đứng cho dù nghe Pháp.

Điều này được ghi nhận ở các đoạn văn "... *rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên...*".

Và khi từ già Đức Phật, chỉ có mô tả việc các Tỳkhuu ni đánh lễ đức Phật, hướng vai phải nhiều quanh và ra đi, không có đoạn "... *từ chỗ ngồi đứng dậy...*".

Riêng đối với các Tỳkhuu, vị Tỳkhuu ni cần phải xin phép khi ngồi xuống ở phía trước (*pācittiya* điều 94)⁽¹⁾.

- Bà Mahāpajāpati Gotamī đã nghe rằng: "*Nghe nói các Tỳkhuu ở Kosambī (KiêuThươngDi) ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng đang đi đến thành Sāvatti (XáVệ)*".

Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp Đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với Đức Thế Tôn điều này:

- Bạch Ngài, nghe nói các Tỳkhuu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng đang đi đến thành Sāvatti. Bạch ngài, con nên thực hành đối với các tỳ khưu ấy như thế nào?

- Nay Gotamī, như thế thì bà hãy nghe Pháp ở cả hai bên; sau khi nghe Pháp ở cả hai bên, các Tỳkhuu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì bà hãy thuận theo quan điểm, niềm tin, khuyến hướng, và lập luận của các vị ấy. Và bất cứ điều gì hội chúng Tỳkhuu ni cần mong mỗi từ hội chúng Tỳkhuu thì nên mong mỗi tất cả các điều ấy từ các vị nói đúng Pháp⁽²⁾.

- Có thời Đức Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sākya (ThíchCa), trong thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ), tự viện Nigrodha.

Vào lúc bấy giờ, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ Đức Thế Tôn rồi đứng ở phía dưới gió (nói rằng):

- Bạch Thế Tôn, người nữ có mùi thối.

Khi ấy, Đức Thế Tôn (đã nói rằng): "*Các Tỳkhuu ni hãy áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước*" rồi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài Pháp thoại.

Sau đó, khi đã được Đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đánh lễ Đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Sau đó, Đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, ta cho phép việc làm sạch sẽ bằng nước đến các Tỳkhuu ni⁽³⁾.

- Có thời Đức Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sākya (Thích ca), trong thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ), Tự viện Nigrodha.

(1)- Trích. ĐĐ Indacanda (d). *Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni* (Bhikkhunīvibhaṅga). Lời nói đầu.

(2)- ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại Phẩm II. Chương X. Kosambī, số 254.

(3)- ĐĐ Indacanda (d). *Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni* (Bhikkhunīvibhaṅga). Chương IV. Ưngđốitrị (Pācittiya), Phần tội. Điều học thứ năm.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳkhuu nhóm Lục Sư bảo các Tỳkhuu ni giặt, bảo nhuộm, và bảo chải các lông cừu. Trong khi giặt, trong khi nhuộm, và trong khi chải các lông cừu, các Tỳkhuu ni xao lãng việc đợc tụng, việc vấn hỏi, (việc tu tập) tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ⁽¹⁾.

Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp Đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī đang đứng một bên điều này:

- Này Gotamī, chắc hẳn các Tỳkhuu ni sống không có dễ duôi, tinh cần, và bản thân có nỗ lực?

- Bạch Ngài, sự không dễ duôi của các Tỳkhuu ni từ đâu có đợc khi các Ngài Đại đức nhóm Lục Sư bảo các Tỳkhuu ni giặt, bảo nhuộm, và bảo chải các lông cừu? Trong khi giặt, trong khi nhuộm, và trong khi chải các lông cừu, các Tỳkhuu ni xao lãng việc đợc tụng, việc vấn hỏi, (việc tu tập) tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài Pháp thoại.

Sau khi đợc Đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Sau đó, Đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳkhuu lại và đã hỏi các Tỳkhuu nhóm Lục Sư rằng:

- Này các Tỳkhuu, nghe nói các người bảo các Tỳkhuu ni giặt, bảo nhuộm, và bảo chải các lông cừu, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

- Này các Tỳkhuu, là các nữ thân quyến của các người hay không phải là các nữ thân quyến?

- Bạch Thế Tôn, không phải là các nữ thân quyến.

- Này những kẻ rồ dại, những người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng những người nữ không phải là thân quyến. Này những kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy sao các người lại bảo các Tỳkhuu ni không phải là thân quyến giặt, bảo nhuộm, và bảo chải các lông cừu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. ... (như trên)... Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vầy: "*Vị Tỳkhuu nào bảo Tỳkhuu ni không phải là thân quyến giặt, hoặc bảo nhuộm, hoặc bảo chải các lông cừu thì (vật ấy) nên đợc xả bỏ và (vị ấy) phạm tội pācittiya (ưng đối trị)*"⁽²⁾.

- Bà Mahāpajāpati Gotamī đợc Đức Thế Tôn xem trọng.

Có lần bà Mahāpajāpati Gotamī bị bệnh, các vị Tỳkhuu trưởng lão đi đến thăm viếng bà Mahāpajāpati Gotamī, hỏi thăm bà rằng:

- Này bà Gotamī, sức khỏe bà có khá không? Mọi việc đợc thuận lợi không?

- Thừa các Ngài, sức khỏe của tôi không khá, mọi việc không đợc thuận lợi. Thừa các Ngài, xin hãy giảng pháp.

- Này bà Gotamī, Đức Thế Tôn đã chế định học giới: "*Vị Tỳkhuu sau khi đến Ni viện, không đợc phép Giáo giới Tỳkhuu ni*"⁽³⁾. Các vị Trưởng lão ngần ngại, không giảng pháp đến bà Gotamī.

(1)- *Adhisīla*: tăng thượng giới là giới bốn *Pātimokkha*. *Adhicitta*: tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thế. *Adhipañña*: tăng thượng tuệ là sự tu tập (các tâm) Đạo Siêu Thế (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

(2)- ĐĐ Indacanda (d). *Phân Tích Giới Tỳkhuu II* (Bhikkhuvibhaṅga). Phần Ưng xả đối trị (nissaggiya). Phẩm Tơ tằm, điều học thứ bảy.

(3)- Điều học này do nhóm Tỳkhuu Lục sư là duyên sự.

Vào buổi sáng Đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến thăm bà Mahāpajāpati Gotamī, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được soạn sẵn, Đức Thế Tôn đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Nay bà Gotamī, sức khoẻ bà có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

- Bạch Ngài, trước đây các Tỳkhuu trưởng lão đi đến gặp con thường giảng Pháp cho con, vì thế con được an lạc. Giờ đây, các vị (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã ngăn cấm,” trong lúc ngần ngại không thuyết giảng, vì thế con không được an lạc.

Đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, Đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép sau khi đi đến Ni viện được giáo giới Tỳkhuu ni bị bệnh. Và nay các Tỳkhuu, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị Tỳkhuu nào sau khi đi đến Ni viện rồi giáo giới cho các Tỳkhuu ni thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị), ngoại trừ có duyên có. Duyên có trong trường hợp ấy là vị Tỳkhuu ni bị bệnh. Đây là duyên có trong trường hợp ấy*”⁽¹⁾.

e- Bà Mahāpajāpati Gotamī viên tịch.

Khi bà Gotamī được 120 tuổi, đang trú ngụ nơi Ni viện trong thành Vesālī (theo Luật, các Tỳ viện của Tỳkhuu ni phải ở trong thành hay trong làng), bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi “*Giảng đường nóc nhọn*” (Kūṭāgārasālā) trong Đại Lâm gần kinh thành Vesālī (VệXá).

Một hôm, vào buổi sáng, Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī, sau khi đắp y tề chỉnh, Trưởng lão ni đi khát thực trong thành Vesālī, sau khi thọ thực xong, Trưởng lão ni trở về Ni viện, an trú tâm vào ALaHán quả định (Arahatta phala samādhi), khi xuất khỏi thiền định, bà nhớ lại những hạnh lành đã tạo trong quá khứ, tâm bà rất hân hoan.

Rồi Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī đưa trí quán xét tuổi thọ, thấy rằng “tuổi thọ đã mãn”, bà suy nghĩ:

- Ta viên tịch mà không đến đảnh lễ Đức Thế Tôn lần cuối, không đảnh lễ giả biệt hai vị Thượng thủ tinh văn cùng những bậc đồng phạm hạnh, không có lời từ biệt đến các cận sự nam nữ, vì đó là suối nguồn trong sạch, giúp cho nguyện vọng giải thoát khỏi vòng sinh tử triền miên của ta được thành tựu như ý, là điều không thích hợp.

Ta hãy đảnh lễ Đức Thế Tôn cùng các vị Thánh Tăng, nói lên lời giả biệt, rồi hãy viên tịch”.

Vào thời điểm ấy, tư tưởng viên tịch cùng khởi lên cho 500 vị Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa (năm trăm công nương dòng ThíchCa cùng với bà Mahāpajā Gotamī lia bỏ kinh thành Kapilavatthu, đến Đại Lâm (Mahāvana) xin Đức Thế Tôn được xuất gia trong Giáo pháp này).

Khi ấy trái đất không chịu đựng nổi, rung chuyển mạnh, ví như năm trăm dòng sông lớn đột nhiên biến mất, khiến trái đất hụt hẫng, rung chuyển mạnh.

Khi trái đất rung chuyển mạnh, tạo ra một áp lực xông thẳng lên không trung, trên không trung những tiếng sấm nổ vang, tựa như đất trời đang sụp đổ.

Các Thiên nhân cư ngụ ở ni viện, ở những khu lân cận quanh Đại Lâm kinh hoàng đưa tâm quán xét “*việc gì xảy ra vậy?*”.

Khi biết được năm trăm Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa đang muốn viên tịch, các Thiên nhân sầu khổ, than khóc với những giọt nước mắt rơi xuống. Như Kinh văn ghi nhận.

232. Bhūmicālo tadā āsi nāditā devadundubhi,
Upassayādhivatthāyo devatā sokapīṭā.

(1)- ĐĐ Indacanda (d). Phân tích Giới Tỳkhuu II. Chương Ưng đối trị (pācittiya). Phần Giáo giới, điều học thứ ba.

Vipalantā sakaruṇaṃ tathassūni pavattayum.

"Khi ấy, đã có sự lay động của trái đất, tiếng trống của cõi trời đã vang lên, các thiên nhân cư ngụ ở Ni viện đã bị dầy vò bởi sầu muộn.

Tại nơi ấy, trong khi than vãn với niềm bi mãn họ đã tuôn rơi những giọt nước mắt"⁽¹⁾.

Năm trăm Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa đi đến liêu thất của bà Mahāpajāpati Gotamī, sau khi đánh lễ Trưởng lão ni Gotamī, bạch hỏi rằng:

- Thưa Trưởng lão ni Mahāpajāpati Goamī, vì sao trái đất rung chuyển, tiếng trống trời vang lên? Có tai họa gì xảy đến cho Trưởng lão ni chăng?

- Nay các Tôn ni, không có tai họa gì xảy đến cho ta cả.

Rồi Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī thuật lại ý nghĩ của mình khi đang trú nơi thanh vắng, nghe vậy các vị Thánh nữ ALaHán thưa rằng:

- Thưa Trưởng lão ni, nếu Nípàn tối thắng được Ngài hân hoan, tất cả chúng tôi cũng sẽ Nípàn với sự chấp thuận của Đức Thế Tôn.

Chúng tôi sẽ cùng nhau rời khỏi tu viện, rời khỏi sự hiện hữu, chúng tôi cùng đến Nípàn tối thượng.

- Nay các Tôn ni, khi các người muốn đến nơi vĩnh hằng không còn sinh tử, thì ta còn biết nói gì hơn nữa.

Thế rồi, bà Gotamī cùng 500 Tỳkhuu ni dòng ThíchCa lia bỏ Ni viện, khi ra trước cổng Ni viện, bà Gotamī nói lên kệ ngôn.

239. Upassaye yādhivatthā devatā tā khamantu me,
Bhikkhunīnilayassedam pacchimam dassanam mama.

"Xin chư thiên đang ngự tại trú xứ này, hãy thông cảm cho ta.

Đây là sự nhìn thấy Ni viện lần cuối cùng của ta".

240. Na jarā maccu vā yattha appiyehi samāgamo,
Piyehi vippayogo 'tthi taṃ vajjissam asaṅkhatam.

"Nơi không có già hoặc chết, hay gần gũi với những gì không yêu thích.

Hoặc xa lìa những gì yêu thích, ta đến nơi không bị tạo tác ấy" (sād).

Nghe được lời nói ấy, những vị Tỳkhuu ni chưa diệt trừ được tham ái, sầu thảm khóc vang lên rằng:

- Than ôi, chúng ta có phước báu kém cõi. Trú xứ này vắng bóng các Trưởng lão ni đức hạnh này, sẽ trở nên trống rỗng. Các Trưởng lão ni của Đấng Thiện Thệ sẽ không còn nhìn thấy nữa, như các vì sao không được nhìn thấy vào ban ngày.

Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī cùng năm trăm Thánh nữ ALaHán viên tịch, ví như sông Hằng cùng 500 dòng sông lớn cùng lúc đổ về đại dương sâu thẳm.

Chư thiên nơi kinh thành Vesāli (VệXá) thông báo đến cư dân trong kinh hành Vesāli rằng:

- Hỡi các người, bà Trưởng lão ni Gotamī cùng 500 Tỳkhuu ni sẽ viên tịch, các người hãy đến những vị ấy lần cuối đi.

Các cận sự nam nữ trong kinh thành Vesāli cùng nhau đi đến Ni viện, nhìn thấy bà Gotamī đang dẫn đầu đoàn Thánh nữ đi đến "*Giảng đường nóc nhọn*" trong Đại Lâm, các cận sự nam nữ quỳ xuống dưới chân bà Gotamī tiếng than khóc vang lên với những dòng nước mắt ngập tràn trên gương mặt rằng:

- Hỡi những vị có tài sản vĩ đại xin đừng lia bỏ chúng con, xin đừng để chúng con trở thành người cô cút, không người chăm nom dạy dỗ.

Xin các Ngài đừng viên tịch. Xin các Ngài đừng lia bỏ chúng con.

Với giọng nói ngọt ngào, êm dịu, Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī nói với những cận sự nam nữ rằng:

(1)- ĐĐ Indacanda (d). Thánh nhân Ký sự (apadāna). Tập III. Ký sự Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī.

- Nay các con, các con than khóc bấy nhiêu đã đủ rồi. Hôm nay là thời điểm hân hoan của các con, ta sẽ đến nơi vĩnh hằng, không còn phải trôi lăn trong biển đời sinh tử nữa.

Khổ đã được Ta biết rõ trọn vẹn, nhân sinh khổ (Tập) được ta diệt trừ tận gốc rễ, sự chấm dứt (Diệt) dòng sinh tử được Ta chứng đạt, con đường (Đạo) an tịnh tuyệt đối được ta thực hành tốt đẹp.

Các con hãy hân hoan, đừng nên sầu thảm nữa, hãy tự mình là nơi nương cho chính mình vậy.

Này các con, Đức Thế Tôn cùng Chánh pháp của Ngài vẫn còn tồn tại vào thời điểm viên tịch của Ta.

Các con chớ sầu thảm than khóc nữa, các vị Thánh Thượng thủ Thịnh Văn, các vị Thánh Đức vẫn còn tại tiền, niềm kiêu hãnh của ngoại giáo đã bị tiêu tan, hội chúng của Đức Thế Tôn là hội chúng an lạc hòa hợp, danh tiếng dòng tộc của vua Okkāka (Ốc-Ka-Ká) cùng sự tiêu diệt kẻ ác xấu là Ma vương được giương cao.

Câu hỏi nào mà ngoại giáo thời xưa không trả lời được, câu hỏi ấy ngày nay đưa trẻ bảy tuổi trong Giáo pháp này đã giải đáp thông suốt.

Này các con, ước nguyện từ lâu của Ta nay được thành tựu mỹ mãn, đây là thời điểm các con giống lên tiếng trống khải hoàn, vì sao các con lại để rơi những giọt nước mắt? Nếu thương mến Ta, các con hãy nỗ lực kiện toàn Chánh pháp, hãy thực hành Chánh pháp đến nơi viên mãn vậy.

Sau khi khuyên giải những cận sự nam nữ vơi đi sầu thảm, bà Gotamī dẫn đầu đoàn Thánh nữ ni đến khu Đại Lâm, đi vào *"Giảng đường nóc nhọn"*.

Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bà Gotamī đứng vào một bên hợp lễ, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

257- Ahaṃ sugata mātā te tvam ca vīra pitā mama,
Saddhammasukhādo nātha tayā jātamhi gotama.

"Bạch Đấng Thiện Thế, tôi là mẹ của Ngài. Và bạch Đấng Anh Hùng, Ngài là cha của tôi."

Bạch Đấng Lãnh Đạo, Ngài là người ban cho niềm an lạc trong Chánh Pháp. Bạch Ngài Gotama, tôi được sinh ra bởi Ngài."

258- Saṃvaḍḍhīto 'yaṃ sugata rūpakāyo mayā tava,
Anindiyo dhammakāyo mama saṃvaḍḍhīto tayā.

"Bạch Đấng Thiện Thế, hình hài và thân xác của Ngài được lớn mạnh là nhờ tôi. Còn Pháp thân không thể phê phán của tôi được tăng trưởng là nhờ vào Ngài."

259- Muhuttataṇhāsamaṇaṃ khīraṃ tvam pāyito mayā,
Tayāhaṃ santamaccantaṃ dhammakhīraṃ hi pāyitā.

"Nhờ tôi, Ngài được uống giòng sữa làm dịu đi sự khao khát trong chốc lát. Nhờ Ngài, tôi được uống giòng sữa Giáo Pháp thanh tịnh vô cùng tận."

260- Vaddhanarakkhane mayhaṃ anaṇo tvam mahāmune,
Puttakāmaṃ thiyo yā tā labhantu tādisaṃ sutam.

"Bạch Đấng Đại Hiền Triết, trong việc dưỡng nuôi chăm sóc của tôi, Ngài là người không mang nợ."

Mong sao các nữ nhân có lòng mong mỏi con trai, có thể đạt được người con trai như thế này."

261- Mandhātādinārindānaṃ yā mātā sā bhavaṇṇave,
Nimuggāhaṃ tayā putta tāritā bhavasāgarā.

"Mẹ của các vị vua như đức vua Mandhātu ... là ở trong biển cả của hiện hữu."

Này con trai, tôi đã bị chìm đắm, nhờ Ngài tôi đã vượt qua khỏi đại dương của hiện hữu."

262- Rañño mātā mahesīti sulabhaṃ nāmamitthinaṃ,

Buddhamātāti yaṃ nāmaṃ etaṃ paramadullabhaṃ.

“Đối với hàng phụ nữ, danh xưng “Hoàng hậu mẹ của đức vua” là dễ dàng đạt được. Còn danh xưng “Người mẹ của Đức Phật” là đạt được vô cùng khó khăn”.

263- Tañca laddhaṃ mayā vīra paṇidhānaṃ mamaṃ tayā,

Aṇukaṃ vā mahantaṃ vā taṃ sabbhaṃ pūritaṃ mayā.

“Và bạch Đấng Anh Hùng, nhờ Ngài tôi đã đạt được điều ước nguyện ấy.

Với tôi toàn bộ những điều ấy đều nhỏ hay lớn đều được tròn đủ”.

264- Parinibbātumicchāmi viḥāyemaṃ kalebaram,

Anujānāhi me vīra dukkhantakara nāyaka.

“Sau khi từ bỏ xác thân này tôi muốn viên tịch.

Bạch Đấng Anh Hùng, vị Lãnh Đạo, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, xin Ngài hãy cho phép tôi”.

265- Cakkaṅkusadhajākiṇṇe pāde kamalakomale,

Pasārehi paṇāmaṃ te karissaṃ puttapemasā.

Xin Ngài hãy duỗi ra (hai) bàn chân mềm dịu như hoa sen được điểm tô bằng những cây cắm bánh xe và các ngọn cờ.

Tôi sẽ thể hiện sự tôn kính đến Ngài với lòng yêu mến đối với người con trai” (sđd).

Rồi bà Gotamī đê đầu đánh lễ dưới đôi chân màu hồng, có in hình bánh xe có ngàn cắm xe, tựa như đóa hoa sen nở rộ và chói sáng như mặt trời buổi bình minh. Sau khi đánh lễ xong, bà Gotamī nói lên kệ ngôn.

269- Paṇamāmi narādiccaṃ ādiccakulaketukaṃ,

Pacchime maraṇe mayhaṃ na taṃ ikkhāmaṃ puno.

“Tôi xin đánh lễ Đấng mặt trời của nhân loại, vị tiêu biểu của dòng dõi mặt trời.

Đây là lần tử biệt cuối cùng của tôi, tôi không còn được gặp Ngài nữa rồi”.

270- Itthiyo nāma lokagga sabbadosakarā matā,

Yadi ko catthi doso me khamassu karuṇākara.

“Bạch đấng Tối Cao của thế gian, hàng nữ nhân tạo nên mọi điều xấu xa rồi chết đi.

Và bạch Đấng Thực Hành bi mẫn, nếu tôi có điều sai trái gì xin Ngài tha thứ cho tôi.

271- Itthikānaṅca pabbajjaṃ yamaṃ yāciṃ punappunaṃ,

Tattha ce atthi doso me taṃ khamassu narāsabha”.

Và bạch Đấng Nhân Ngưu, tôi đã liên tục cầu xin sự xuất gia cho hàng phụ nữ.

Trong việc này nếu tôi có điều sai trái, xin Ngài hãy thứ tha điều ấy cho tôi”.

272- Mayā bhikkhuniyo vīra tavānuññāya sāsītā,

Tatra ce atthi dunnītaṃ taṃ khamassu khamādhīpa.

Bạch Đấng Đại Hùng, các Tỳkhuu ni được tôi dạy dỗ với sự cho phép của Ngài.

Bạch Đấng Chúa Tể về kham nhẫn, trong trường hợp này nếu có vấn đề huấn luyện kém cỏi, xin Ngài hãy thứ tha điều ấy cho tôi” (sđd).

Nghe bà Gotamī sám hối những lỗi do vô tình phạm phải, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay bà Gotamī, bà là người có vật trang điểm là Đức hạnh, bà có thể nhẫn nại những điều khó có thể nhẫn nại, thì đâu có điều gì phạm phải lỗi lầm.

Này Di mẫu Gotamī, nay bà muốn tiến về sự viên tịch, thì Như Lai còn biết phải nói gì hơn nữa.

Này Di mẫu Gotamī, khi hội chúng Tỳkhuu thanh tịnh không khiếm khuyết của Ta đang tiến dần ra khỏi thế gian, ví như vàng trắng ra đi vào buổi bình minh, sau khi nhìn thấy các vì tinh tú dần dần biến mất, thì Ta còn biết phải nói gì hơn nữa?.

Trưởng lão ni Gotamī dẫn đầu 500 vị Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa, vai phải hướng về Đức Thế Tôn nhiều quanh Ngài ba vòng, ví như vàng trắng rực sáng theo sau là 500 vì tinh tú chói rạng, cùng nhau nhiều quanh núi chúa Sineru (TuDi) ba vòng.

Sau khi nhiều quanh Đức Thế Tôn ba vòng, bà Gotamī đứng yên lặng chiêm ngưỡng dung quang của Đức Thế Tôn. Rồi bà Gotamī nói lên kệ ngôn.

276- Na tittapubbam tava dassanena
cakkhum na sotam tava bhāsitenā,
cittam mamam kevalamekameva
pappuyya tam dhammarasena tittim.

"Mắt tôi không hề thỏa mãn khi nhìn ngắm Ngài.

tai tôi không hề thỏa mãn khi nghe Ngài Giảng pháp.

Riêng tâm tôi đạt đến sự thỏa mãn nhờ hương vị Giáo pháp của Ngài.

277- Nadato parisāyam te vādidappāpahāriṇo,

Ye te dakkhanti vadanam dhaññā te narapuṅgava.

"Bạch Đấng Cao Quý của loài người, Ngài là vị đánh đổ sự kiêu căng của những người đối chất.

Khi Ngài đang tuyên thuyết ở hội chúng, những người nào nhìn thấy gương mặt của Ngài, những người ấy là hữu duyên".

278- Dīghaṅgulī tambanakhe subhe āyatapaṅhike,

Ye pāde paṇamissanti tepi dhaññā guṇandhara.

"Bạch Đấng có ngón (tay chân) dài, những người nào sẽ khom mình ở bàn chân xinh đẹp có gót chân nhô ra.

Bạch Bạch Thượng Đức, những người ấy cũng là hữu duyên".

279- Madhurāṇi pahaṭṭhāṇi dosagghāṇi hitāṇi ca,

Ye te vākyāṇi sossanti tepi dhaññā naruttama.

"Bạch Đấng Thượng Nhân, những người nào sẽ lắng nghe những lời nói ngọt ngào, vui vẻ, tiêu diệt lỗi lầm, và có lợi ích của Ngài.

Những người ấy cũng là hữu duyên".

280- Dhaññāham te mahāvīra pādapūjanatapparā,

Tiṇṇasaṃsārakantārā suvākyena sirīmato."

Bạch Đấng Đại Hùng, với sự nhiệt tâm trong việc lễ bái bàn chân (Ngài), con đã vượt qua khu rừng rậm luân hồi nhờ vào lời thiện thuyết của Đấng Quang Vinh, con là hữu duyên với Ngài."

Sau đó, vị Thánh nữ có hạnh kiễm tốt đẹp Mahāpajāpati Gotamī đến đánh lễ các vị Trưởng lão ALaHán và thông báo sự sẽ viên tịch của mình. Rồi bà Gotamī nói với Trưởng lão Nanda, Trưởng lão Ānanda rằng:

282- Āsivisālayasame rogāvāse kalebare,

Nbbinnā dukkhasaṃghāte jarāmaraṇagocare.

"Ta nhòem góm cái xác thân tợ như chỗ trú của rắn độc, là chỗ ngụ của bệnh tật, bị chòng chất khổ đau, là chốn lai vãng của sự già và sự chết, ...

283- Nānakalimalākīṇṇe parāyatte nirīhake,

Tena nibbāticchāmi anumaññatha puttakā."

... đầy rẫy nhiễm ô và tội lỗi, lệ thuộc vào người khác, không năng động. Vì thế Mẹ muốn viên tịch.

Này các con trai, hãy thông cảm (cho Mẹ)."

Ngài Nanda là bậc Thánh ALaHán đã diệt trừ mọi ô nhiễm, có tâm vững chắc trước mọi biến động của pháp hữu vi, đã suy xét về lẽ tự nhiên rằng:

285- Dhīratthu saṅkhatam lolam asāram kadalūpamam,

Māyamarīcisadisam ittaram anavaṭṭhitam.

"Thật là xấu hổ cho (xác thân) bị tạo tác, chao đảo, không có lõi tương tợ như cây chuối, giống như trò xảo thuật hay ảo ảnh, ngắn ngủi, không bền vững".

286- Yattha nāma jinassāyam mātucchā buddhaposikā,

Gotamī nidhanam yāti aniccam sabbasaṅkhatam."

Ngay cả bà Gotamī này, đối với Đấng Chiến Thắng là người dì, là người nuôi dưỡng Đức Phật, rồi cũng đi đến sự tử vong; tất cả pháp hữu vi là vô thường".

Riêng Ngài Ānanda là vị Thánh Hữu học, là người có sự kính mến với Đức Thế Tôn cùng tột, đã không ngăn được giòng lệ tuôn trào ra khước mắt chảy dài trên gương mặt.

Ngài Ānanda cất lên những tiếng than náo nuột như xé nát lòng người.

288- Hā santim gotamī yāti nūna buddhopi nibbutim,

Gacchati na cireneva aggiriva nirindhano.

"Hỡi ôi! Bà Gotamī đi đến chốn thanh tịnh. Hiển nhiên, chẳng bao lâu nữa Đức Phật cũng đi đến tịch diệt ví như ngọn lửa hết nguồn nhiên liệu".

Bà Gotamī nói với Ngài Ānanda, vị đang than khóc bi thương rằng:

"Hỡi này người có trí sâu rộng như đại dương về học pháp. Hỡi này vị nhiệt tâm trong việc phục vụ Đức Thế Tôn.

Này con trai, con chớ bi thương như thế, khi thời điểm hân hoan đang đến với con.

Này con trai, nơi nương nhờ của Mẹ là sự viên tịch đã đến".

291- Tayā tāta samajjhittṭho pabbajjam anujāni no,

Mā putta vimano hohi saphalo te parissamo.

"Này con thân, được cầu khẩn bởi con (Đức Phật) đã cho phép sự xuất gia đến chúng tôi. Này con trai, chớ có phiền muộn, sự nỗ lực của con là có kết quả".

292- Yam na ditṭham purāṇehi titthikācariyehi pi,

Tam padaṃ sukumārīhi sattavassāhi veditam.

"Đạo lộ ấy thậm chí không được nhìn thấy bởi các vị ngoại đạo sư trước đây lại được biết đến bởi những bé gái hiền thiện bảy tuổi".

293- Buddhasāsanapāletā pacchimam dassanam tava,

Tattha gacchāmaham putta gato yattha na dissate.

"Này vị hộ trì Giáo Pháp của Đức Phật, (giờ là) lần nhìn thấy cuối cùng của con. Này con trai, nơi nào đi đến mà không được nhìn thấy thì ta đi đến nơi ấy".

294- Kadāci dhammam desento khipi lokagganāyako,

Tadāham āsiṃsavacam avocam anukampikā:

"Có lần nọ đấng Lành Đạo tối cao của thế gian bị hắt hơi trong khi đang thuyết giảng Giáo Pháp, khi ấy với lòng từ mẫn tôi đã nói lời mong mỏi rằng:

295 - Ciram jīva mahāvīra kappam titṭha mahāmune,

Sabbalokassa atthāya bhavassu ajarāmaro."

"Bạch đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy sống thọ. Bạch bậc Đại Hiền Triết, xin Ngài hãy tồn tại trọn kiếp. Vì lợi ích của tất cả thế gian, xin Ngài hãy là vị thiên thần bất lão."

296- Tam tathāvādinim buddho mamam so etadabravi:

"Na hevam vandiyā buddhā yathā vandasi gotamī."

"Đối với tôi là người nữ có lời nói như thế về điều ấy, đức Phật ấy đã nói điều này:

"Này Gotamī, chư Phật không nên được tôn vinh như thế, giống như cách bà đã tôn vinh".

297- Katham carahi sabbaññu vanditabbā tathāgatā,

Katham avandiyā buddhā tam me akkhāhi pucchito."

"Bạch Đấng Toàn Tri, vậy thì các Đấng Như Lai là nên được tôn vinh như thế nào? Chư Phật là không nên được tôn vinh như thế nào? Được hỏi, xin Ngài hãy giảng cho con về điều ấy".

298- Āraddhaviṛiye pahitatte niccam dāḥaparakkame,

samagge sāvake passe esā buddhānavandanā.

"Bà hãy nhìn xem các vị đệ tử là có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, có sự nỗ lực mạnh mẽ một cách bền bỉ, có sự hòa hợp; ấy là sự tôn vinh chư Phật".

299- Tato upassayam gantvā ekikāham vicintayim,

Samaggam parisam nātho roceti tibhavantago.

"Từ nơi ấy, sau khi đi về Ni viện, chỉ có một mình tôi đã suy nghiệm rằng: "Đấng Bảo Hộ, vị đi đến tận cùng Tam Giới hài lòng về tập thể có sự hòa hợp.

300- Handāham parinibbissam mā vipattim tamaddasam",

Evāhaṃ cintayitvāna disvāna isisattamaṃ.

"Vây thì ta sẽ viên tịch, ta chớ chứng kiến sự băng hoại ấy".

Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã diện kiến bậc Đệ Nhất Ấn Sĩ".

301 - Parinibbānakālaṃ me ārocesim vināyakamaṃ,

Tato so samanunhāsi "Kālaṃ jānāhi gotamī".

"Tôi đã thông báo thời điểm viên tịch của tôi đến bậc Hướng Đạo.

Sau đó, vị ấy đã đồng ý rằng: "Này Gotamī, bà hãy biết lấy thời điểm".

Thật vậy, tất cả phiền não của ta đã được thiêu rụi, các hữu đã được xóa sạch. Như con voi cái đã bức đứt tất cả giây trói buộc, thông dong ra đi; cũng vậy, ta sống không còn ô nhiễm (anāsava)

302- Svāgataṃ vata me āsi buddhassetthassa santike,

Tisso vijjā anuppattā kataṃ buddhassa sāsanaṃ.

"Thật vậy, Ta đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu Tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của Đức Phật tối thượng.

303- Paṭisambhidā catasso vimokkhāpi ca aṭṭhime,

Chalabhiññā sacchikatā kataṃ buddhassa sāsanaṃ.

"Ta đã đắc chứng bốn (tuệ) phân tích, tám giải thoát, và sáu thắng trí; Ta đã thực hành lời dạy của Đức Phật".

Đức Thế Tôn dạy bà Gotamī rằng:

- Này Gotamī, những kẻ ngu si không chú tâm và trì trệ trong việc lãnh hội Giáo pháp của Đấng Như Lai. Bà hãy thị hiện thông lực vì lợi ích cho sự từ bỏ tà kiến của những kẻ ngu si ấy.

- Thừa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Bà Gotamī cúi mình đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi bước lên hư không. Ở giữa hư không, bà thị hiện nhiều loại thần thông.

*Một thân bà biến thành nhiều thân, rồi nhiều thân trở thành một thân.

*Ở giữa hư không bà biến mất, rồi xuất hiện ở nơi khác.

*Xuyên qua vách tường, xuyên qua núi không bị chướng ngại.

*Chìm trong trái đất, rồi nổi lên nơi khác.

*Đi trên nước như đi trên đất liền.

*Với tư thế "ngồi trên chân", bà di chuyển giữa không trung như loài chim bay giữa hư không.

*Hào quang từ thân bà phát ra, chiếu sáng đến tận cõi Phạm thiên Sắc Cứu cánh.

*Biến núi Sineru (TuDi) làm cán lọng, còn trái đất trở thành lọng che. Tay bà cầm cán lọng rồi đi kinh hành ở giữa hư không.

*Bao phủ trái đất bằng khói đàn mù mịn, rồi sáu mặt trời cùng mọc lên, những tia lửa từ sáu mặt trời phún ra như những bông hoa rực lửa, tựa như thế gian đến thời bị tiêu hoại.

*Với lòng một bàn tay, bà gom gọn những ngọn núi lớn như: Núi Mucalinda, núi Meru và núi Daddara, nhưng đang nắm lấy những hạt cải.

(Núi Meru. Là tên gọi khác của núi Sineru (TuDi).

*Núi Daddara.

Là núi trên rặng HyMāLapSơn⁽¹⁾, núi mang tên Daddara vì có nhiều sấm sét).

*Với đầu ngón tay, bà che khuất mặt trời và mặt trăng.

*Nắm giữ ngàn mặt trời và ngàn mặt trăng, như nắm giữ tràng hoa.

*Gom nước cả bốn biển lớn trong lòng bàn tay.

*Tạo ra trận mưa lớn với hình dáng của đám mây đen vào lúc tận thế.

*Hóa thành vua Chuyển Luân cùng đại chúng tùy tùng.

(1)- JA. ii. 8; JA.ii. 67; JA. iii. 16

*Khiến đại chúng thấy được loài KimXíĐiểu, voi, và sư tử đang gầm rống.

*Một mình, bà hiện ra vô số Tỳkhuu ni, che phủ cả khoảng không gian. Sau đó tất cả lại biến mất, chỉ còn một mình bà.

Từ hư không, bà Gotamī đi xuống đến trước Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Đấng Đại Hùng, bạch Đấng Hữu Nhân, người dì của Ngài là người nữ thực hành theo lời dạy của Ngài, đã đạt đến lợi ích cao thượng. Người nữ ấy xin đánh lễ dưới chân của Ngài.

Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bà Mahāpajāpati Gotamī đứng sang một bên, bạch rằng:

- Bạch Đấng Đại Hiền Trí, tôi nay được 120 tuổi tính từ lúc sinh ra, như thế là vừa đủ. Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay tôi sẽ viên tịch.

Khi ấy năm trăm Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa đồng đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang một bên, xin Đức Thế Tôn được viên tịch cùng với bà Gotamī. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các nữ ni, khi các người muốn viên tịch thì Như Lai còn biết nói gì hơn nữa. Các người hãy làm những gì mà các người nghĩ là thích hợp.

Bà Gotamī cùng năm trăm Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ra đi.

Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu, tiến đoàn Thánh nữ đến tận cổng tự viện "*Giảng đường nóc nhọn*".

Khi về đến Ni viện, tất cả các vị Thánh nữ ALaHán ngồi vào chỗ ngồi của mình nơi Giảng Pháp đường. Tất cả an trú tâm vào thiền tịnh, theo chiều thuận từ Sơ thiền đến Phi tướng phi tướng xứ thiền, rồi theo chiều nghịch từ Phi tướng phi tướng xứ thiền trở lui đến Sơ thiền.

Rồi nhập thiền theo chiều thuận, khi vừa xuất khỏi Tứ thiền Sắc giới, tất cả đồng viên tịch.

Trái đất chuyển động mạnh, trên không trung sấm nổ liên hồi, núi chúa Sineru (TuDi) cũng rung động giống như vũ công ở giữa sàn nhảy, đại hải gào thét dữ dội, một trận mưa hoa từ không trung rơi xuống.

Những Thiên nhân, Long vương, Atula và Phạm thiên cảm thán rằng: "Các pháp hữu vi là vô thường, các vị Thánh nữ này cùng đi đến hoại diệt là điểm cuối cùng như thế ấy".

Các cận sự nam nữ cùng nhau thiết lập một hỏa đài rộng ở giữa khu Đại Lâm, vua Trời Sakka (ĐếThích) bảo Thiên thần Kiến trúc là Vissakamma (Quít-Sá-Kăm-Má) kiến tạo 500 mái nhà nóc nhọn bằng vàng ở trong Ni viện.

Đức Thế Tôn dạy Ngài Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, hãy thông báo cho Tăng chúng biết "Di mẫu Gotamī cùng năm trăm nữ ni dòng ThíchCa đã viên tịch".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Ngài Ānanda không còn nét hân hoan, mắt đầm đìa những giọt lệ, với giọng nức nở, nghẹn ngào, đứt quãng từng hồi, thông báo rằng: "Hỡi chư Tỳkhuu, đệ tử Đấng Thiện Thệ đang ngụ ở hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, xin hãy lắng nghe lời của tôi: "Bà Gotamī là di mẫu của Đức Thế Tôn, người nuôi dưỡng xác thân cuối cùng của Đấng Thiện Thệ, bà đi đến nơi an tịnh cuối cùng như ánh sao Mai tắt lịm khi bình minh xuất hiện". Xin các vị đệ tử của Đấng Thiện Thệ hãy thể hiện sự tôn kính đối với Di mẫu Gotamī".

Do Phật lực, các Tỳkhuu đang trú ngụ trên đất Ấn lúc bấy giờ đều nghe rõ thông báo của Ngài Ānanda, những vị có năng lực thần thông theo đường hư không đi đến "*Giảng đường nóc nhọn*", những vị không có thần thông nương vào Phật lực đi đến "*Giảng đường nóc nhọn*".

Phạm thiên, chư Thiên, CànThátBà... cùng tụ hội nơi "Giảng đường nóc nhọn", khiến toàn bộ Đại Lâm sáng rực hào quang vàng ròng óng ánh như được tinh luyện hằng trăm lần.

Đức Thế Tôn dẫn đầu đại chúng Tỳkhuu đi đến Ni viện.

Bấy giờ, bà Gotamī viên tịch trong tư thế ngồi, nơi bà thường tọa thiền, các Tỳkhuu ni theo lời dạy của Đức Thế Tôn, đưa di thể của bà Gotamī ngồi trên chiếc giường nhỏ (nơi an nghỉ của bà).

Tứ đại Thiên vương cùng nhau ghé vai khiêng chiếc giường nhỏ đi đến ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng, đặt di thể bà Gotamī vào bên trong; những thiên nhân tùy tùng của Tứ Đại vương ghé vai khiêng những chiếc giường nhỏ có di thể của 500 Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa, đi đến những ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng, đặt di thể các Ngài bên trong.

Vua Trời ĐếThích cùng các Thiên nhân tùy tùng khiêng năm trăm ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng ròng, cùng nhau đi đến hỏa đài.

Chư thiên mang thiên hoa, vật thơm nơi cõi trời cùng các hương liệu rải xuống hỏa đài cúng dường, vô số cờ cùng những tấm màn hoa được dựng hai bên vệ đường dẫn từ Ni viện đến Hỏa đài, hoa từ không trung rơi xuống dày đặc không còn kể hở, như lót thảm dưới chân Đức Thế Tôn cùng đại chúng.

Mặt trời tuy đi dần đến chính Ngọ (giữa trưa) nhưng không hề nóng bức, mát dịu tựa như ánh sáng mặt trăng.

Trên không trung những thiên thần nhạc sĩ, các thiên nữ vũ công cùng nhau hát lên những bản nhạc trời và múa những vũ khúc nơi thiên giới.

Các Rắn chúa, Atula có thần lực, Daxoa chư thiên và những Phạm thiên khác cùng nhau cúng dường đến di thể năm trăm Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa đang được rước đi đến Hỏa đài, theo khả năng có được của mình.

Toàn bộ Tỳkhuu ni đệ tử do bà Di mẫu Gotamī đi trước, kế đến là di thể của Bà Gotamī được đặt trong ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng, tiếp theo là 500 ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng bên trong là di thể 500 vị Thánh nữ ALaHán.

Nhân loại, chư thiên cùng Long Vương, Atula, Daxo và Phạm Thiên theo sau năm trăm ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng.

Kế đến là Đức Thế Tôn, chư Thánh Thinh văn và đại chúng Tỳkhuu, nhằm mục đích tôn vinh Di mẫu Gotamī.

Lễ hỏa táng di hài của bà Di mẫu Gotamī thật phi thường, có Đức Thế Tôn cùng hai vị Thánh Thượng thủ thinh văn; hơn cả lễ hỏa táng di thể hai vị Thượng thủ thinh văn, vì không có sự hiện diện của Đức Thế Tôn.

Lại nữa, lễ hỏa táng di thể Đức Thế Tôn không có sự hiện diện của hai vị Thượng thủ Thinh Văn.

Hỏa đài được kiến tạo bằng những loại gỗ quý, năm trăm ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng được đặt lên hỏa đài theo tuần tự, ngôi nhà nóc nhọn có di thể bà Gotamī được đặt trên cao ở giữa, chung quanh là những ngôi nhà nóc nhọn bằng vàng khác, tựa như vàng trắng được bao quanh những vì tinh tú đang chiếu sáng xuống thế gian.

Vua trời Sakka (ĐếThích) dâng đến Đức Thế Tôn viên hỏa ngọc, Đức Thế Tôn tự thân đặt viên hỏa ngọc vào Hỏa đài. Ngọn lửa phát lên và thiêu rụi tất cả chỉ còn lưu lại XáLợi.

Ngài Ānanda cảm thán rằng.

403- Gotamī nidhanam yātā dadḍham cassā sarīrakam,
saṅke 'ham buddhanibbānam na cirena bhavissati."

"Bà Gotamī đã đi đến sự yên nghỉ, và thi thể của bà ấy đã được thiêu đốt. Tôi e rằng sự NípBàn của Đức Phật sẽ không lâu" (sđd).

Đức Thế Tôn dạy Ngài Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, hãy gom Xá Lợi của Di mẫu Gotamī đặt vào trong chiếc bát của bà.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nhận chiếc bát có chứa Xá Lợi của bà Gotamī trên tay, Ngài nói lên những kệ ngôn tán thán công hạnh của bà Gotamī rằng:

405- ... Mahato sāravantassa yathā rukkhasa tiṭṭhato.

"So sánh với thân cây to lớn có lõi đang đứng thẳng, ...

406- Yo so mahattaro khandho palujjeyya aniccatā,
Tathā bhikkhunīsaṅghassa gotamī parinibbutā.

"... giống cây nào dầu có thân lớn hơn vẫn bị ngã xuống bởi vì tính chất vô thường, tương tự như thế bà Gotamī của hội chúng Tỳkhuu ni đã viên tịch".

407- Aho acchariyaṃ mayhaṃ nibbutāyapi mātuyā,
Sarīramattasesāya natthi sokapariddavo.

"Ôi! Quả là ngạc nhiên đối với Ta ngay cả trong sự viên tịch của người mẹ chỉ còn lại phần nhỏ về Xá Lợi, không có gì sầu muộn hay than vãn".

408- Na sociyā paresaṃ sā tiṇṇasaṃsārasāgarā,
Parivajjitasantāpā sītibhūtā sunibbutā.

"Những người khác không có gì phải sầu khổ, bà đã vượt qua biển cả luân hồi, sự bực bội đã lìa, được trạng thái mát mẻ, đã viên tịch tốt đẹp".

409- Paṇḍitāsi mahāpaññā puthupaññā tatheva ca,
Rattaññū bhikkhunīnaṃ sā evaṃ dhāretha bhikkhavo.

"Bà đã là vị thông thái có tuệ vĩ đại, và tương tự như thế ấy bà là vị có tuệ bao quát, Là vị kỳ cựu trong số các Tỳkhuu ni. Nay các Tỳkhuu, các người hãy ghi nhận như thế ấy".

410- Iddhiyā ca vasī āsi dibbāya sotadhātuyā,
Cetopariyaññassa vasī āsi ca gotamī.

"Bà Gotamī đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực về trí biết tâm của người khác".

411- Pubbe nivāsaṃ aññāsi dibbacakkhu visodhitam,
Sabbāsavaparikkhīṇā natthi tassā punabbhavo.

"Bà đã biết được đời sống trước đây, thiên nhân đã được thanh tịnh, Tất cả các ô nhiễm đã được cạn kiệt, đối với bà ấy không còn tái sinh".

412- Atthadhammaniruttisu paṭibhāne tatheva ca,
Parisuddham ahu ñaṇaṃ tasmā socaniyā na sā.

"Bà đã có được trí hoàn toàn thanh tịnh về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tự y như thế về phép biện giải; vì thế không nên sầu muộn".

413- Ayoghanahatasseva jalato jātavedaso,
Anupubbūpasantassa yathā na ñāyate gati.

"Giống như đối với ngọn lửa cháy sáng hủy hoại luôn cả chiếc búa sắt (nhưng khi) đã được dập tắt theo tuần tự thì nơi đi đến cũng không được biết".

414- Evaṃ sammā vimuttānaṃ kāmabandhohatāriṇaṃ,
Paññāpetuṃ gati natthi pattānaṃ acalaṃ padaṃ.

"Tương tự như vậy, đối với những người đã được giải thoát đúng đắn, có sự vượt qua dòng lũ ràng buộc của các dục lạc, đã đạt được vị thế bất động thì không còn cảnh giới tái sinh nào để nhận biết nữa".

415- Attadīpā tato hotha satipaṭṭhānagocārā,
Bhāvetvā sattabojjhaṅge dukkhasantaṃ karissathā'ti.

"Do đó, các người hãy là hòn đảo của chính bản thân, có hành xử là các sự thiết lập niệm. Sau khi tu tập bảy chi phần giác ngộ, các người sẽ làm chấm dứt sự khổ đau".

Xá Lợi của 500 vị Thánh nữ ALaHán được tôn thờ trong Bảo tháp nơi Ni viện trong kinh thành Vesālī (VệXá).

f- Các bốn sự liên hệ đến bà Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī.

Bà Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī được đề cập trong những “câu chuyện tiền thân” sau đây.

**Bốn sự Cūḷanandiya (Tiểu Hân hoan).*

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Mahāpajāpati Gotamī là khi mẹ.

**Duyên khởi.*

Có lần các Tỳkhuu tụ họp với nhau nơi Giảng Pháp đường trong Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra) bàn luận với nhau rằng:

- Nay chư hiền, Tôn giả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) thật khắc nghiệt, độc ác đã thuê bọn cướp ám hại Đức Thế Tôn, lăn đá đè Đức Thế Tôn. Lại còn công khai thả voi điên Nālagiri (Na-Lá-Kí-Rí) sát hại Đức Thế Tôn. Tôn giả Devadatta không có lòng từ bi với Bạc Đạo Sư.

Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được sự bàn luận của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, Ngài hỏi các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các người đang bàn luận về vấn đề gì? Vấn đề gì đang được khởi lên ở nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề đang được bàn luận. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, chẳng phải hiện tại Devadatta khắc nghiệt, không có tâm bi mẫn, trong quá khứ Devadatta cũng đã từng như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nêu lên tiền sự.

Bốn sự.

Thuở quá khứ, khi vua Brahmadata trị vì xứ Kāsi, có kinh thành là Bārāṇasī (BaLaNại).

Bấy giờ Bòtát sinh làm khi chúa có tên là Mahānandiya (Đại Hân hoan) trú ngụ nơi núi Tuyết, Ngài có con khi em là Cūḷanandiya (Tiểu Hân hoan), cả hai cai quản đàn khi là 84.000 con. Hai khi chúa có khi mẹ bị mù.

Hai khi chúa an trú khi mẹ vào một gốc cây an toàn, rồi dẫn đàn khi đi sâu vào rừng tìm trái cây ngon ngọt, khi chúa Nandiya gửi những trái cây ngon thơm về cho khi mẹ, nhưng những con khi không mang trái cây về cho khi mẹ, vì vậy khi mẹ thường xuyên bị đói, chỉ còn da bọc xương.

Khi về, khi chúa Nandiya (Năn-Đí-Dá) hỏi:

- Vì sao mẹ gầy ốm như thế?

- Vì ta thường xuyên phải nhịn đói.

-Ồ! Chúng con có gửi cho mẹ những trái cây ngon ngọt mà?

- Ta không nhận được những trái cây nào cả.

Khi chúa Mahānandiya (Má-Ha-Năn-Đí-Dá) suy nghĩ: “Nếu ta lo chăm nom đàn khi thì mẹ ta chết mất”, Ngài bảo khi em Cūḷanandiya (Chun-Lá-Năn-Đí-Dá) rằng: “Này em, em hãy chăm nom đàn khi thay ta”.

- Còn anh thì như thế nào?

- Ta sẽ chăm sóc mẹ.

- Em không thể chăm nom được đàn khi đông đảo như vậy. Em chỉ muốn chăm sóc mẹ mà thôi.

Cả hai khi chúa lìa bỏ đàn khi, công khi mẹ xuống chân núi Tuyết, trú ngụ nơi cây Bàng nơi vùng biên địa của Vương quốc Kāsi, cùng nhau nuôi dưỡng khi mẹ đang mù lòa.

Nơi kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại) có một thanh niên, sau một thời theo học nghiệp nghệ từ một danh sư nơi kinh thành Takkasilā (Tắc-Ká-Sí-La), thanh niên xin phép thầy trở về quê hương.

Vị danh sư có tài xem tướng pháp, đoán được người đệ tử này là người độc ác, khắc nghiệt, không có tâm bi mẫn, nên dạy rằng.

- Nay con, người độc ác, tàn bạo sẽ gặp phải hậu quả khắc nghiệt, sẽ nhận lãnh khổ nạn lớn. Con chớ làm gì độc ác, tàn bạo để rồi nhận lấy hậu quả thảm khốc.

Người đệ tử trở về kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại) sinh sống, nhưng không thể sống các nghề khác. Anh quyết định rời khỏi kinh thành Bārāṇasī đi đến một ngôi làng vùng biên địa, sống bằng nghề săn thú rừng, hằng ngày anh mang cung tên đi vào rừng để săn thú, mang về bán thịt để sinh sống.

Một hôm, người thợ săn không bắn được con thú nào cả, trên đường về nhà, người thợ săn đi đến cây Bàng hy vọng tìm được con thú nhỏ nào đó.

Hai khỉ chúa đang cho khỉ mẹ ăn những trái cây ngon ngọt, nhìn thấy người thợ săn từ xa, hai khỉ chúa vội mang khỉ mẹ đặt trên cành cây cao có lá rậm che phủ, rồi núp vào giữa những cành cây có lá rậm.

Người thợ săn đi đến cội cây Bàng, nhìn lên trên cây Bàng, khỉ mẹ do mù lòa nên không thấy gã thợ săn, lay động cành lá khiến gã thợ săn nhìn thấy khỉ mẹ, y suy nghĩ: “Vì sao ta phải trở về tay không? Ta hãy bắn con khỉ này rồi mang về nhà”. Gã thợ săn đưa cung tên nhắm vào khỉ mẹ để bắn, thấy vậy khỉ chúa Mahānandiya nói với em rằng:

- Nay em, người thợ săn này muốn giết mẹ chúng ta, anh sẽ thế mạng cho mẹ, còn em hãy thay anh nuôi dưỡng mẹ.

Khỉ chúa Mahānandiya từ nơi ẩn núp chuyền đến đứng che cho khỉ mẹ, nói rằng:

- Nay người kia, chớ có bắn mẹ ta, mẹ ta đã già lại mù lòa. Ta sẽ thế mạng cho mẹ ta, người hãy tha mạng cho mẹ ta.

Rồi khỉ chúa Mahānandi đứng yên, gã thợ săn bắn tên vào người khỉ chúa, khỉ chúa rơi xuống đất, rồi gã thợ săn độc ác lại đưa cung tên lên nhắm bắn khỉ mẹ, khỉ Cūlanandiya thấy vậy, suy nghĩ: “Gã thợ săn này thật ác độc, anh ta đã thế mạng mà y vẫn không tha mạng cho mẹ ta, ta hãy cứu mạng mẹ ta”.

Khỉ Cūlanandiya từ nơi ẩn núp lộ thân, nói rằng:

- Nay người thợ săn, chớ giết mẹ ta. Ta sẽ thế mạng cho mẹ ta, hãy tha mạng cho mẹ ta.

Gã thợ săn độc ác bắn chết khỉ Cūlanandiya rồi bắn chết khỉ mẹ mù lòa, gánh ba xác khỉ trên cây đòn mang về nhà.

Một cơn mưa lớn đổ xuống, sấm sét đánh chết vợ con của y, y về đến cổng làng có người báo rằng: «Này anh, vợ con của anh bị sét đánh chết cả rồi».

Y kinh hoàng ném ba xác khỉ xuống chạy ngay về nhà, thấy vợ con nằm chết thân thể cháy xám, y than khóc thảm thiết, cây cột nhà gãy ngang rơi xuống trúng đầu y, đồng thời nơi y đứng đất nứt ra rút y vào lòng đất.

Y chợt nhớ đến lời khuyên của vị danh sư, y hối hận nói lên kệ ngôn.

143- Idam tadācariyavaco, pārāsariyo yadabravi;

Māsu tvam akari pāpam, yam tvam pacchā katam tape.

“Đây là lời vị danh sư; Pa-Ra-Sá-Rí-Dá đã khuyên.

Đừng có làm điều ác; người nhận thảm họa nơi thân”.

144- Yāni karoti puriso, tāni attani passati;

Kalyānakārī kalyāṇam, pāpakārī ca pāpakam;

Yādisam vapate bijam, tādisam harate phala”nti.

«Người làm như thế nào; thấy điều ấy đến với ta.

Làm thiện nhân được thiên; làm ác nhận quả ác.

Như gieo hạt giống nào; có quả của giống ấy».

Người thợ săn ác độc mệnh chung tái sinh vào địa ngục Avīci (ATỳ).

**Nhận diện bốn sự.*

Người thợ săn độc ác nay là Tôn giả Devadatta (Đê-Quá-Đát-Tá), vị Danh sư nay là Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất), khi mẹ nay là Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī, khi Cūḷanandiyā nay là Ngài Ananda, khi chúa Mahānandiyā nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

**Bốn sự Culladhammapāla (Tiểu Hộ pháp).*

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Mahāpajāpati Gotamī là Chánh hậu Candā.

**Duyên khởi.*

Trong một thời gian dài, Tôn giả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) tìm cách sát hại Đức Thế Tôn.

Nơi Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra), các Tỳkhuu cùng nhau bàn luận về vấn đề này. Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay các Tỳkhuu, các người đang bàn luận vấn đề gì? Vấn đề gì được khởi lên ở nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn vấn đề đang được bàn luận, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, chẳng phải hôm nay Devadatta ganh tỵ, tìm cách sát hại ta nhiều lần. Trong quá khứ đã có lần như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nêu lên Bốn sự Culladhammapāla (Tiểu Hộ Pháp).

**Bốn sự.*

Thuở xưa, khi vua Mahāpatāna (Má-Ha-Pá-Ta-Ná) trị vì Vương quốc Kāśi (Ka-Sí) có kinh thành là Bārāṇasī (Ba-La-Nại). Đức vua có Chánh hậu xinh đẹp là Candā (Chăn-Đa).

Chánh hậu Candā sinh ra một Tử hoàng có tên là Dhammapāla (Hộ Pháp). Khi Thái tử Dhammapāla (Thăm-Má-Pa-Lá) được 7 tháng tuổi, Chánh hậu Candā tắm con bằng nước thơm, mặc y phục sang trọng cho Thái tử, rồi nài nỉ đưa với con trai.

Vua Mahāpatāna đi đến vương cung của Chánh hậu Candā, do mãi nài nỉ cùng con với tình thương của người mẹ, Chánh hậu Candā không nhìn thấy vua Mahāpatāna đến, nên bà không đứng dậy chào đón.

Vua Mahāpatāna phẫn nộ rằng: “Nữ nhân này, giờ đây xem con trai mình trọng hơn ta, khi đứa bé này lớn lên, nữ nhân này chỉ còn biết đến con mình, chẳng còn quan tâm đến bất kỳ ai. Ta sẽ giết đứa bé này”.

Vua Mahāpatāna phẫn nộ ra khỏi vương cung của Chánh hậu Candā, ngồi trên chiếc ghế dành riêng cho mình, vua Patāna (Pá-Ta-Ná) cho gọi người hành hình mang những dụng cụ tra tấn đến.

Khi người hành hình đi đến cung vua, sau khi đánh lễ vua Patāna xong rồi, bạch hỏi rằng:

- Thưa Đại vương, Đại vương cần gì?

- Hãy đến cung của Chánh hậu Candā, mang Thái tử Dhammapāla đến đây cho ta.

- Vâng, thưa Đại vương.

Gã hành hình đi đến Vương cung của Chánh hậu Candā. Khi vua Patāna (Pá-Ta-Ná) giận dữ rời khỏi cung, Chánh hậu Candā (Chăn-Đa) kinh hoàng, ôm con vào lòng ngồi khóc. Gã hành hình đi đến cung của Chánh hậu, thưa rằng:

- Đại vương dạy tôi mang Thái tử Dhammapāla đến cho Đại vương. Xin Chánh hậu hãy trao Thái tử cho tôi.

Chánh hậu Candā ôm chặt con vào lòng, nói rằng:

- Đây là con trai của ta, ta không thể giao cho người được.

(1)- JA. ii. Cūḷanandiyājāta (Bốn sự Cūḷanandiyā), câu chuyện số 222.

Sau ba lần yêu cầu Chánh hậu Candā trao Thái tử cho mình không được, gã hành hình đánh mạnh vào lưng của Chánh hậu, rồi giật Thái tử trong tay Chánh hậu Candā mang đến cung của vua Patāna.

Chánh hậu Candā cố gắng đuổi theo gã hành hình để bảo vệ con trai mình.

Khi mang Thái tử Dhammapāla đến cung vua Patāna, gã hành hình thưa rằng :

- Thưa Đại vương, Ngài cần gì ?

- Hãy mang tấm ván đặt trước mặt ta, đặt nó nằm trên tấm ván. Chặt hai tay nó cho ta.

Hoàng hậu vừa chạy đến, nghe lệnh truyền của vua Patāna, nàng kinh hoàng kêu lên rằng :

- Thưa Đại vương, con trai tôi mới có 7 tháng tuổi, có biết gì đâu. Lỗi là của tôi, xin Ngài hãy chặt tay tôi đi, đừng chặt tay đứa bé ngây thơ vô tội.

Vua Patāna đưa mắt nhìn gã hành hình, y thưa rằng :

- Thưa Đại vương, Ngài cần gì ?

- Đừng trì hoãn nữa, hãy chặt tay nó đi.

Với cái rìu sắc bén trong tay, gã hành hình chặt đôi tay búp măng của hài tử, Chánh hậu Nandā ôm đôi cánh tay vấy máu của con trai vào lòng, than khóc thảm thiết. Vua Patāna càng giận dữ khi thấy Chánh hậu than khóc, ra lệnh tiếp :

- Hãy chặt chân nó.

Kinh hoàng, Chánh hậu chạy đến dùng thân che chắn cho con trai, nói với vua Patāna rằng :

- Tội lỗi là do tôi, xin Đại vương hãy tha cho Dhammapāla, Đại vương hãy chặt chân tôi đi.

Gã hành hình xô nàng ngã chúi sang một bên, vung rìu bén chặt đôi chân của Thái tử.

Chánh hậu Candā bàng hoàng, nàng lượm đôi chân đầy máu tươi của con, ôm vào lòng nói rằng :

- Thưa Đại vương, mẹ phải nuôi dưỡng con. Xin Đại vương hãy giao Dhammapāla cho tôi, tôi sẽ đi làm để nuôi con mình.

Gã hành hình nói :

- Thưa Đại vương, Ngài đã hài lòng chưa ? Việc của tôi như thế là xong chưa?

- Ta chưa hài lòng.

- Thưa Đại vương, tôi còn phải làm gì nữa?

- Hãy chặt đầu nó đi.

Nghe vậy, Chánh hậu đứng lạng người như chết đứng, nàng không còn đủ sức nói lên lời van xin cho đứa con vô tội của mình, gã hành hình vung rìu chặt đầu Thái tử Dhammapāla. Vua Patāna ra lệnh tiếp :

- Hạy dùng gươm biến thân nó giống như vòng hoa đầy máu.

Gã hành hình tung xác Thái tử lên hư không, dùng gươm bén khoét thịt văng ra, thân hình Thái tử như đeo vòng hoa tuôn đầy máu chung quanh, những miếng thịt rơi rải trên thềm cung điện.

Chánh hậu Candā không còn đủ sức than khóc nữa, nàng quỵ xuống cố lết từ nơi này đến nơi kia để nhặt lấy những mảnh thịt của con ôm vào lòng, rồi quá đau khổ nàng ngã lăn ra bể tim mà chết.

Vua Patāna cũng không thể ngồi yên trên ghế, vua Patāna té rớt xuống đất, đất nứt đôi dìm thân hình của vua Patāna vào bên trong.

Vua Patāna mệnh chung tái sinh vào địa ngục Avīci (Atỳ).

**Nhận diện Bốn sự.*

Vua Patāna nay là Tôn giả Devadatta; Chánh hậu Candā nay là Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī; Thái tử Dhammapāla nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

**Bốn sự Vessantara.*

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Mahāpajāpati Gotamī là công chúa thứ tư của vua Kikī có tên là Bhikkhadāyikā (hay Bhikkhadāsikā).

Theo Bốn sự Vessantara, Đức vua Kikī (Kí-Kí) có 8 người con gái:

- Công chúa Uracchadā (Ú-Rắc-Chá-Đa) khi được 16 tuổi, nghe pháp từ Đức Thế Tôn Kassapa (CaDiếp), nàng chứng Thánh quả ALaHán và viên tịch ngay trong ngày hôm ấy. Bảy nàng công nương còn lại là:

- Công chúa Samanī (Sá-Ma-Ni; nay là Thánh nữ Khemā (Khê-Ma) đệ nhất trí uệ về Ni giới).

- Công chúa Samaṇaguttā (Sá-Má-Ná-Gút-Ta; nay là Thánh nữ Uppalavaṇṇā (Úp-Pá-Lá-Quảng-Na), đệ nhất thần thông của Ni giới).

- Công chúa Bhikkhunī (Phích-Khú-Ni; nay là Thánh nữ Paṭācārā (Pá-Ta-Cha-Ra) đệ nhất trì Luật về Ni giới).

- Công chúa Bhikkhadāyikā (Phít-Khá-Đa-Dí-Ka; nay là bà Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī).

- Công chúa Dhammā (Thăm-Ma; nay là Thánh nữ Dhammadinnā (Thăm-Má-Đin-Na) đệ nhất Giảng pháp của Ni giới).

- Công chúa Sudhammā (Sú-Thăm-Ma; nay là Hoàng Hậu Māyā (Ma-Da)).

- Công chúa Saṅghadāsī (Săng-Khá-Đa-Si); nat là nàng Visākhā (Qu1i-Sa-Kha)⁽²⁾.

Như có Pāli văn.

Samanī samaṇaguttā ca, bhikkhunī bhikkhadāyikā;

Dhammā ceva sudhammā ca, saṅghadāsī ca sattamī"ti.

Tā imasmim buddhuppāde –

"Khemā uppalavaṇṇā ca, paṭācārā ca gotamī;

Dhammadinnā mahāmāyā, visākhā cāpi sattamī"ti.

"Samanī, Samaṇaguttā và Bhikkhunī, Bikkhadāyikā;

Cùng với Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāsī là thứ bảy".

Vào thời Đức Phật hiện tại là.

"Khemā và Uppalavaṇṇā, Paṭācārā và Gotamī.

Dhammadinnā, Mahāmāyā, Visākhā là thứ bảy"⁽³⁾.

Theo Bản Sớ giải Tăng chi kinh và tập Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão ni", có khác chút ít là.

- Cô công chúa thứ tư nay là Thánh nữ Bhaddā Kuṇḍalakesī (Phách-Đa Kung-Đá-Lá-Kê-Si).

- Cô công chúa thứ sáu Sudhammā, nay là Thánh nữ Kisā Gotamī (Kí-Sa Go-Tá-Mi), đệ nhất "mặc y cũ rách" của Ni giới.

Tập Apadāna (Thánh nhân Ký sự) cũng ghi nhận:

447- Samanī samaṇaguttā ca bhikkhunī bhikkhadāsikā,

Dhammā ceva sudhammā ca sattamī saṅghadāsikā.

"Samanī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhadāsikā, Dhammā.

Luôn cả Sudhammā nữa, và Saṅghadāsikā là thứ bảy".

448- Ahaṃ uppalavaṇṇā ca paṭācārā ca kuṇḍalā,

Kisāgotamī dhammadinnā visākhā hoti sattamī.

"Tôi và Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Kuṇḍalā.

(1)- JA. iii. Culladhammapāla-jātaka (Bốn sự Tiểu Hộ Pháp), câu chuyện số 358.

(2)- JA. iv. 481. Vessantarajātaka (Bốn sự Vessantara), chuyện số 547. Nhưng theo tập Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni và tập Ký sự (Apadāna) thì đó là tiền thân của nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā.

(3)- JA. iv. 481. Vessantarajātaka.

Kisāgotamī, Dhammadinnā cùng Visākhā là thứ bảy (vào thời hiện tại)”(1).

4- *Những Thánh nữ ALaHán dòng ThíchCa.*

a- *Trưởng lão ni Tissā.*

Trong quá khứ nàng tích lũy nhiều công hạnh qua các thời của nhiều vị Chánh Giác. Trong thời hiện tại, nàng tái sinh vào kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ) trong một gia tộc quyền quý của dòng ThíchCa, được tuyển vào nội cung của Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa), được gọi là Tissā (Tít-Sa).

Nàng theo Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī đi đến Đại Lâm, xin được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Nàng thọ giới Học nữ (Sikkhāmānā), tinh cần tu tập thiền quán, nhận thấy duyên lành Thánh quả của nàng chín muồi, Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, Ngài dạy kệ ngôn.

4- Tisse sikkhassu sikkhāya, mā taṃ yogā upaccagum;

Sabbayogavisamṃyuttā, cara loke anāsavā”ti.

”Tissā hãy học tập, học trong những học pháp.

Chớ để cho các ách, vượt khỏi chi phối nàng.

Hãy sống không liên hệ, mọi ách không trói buộc.

Sống giữa thế giới này, không có các lậu hoặc” (HT.TMC d).

Hân hoan nàng phát triển tuệ quán chứng Thánh quả ALaHán.

Về sau nàng thường lập lại kệ ngôn này để tuyên bố Thánh trí ALaHán của mình(2).

b- *Trưởng lão ni Tissā khác.*

Tương tự như Trưởng lão ni Tissā ở trên.

Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, nói lên kệ ngôn.

5- Tisse yuñjassu dhammehi, khaṇo taṃ mā upaccagā;

Khaṇātītā hi socanti, nirayamhi samappitā”ti.

”Tissā, hãy cột tâm, tập trung trên các pháp.

Chớ để từng sátna, uổng phí vượt khỏi nàng!

Những sátna đã qua, họ sầu muộn, đau khổ.

Khi họ bị rơi vào, trong cảnh giới địa ngục” (HT. TMC d).

c- *Trưởng lão ni Dhīrā.*

Có hai Trưởng lão ni cùng có tên là Dhīrā (Thi-Ra), thuộc bộ tộc Sākya (ThíchCa).

Nàng Dhīrā (2) có tên gọi khác là Vīrā (Qui-Ra) để phân biệt. Sở dĩ được gọi là Vīrā vì nàng có tâm kiên định và dũng mãnh.

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại tiền, cả hai cùng tái sinh vào kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ) trong gia tộc quyền quý của dòng ThíchCa. Cả hai đều có tên là Dhīrā, và đều được tuyển vào nội cung của Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa).

Cả hai đều theo Di mẫu Gotamī đến Đại Lâm để xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Khi nhận thấy duyên lành của hai nàng tròn đủ, Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt, dạy kệ ngôn.

**Kệ ngôn Trưởng lão ni Dhīrā (1).*

6- Dhīre nirodham phusehi, saññāvūpasamaṃ sukham;

Ārādhayāhi nibbānaṃ, yogakkhemamanuttara”nti.

”Dhīrā, hãy cảm xúc, những cảm chứng đoạn diệt.

Tịnh chỉ các vọng tưởng, là chân chánh an lạc.

Hãy thuận hướng Nípàn, ách an ổn, vô thường” (HT. TMC d).

(1)- Ap.ii. Khemāpadānaṃ (Ký sự Trưởng lão ni Khemā).

(2)- ThigA. Tissātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Tissā).

Hân hoan nàng phát triển tuệ quán theo lời dạy của Đức Thế Tôn, thành tựu Thánh quả ALaHán, nàng thường nói lên kệ ngôn này như để biểu thị Thánh trí của mình.

**Kệ ngôn Trưởng lão ni Dhīrā (2).*

7- *Vīrā* vīrehi dhammehi, bhikkhunī bhāvitindriyā;

Dhāreti antimam deham, jetvā mām savāhanam.

"Dhīrā, hãy kiên trì, nắm giữ các thiện pháp

Hỡi này Tỳkhuu ni, các căn được tu tập.

Hãy mang cái thân này, là cái thân cuối cùng.

Sau khi đã chiến thắng, ác ma với quân lực" (HT.TMC d)⁽¹⁾.

Theo lời dạy của Đức Thế Tôn, nàng Dhīrā (2) hân hoan phát triển tuệ quán, chứng đắc Thánh quả ALaHán.

Nàng Dhīrā (2) lập lại kệ ngôn trên, như tuyên bố lên Thánh trí của mình.

d- Trưởng lão ni Mittā.

Trong thời Đức Thế Tôn tại tiền, nàng tái sinh vào kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ) trong một gia tộc quyền quý của dòng ThíchCa, có tên gọi là Mittā (Mít-Ta), nàng được tuyển vào nội cung của Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa).

Nàng theo Di mẫu Gotamī đi đến Đại Lâm, xin được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Nàng thọ giới Học nữ (Sikkhāmānā), tinh cần tu tập thiền quán, nhận thấy duyên lành Thánh quả của nàng chín muồi, Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, Ngài dạy kệ ngôn.

8- *Saddhāya* pabbajitvāna, mitte mittaratā bhava;

Bhāvehi kusale dhamme, yogakkhemassa pattiyā'ti.

"Hỡi này nàng Mít-Ta!, với lòng tin xuất gia.

Hãy tu tập rèn luyện, hân hoan trong bạn lành

Hãy tu tập rèn luyện, trong các pháp hiểu thiện.

Cố gắng đạt cho được, an ổn khỏi ách nạn" (HT. TMC d)⁽²⁾.

e- Trưởng lão ni Mittā khác.

Nàng còn được gọi là Mettā (Mết-Ta).

Vào 91 kiếp trái đất trước, khi thể gian đang rực sáng với Phật quang của Đức Chánh Giác Vipassī (Quí-Pát-Si), tiền thân của nàng Mittā (Mít-Ta) là một trong những Thứ phi của Đức vua Bandhumā (Ban-thú-Ma), trị vì kinh thành Bandhumavatī (Ban-Thú- Má- Quá-Ti).

Thứ phi này thường thỉnh vị Trưởng lão ni mà nàng sùng kính đến nội cung của nàng để thọ thực, có lần nàng cúng dường đến Trưởng lão ni bộ y quý xinh đẹp.

Hậu thân của Thứ phi này đã 30 lần là Thiên hậu nơi Thiên giới và 20 lần là Chánh hậu nơi nhân giới.

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại tiền, hậu thân của nàng thứ phi tái sinh về nhân giới trong kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ), là một công nương trong dòng ThíchCa. Nàng ra đi xuất gia cùng một lượt với Di mẫu Gotamī.

Sau những ngày tháng nhiệt tâm tu tập, nàng chứng đạt Thánh quả ALaHán, hồi tưởng lại thành quả đã đạt được, nàng hân hoan nói lên kệ ngôn.

31- *Cātuddasim* pañcadasim, yā ca pakkhassa aṭṭhamī;

Pāṭihāriyapakkhañca, aṭṭhaṅgasusamāgatam.

"Ngày mười bốn, ngày rằm, ngày mồng tám giữa tháng.

Ngày thần túc nguyệt phần, ta thọ trì tám giới".

32- *Uposatham* upāgacchim, devakāyābhinandinī;

(1)- Thig. 6, 7. Dhīrātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Dhīrā); ThigA. 12.

(2)- Thig. 8. Mittātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Mittā).

Sājja ekena bhattena, muṇḍā saṅghāṭipārutā;
Devakāyaṃ na patthehaṃ, vineyya hadaye dara'nti.

"Ta gìn giữ trai giới, khiến chư Thiên hoan hỷ.

Mỗi ngày ăn một bữa, cạo đầu đắp đại y.

Ta đâu muốn thiên giới, ta nhiếp phục tâm khổ" (HT.TMC d).

Bà là Trưởng lão ni Ekapiṇḍadāyikā (Ê-Ká-Pinh-Đá-Đa-Dí-Ka) được đề cập trong tập Apadāna (Thánh nhân Ký sự)⁽¹⁾.

f- Trưởng lão ni Bhadrā.

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại tiền, nàng tái sinh vào kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ) trong một gia tộc quyền quý của dòng ThíchCa, được đặt tên là Bhadrā (Phách-Đra), khi trưởng thành nàng được tuyển vào cung của Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa).

Nàng theo Di mẫu Gotamī đến Đại Lâm để xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Khi nhận thấy duyên lành tròn đủ của nàng Bhadrā. Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, dạy kệ ngôn.

Hân hoan nàng phát triển tuệ quán theo lời dạy của Đức Thế Tôn, thành tựu Thánh quả ALaHán, nàng thường nói lên kệ ngôn này như để biểu thị Thánh trí của mình.

9- Saddhāya pabbajitvāna, bhadre bhadraratā bhava;

Bhāvehi kusale dhamme, yogakkhemamanuttara'nti.

"Hỡi Phách-Đra hiền thiện, với lòng tin xuất gia.

Hãy sống vui hoan hỷ, trong các pháp hiền thiện.

Hãy tu tập rèn luyện, trong các pháp chí thiện.

Cố gắng đạt cho được, an ổn khỏi ách nạn" (HT.TMC d)⁽²⁾.

g- Trưởng lão ni Upasamā.

Trong thời Đức Phật tại tiền, nàng sinh ra là một công nương trong dòng tộc ThíchCa, được gọi là Upasamā (Ú-Pá-Sá-Ma). Nàng thành lập gia thất với một vương tử dòng ThíchCa.

Khi Di mẫu Gotamī ra đi xuất gia, nàng cùng đi xuất gia với Di mẫu Gotamī.

Vào lúc duyên lành của nàng hội đủ, Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, nói lên kệ ngôn; nàng đưa tâm quán xét lời dạy của Đức Thế Tôn, triển khai tuệ quán chứng đắc Thánh quả ALaHán. Hân hoan, nàng lập lại kệ ngôn của Đức Thế Tôn để nói lên Thánh trí của mình.

10- Upasame tare oghaṃ, maccudheyyaṃ suduttaraṃ;

Dhārehi antimam dehaṃ, jetvā māraṃ savāhana'nti.

"Hỡi Ú-Pá-Sá-Na, hãy vượt dòng nước mạnh.

Dòng nước khó vượt qua, bị thần chết chi phối.

Hãy mang cái thân này, là cái thân cuối cùng.

Sau khi đã chiến thắng, ác ma với quân lực" (HT.TMC d)⁽³⁾.

h- Trưởng lão ni Visākhā.

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại thế, nàng tái sinh vào kinh thành Kapilavatthu (CaTỳLaVệ), là công nương của dòng tộc Sākya (ThíchCa) có tên gọi là Visākhā (Quí-Sa-Kha), khi trưởng thành nàng được tuyển vào cung nội phục vụ Bồ tát Siddhattha (SĩĐạtTa).

Nàng theo Di mẫu Gotamī đến Đại Lâm để được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn. Có lần nàng theo Di mẫu Gotamī đến đánh lễ Đức Thế Tôn, khi Di mẫu Gotamī hỏi Pháp vấn tắt từ Đức Thế Tôn.

(1)-Thig.vs.31. Mittātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Mittā); ThigA. 36 ; Ap.ii. 515.

(2)- Thig. vs. 9. Bhadrātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Bhadrā) ; ThigA. 13.

(3)-Thig. v. 10. Upasamātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Upasamā) ; ThigA. 12

Nàng theo lời dạy của Đức Thế Tôn tinh cần tu tập, phát triển tuệ quán chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Sau khi hưởng an lạc Giải thoát, suy tư trên sự giải thoát, nàng Visākḥā nói lên kệ ngôn để sách tấn các bậc đồng Phạm hạnh.

13- Karoṭṭha buddhasāsanam, yaṃ katvā nānutappati;
Khippaṃ pādāni dhovivā, ekamante nisīdathā"ti.

"Hãy làm, hãy thực hành, đúng theo lời Phật dạy.

Và sau khi làm xong, không có lòng ăn năn.

Hãy gấp rửa chân sạch, và ngồi xuống một bên" (HT.TMC d)⁽¹⁾.

i- Trưởng lão ni Sumanā.

Chuyện Trưởng lão ni Sumanā (Sú-Má-Na) giống như chuyện Trưởng lão ni Tissā (Tít-Sa). Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, dạy nàng kệ ngôn.

14- Dhātuyo dukkhato disvā, mā jātiṃ punarāgami;
Bhave chandaṃ virājetvā, upasanta carissasī"ti.

"Sau khi thấy các giới, với cái nhìn đau khổ.

Chớ có đi trở lại, vào con đường tái sinh.

Hãy từ bỏ, xả ly, lòng dục trong sinh hữu.

Sống đời sống hành tri, ta mát lạnh tịch tịnh" (HT.TMC d)⁽²⁾.

j- Trưởng lão ni Uttarā.

Chuyện Trưởng lão ni Uttarā (Út-Tá-Ra) giống như chuyện Trưởng lão ni Tissā (Tít-Sa). Khi chứng đạt Thánh quả ALaHán, bà nói lên kệ ngôn

15- Kāyena saṃvutā āsiṃ, vācāya uda cetasā;
Samūlaṃ taṇhamabbuyha, sītibhūtāmi nibbutā"ti.

"Ta đã chế ngự được, thân miệng và tâm tư.

Ta chinh phục khát ái, cho đến tận gốc rễ.

Ta sống được mát lạnh, trong tịch tịnh, an lặng" (HT. TMC d)⁽³⁾.

k- Trưởng lão ni Saṅghā.

Câu chuyện Trưởng lão ni Saṅghā (Săng-Kha) giống như chuyện của Trưởng lão ni Dhīrā (Thi-Ra).

Khi chứng đạt Thánh quả ALaHán, nàng nói lên kệ ngôn.

18- Hitvā ghare pabbajitvā, hitvā puttama pasuma piyama;
Hitvā ragaṇca dosaṇca, avijjaṇca virājija;
Samūlaṃ taṇhamabbuyha, upasantaṃhi nibbutā"ti.

"Bỏ gia đình, xuất gia, ta từ bỏ con cái.

Từ bỏ gia súc quý, từ bỏ tham và sân.

Còn đối với vô minh, ta sống hạnh viễn ly.

Sau khi chinh phục được, tận gốc cả tham ái.

Ta được sống mát lạnh, tịch tịnh và an lặng" (HT.TMC d)⁽⁴⁾.

5- Những Thánh nữ ALaHán do bà Gotamī tiếp dẫn.

a- Trưởng lão ni Puṇṇā.

Tiền hạnh.

Vào thời không có Giáo pháp của Đấng Như Lai xuất hiện trên thế gian, tiền thân nàng Puṇṇā (Pung-Na) là nữ Nhân điều (kinnarī), sống cạnh bờ sông Chandabhāgā (Chấn-Đá-Pha-Ga); nữ Nhân điều thấy Đức Phật Độc Giác đang ngồi thiền tịnh nơi cốc cổ thụ, nữ Nhân điều phát sinh tâm tịnh tính, đi tìm những cọng sậy kết thành vòng hoa

(1)- Thig. vs. 13. Visākḥatherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Visākḥā); ThigA. 20.

(2)- Thig.vs. 14. Sumanātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Sumanā); ThigA. 20.

(3)- Thig. vs. 15. Uttarātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Uttarā); ThigA. 21.

(4)- Thig.vs. 18. Saṅghātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Saṅghā); ThigA. 24.

đến cúng dường vị Phật Độc Giác, nữ Nhân điều chấp hai cánh lại đánh lễ Đức Phật Độc Giác rồi ra đi.

Hiện kiếp.

Từ kiếp đó trở đi, hậu thân Nữ Nhân điều chỉ lưu chuyển trong hai cảnh giới “ngươi và trời”.

Khi Đức Thế Tôn còn hiện thế, hậu thân nữ Nhân điều tái sinh vào gia tộc Trưởng giả trong thành Sāvattī (XáVệ), có tên gọi là Puṇṇā (Viên Mãn), vì khi nàng còn nằm trong thai bào, nhà Trưởng giả cha nàng không “thiếu món gì”.

Lúc nàng Puṇṇā được 20 tuổi, nhân được nghe Pháp thoại từ Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī, nàng mong muốn được xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Được cha mẹ đồng ý, nàng xuất gia có Di mẫu Gotamī là Tể Độ Sư.

Trong thời gian nàng Puṇṇā thọ giới Học nữ (sikkhāmānā); một hôm sau khi thọ thực vào buổi trưa xong rồi, nàng tìm nơi thanh vắng để thực hành thiền quán. Đức Thế Tôn quán xét thấy được duyên lành của nàng Puṇṇā, Ngài phóng Hào quang từ Hương thất xuất hiện trước mặt Puṇṇā, dạy nàng kệ ngôn.

3- Puṇṇe pūrassu dhammehi, cando pannaraseriva;

Paripuṇṇāya paññāya, tamokhandham padālayā”ti.

“Hỡi này, nàng Pung-Na, hãy tràn đầy Chánh pháp.

Như mặt trăng tròn đầy, trong ngày rằm trăng tròn.

Hãy tràn đầy trí tuệ, phá tan khối si ám” (HT. TMC d).

Hân hoan theo lời Bậc Đạo sư dạy, nàng Puṇṇā phát triển tuệ quán và chứng Thánh quả ALaHán ngay đầu đó.

Hồi tưởng lại, nàng lập lại kệ ngôn của Bậc Đạo Sư như xác chứng thành tựu Thánh quả của mình⁽¹⁾.

Nàng có thể là Trưởng lão ni Tiṇṇamālikā được nhắc đến trong tập Apadāna (Thánh nhân ký sự)⁽²⁾.

b- Trưởng lão ni Muttā.

Tiền hạnh.

Cách hiện kiếp (Bhaddakappa) này trở về trước 91 kiếp trái đất, vào thời Đức Thế Tôn Vipassī (Quý-Pát-Si) xuất hiện trong thế gian, tiền thân nàng Muttā (Mút-Ta) là con gái một gia tộc quyền quý.

Có lần nàng nhìn thấy Đức Thế Tôn Vipassī cùng đại chúng Tỳkhuu trên đường du hành, nàng khởi sinh tâm tịnh tín nơi Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, nàng đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng với tâm tín thành theo cách thức “*năm chi chạm đất*”.

Từ kiếp sống đó trải qua 91 kiếp trái đất hậu thân của nàng chỉ luân lưu trong hai cảnh giới “Chư thiên và nhân loại”.

Hiện kiếp.

Vào thời Đức Thế Tôn Gotama (Gô-Tá-Má) còn tại tiền, nàng sinh vào một gia tộc Balamôn Trưởng giả trong kinh thành Sāvattī (XáVệ).

Nhờ duyên lành được tích lũy nhiều đời, khi nàng được 20 tuổi cùng Đại chúng dự lễ Lạc thành Đại tự KỳViên, nghe được pháp thoại từ Đức Thế Tôn, nàng khởi ý nghĩ: “Theo lời dạy của Bậc Đạo Sư, đời sống xuất gia thì phóng khoáng, không bị trói buộc, còn đời sống tại gia thì bận rộn, có nhiều ràng buộc. Vậy ta nên sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, nhưng lúc này chưa hợp thời, ta hãy kiên nhẫn chờ đợi”.

(1)- Thig. vs. 3. Puṇṇātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Puṇṇā); ThigA. 9.

(2)- Ap. ii. 515.

Nàng từ chối mọi lời cầu hôn từ những chàng trai quyền quý, giữ nếp sống “*nữ cư sĩ áo trắng*”.

Khi duyên lành xuất gia đến thời khai mở, nàng nhìn thấy đoàn Nữ ni có Di mẫu Gotamī là trưởng, theo Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng du hành đến kinh thành Sāvattihī (XáVệ).

Được cha mẹ đồng ý, nàng xuất gia sống trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, có Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī là Tể Độ Sư.

Nàng thọ giới Học nữ, chuyên cần tu tập Thiền Quán (Vipassanājhāna). Một hôm, sau khi thọ thực vào bữa trưa xong rồi, nàng đánh lễ các vị Tỳkhuu ni rồi đi vào thiền thất của mình để thực hành quán xét.

Từ Hương thất, Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, Ngài dạy nàng Học nữ Muttā kệ ngôn.

2- Mutte muccassu yogehi, cando rāhuggahā iva;
Vippamuttana cittaena, anaṇā bhuñja piṇḍaka’nti.

*“Hỡi này, giải thoát Ni, hãy giải thoát các ách
Như mặt trăng thoát khỏi, miệng hàm của Rāhuṃ.*

Với tâm tư giải thoát, khỏi nợ nần trói buộc.

Hãy thọ hưởng món ăn, do khát thực đem lại” (HT.TMC d).

Vững tin vào lời dạy của Bạc Đạo Sư, nàng phát triển tuệ quán theo lời dạy của Đức Thế Tôn, không bao lâu nàng chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Nàng Muttā thường lập lại kệ ngôn trên, như xác định Thánh trí của mình, bà vẫn đọc lên kệ ngôn này khi sắp viên tịch⁽¹⁾.

Bà là Trưởng lão ni Saṅkamanattā (Săng-Khá-Má-Nát-Ta) được đề cập trong tập Apadāna (Thánh nhân ký sự)⁽²⁾.

c- Trưởng lão ni Therikā.

Tiền hạnh.

Vào thời Đức Thế Tôn Konāgamana (CầuAHàmMâuNi), tiền thân nàng Therikā (Thê-Rí-Ka) là một nữ gia chủ Trưởng giả.

Khi nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Konāgamana (Kô-Na-Gá-Ma-Ná) nữ gia chủ này đặt niềm tin trong Giáo pháp của Đức Chánh Giác Konāgamana và quy ngưỡng Tam Bảo.

Có lần nữ gia chủ này thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngự đến nhà nàng để nhận vật thực.

Nàng cho kiến tạo một sảnh đường bằng gỗ, rải cát mịn bằng phẳng từ đường dẫn vào sảnh đường, nơi Đức Thế Tôn an tọa, nàng cho giương cao hai chiếc lọng trắng để che mát, chung quanh Sảnh đường nàng cho trang trí hoa, cờ xí, cho rải vật thơm như hương Chiên đàn, trầm... khắp sảnh đường.

Nàng cúng dường những vật thực thượng vị loại cúng loại mềm đến Đức Thế Tôn Konāgamana cùng Tăng chúng, khi Đức Thế Tôn thọ thực xong rồi, nàng cúng dường đến Đức Thế Tôn bộ Tam y đặc giá; ngoài ra, nàng tích cực tạo thiện nghiệp cho mình suốt thời gian tuổi thọ còn lại. Mệnh chung, nàng tái sinh về Thiên giới.

Hậu thân nàng gia chủ ấy luân chuyển trong Thiên giới suốt thời gian một vị Chánh Giác, từ thời Đức Chánh Giác Konāgamana đến thời Đức Chánh Giác Kassapa (CaDiếp).

Vào thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác Kassapa, từ thiên giới hậu thân nữ gia chủ ấy tái sinh về nhân giới, nàng sinh vào một gia tộc Đại trưởng giả trong thành Bandhumatī (Bần-Thú-Má-Ti).

(1)- Thig. vs. 2. Muttāherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Muttā); ThigA. 8.

(2)- Ap. ii. 514.

Khi đến tuổi trưởng thành, nghe được Pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, nàng xuất gia trở thành vị Tỳkhuu ni trong Giáo pháp này, vị nữ ni này tu tập hết 20 ngàn năm, mệnh chung nàng tái sinh về Thiên giới.

Hiện kiếp.

Luân lưu trên thiên giới suốt thời gian một vị Chánh Giác. Đến thời Đức Thế Tôn hiện tại, từ Thiên giới nàng tái sinh về nhân giới trong kinh thành Vesāli (VệXá), thuộc gia tộc Khattiya (SátĐếLy) có đại tài sản.

Vì nàng có thân to cao, đầy đà vững chắc nên được gọi Therikā (Thê-Ri-Ka; vì không ai biết rõ tên thật của nàng là gì).

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng Therikā được gả cho một thanh niên thuộc giai cấp Sátđếly trưởng giả; nàng sống trung thành tuyệt đối với chồng.

Khi Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Vesāli (VệXá) để giải trừ ba tai họa: Bệnh tật, phi nhân và đói khát. Nàng phát sinh niềm tin nơi uy lực của Tam Bảo, trở thành một cận sự nữ tín thành.

Có lần nàng cùng đại chúng đến "*Giảng đường óc nhọn* (Kūṭagārasālā) " nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, nàng quyết định xuất gia trước sự chứng kiến của Di mẫu Gotamī, nhưng chưa được sự đồng ý của chồng nên nàng chưa được xuất gia trong Ni chúng.

Nàng trở về thưa với chồng rằng: "Em muốn được xuất gia trong giáo pháp của Đức Thế Tôn"; nhưng chồng nàng không đồng ý, nàng vẫn là người vợ chu toàn mọi bổn phận và thường suy gẫm về "lý vô thường cùng lý vô ngã" theo lời dạy của Bạc Đạo Sư.

Một hôm khi nàng đang nấu bếp với món chiên xào, một ngọn lửa mạnh bùng phát lên thiêu rụi toàn bộ vật thực có trong chảo, với tiếng kêu "xèo xèo" quan sát cảnh tượng này, nàng triển khai trí quán và chứng đắc Thánh quả ANaHàm.

Từ đó nàng không còn trang điểm, không còn đeo vào người những trang sức quý giá và xinh đẹp. Chồng nàng hỏi rằng:

- Này em, vì sao em không đeo những món trang sức xinh đẹp, quý giá?

Nàng thưa thật rằng "không còn thích thú bất cứ vật trang điểm nào trên đời cả".

Chồng nàng hiểu rằng: "Đời sống gia đình không còn thích hợp với vợ ta nữa rồi", hỏi rằng:

- Này em, vậy em thích điều gì?

- Thưa anh, em muốn được xuất gia, sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

- Này em, em sẽ được như ý.

Chồng nàng đưa nàng đến Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī, trình bày lên Trưởng lão ni về nguyện vọng của vợ mình.

Được sự chấp thuận của Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī, chồng nàng tổ chức lễ xuất gia cho nàng Therikā thật trọng thể.

Sau khi tế độ nàng Therikā xuất gia trở thành Tỳkhuu ni, theo Luật "Tỳkhuu ni xuất gia với lưỡng phái Tăng" nên Trưởng lão ni Gotamī đưa nàng Therikā đến trú xứ của Đức Thế Tôn, để chư Tăng chứng nhận.

Quán xét thấy được duyên lành Thánh quả ALaHán của nàng Therikā, khi nàng Therikā đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng sang một bên, Di mẫu Gotamī trình lên Đức Thế Tôn việc nàng Therikā xuất gia trong Ni chúng.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

1- Sukhaṃ supāhi therike, katvā coḷena pārutā;

Upasanto hi te rāgo, sukkhadākaṃ va kumbhiya"nti.

"Hãy ngủ trong an lạc, hỡi nàng thân đầy đà.

Đắp phủ trong tấm y, chính mình tự làm lấy.

Lòng tham, nàng lắng dịu, như ghè khô trong lò!"(HT.TMC d).

Nàng Therikā triển khai tuệ quán, chứng đắc Thánh quả ALaHán ngay tại chỗ đứng. Từ đó nàng thường lập lại kệ ngôn của Bạc Đạo Sư như tuyên bố lên Thánh trí ALaHán của mình⁽¹⁾.

d- Trưởng lão ni Cittā.

Tiền hạnh.

Tiền thân Trưởng lão ni Cittā (Chít-Ta) tích lũy nhiều phước thiện qua nhiều thời của các vị Chánh Giác.

Vào 94 kiếp trái đất trước, tiền thân bà Cittā là nữ Nhân điều (kinṇarā) sống cạnh bờ sông Candabhāgā (Chấn-Đá-Pha-Ga). Có lần, nữ Nhân điều nhìn thấy Đức Phật Độc Giác đang thiền tịnh nơi cội cây cạnh bờ sông Candabhāgā, nữ Nhân điều phát sinh tâm tín thành vị Samôn đang thiền tịnh, nữ Nhân điều tìm hương hoa cùng lau sậy mang đến cúng dường vị Samôn, rồi chấp hai cánh lại đánh lễ vị Samôn.

Nữ Nhân điều hướng về phía phải vị Samôn, nhiễu quanh vị Samôn ba vòng rồi ra đi.

Mệnh chung, nữ Nhân điều tái sinh Thiên giới, trải qua 94 kiếp trái đất, hậu thân nữ Nhân điều chỉ luân lưu trong hai cảnh giới chư Thiên và nhân loại.

Hiện kiếp.

Vào thời Đức Thế Tôn hiện tiền, hậu thân nữ Nhân điều tái sinh vào một gia tộc Đại trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương Xá), có tên gọi là Cittā (Chít-Ta).

Khi trưởng thành, nàng Cittā theo đại chúng đến nghe Pháp từ Đức Thế Tôn nơi cổng thành Vương Xá, khi Ngài cùng 1.000 vị Tỳkhuu Uruvelā Kassapa (Ú-Rú-Quê-La CaDiếp) ngự đến thành Rājagaha tế độ vua Bimbisāra (BìnhSa) theo lời hứa với vua BìnhSa trước đó.

Khi Ni chúng được thành lập, nàng xuất gia Tỳkhuu ni do Di mẫu Gotamī là Tế độ sư. Khi về già, bà Cittā leo lên núi Gijjhakūta (Kên Kên) thực hành hạnh ẩn sĩ của mình, bà nỗ lực hành pháp và chứng đắc Thánh quả ALaHán cùng Tuệ phân tích. Hân hoan với thành quả đạt được, bà nói lên hai kệ ngôn.

27- Kiñcāpi khomhi kisikā, gilānā bāḷhadubbalā;
Daṇḍamolubbha gacchāmi, pabbataṃ abhirūhiya.

“Dầu ta có mỗi mệt, bệnh hoạn quá yếu đuối.

Dựa trên gậy ta đi, ta leo lên đỉnh núi”.

28- Saṅghāṭiṃ nikkhipitvāna, pattakañca nikujjiya;
Sele khambhesimattānaṃ, tamokhandhaṃ padāliya”ti.

“Với đại y vắt ngang, với bình bát lộn ngược.

Ta dựa mình tảng đá, phá tan khối si ám” (HT.TMC d)⁽²⁾.

Bà có thể là Trưởng lão ni Nalamālikā được đề cập trong tập Apadāna (Thánh nhân ký sự).

e- Trưởng lão ni Mettikā.

Tiền hạnh.

Vào thời Đức Thế Tôn Siddhattha (SĩĐạtTa), tiền thân nàng Mettikā (Mết-Tí-Ka) là một nữ gia chủ Trưởng giả, nàng có cúng dường một dây thắt lưng được nạm ngọc quý nơi điện thờ Kim thân Đức Thế Tôn Siddhattha.

Từ kiếp đó đến kiếp trái đất này, hậu thân nữ gia chủ ấy chỉ luân lưu trong hai cảnh giới chư Thiên và nhân loại.

Hiện kiếp.

(1)- Thig. 1 ; ThigA. p.5.

(2)- Thig. vs. 27, 28, Cittātheriigāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Cittā) ; ThigA. 33.

Trong thời Đức Phật hiện tiền, hậu thân nữ trưởng giả ấy tái sinh vào một gia tộc Đại Trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương Xá), nàng được đặt tên là Mettikā (Mết-Tí-Ka).

Nàng Mettikā theo Đại chúng đến nghe pháp của Đức Thế Tôn nơi cổng thành Rājagaha (Vương Xá), khi Đức Thế Tôn đến tế độ vua Bimbisāra (BìnhSa) theo lời hứa trước khi Ngài Giác ngộ.

Khi Ni chúng được hình thành, nàng xuất gia Tỳkhuu ni do Di mẫu Gotamī là Tế độ Sư.

Khi về già bà leo lên đỉnh núi cao để thực hiện nếp sống ẩn sĩ của mình, bà tinh cần hành pháp và chứng đạt Thánh quả ALaHán cùng với Tuệ Phân tích.

Suy tư đến thành quả của mình, bà hân hoan nài lên hai kệ ngôn.

29- Kiñcāpi khomhi dukkhitā, dubbalā gatayobbanā;

Daṇḍamolubbha gacchāmi, pabbataṃ abhirūhiya.

“Dầu ta có đau đớn, sức yếu, tuổi trẻ qua.

Dựa trên gậy, ta đi, ta leo lên đỉnh núi”.

30- Nikkhipitvāna saṅghāṭiṃ, pattakañca nikujjiya;

Nisinnā camhi selamhi, atha cittaṃ vimucci me;

Tisso vijjā anuppattā, kataṃ buddhassa sāsana’nti.

“Với đại y vắt ngang, với bình bát lộn ngược.

Ta ngồi trên tảng đá, tâm ta được giải thoát.

Ba minh chứng đạt được, thành tựu lời Phật dạy” (HT.TMC d)⁽¹⁾.

Bà là Trưởng lão niMekhaladāyikā được đề cập trong tập Apadāna (Thánh Nhân ký sự)⁽²⁾.

f- Trưởng lão ni Dantikā.

Tiền hạnh.

Tiền thân nàng Dantikā (Đăn-Tí-Ka) tích lũy thiện nghiệp qua nhiều thời bậc Chánh Giác.

Vào thời không có Giáo pháp của Đức Chánh Giác, tiền thân nàng Dantikā tái sinh làm một nữ Nhân điều (kinnarī) sống ở bờ sông Candabhāgā (Chăn-Đá-Pha-Ga), có lần nữ Nhân điều thấy Đức Phật Độc Giác đang thiền tịnh nơi cội cây cổ thụ, sau khi Ngài thọ thực vào buổi trưa xong.

Nữ Nhân điều phát sinh tâm thành kính với vị Samôn, nữ Nhân điều đi tìm những cánh hoa Sāla đến cúng dường Ngài, đi nhiều quanh Ngài ba vòng theo bên phải hướng về Ngài rồi ra đi.

Mệnh chung nữ Nhân điều tái sinh về thiên giới, từ khi ấy đến hiện kiếp này, hậu thân nữ Nhân điều chỉ luân lưu trong hai cảnh giới “Chư Thiên và người”.

Vào thời Đức Phật tại thế, hậu thân nữ Nhân điều tái sinh vào một gia tộc Balamôn Đại thần tế lễ của vua xứ Kosala (Kô-Sá-Lá).

Khi trưởng thành, nàng theo Đại chúng đến nghe pháp Đức Thế Tôn nhân lễ Lạc thành Đại tự KỳViên do Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) tổ chức. Nàng chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, trở thành một cận sự nữ tín tâm nơi Tam Bảo. Nàng có ý muốn xuất gia sống đời sống không gia đình trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, khi Ni chúng được hình thành, nàng xin được xuất gia trở thành Tỳkhuu ni do Di Mẫu Gotamī là Tế độ Sư.

Một ngày nọ, sau khi thọ thực xong, nàng leo lên núi Gijjhakūṭa (Kên Kên) tìm cội cây cổ thụ ngồi thiền tịnh nghỉ trưa. Từ trên cao nàng nhìn thấy con voi được thuần hóa đang quỳ chân xuống để người huấn luyện voi leo lên lưng, nàng suy nghĩ: “Voi là loài vật

(1)- Thig. vss. 29,30. Mettikātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Mettikā) ; ThigA. 35.

(2)- Ap. ii. 513.

có sức mạnh, nhưng người ta còn thuần hóa được nó. Vì sao ta không thể thuần hóa được tâm mình?”.

Nàng lấy hình ảnh ấy làm đề mục để phát triển tuệ quán và chứng đắc Thánh quả ALaHán cùng với Tuệ phân tích.

Khi chứng đạt Thánh quả ALaHán, hân hoan với thành quả tốt đẹp, nàng nói lên ba kệ ngôn.

48- Divāvihārā nikkhamma, gijjhakūṭamhi pabbate;
Nāgaṃ ogāhamuttiṇṇaṃ, nadītīramhi addasaṃ.

*“Ra khỏi ngôi tinh xá, để nghỉ trưa ban ngày.
Trên đỉnh núi Linh Thứu, ta thấy một con voi”.*

Dầm nước xong đi lên, trên bờ một con sông.

49- Puriso aṅkusamādāya, ‘dehi pāda’nti yācati;

Nāgo pasārayī pādaṃ, puriso nāgamāruhi.

“Một người cầm cái móc, yêu cầu đưa chân lên.

Con voi đuổi chân ra, và người leo lên voi”.

50- Disvā adantaṃ damitaṃ, manussānaṃ vasaṃ gataṃ;

Tato cittaṃ samādhesiṃ, khalu tāya vanaṃ gatā’ti.

“Thấy kẻ chưa nhiếp phục, đi đến được nhiếp phục.

Ta thấy nó vâng chịu, theo quyền lực của người.

Như vậy, ta định tâm, đi vào trong rừng ấy” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

g- Trưởng lão ni Guttā.

Trong thời Đức Phật còn tại thế, nàng sinh ra trong một gia tộc Balamôn trưởng giả nơi kinh thành Sāvatti (XáVệ), được đặt tên là Guttā (Gút-Ta).

Khi đến tuổi trưởng thành, do duyên lành tích trữ, nàng Guttā nòng nhàm chán đời sống gia đình và được gia đình cho phép xuất gia, nàng được bà Di mẫu Ma hāpajāpati Gotamī là Tể độ sư.

Tuy nàng cố gắng thiền tịnh, nhưng tâm nàng cứ chạy theo ngoại cảnh, nên trong một thời gian dài, nàng không thể định tâm được.

Nhân thấy duyên lành Thánh quả của nàng, vào thời thích hợp Đức Thế Tôn ngồi trong Hương thất phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, dạy nàng rằng:

163- Gutte yadatthaṃ pabbajjā, hitvā puttaṃ vasaṃ piyaṃ;

Tameva anubrūhehi, mā cittaṃ vasaṃ gami.

“Vì mục đích tối thượng, Guttā, người xuất gia.

Từ bỏ cả con cái, cho đến bản thân mình.

Hãy nhiệt tâm hành trì, chớ để tâm chi phối”.

164- Cittaṃ vañcitā sattā, māraṃsa visaye ratā;

Anekajātisaṃsāraṃ, sandhāvanti aviddasū.

“Tâm lừa đảo chúng sinh, ưa ác ma lãnh vực.

Luân hồi nhiều đời sống, chúng dong ruổi, si mê”.

165- Kāmacchandañca byāpādaṃ, sakkāyaditṭhimeva ca;

Sīlabbataparāmāsaṃ, vicikicchañca pañcamāsaṃ.

“Dục vọng và sân hận, kể cả với thân kiến.

Cộng thêm giới cấm thủ, với nghi hoặc thứ năm”.

166- Saṃyojanāni etāni, pajahitvāna bhikkhunī;

Oraṃbhāgamaṇīyāni, nayidaṃ punarehisi.

“Hỡi này, Tỳkhuu ni, từ bỏ kiết sử này.

Là hạ phần kiết sử, người hết lại đời này”.

167- Rāgaṃ mānaṃ avijjañca, uddhaccañca vivajjiya;

(1)- Thig. 48-50. Dantikātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Dantikā) ; ThigA. 51

Saṃyojanāni chetvāna, dukkhassantaṃ karissasi.

“Hãy tránh xa tham mạn, vô minh và trạo cử.

Chặt đứt kiến sử xong, người sẽ đứt đau khổ”.

168- Khepetvā jātiṃsaṃsāraṃ, pariññāya punabbhavaṃ;

Diṭṭheva dhamme nicchātā, upasantaṃ carissatī”ti.

“Quăng bỏ vòng sanh tử, liễu tri sự tái sanh.

Hiện tại không ước vọng, người sẽ sống an tịnh” (HT. TMC d).

Nàng theo lời dạy của Đức Thế Tôn nỗ lực thực hành pháp và chứng đắc Thánh quả ALaHán. Nàng lập lại kệ ngôn của Đức Thế Tôn như tuyên bố lên Thánh trí của mình⁽¹⁾.

h- Trưởng lão ni Subhā con gái người thợ vàng

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại tiền, nàng sinh ra trong thành Rājagaha (Vương Xá), là con gái người thợ kim hoàn (kammāradhītā); vì nàng rất xinh đẹp nên được gọi là Subhā (Sú-Pha).

Khi nàng trưởng thành, có thời Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra) gần thành Rājagaha (Vương Xá), nàng cùng đại chúng đi đến Đại tự Trúc Lâm đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống nghe pháp.

Đức Thế Tôn quán xét thấy được duyên lành của nàng, Ngài giảng pháp thích hợp với cơ tánh của nàng, sau thời pháp nàng Subhā chứng Thánh quả Dự Lưu. Về sau, nhận thấy đời sống trong gia đình chật hẹp, giới hạnh không thể được bóng sáng như vỏ ốc Xacừ được đánh bóng, nàng xin được xuất gia sống trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn dưới sự chỉ dẫn của Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī.

Sau khi xuất gia, nàng hướng tâm đến sự giải thoát, tinh cần hành pháp. Thỉnh thoảng thân tộc nàng lôi kéo nàng quay trở về đời sống cư sĩ; có lần với 24 kệ ngôn, nàng giảng cho những người ấy nghe về *“sự nguy hại các dục và sự an lạc khi thoát ra các dục”*, giúp cho những người trong thân tộc thoát ra khỏi bệnh tham vọng.

Khi nàng thợ Tỳkhuu ni giới được 8 ngày, nhờ sự hướng dẫn của Trưởng lão ni Upalavaṇṇā (Úp-Pá-Lá-Quăng-Na), nàng Subhā (Sú-Pha) tinh cần triển khai thiền quán, chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Hân hoan với thành quả đạt được, nàng lập lại 24 kệ ngôn trên, như tuyên bố lên Thánh trí của mình.

339- Daharāhaṃ suddhavasanaṃ, yaṃ pure dhammamassuṇiṃ;

Tassā me appamattāya, saccābhisamayo ahu.

“Ta trước mặc áo trắng, được nghe giảng Chánh pháp.

Do ta không phóng dật, chứng tri được chân lý”.

340- Tatohaṃ sabbakāmesu, bhusaṃ aratimajjhagaṃ;

Sakkāyasmim bhayaṃ disvā, nekkhammameva pīhaye.

“Nhờ vậy đối mọi dục, không còn tham muốn lớn.

Thấy sợ hãi thân kiến, ta mong muốn viễn ly”.

341- Hitvānaṃ nātigaṇaṃ, dāsakammakarāni ca;

Gāmakhattāni phītāni, ramaṇīye pamodite.

“Ta bỏ chúng bà con, bỏ lao công, nô tỳ.

Làng ruộng đất phi nhiều, khiến người thích hân hoan,

Từ bỏ, ta xuất gia, gia sản đâu có ít”.

342- Pahāyahaṃ pabbajitā, sāpateyyamanappakaṃ;

Evam saddhāya nikkamma, saddhamme suppavedite.

“Nhờ diệu pháp khéo thuyết, ra đi, với lòng tin.

Ta không thể hy cầu, vật gì thuận gia sản.

Vàng bạc ta đã bỏ; sao lại đi đến chúng?”.

(1)- Thig. vv. 163- 168. Guttātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Guttā) ; ThigA. 157.

- 343- Rajataṃ jātarūpaṃ vā, na bodhāya na santiyā;
 Netāṃ samaṇasārappaṃ, na etaṃ ariyaddhanaṃ.
*“Vàng bạc không giác ngộ, không làm người an tịnh.
 Không hợp hạnh Samôn, không phải tài sản thánh”.*
- 344- Netāṃ assa patirūpaṃ, ākiñcaññañhi patthaye;
 Yo jātarūpaṃ rajataṃ, chaḍḍetvā punarāgame.
*“Chính vàng hay bạc này, làm tham ái, đắm say.
 Làm con người ngu si, làm tăng trưởng bụi trần.
 Nguy hiểm nhiều ưu não, đây, không gì trừởng cứu”.*
- 345- Lobhanaṃ madanañcetāṃ, mohanaṃ rajavaḍḍhanaṃ;
 Sāsaṅkaṃ bahuāyāsaṃ, natthi cettha dhuvaṃ ṭhiti.
*“Đây, loài Người tham đắm, phóng dật, tâm uế nhiễm,
 Chống đối thù địch nhau, rộng đường đấu tranh nhau”.*
- 346- Ettha rattā pamattā ca, saṅkiliṭṭhamaṇā narā;
 Aññaṃaññaena byāruddhā, puthu kubbanti medhagaṃ.
*“Giết hại, trói, tra tấn, hao tài sâu, ưu tư.
 Nhưng ai chìm trong dục, gặp phải nhiều tai họa”.*
- 347- Vadho bandho parikleso, jāni sokapariddavo;
 Kāmesu adhipannānaṃ, dissate byasanaṃ bahuṃ.
*“Vì sao bà con ta, giống như kẻ thù ta.
 Lại trói buộc ta vào, trong vòng các dục lạc.
 Hãy biết ta xuất gia, vì thấy dục đáng sợ”.*
- 348- Taṃ maṃ ñātī amittāva, kiṃ vo kāmesu yuñjatha;
 Jānātha maṃ pabbajitaṃ, kāmesu bhayadassiniṃ.
*“Bạc, vàng không có thể, đoạn được các lậu hoặc,
 Các dục là thù địch, sát nhân, chuyên giết hại,
 Chúng là kẻ oán thù, là mũi tên, dây trói”.*
- 349- Na hiraññasuvaṇṇena, parikkhīyanti āsavā;
 Amittā vadhakā kāmā, sapattā sallabandhanā.
*“Vì sao bà con ta, giống như kẻ thù ta.
 Lại trói buộc ta vào, trong vòng các dục lạc.
 Hãy biết ta xuất gia, cạo tóc đắp đại y”.*
- 350- Taṃ maṃ ñātī amittāva, kiṃ vo kāmesu yuñjatha;
 Jānātha maṃ pabbajitaṃ, muṇḍaṃ saṅghāṭipārutāṃ.
*“Nuôi sống bằng đồ ăn, tích lũy nhờ khát thực.
 Y áo được tác thành, với miếng vải lượm lặt.
 Sống vậy, thích hợp ta, cơ bản, sống không nhà”.*
- 351- Uttiṭṭhapiṇḍo uñcho ca, paṃsukūlañca cīvaram;
 Etaṃ kho mama sārappaṃ, anagārūpanissayo.
*“Dục đại sĩ từ bỏ, dục loài Trời, loài Người.
 Trú an ổn, giải thoát, không dao động an lạc”.*
- 352- Vantā mahesīhi kāmā, ye dibbā ye ca mānusa;
 Khemaṭṭhāne vimuttā te, pattā te acalaṃ sukhaṃ.
*“Chớ để ta đến dục, trong dục, không an toàn.
 Dục, thù địch sát nhân, gây khổ, dụ dỗ lừa”.*
- 353- Māhaṃ kāmehi saṅgacchiṃ, yesu tānaṃ na vijjati;
 Amittā vadhakā kāmā, aggikkhandhūpamā dukhā.
*“Đường hiểm, đầy sợ hãi, đầy khổ hoạn, gai góc.
 Tham ái đường gập ghềnh, hoang si mê rộng lớn”.*
- 354- Paripantho esa bhayo, savighāto sakaṇṭako;

Gedho suvisamo ceso mahanto mohanāmukho.
*“Tai họ a đầy hãi hùng, các dục dụ đầu rấn.
 Kẻ ngu thích thú dục, kẻ mù lòa phàm phu».*
 355- Upasaggo bhīmarūpo, kāmā sappasirūpamā;
 Ye bālā abhinandanti, andhabhūtā puthujjanā.
*“Chúng sanh chìm bùn dục, nhưng kẻ không thấy đời.
 Họ không có rõ biết; sự chắm dút sanh tử”.*
 356- Kāmapaṅkena sattā hi, bahū loke aviddasū;
 Pariyantam na jānanti, jātiyā maraṇassa ca.
*“Loài Người vì nhân dục; con đường đến ác thú.
 Phần nhiều đi đường ấy, khiến tự ngã bệnh hoạn”.*
 357- Duggatigamanam maggam, manussā kāmahetukam;
 Bahum ve paṭipajjanti, attano rogamāvaham.
*“Như vậy dục sinh thù, nung nấu, làm ứ nhiễm.
 Dục thuộc về thể vật, trói người vào tử vong”.*
 358- Evam amittajananā, tāpanā saṃkilesikā;
 Lokāmisā bandhanīyā, kāmā maraṇabandhanā.
*“Dục làm cho điên cuồng, loạn ngôn tâm thác loạn.
 Làm ứ nhiễm chúng sinh, sắp rơi bẫy Ác ma”.*
 359- Ummādanā ullapanā, kāmā cittappamaddino;
 Sattanam saṅkilesāya, khippam mārena oḍḍitam.
*“Dục nguy hiểm không cùng, nhiều khổ, thuốc độc lớn.
 Ngọt ít, tạo đấu tranh, héo tàn ngày tươi sáng”.*
 360- Anantādinavā kāmā, bahudukkhā mahāvisā;
 Appassādā raṇakarā, sukkapakkhavisosanā.
*“Ta quyết định như vậy, không trở lui dục nhân.
 Tác thành điều bất hạnh, luôn vui hưởng Nípàn”.*
 361- Sāham etādisam katvā, byasanam kāmahetukam;
 Na tam paccagamissāmi, nibbānābhiratā sadā.
*“Quyết đấu tranh với dục, chờ đợi, mát, lắng dịu.
 Sẽ sống không phóng dật, đoạn diệt kết sử dục”.*
 362- Raṇam karitvā kāmānam, sītibhāvābhikaṅkhinī;
 Appamattā vihassāmi, sabbasaṃyojanakkhaye.
*“ Ta đi theo đường ấy, đường đại sĩ đi qua.
 Không sầu, không cấu ứ; an ổn, thẳng, Tám ngành”.*
 363- Asokam virajam khemam, ariyaṭṭhaṅgikam ujum;
 Tam maggam anugacchāmi, yena tiṇṇā mahesino’.
*“Hãy xem Subhā này, an trú trên Chánh pháp.
 Con gái một thợ vàng, đạt được không tham dục.
 Ngồi hành trì thiền định, ở dưới một gốc cây”.*
 Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ngồi nơi cội cây đại thọ cùng các Tỳkhuu vây quanh; với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được những kệ ngôn khái hoàn của Trưởng lão ni Subhā, Đức Thế Tôn phóng hào quang đến nàng Subhā để các Tỳkhuu thấy được nàng. Rồi Đức Thế Tôn nói lên ba kệ ngôn tán thán nàng Subhā.
 364- Imam passatha dhammaṭṭham, subham kammāradhītaram;
 Anejam upasampajja, rukkhamūlamhi jhāyati.
*“Hôm nay, ngày thứ tám, từ khi nàng xuất gia.
 Với lòng đầy tin tưởng, sáng chói chân Diệu pháp”.*
 365- Ajjaṭṭhamī pabbajitā, saddhā saddhammasobhanā;
 Vinituppalavaṇṇāya, tevijjā maccuhāyini.

*“Úp-Pá-Lá-Quăng-Na, huấn luyện giảng dạy nàng.
Nàng chúng được Ba minh, vượt qua được thần chết”.
366- Sāyaṃ bhujissā anaṇā, bhikkhunī bhāvitindriyā;
Sabbayogavisamṃyuttā, katakiccā anāsavā.
“Nàng tự mình giải thoát, không còn có nợ nần.
Là vị Tỳkhuu ni, các căn được tu tập.
Ly hệ mọi khổ ách, việc cần làm làm xong.
Đối với các lậu hoặc, nàng đoạn diệt hoàn toàn”.*

Nghe được lời Đức Thế Tôn tán thán nàng Subhā, Thiên vương Sakka (ĐềThích) cùng chư thiên tùy tùng đi đến đánh lễ nàng Subhā, nói lên kệ ngôn tán thán nàng.

367- Taṃ sakko devasaṅghena, upasaṅkamma iddhiyā;
Namassati bhūtapati, subhaṃ kammāradhītaranti.
*“Sakka đến với nàng, cùng với chúng chư Thiên.
Với thần thông diệu dụng, chúng đánh lễ Sú-Pha,
Nàng chỉ là con gái, con một người thợ vàng.
Nhưng nay là hội chủ, của mọi loài chúng sinh” (HT.TMC d)⁽¹⁾.
i- Trưởng lão ni Subhā ở rừng xoài của Jīvaka.*

Nàng sinh ra trong gia tộc Balamôn Trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương Xá), vì có thân hình có màu vàng rất xinh đẹp nhất là tay chân nên được gọi là Subhā (Sú-Pha).

Được nghe Pháp từ Đức Thế Tôn khi Ngài ngự trú nơi Đại tự Trúc Lâm, nàng Subhā khởi niềm tin trở thành cận sự nữ của Đức Thế Tôn.

Theo lời dạy của Đức Thế Tôn, nàng thường quán xét về những nguy hại của dục lạc cùng với những thống khổ của kiếp người, nàng thấy rõ sự ràng buộc trong đời sống gia đình và sự an lạc của đời sống viển ly.

Khi biết được Đức Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Ngài; nàng xin phép cha mẹ cho nàng xuất gia và được cha mẹ nàng đồng ý.

Nàng Subhā xuất gia do bà Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī là Tể Độ Sư.

Sau khi xuất gia, nàng tinh cần phát triển tuệ quán và chứng được Thánh quả Bất Lai. Nàng thường đi vào khu rừng xoài của Lương y Jīvaka (Chi-Quá-Ká) để thiền tịnh nên được gọi là Subhā Jīvakambavanikā (Sú-Pha ở rừng xoài của Chi-Quá-Ká).

Có lần, sau khi thọ thực vào buổi trưa xong, nàng đi vào khu rừng xoài của Lương y Jīvaka để thiền tịnh. Một thanh niên phóng đảng trong thành Rājagaha (Vương Xá) cũng đi du ngoạn đến vườn xoài, thấy nàng Subhā xinh đẹp lại ở nơi vắng vẻ, gã thanh niên phóng đảng chặn đường nàng, đòi nàng cho y thỏa mãn dục lạc, nàng giảng đạo lý, giải thích về những nguy hiểm của dục lạc. Nhưng gã thanh niên phóng đảng bất chấp lời của nàng, khăng khăng đòi nàng cho gã thỏa mãn dục lạc. Nàng hỏi:

- Vì sao người mong muốn thỏa mãn dục lạc?
- Vì ta thấy nàng rất xinh đẹp, ta không thể kềm chế nổi.
- Người thấy ta đẹp ở đâu?
- Ta thấy mắt nàng đẹp.
- Như vậy con mắt này là kẻ phạm lỗi.

Dùng hết nghị lực, nàng đưa tay móc con mắt ra, nói rằng:

- Đây là con mắt phạm lỗi, người hãy nhận đi.

Gã thanh niên phóng đảng kinh hoàng, quý xuống đánh lễ sám hối nàng rồi bỏ chạy đi.

⁽¹⁾- ThigA. 236. Subhā kammāradhītatherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Subhā con gái người thợ vàng).

Nàng Subhā hân hoan trở về Đại tự Trúc Lâm đánh lễ Đức Thế Tôn, vừa nhìn thấy Đức Thế Tôn, mắt nàng phục hồi như trước. Vô cùng hoan hỷ, nàng Subhā đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang một bên; Đức Thế Tôn dạy nàng đề tài quán xét.

Nàng phát triển tuệ quán theo lời dạy của Đức Thế Tôn, chứng Thánh quả ALaHán Tuệ Phân tích ngay tại chỗ đứng.

Khi hồi tưởng lại Thánh quả đã thành tựu, nàng nói lên câu chuyện của mình với gã thanh niên phóng đảng bằng những kệ ngôn.

368- Jīvakambavanam rammaṃ, gacchantiṃ bhikkhuniṃ subham;

Dhuttako sannivāresi, tamenam abravī subhā.

"Trong rừng xoài tươi đẹp, của ông Jīvaka.

Tỳkhưu ni Subhā, đang bộ hành đi tới.

Có chàng trẻ ăn chơi, ngăn chặn Subhā lại.

Nàng nói với kẻ ấy, những lời nói như sau".

369- Kim te aparādhitam mayā, yaṃ maṃ ovariyāna tiṭṭhasi;

Na hi pabbajitāya āvuso, puriso samphusanāya kappati.

"Ta đã xúc phạm gì, để người đứng chặn ta? "

Thật là không xứng đáng, để một người đàn ông.

Xúc phạm nữ xuất gia, hỡi Hiền giả, hiểu cho".

370- Garuke mama satthusāsane, yā sikkhā sugatena desitā;

Parisuddhapadam anaṅgaṇam, kim maṃ ovariyāna tiṭṭhasi.

"Bậc Tôn sư ta dạy, chính học pháp như vậy.

Được bậc Thiện Thệ thuyết, là con đường thanh tịnh.

Không có cấu uế nào, sao người đứng chặn ta".

371- Āvilacitto anāvilam, sarajo vītarajam anaṅgaṇam;

Sabbattha vimuttamānasam, kim maṃ ovariyāna tiṭṭhasi.

"Tâm ta thật thanh tịnh, tâm người không thanh tịnh.

Tâm người đầy tham ái, ta không tham, không uế.

Mọi nơi, ý giải thoát, sao người đứng chặn ta ?".

372- Daharā ca apāpikā caṣi, kim te pabbajjā karissati;

Nikkhipa kāsāyacīvaram, ehi ramāma supupphite vane.

"Nàng trẻ, không ác pháp, nàng xuất gia làm gì?

Hãy bỏ áo Càsa, đến, lạc hưởng rừng hoa".

373- Madhurañca pavanti sabbaso, kusumarajena samuṭṭhitā dumā;

Paṭhamavasanto sukho utu, ehi ramāma supupphite vane.

"Toàn hoa tỏa hương ngát, cây rươi bụi muôn hoa.

Xem tuổi xuân tuổi trẻ, là thời tiết hạnh phúc.

Hãy đến thọ hưởng lạc, trong rừng nở trăm hoa".

374- Kusumitasikharā ca pādapā, abhigajjantiva māluteritā;

Kā tuyham rati bhavissati, yadi ekā vanamogahissasi.

"Con đường dưới vòm hoa, xào xạc gió lay động.

Nàng được lạc thú gì, khi một mình vào rừng".

375- Ālamigasaṅghasevitam, kuñjaramattakareṇuloḷitam;

Asahāyikā gantumicchasi, rahitam bhimśanakam mahāvanam.

" Trú xứ chúng thú dữ, vang tiếng voi rống đục.

Rừng lớn trống không người, nhiều hiện tượng hãi hùng.

Nàng lại muốn đi vào, không một ai bạn đường?".

376- Tapanīyakatāva dhītikā, vicarasi cittalateva accharā;

Kāsikasukhumehi vaggubhi, sobhasī suvasanehi nūpame.

"Như búp bê vàng chói, giống tiên nữ vườn trời.

Nàng đắp vải Ka-Sí, đẹp mịn, sáng chói nàng".

377- Ahaṃ tava vasānugo siyaṃ, yadi viharemase kānanantare;
Na hi matthi tayā piyattaro, pāṇo kinnarimandalocane.

*"Ta sống nô lệ nàng, nếu nàng sống ở rừng.
Không một sinh loại nào, mà ta yêu hơn nàng.
Hỡi nàng mắt dịu hiền, như mắt Kin-Na-Ri".*

378- Yadi me vacanaṃ karissasi, sukhitā ehi agāramāvasa;
Pāsādanivātavāsini, parikammaṃ te karontu nāriyo.

*"Nếu nàng theo lời ta, nàng sẽ được hạnh phúc.
Hạnh phúc sống gia đình, sống lâu dài che gió.
Sống có các nữ nhân, hầu hạ phục vụ nàng".*

379- Kāsikasukhumāni dhāraya, abhiropehi ca mālavaṇṇakaṃ;
Kañcanaṃaṇimuttakaṃ bahuṃ, vividhaṃ ābharaṇaṃ karomi te.

*"Mang lụa mịn Ka-Sí, dùng vòng hoa, sáp đỏ.
Ta làm nhiều trang sức, vàng châu báu ngọc ngà".*

380- Sudhotarajapacchadaṃ subhaṃ, goṇakatūlikasanthataṃ navama;
Abhiruha sayanaṃ mahārahaṃ, candanamaṇḍitasāragandhikaṃ;

*"Nàng leo lên giường quý, gối chiên đàn, lỏi thơm.
Che màn đẹp tinh sạch, trải nệm mới lông dài"..*

381- Uppalaṃ cudakā samuggataṃ, yathā taṃ amanussasevitaṃ;
Evaṃ tvaṃ brahmacārini, sakesaṅgesu jaraṃ gamissasi".

*"Nhu sen vươn từ nước, phục vụ cho phi nhân.
Nhu vậy nàng Phạm hạnh, sống toàn hảo đến già".*

382- Kiṃ te idha sārasammataṃ, kuṇapapūramhi susānavadḍhane;
Bhedanadhamme kaḷevare, yaṃ disvā vimano udikkhasi".

*"Ở đây là cái gì, người xem là tuyệt diệu.
Trong nghĩa địa ứ đầy, tràn đầy những thân xác.
Người được thấy cái gì, trong thân xác hủy hoại.
Khi người thốt ra lời, si mê, vô ý thức?".*

383- Akkhīni ca turīyāriva, kinnariyāriva pabbatantare;
Tava me nayanāni dakkhiya, bhiyyo kāmaratī pavaḍḍhati.

*"Chính mắt như sơn dương, Như Kin-Na-Ri giữa rừng.
Ta thấy con mắt nàng, đục lác liền tăng trưởng".*

384- Uppalasikharopamāni te, vimale hāṭakasannibhe mukhe;
Tava me nayanāni dakkhiya, bhiyyo kāmaguṇo pavaḍḍhati.

*"Trong gương mặt không ố, sáng chói như vàng ròng.
Chẳng khác gì hoa sen, đặt chính giữa đài sen.
Thấy con mắt của nàng, lòng đục liền tăng trưởng".*

385- Api dūragatā saramhase, āyatapamhe visuddhadassane;
Na hi matthi tayā piyattarā, nayanā kinnarimandalocane".

*"Tuy xa ta vẫn nhớ, lông mi dài tuyệt đẹp.
Không gì ta yêu hơn, mắt Kin-Na-Ri của nàng".*

386- Apathena payātumicchasi, candaṃ kiḷānakaṃ gavesasi;
Meruṃ laṅghetumicchasi, yo tvaṃ buddhasutaṃ maggayasi.

*"Người muốn dùng phi đạo, tìm mặt trăng mà chơi.
Muốn nháy qua Mê-ru, muốn tìm đến con Phật".*

387- Natthi hi loke sadevake, rāgo yatthapi dāni me siyā;
Napi naṃ jānāmi kīriso, atha maggena hatto samūlako.

*"Trên đời này, cõi trời, ta nay không tham ái.
Ta không biết người ấy, người ấy như thế nào.
Đường đạo đã giết sạch, giết hại tận gốc rễ".*

388- Inḡalakuyāva ujjhito, visapattoriva aggito kato;
 Napi naṃ passāmi kīriso, atha maggena hato samūlako.
*“Quảng đi như hố than, than hừng đang cháy đỏ.
 Đánh giá như thuốc độc, đang xâm nhập đến thân.
 Ta không biết người ấy, người ấy như thế nào.
 Đường đạo đã giết sạch, giết hại đến gốc rễ”.*

389- Yassā siyā apaccavekkhitam, satthā vā anupāsito siyā;
 Tvaṃ tādīsikaṃ palobhaya, jānantim so imaṃ vihaññasi.
*“Hãy cảm dỗ nữ nhân, không có biết quán sát.
 Hay Đạo Sư người ấy, đang còn phải học tập.
 Người mê hoặc người ấy, làm hại được người ấy”.*

390- Mayhañhi akkuṭṭhavandite, sukhadukkhe ca satī upatṭhitā;
 Saṅkhatamasubhanti jāniya, sabbattheva mano na limpati.
*“Còn ta đã chánh niệm, đối khen chê lạc khổ.
 Biết hữu vi bất tịnh, bám chặt tư tưởng ấy”.*

391- Sāhaṃ sugatassa sāvikā, maggaṭṭhaṅgikayānayāyini;
 Uddhaṭasallā anāsavā, suññāgāragatā ramāmahaṃ.
*“Ta là đệ tử Ni, của bậc đại Thiện Thế.
 Ta đã dẫn thân bước, trên đường đạo tám ngành.
 Mũi tên đã nhổ lên, không còn các lậu hoặc.
 Ta đi đến nhà trống, tâm tư ta hoan hỷ”.*

392- Ditṭhā hi mayā sucittitā, sombhā dārukapiḷlakāni vā;
 Tantīhi ca khīlakehi ca, vinibaddhā vividhaṃ panaccakā.
*“Ta đã được thấy nó, một búp bê khéo vẽ.
 Với trục quay gỗ mới, khéo cột với dây que.
 Búp bê ấy nhảy múa, nhiều điệu múa khác nhau”.*

393- Tamhuddhaṭe tantikhīlake, vissaṭṭhe vikale parikrite;
 Na vindeyya khaṇḍaso kate, kimhi tattha manaṃ nivesaye.
*“Dây que ấy được rút, mở lòng rời phân tán.
 Thành trống không, miếng nhỏ, chỗ nào ý say đắm”.*

394- Tathūpamā dehakāni maṃ, tehi dhammehi vinā na vattanti;
 Dhammehi vinā na vattati, kimhi tattha manaṃ nivesaye.
*“Thân ta ví dụ vậy, không bộ phận không động.
 Không bộ phận, không động, chỗ này ý say đắm”.*

395- Yathā haritālena makkhitam, addasa cittikaṃ bhittiyā katam;
 Tamhi te viparītadassanaṃ, saññā mānūsikā niraṭṭhikā.
*“Như thấy một bức vẽ, tô màu đỏ trên tường.
 Cái thấy người đảo lộn, vì trí người thiếu sót”.*

396- Māyaṃ viya agga to katam, supinanteva suvaṇṇapādapaṃ;
 Upagacchasi andha rittakam, janamajjheriva rupparūpakam.
*“Ảo thuật xem tối thượng, như cây vàng trong mộng.
 Mù lòa người chạy theo, cái trống không, không thực.
 Như cái trò múa rối, được xem giữa quần chúng”.*

397- Vaṭṭaniriva koṭarohitā, majjhe pubbulaḷakā saassukā;
 Piḷakoḷikā cettha jāyati, vividhā cakkhuvīdhā ca piṇḍitā”.
*“Mắt nàng như hòn bi, đặt lỗ trống của cây.
 Như những bong bóng nước, đầy đầy những nước mát.
 Những con người đa dạng, sinh ra những mù ghen”.*

398- Uppāṭiya cārudassanā, na ca pajjittha asaṅgamānasā;
 “Handa te cakkhum harassu tam”, tassa narassa adāsi tāvade.

« *Thiếu nữ đẹp tuyệt ấy, với tâm không chấp trước.*

Bóc một con mắt nàng, trao liền cho người ấy.

Và nói hãy cầm lấy, con mắt này của người”.

399- Tassa ca viramāsi tāvade, rāgo tattha khamāpayī ca naṃ;

“*Sotthi siyā brahmacārīnī, na puno edisakaṃ bhavissati”.*

“Khi ấy tham liền diệt, gã khấn cầu xin lỗi.

Mong rằng Phạm hạnh ni, được an ổn trở lại.

Tôi sẽ không còn dám, xâm phạm thế này nữa”.

400- Āsādiya edisaṃ janaṃ, aggim pajjalitaṃ va liṅgiya;

Gaṇhiya āsīvisaṃ viya, api nu sotthi siyā kamehi no”.

“Hai hạng người thế này, chẳng khác ôm lửa hừng.

Tôi như nắm rắn độc, mong an ổn tha thứ”.

401- Muttā ca tato sā bhikkhunī, agamī buddhavarassa santikaṃ;

Passiya varapuññalakkhaṇaṃ, cakkhu āsi yathā purāṇakanti.

“Thoát khỏi bị xúc phạm, vị Tỳkhuu ni ấy.

Từ đấy đi đến gần, Bạc Giác ngộ thù thắng.

Thấy được tướng công đức, tốt đẹp và thù thắng.

Mắt của nàng hồi phục, được trở lại như xưa” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

j- Trưởng lão ni Vô danh.

Bà là nữ điều dưỡng của Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī, bà sinh ra ở kinh thành Devadaha (Hồ Thiên), khi trở thành nữ điều dưỡng bà thường được gọi là Vāthesī (Qua-Thê-Si), nhưng tên thật của bà không ai biết.

Khi Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī ra đi xuất gia, trở thành Tỳkhuu ni, bà Vāthesī cũng lìa bỏ kinh thành Kapilavatthu, theo chủ xuất gia trở thành Tỳkhuu ni.

Nhưng suốt 25 năm, dục vọng cứ ám ảnh bà, bà không thể thiền tịnh được, tâm bà cứ quay cuồng trong các dục vọng, không thể an tịnh được, bà than thở tình trạng không thể thực hành pháp của mình.

Khi duyên lành hội tụ, bà đến nghe Trưởng lão ni Dhammadinnā (Thăm-Má-Đin-Na) giảng pháp về: “Vị ngọt của dục lạc, nguy hại của dục lạc và lợi ích ra khỏi ràng buộc của dục lạc, liên hệ đến Uẩn, xứ và giới”.

Bà tỉnh ngộ, nỗ lực chống lại các cám dỗ của dục lạc, lánh xa các dục lạc, dần dần tâm bà được ổn định, bà tu tập thiền tịnh cố gắng hành pháp và cuối cùng bà chứng đạt Thánh quả ALaHán với sáu thắng trí.

Hồi tưởng lại sự thành đạt của mình, bà hân hoan nói lên năm kệ ngôn, như sau.

67- Paṇṇavīsativassāni, yato pabbajitā ahaṃ;

Nāccharāsaṅghātamattampi, cittassūpasamajjhagaṃ.

“Đã được hai mươi lăm năm; từ khi ta xuất gia.

Cho đến búng ngón tay⁽²⁾; tâm ta không lắng dịu”.

68- Aladdhā cetaso santiṃ, kāmarāgenavassutā;

Bāhā paggayha kandantī, vihāraṃ pāvisiṃ ahaṃ.

“Tâm không được an tịnh; vì đầy ú dục tham.

Ta dơ tay khóc than; ta đi vào tịnh xá”.

69- Sā bhikkhuṇiṃ upāgacchiṃ, yā me saddhāyikā ahu;

Sā me dhammadesesi, khandhāyatanadhātuyo.

“Ta đi đến vị nữ ni ấy; đồng tín nữ với ta.

Nàng thuyết pháp cho ta; về uẩn xứ và giới”.

70- Tassā dhammaṃ suṇitvāna, ekamante upāvisiṃ;

(1)-Thig. vss. 368-401. Sobhā Jīvakambavanikaatherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Subhā ở rừng xoài Jīvaka; ThigA. 245 .

(2)-Accharāsaṅghātamattaṃ

Pubbenivāsaṃ jānāmi, dibbacakkhu visodhitāṃ.
“Nghe pháp nàng giảng dạy; ta ngồi vào một bên.
Ta biết đời quá khứ; thiên nhân được thanh tịnh”.
71- Cetopariccañāṇaṅca, sotadhātu visodhitā;
Iddhīpi me sacchikatā, patto me āsavakkhaya;
Chaḷabhiññā sacchikatā, kataṃ buddhassa sāsana”nti.
«Vớ trí biết tâm người; lỗi tai được thanh tịnh.
Ta chứng thần túc thông; ta đạt được lậu tận.
Sáu thắng trí ta chứng, lời Phật dạy đã làm» (HT.TMC d)⁽¹⁾.

C- Nhiếp phục du sĩ Saccaka⁽²⁾.

Trước khi Đức Thế Tôn Gotama (CồĐàm) xuất hiện trên thế gian khá lâu, các hậu duệ của 7707 vương tử Licchavī (Lích-Chá-Quy) trú ngụ nơi kinh thành Vesāli (VệXá) của xứ Vajji (BạtKỳ) lưu tâm đến những quan điểm đa dạng của các du sĩ (pabbajjikā).

Các Vương tử người Licchavī có xây dựng một “Luận nghị đường” ở giữa kinh thành Vesāli, để các du sĩ công khai thảo luận những quan điểm về chủ thuyết của mình.

Thời ấy có một du sĩ thuộc lòng 500 câu hỏi, ông không tìm được người có thể tranh luận thắng ông; một nữ du sĩ khác cũng thuộc lòng 500 câu hỏi và cũng chưa tìm được người nào tranh luận thắng được nàng.

Một hôm cả hai du sĩ ngẫu nhiên cùng đi đến kinh thành Vesāli (VệXá) để tìm người luận chiến. Cả hai thách thức lẫn nhau rồi đi vào “Luận nghị đường”, trước sự chứng kiến của hàng ngàn cư dân thành Vesāli cùng các Vương tử người Licchavī; cả hai đã hỏi đáp lẫn nhau cả 1.000 câu hỏi, cuối cùng *bất phân thắng bại*.

Các Vương tử người Licchavī khởi lên ý nghĩa: “Đây là hai bậc kỳ tài trong thế gian, chúng ta sẽ kết hợp cho họ. Những người con của hai người này sẽ có được 1.000 câu hỏi từ cha mẹ chúng; nhưng vậy chúng sẽ là những bậc kỳ tài trong thiên hạ”.

Các Vương tử người Licchavī đã thuyết phục hai du sĩ ở lại kinh thành Vesāli (VệXá).

Hai du sĩ không còn phải du hành như trước đây, cùng nhau ở lại kinh thành Vesāli với sự kính trọng đặc biệt của các Vương tử người Licchavī dành cho hai du sĩ kỳ tài này.

Vài năm trôi qua, hai du sĩ sinh được bốn người con gái là: Saccā (Sách-Cha), Lolā (Lô-La), Paṭācārā (Pá-Ta-Cha-Ra) và Sivāvatikā (Sí-Qua-Quá-Tí-Ka); cùng với một trai là Saccaka (Sách-Chá-Ká). Cả năm người con đều học được 1.000 câu vấn đáp từ cha mẹ.

Thuở sinh tiền hai du sĩ có dạy bốn nàng con gái rằng: “Nếu tranh luận thua người nam nào thì hãy là vợ người ấy; nếu đó là bậc Sanmôn thì hãy là đệ tử vị ấy”.

Cả bốn nữ du sĩ: Saccā, Lolā, Paṭācārā và Sivāvatikā rời kinh thành Vesāli (VệXá), trở thành những du sĩ, du hành khắp nơi để tìm người luận chiến.

Bốn nàng cho rằng: “Cõi này được gọi là Jambūdīpa (DiêmPhùĐề) do có cây trâm (jambu) nổi tiếng”, nên bốn nàng dùng biểu tượng của mình là “cành trâm”, khi đến nơi nào, các nàng cho cắm cành trâm trên đồng cát hay đồng đất trước cổng thành và thông báo rằng: “Ai có khả năng luận chiến với chúng tôi, hãy nhổ cành trâm ném xuống đất”, rồi bốn nàng bước vào cổng thành hay cổng thị trấn.

Về sau, cả bốn nàng đã bị Trưởng Lão Sāriputta (XáLợiPhất) nhiếp phục và xuất gia trong Ni đoàn, cả bốn người đều chứng đạt Thánh quả ALaHán, sau thời gian ngắn nỗ lực tu tập⁽³⁾.

(1)- ThigA. 67. Aññatarā therīgaatha (Kệ ngôn Trưởng lão ni Vô danh).

(2)- Phần này chúng tôi nương vào Chánh tạng cùng những bản Sớ giả có liên quan đến Tiểu kinh Saccaka (Cūlasaccakasuttaṃ) –Ns.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 5).

Riêng Saccaka (Sách-Chá-Ká) vốn thông minh hơn bốn người chị, ngoài 1.000 luận điểm của cha mẹ dạy, Saccaka còn học thêm những quan điểm không chính thống.

Saccaka còn được gọi là Nigaṇṭha Saccaka (Saccaka thuộc dòng NiKiềnTử).

Saccaka không đi lang thang như bốn người chị, vẫn sinh sống nơi kinh thành Vesāli, là Giáo thọ sư của năm trăm thiếu niên Vương tử người Licchavī.

Nigaṇṭha Saccaka (Ní-Găng-Thá Sách-Chá-Ká) có tư tưởng kỳ lạ sau đây: "Ta quá thông minh, trí càng ngày càng tăng trưởng. E rằng, một ngày nào đó, bụng ta sẽ vỡ ra mất". Nigaṇṭha Saccaka dùng một vành đai sắt buộc bụng lại để không bị vỡ bụng khi trí phát triển, lớn mạnh.

Nigaṇṭha Saccaka ngạo mạn, thường tuyên bố cho hội chúng ở kinh thành Vesāli (VệXá) rằng:

"Ta không thấy một Samôn hay một Bàlamôn nào, là vị hội chủ, là vị Giáo trưởng, là Sư trưởng giáo hội; dù tự cho là bậc ALaHán Chánh Đẳng Giác; khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường"⁽¹⁾.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi thành Vesāli, tại "Giảng đường nóc nhon (Kūṭāgārasāla)", nơi Đại Lâm (Mahāvana).

Khi ấy danh tiếng của Đức Thế Tôn lan truyền khắp nơi trong và ngoài kinh thành Vesāli.

Thường ngày, Nigaṇṭha Saccaka thường đi ngao du khắp nơi trong thành Vesāli, người ta cho rằng "Saccaka nhàn du", thật ra Saccaka tự cho rằng: "Ta sẽ tìm ra lỗi trong Giáo thuyết của Samôn Gotama (Gô-Tá-Má) và chỉ có ta mới làm được điều này. Ta đang muốn luận chiến với Samôn Gotama, nhưng ta chưa thể làm được, vì ta chưa nắm bắt rõ Giáo thuyết của Samôn Gotama; ta cần phải biết được Giáo thuyết của Samôn Gotama, trước khi thách thức luận chiến", nên y đi lang thang để tìm hiểu Giáo thuyết của Đức Thế Tôn.

Vào buổi sáng, Ngài Assaji (Át-Sá-Chí) đi khát thực trong thành Vesāli, Nigaṇṭha Saccaka nhìn thấy Ngài Assaji đang đi khát thực trong thành Vesāli, y suy nghĩ: "Ta hãy tìm hiểu Giáo thuyết của Samôn Gotama qua vị Tôn giả này".

Nigaṇṭha Saccaka đi đến Ngài Assaji, sau những lời chào đón thân hữu, Saccaka hỏi rằng:

- Thưa Tôn giả, Samôn Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Phần lớn pháp môn nào được Samôn Gotama giảng dạy cho đệ tử.

- Nay Aggivessana (Át-Gí-Quét-Sá-Ná), Đức Thế Tôn thường giảng dạy đệ tử rằng: "Này các Tỳkhuu, sắc là vô thường, thọ ... tưởng ... hành ... thức là vô thường; này các Tỳkhuu, sắc là vô ngã, thọ ... tưởng ... hành ... thức là vô ngã. Tất cả pháp hữu vi là vô thường; tất cả pháp là vô ngã".

- Thưa Tôn giả Assaji, thật sự chúng tôi rất *thất vọng*⁽²⁾ khi nghe Samôn Gotama thuyết giảng như vậy. Rất có thể chúng tôi sẽ gặp Tôn giả Gotama vào một thời nào, ở một nơi nào. Rất có thể có một cuộc thảo luận, rất có thể chúng tôi sẽ đoạn trừ ác tà kiến ấy (sđd).

Giải thích.

Bản Sớ giải giải thích.

*Ngài Assaji gọi Saccaka là Aggivessana, nghĩa là : "Saccaka là hậu duệ của lửa (aggi)", vì mẹ cha của Nigaṇṭha Saccaka là "môn đệ của giáo phái thờ thần lửa, giống

(1) - M.i. Cūḷasaccakasuttam (Saccaka tiểu kinh).

(2)- Dussuttam.

như ngàn đạo sĩ Uruvelā Kassapa (Ú-Rú-Quê-La CaDiếp) thờ *thần lửa*, trước khi quy ngưỡng Đức Thế Tôn”.

*Ngài Assaji chỉ nói “ngũ uẩn là vô thường, ngũ uẩn là vô ngã, pháp hành là vô thường, các pháp là vô ngã” mà không đề cập để *khổ*.

Đây là điểm lý thú trong câu trả lời của Ngài Assaji.

Ngài Assaji vượt qua *khổ*, để không cho Saccaka bác bỏ rằng: “Chính sắc cũng có lạc, chứ không hoàn toàn khổ, tương tự như thế với thọ, tưởng, hành, thức. Còn như nói *khổ* do hàm nghĩa “sinh diệt là *khổ*, thì Đạo - quả Siêu thế cũng sinh diệt và như thế Đạo - quả Siêu thế cũng *khổ*”.100

Và sẽ bị Saccaka hỏi rằng: “Này Tôn giả Assaji, Tôn giả xuất gia để làm gì?”. Và Ngài Assaji phải đáp rằng: “Để tầm cầu Đạo- quả Siêu thế”. Saccaka sẽ vặn hỏi rằng: “Thế thì Tôn giả Assaji đang tầm cầu khổ, phải không?”.

Trong trường hợp này, Ngài Assaji sẽ bị chỉ trích rằng: “Ồ! Giáo pháp của Ngài đang thực hành là để “tầm cầu khổ”.

Như vậy chủ thuyết của Samôn Gotama, thực tế chỉ là *nơi đau khổ*, chủ thuyết này chỉ là “sự ưu tư, sự lo lắng, cố gắng chiến đấu để được “*khổ*” mà thôi, không tìm thấy sự an lạc.

Ngài Assaji không dùng thuật ngữ ẩn dụ (pariyāya) mà dùng từ trừu tượng (nippariyāya) để không thể có nghĩa nào khác, tạo cơ hội cho du sĩ Saccaka vấn nạn. Do vậy, Ngài Assaji chỉ nói độc nhất “vô thường và vô ngã”.

Như tìm được kho báu, Saccaka hân hoan rằng: “Trước đây ta chưa có thể nói gì về Samôn Gotama, vì ta chưa biết được chủ thuyết của ông ấy; nhưng nay qua lời Tôn giả Assaji (Át-Sá-Chí) đại đệ tử của Samôn Gotama; ta đã biết được Giáo thuyết của Samôn Gotama. Ta sẽ luận chiến với Samôn Gotama ngay trong hôm nay; ta hãy thông báo cho mọi người biết để đến chứng kiến”.

Bấy giờ, tại “*Hội nghị đường*” có khoảng 500 Vương tử người Licchavī đang hội họp để bàn công việc.

Nigantha Sacca (NiKiềnTử Sách-Chá-Ká) đi đến hội trường, nói với 500 Vương tử người Licchavī rằng:

- Hãy đến này các Tôn giả Licchavī; hôm nay sẽ có cuộc luận chiến giữa ta và Samôn Gotama. Nếu Samôn Gotama đứng đối thoại với ta như Tôn giả Assaji đại đệ tử danh tiếng của ông ta đã làm, khẳng định quan điểm “vô thường, và vô ngã” trong Giáo thuyết của Samôn Gotama.

Tiếp theo Nigantha Saccaka đưa ra bốn ví dụ, để cho thấy y sẽ là “người chiến thắng Samôn Gotama” như sau.

1- Như người lực sĩ, tay nắm giữ con cừu có lông dài, kéo tới, dặc lui, vắn quanh con cừu. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói kéo tới, dặc lui, vắn quanh Samôn Gotama bằng những lý luận của ta, ta sẽ bẻ gãy quan điểm “vô thường và vô ngã” của Samôn Gotama; nếu Samôn Gotama vẫn giữ quan điểm này.

2- Như người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm thùng rượu lớn xuống hồ nước, người ấy nắm góc thùng có thể kéo tới, dặc lui, vắn quanh thùng rượu. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói kéo tới, dặc lui, vắn quanh Samôn Gotama bằng những lý luận của ta, ta sẽ bẻ gãy quan điểm “vô thường và vô ngã” của Samôn Gotama; nếu Samôn Gotama vẫn giữ quan điểm này.

3- Như người lực sĩ say rượu, sau khi nắm giữ cái sàng, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh Samôn Gotama bằng những lý luận của ta, ta sẽ bẻ gãy quan điểm “vô thường và vô ngã” của Samôn Gotama; nếu Samôn Gotama vẫn giữ quan điểm này.

4- Như con voi già sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống hồ nước sâu, lại chơi trò *phún nước* (sana dhovika). Cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi “trò chơi” *phún nước* với Samôn Gotama.

Hãy đến này các Tôn giả Licchavī, hãy đến này các Tôn giả Licchavī.

Giải thích.

Con voi sau khi lặn xuống hồ nước sâu tắm thỏa thích, nổi lên thích thú nó chơi trò chơi “*phún nước*” một cách thích thú.

Con voi hút nước vào rồi phún nước ra trên đầu, trên lưng, trên thân, trên bất kỳ nơi nào trên cơ thể mà nó thích. Cũng vậy, ý Nigaṇṭha Saccaka nói rằng: “Ta sẽ vờn Samôn Gotama bất kỳ lý lẽ nào; như con voi thích thú *phún nước* bất kỳ nơi nào trên cơ thể”.

Bấy giờ trong hội chúng có hai nhóm.

a- Một số Licchavī (Lích-Chá-Quy) nói như sau: “Làm sao Samôn Gotama có thể luận chiến thắng Nigaṇṭha Saccaka. Chỉ có Nigaṇṭha Saccaka luận thắng Samôn Gotama”.

b- Một số Licchavī nói rằng: “Làm sao Nigaṇṭha Saccaka có thể luận thắng Đức Thế Tôn. Chỉ có Đức Thế Tôn luận thắng Nigaṇṭha Saccaka”.

Sau buổi trưa, Nigaṇṭha Saccaka cùng một số đông Vương tử người Licchavī cùng đại chúng trong thành Vesāli đi vào Đại Lâm (Mahāvana) đến “*Giảng đường nóc nhọn* (Kūṭāgārasālā)”.

Bấy giờ có nhiều vị Tỳkhuu đang đi kinh hành qua lại giữa trời (đó là những vị Tỳkhuu tu tập thiền tịnh, đang đi kinh hành để chống lại phiền não “hôn trầm, thụ miên (buồn ngủ)” sau khi thọ thực xong (nói các khác: “Đó là những *thiền sinh ban ngày* (divā padhānika), những vị này đi kinh hành rồi đi tắm. Các vị thấy cách thức này rất có lợi ích trong việc phát triển thiền tịnh của mình”).

Vào hừng sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn sau khi an trú tâm vào định Đại bi (Mahākaruṇā samāpatti), sau khi xuất khỏi định Đại bi, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét 10 ngàn thế giới để tìm “người hữu duyên nên tế độ”. Ngài thấy rằng: “Hôm nay Nigaṇṭha Saccaka cùng nhiều Vương tử Licchavī sẽ đến luận chiến với Như Lai, y tợ cho “sẽ đánh bại chủ thuyết của Đấng Như Lai”.

Do nhân này, do duyên này, Như Lai thuyết lên Pháp thoại mang lợi ích đến cho nhiều chúng sinh có trí”.

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn sau khi tắm rửa xong, vận y phục chỉnh tề, tay cầm lấy y bát cùng với đại chúng Tỳkhuu đi vào thành Vesāli khát thực.

Sau khi thọ thực vào buổi trưa xong, Đức Thế Tôn đi vào Đại Lâm, Ngài không đi vào Hương thất mà đi đến một cội cây cổ thụ để thiền tịnh, nơi đây rất thích hợp cho số đông tụ hội.

Nigaṇṭha Saccaka cùng số đông Vương tử người Licchavī cùng đại chúng trong thành Vesāli đi vào “*Giảng đường nóc nhọn*”, nhìn thấy các vị Tỳkhuu đang đi kinh hành giữa trời, Nigaṇṭha Saccaka đi đến những vị ấy, hỏi rằng:

- Thưa chư Tôn giả, hiện nay Tôn giả Gotama đang ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

- Nay Aggivessana, Đức Thế Tôn đi sâu vào Đại Lâm, đang ngồi nghỉ nơi cội cây cổ thụ lớn trong rừng.

Nigaṇṭha Saccaka cùng số đông Vương tử Licchavī và đại chúng trong thành Vesāli đi vào Đại Lâm, tìm đến cây cổ thụ lớn nơi Đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa.

Nigaṇṭha Saccaka đi đến Đức Thế Tôn, sau những lời chào hỏi thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Đại chúng cùng đi với Nigaṇṭha Saccaka có năm nhóm.

1'- Một số đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

2'- Một số nói lên lời chào đón thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

3'- Một số chỉ chấp tay vái chào, rồi ngồi xuống một bên.

4'- Một số nói lên tên họ của mình, rồi ngồi xuống một bên.

5'- Một số im lặng, ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, Nigaṇṭha Saccaka nói với Đức Thế Tôn rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi muốn hỏi Tôn giả một vấn đề, nếu Tôn giả cho phép tôi được hỏi.

- Này Aggivessana (Ăc-Gí-Quét-Sá-Ná), hãy hỏi điều người muốn hỏi.

Bản Sớ giải thích.

"Hãy hỏi điều người muốn hỏi".

Đây là cách "mời đặt câu hỏi" của Bậc Chánh Giác, vượt khỏi phạm vi của Đức Độc Giác và các vị Thánh đệ tử (Sāvaka).

Nghĩa là "này Aggivessana, người hãy hỏi "bất kỳ" điều gì người muốn hỏi", Như Lai sẽ giải đáp cho người).

- Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả huấn luyện đệ tử như thế nào? Và những pháp môn nào mà phần lớn Tôn giả Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử.

- Này Aggivessana, như thế này Ta huấn luyện đệ tử; với những pháp môn này, phần lớn được ta giảng dạy dành cho đệ tử là: "Này các Tỳkhuu, Sắc là vô thường, Thọ là vô thường, Tưởng là vô thường, Hành là vô thường, Thức là vô thường; Sắc là vô ngã, Thọ là vô ngã, Tưởng là vô ngã, Hành là vô ngã, Thức là vô ngã. Các pháp hữu vi là vô thường (sabbesaṅkhārā aniccāti); các pháp là vô ngã (sabbe dhammā anattāti).

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi có một ví dụ.

- Này Aggivessana, hãy nói lên ví dụ ấy.

- Như các hạt giống, các cây cỏ sinh ra, lớn lên tăng trưởng nhờ nương tựa vào đất, như các tòa lâu đài lớn được tạo tác, hình thành nhờ nương tựa vào đất.

Cũng vậy, như người có tự ngã là Sắc, nhờ nương tựa vào Sắc để làm thiện sự hay ác sự; như người có tự ngã là Thọ, nhờ nương tựa vào Thọ để làm thiện sự hay ác sự; như người mà tự ngã là Tưởng, nhờ nương tựa vào Tưởng để làm thiện sự hay ác sự; như người có tự ngã là Hành, nhờ nương tựa vào Hành để làm thiện sự hay ác sự; như người mà tự ngã là Thức, nhờ nương tựa vào Thức để làm thiện sự hay ác sự.

- Này Aggivessana, có phải người nói: "Sắc là tự ngã của ta, Thọ là tự ngã của ta, Tưởng là tự ngã của ta, Hành là tự ngã của ta, Thức là tự ngã của ta?".

Bản Sớ giải thích.

Nigaṇṭha Saccaka (NiKiềnTử Sách-Chá-Ká) đưa ra "thuyết linh hồn (atta)" qua các ví dụ (Saccaka ví ngũ uẩn như đất; chúng sinh hữu tình nương dựa vào ngũ uẩn; như các hạt giống sinh ra, trưởng thành do nương vào đất; cũng vậy, chúng sinh sinh ra, tiến triển cũng do nương tựa vào ngũ uẩn.

Chúng sinh tạo ra thiện hay bất thiện là do nương vào ngũ uẩn.

Những ví dụ mà Saccaka đưa ra rất hữu lý, khó có thể bác bỏ được; ngoại trừ Bậc Chánh Giác, không ai có thể biện luận để diệt trừ tà kiến "linh hồn" này được.

Nigaṇṭha Saccaka đưa ra "thuyết linh hồn" để chống lại "thuyết vô ngã" của Đức Thế Tôn. Vào thời ấy, ngoại trừ Đức Thế Tôn, không ai có thể biện luận nhiếp phục được Saccaka.

Chúng sinh có hai loại.

1- Chỉ dễ dạy với Đức Chánh Giác.

2- Dễ dạy với các vị Thánh đệ tử (sāvaka).

Chúng sinh hạng thứ (2), các vị Thánh Đại đệ tử của Đức Thế Tôn có thể nhiếp phục được và tế độ được.

Chúng sinh hạng thứ (1), chỉ có Đức Chánh Giác mới nhiếp phục và tế độ được mà thôi.

Nigaṇṭha Saccaka thuộc chúng sinh hạng (1), nên chỉ có Bậc Chánh Giác mới nhiếp phục được.

Hỏi. Thế các Bậc ALaHán Tuệ Phân tích không thể biện luận thắng được Saccaka sao?

Đáp. Tuy các Ngài có thể khiến cho Saccaka phải lúng túng trong lúc biện luận, nhưng không thể làm cho Sacca khâm phục. Mặt khác, về phương diện ngôn ngữ (chế định – paññatti), Saccaka sẽ luôn lách, tráo trở, tròn uốn để chống chế).

Khi Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Aggivessana, như vậy có phải người cho rằng: “Sắc là tự ngã của ta, Thọ là tự ngã của ta, Tưởng là tự ngã của ta, Hành là tự ngã của ta, Thức là tự ngã của ta?”

(Khi ấy Saccaka nhận ra rằng: “Samôn Gotama bắt buộc ta phải thừa nhận thuyết “linh hồn” giữa đại chúng. Nếu có gì không hay xảy ra, chỉ có mình ta bị chỉ trích; ta nên có hội chúng đang ủng hộ ta đứng sau lưng, nếu có thất thố thì tất cả cùng thất bại và ta không bị chỉ trích”. Do suy nghĩ như vậy, nên Saccaka đáp).

- Thừa Tôn giả Gotama, như vậy, tôi nói: “Sắc là tự ngã của ta, Thọ là tự ngã của ta, Tưởng là tự ngã của ta, Hành là tự ngã của ta, Thức là tự ngã của ta? Và đại chúng này cũng như vậy.

- Nay Aggivessana, đại chúng này có liên hệ gì với người? Nay Aggivessana, hãy giải thích lời nói của người.

(Là bậc biết rõ niềm tin của Đại chúng, trong hội chúng cùng đi với Saccaka, có những người đặt niềm tin vào Đức Thế Tôn, có những người đặt niềm tin nơi Saccaka; một số khác không đặt niềm tin vào Đức Thế Tôn cũng không đặt niềm tin vào Saccaka.

Đức Thế Tôn không để những người vô can bị họa lây, không để những người khác chịu chung với số phận với Saccaka, Đức Thế Tôn chỉ chế ngự riêng Saccaka do sự ngạo mạn của y, nên Đức Thế Tôn buộc Saccaka phải thừa nhận: “*Thuyết linh hồn* chỉ là quan điểm của riêng Saccaka, những người khác thì vô can”).

Khi Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Aggivessana, Đại chúng này có liên hệ gì với người? Hãy giải thích lời nói của người.

Nigaṇṭha Saccaka nhận ra rằng: “Samôn Gotama buộc ta phải xác nhận: “Đó là quan điểm của riêng ta trước đại chúng. Trong đại chúng này, về huyết thống, họ chẳng có gì liên hệ với ta; về tư tưởng thì “có nhóm ủng hộ ta, có nhóm không ủng hộ cũng không chống ta, có nhóm chống lại ta”; ta không biết rõ ba nhóm ấy. Nếu Samôn Gotama hỏi tiếp rằng: “Nay Saccaka, người hãy chỉ ra những ai có cùng quan điểm với người?”. Ta biết phải trả lời như thế nào để không bị thất thố.

Do đó, Saccaka phải thừa nhận rằng:

-Thừa Tôn giả Gotama. Như vậy tôi nói: “Sắc là tự ngã của ta, Thọ là tự ngã của ta, Tưởng là tự ngã của ta, Hành là tự ngã của ta, Thức là tự ngã của ta.

(Nơi *Hội nghị đường*, trước 500 Vương tử người Licchavī, Saccaka hùng hồn đưa ra bốn ví dụ, tựa hồ nắm chắc phần thắng và gây cho Đức Thế Tôn lúng túng trước những lý lẽ sắc bén của y. Nhưng ngược lại, chỉ với hai câu hỏi mở đầu, Đức Thế Tôn đã đưa Saccaka vào thế bị động và khó xử).

- Nay Aggivessana, Ta sẽ hỏi người trở lại vấn đề này. Người có thể trả lời nếu người muốn.

Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào? Một vị đã làm lễ Tôn vương như vua Pasenadi (PaTưNặc) nước Kosala (KiềuTấtLa) hay Ajātasatta con bà Videhi (Quý-Đê-Hí) nước Magadha (MaKiệtĐà), có quyền hành trong quốc độ của mình; muốn giết những ai đáng bị giết; muốn tước đoạt tài sản những ai đáng bị tước đoạt; muốn tẩn xuất những ai đáng bị tẩn xuất, có được không?

- Nay Tôn giả Gotama, cho đến các giáo đoàn, các đoàn thể, như các Vajji (Bạt Kỳ), các Malla (Man-Lá) vẫn có quyền hành trong quốc độ của mình; muốn giết những ai đáng bị giết; muốn tước đoạt tài sản những ai đáng bị tước đoạt; muốn tẩn xuất những ai đang bị tẩn xuất, đều được cả. Còn nó gì đến những vị vua đã được làm lễ Tôn vương như vua Pasenadi xứ Kosala.

Nay Tôn giả Gotama, vị ấy có quyền hành ấy và xứng đáng có quyền hành ấy.

Bản Sớ giải thích.

Đức Thế Tôn nêu lên câu hỏi hợp lý trên với mục đích làm cho Saccaka phải thừa nhận. Từ đó Đức Thế Tôn đưa ra những lý pháp để bác bỏ tà kiến của *chủ thuyết "linh hồn (attavāda)"*.

Du sĩ Saccaka không có trí sắc bén để nhận ra sự vi tế trong câu hỏi của Đức Thế Tôn, trái lại y "mang dao đến cho mình", khi xác nhận "vị ấy có quyền và xứng đáng có quyền như vậy. Đồng thời y lại "mài dao cho sắc bén để tự sát" khi đề cập đến những vị có quyền hành trong xứ Vajji và xứ Malla.

Saccaka đề cập đến những vị có quyền trong xứ Vajji (Bạt Kỳ) là muốn các Vương tử người Licchavī ủng hộ chủ thuyết của y).

- Nay Aggivessana, người nói "*Sắc là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì với Sắc ấy không, "*Sắc của ta phải như thế này? Sắc của ta không phải như thế này?*".

Được hỏi như vậy, Nigantha Saccaka im lặng.

Giải.

Như dân chúng trong quốc độ là của Đức vua, Đức vua có quyền trừng phạt, ban thưởng hay điều khiển dân trong quốc độ của mình theo như ý.

Khi Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Aggivessana, người nói "*Sắc là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì với Sắc ấy không, "*Sắc của ta phải như thế này? Sắc của ta không phải như thế này?*".

Saccaka nhận ra lỗi lầm nghiêm trọng của mình, y suy nghĩ: "Samôn Gotama sắp hủy diệt quan điểm của ta rồi; ta đã ngu si đã tạo cơ hội cho Samôn Gotama đánh bại trong cuộc luận chiến do ta chủ xướng.

Nếu ta trả lời "*ta có quyền điều sử sắc của mình*"; các Vương tử Licchavī sẽ cười rộ chế giễu ta ngay, họ sẽ đứng lên phản đối ta rằng: "Nay Saccaka, nếu thế sao sắc người xấu xí như thế, người không xinh đẹp bằng chúng ta", vì các Vương tử này xinh đẹp, đáng ngưỡng mộ như những chư thiên cõi Ba mươi Ba (Tāvatisa).

Nếu ta nói "Ta không thể điều khiển sắc của ta theo như ý", nghĩa là ta tự phá hủy quan điểm "*sắc là tự ngã của ta*" khi bước vào cuộc "luận chiến" với Samôn Gotama.

Du sĩ Saccaka ở trong tình trạng "tiến tới không được, thối lui cũng không an toàn", nên đành im lặng).

Lần thứ hai, Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Aggivessana, người nói "*Sắc là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì với Sắc ấy không, "*Sắc của ta phải như thế này? Sắc của ta không phải như thế này?*".

Lần thứ hai, khi được hỏi như vậy, Nigantha Saccaka vẫn giữ im lặng.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Aggivessana, nay người phải trả lời; nay không phải là thời người giữ im lặng. Nay Aggivessana, ai được Như Lai hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu người đó sẽ bị bể ra bảy mảnh tại chỗ.

Khi ấy Thần Daxoa Vajirapāni (Kim Cang Thủ), đang cầm trái chùy sắt to lớn, chói sáng chói, đứng giữa hư không, trên đầu Nigantha Saccaka, với ý định: "Nếu Đức Thế Tôn hỏi lần thứ ba một câu hỏi hợp lý, Nigantha Saccaka vẫn giữ im lặng, ta sẽ đánh chùy sắt vào đầu nó, khiến đầu nó bể thành 7 mảnh".

Chỉ có Đức Thế Tôn và Nigantha Saccaka nhìn thấy Thần Daxoa Vajirapāni (Quá-Chí-Rá-Pa-Ní); Nigantha Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, chỉ tìm thấy sự

che chở nơi Đức Thế Tôn, chỉ tìm thấy an ổn nơi Đức Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự nương dựa vào Đức Thế Tôn.

Nigaṇṭha Saccaka bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả hãy hỏi, tôi sẽ trả lời.

- Nay Aggivessana, người nói "*Sắc là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì với Sắc ấy không, "*Sắc của ta phải như thế này? Sắc của ta không phải như thế này?*".

- Thưa không, thưa Tôn giả Gotama.

- Nay Aggivessana, hãy suy nghiệm kỹ; sau khi suy nghiệm kỹ hãy trả lời. Lời nói cuối của người không phù hợp với lời đầu của người; lời nói đầu của người không phù hợp với lời nói cuối của người.

Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào? Như người nói nói "*Thọ là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì đối với Thọ ấy không, "*Thọ của ta phải như thế này? Thọ của ta không phải như thế này?*".

- Thưa không, thưa Tôn giả Gotama.

- Nay Aggivessana, hãy suy nghiệm kỹ; sau khi suy nghiệm kỹ hãy trả lời ...

Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào?. Như người nói nói "*Tưởng là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì đối với Tưởng ấy không ...

Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào?. Như người nói nói "*Hành là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì đối với Hành ấy không ...

Nay Aggivessana, người nghĩ thế nào?. Như người nói nói "*Thức là tự ngã của ta*"; người có quyền hành gì đối với Thức ấy không, "*Thức của ta phải như thế này? Thức của ta không phải như thế này?*".

- Thưa không, Tôn giả Gotama.

- Nay Aggivessana, hãy suy nghiệm kỹ; sau khi suy nghiệm kỹ hãy trả lời.

Lời nói cuối của người không phù hợp với lời đầu của người; lời nói đầu của người không phù hợp với lời nói cuối của người.

Giải.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn không hỏi Nigaṇṭha Saccaka ba lần, Ngài lại chuyển sang câu nói "nhắc nhở".

Đáp. Đức Thế Tôn khi hỏi một người nào câu hỏi đúng pháp. nếu ba lần người ấy không trả lời, sẽ bị trừng phạt nặng nề là "đầu nứt thành 7 mảnh" theo *định luật Pháp* (dhammaniyāma), khi ấy vua Trời Sakka không đi đến trợ giúp.

Nhưng với tâm Từ được Đức Thế Tôn tu tập trải qua bốn Atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, Đức Thế Tôn luôn có tâm bi mẫn đối với tất cả chúng sinh, nên Ngài chuyển sang câu nói "nhắc nhở", để người ấy không còn "cứng rắn tâm", trong thời gian chuyển sang câu nói "*nhắc nhở*", Đức Thế Tôn rải tâm Từ đến người ấy.

Thần Dạ xoa Vajirapanī (Kim Cang Thủ) chính là hóa thân của vua Trời Sakka (Đế Thích), đến phục vụ Đức Thế Tôn trong việc nhiếp phục "kẻ ngang ngạnh" theo bốn phạm. Với hình dạng một Dạ xoa hung dữ đang cầm chùy sắt cháy đỏ, sáng rực đứng trên đầu Saccaka đe dọa, như sẵn sàng đánh chùy sắt vào đầu Saccaka, nếu Saccaka ngoan cố không trả lời Đức Thế Tôn, khiến cho Saccaka kinh hoàng sợ chết, phải trả lời câu hỏi đúng pháp của Đức Thế Tôn.

Theo *Hậu Số giải* (Mahā Tīkā). Khi ấy vua Trời Đế Thích có tâm thương xót Saccaka, không muốn Saccaka đầu bị bể 7 mảnh theo "định luật pháp", nên cố ý hăm dọa, làm cho Saccaka kinh sợ phải trả lời Đức Thế Tôn, thoát khỏi tai họa "đầu bị bể bảy mảnh".

Việc Sakka (Đế Thích) đánh chùy sắt vào đầu Saccaka, khiến đầu Saccaka bị bể bảy mảnh, không hề xảy ra. Những cảnh khủng khiếp xuất hiện trước mắt Đức Thế Tôn, không hề có; vì Pháp Balamật của Đức Thế Tôn quá sâu thẳm, những cảnh tượng bất mỹ như thế không hề xuất hiện trước mắt Ngài.

Giả như Saccaka quá cương ngạnh, không trả lời Đức Thế Tôn khi Ngài hỏi lần thứ ba đúng pháp, khi khuất tầm mắt Đức Thế Tôn, đầu của Saccaka bị bể thành bảy mảnh theo cách tự nhiên của “định luật pháp”.

Hỏi. Vì sao vua Trời Sakka lại đi đến với hóa thân Daxoa, phục vụ Đức Thế Tôn, như là một bổn phận của mình?

Đáp. Theo Bản Sớ giải kinh Trung bộ. Khi Bồ tát là Thiên vương Santusita (Săn-Tú-Sí-Tá) ở cõi Tusita (Đầu Suất), Đại Phạm thiên Sahampati (Sá-Hăm-Pá-Tí), vua Trời Sakka cùng Đại chúng chư thiên đi đến thỉnh Bồ tát Santusita giáng trần để trở thành Đức Chánh Giác.

Bồ tát đưa mắt quán xét thế gian nhân loại, rồi đáp rằng:

- Hiện nay nhân loại theo ác pháp nhiều, tâm rất cứng rắn, rất khó giáo hóa. Ta không muốn giáng trần.

Thiên vương Đế Thích có hứa rằng:

- Xin Ngài hãy giáng trần để trở thành bậc Chánh Giác, tế độ chúng sinh. Đối với những kẻ khó dạy, tâm cứng rắn, Ngài hãy làm chủ Chánh Pháp; còn chúng tôi sẽ hỗ trợ Ngài nhiếp phục những kẻ khó dạy theo phương cách diệt trừ theo “luật thế tục”.

Do lời hứa này, khi Ngài vàng (Paṇḍukambala) của vua Trời Sakka nóng ran, Vua Trời Đế Thích đưa Thiên nhân quán xét, biết rõ sự việc đang xảy ra.

Và Thiên vương Sakka lập tức đi đến hầu Đức Thế Tôn, hóa thân thành Thần Daxoa Kim Cang Thủ hung dữ để hăm dọa, răn đe “kẻ khó dạy”, khiến “kẻ khó dạy” quy phục Đức Thế Tôn.

Nigantha Saccaka nhìn thấy Thần Daxoa Vajirapanī (Kim Cang Thủ) đáng kinh sợ, đang đứng trên đầu đưa chùy sắt cháy đỏ, rực sáng lên cao. Saccaka kinh hoàng, những làn sóng âm thanh cuồn cuộn chảy trong ruột, mồ hôi toàn thân toát ra vì sợ, những giọt mồ hôi rơi xuống đất, y nhìn chung quanh thấy Đại chúng vẫn thản nhiên, chẳng có chút kinh hoàng.

Du sĩ Saccaka suy nghĩ rằng: “Trong đại chúng chẳng ai thấy hiện tượng kỳ lạ này, chỉ có riêng ta. Nếu ta la lên: “Có Daxoa hiện hình hăm dọa ta”, mọi người sẽ cười chế giễu ta rằng: “Saccaka không thể trả lời câu hỏi của Samôn Gotama, nên bịa đặt “có Daxoa” để chữa thẹn, đồng thời chống chế sự thất bại của mình”.

Họ sẽ nói rằng: “Chúng ta có mắt, nhưng không thấy Daxoa, chỉ có Saccaka thấy. Chúng ta không thấy có Daxoa, chỉ thấy Saccaka không thể trả lời câu hỏi của Samôn Gotama mà thôi”.

Nhưng nếu ta không trả lời Samôn Gotama thì Daxoa này sẽ đánh chùy sắt vào đầu của ta.

Giờ đây, chỉ còn Samôn Gotama là vị cứu tinh, là nơi nương tựa của ta mà thôi, không ai có thể ngăn cản vị Daxoa đầy uy lực này.

Do vậy, Saccaka đã thỉnh cầu Đức Thế Tôn lập lại câu hỏi và trả lời như trên.

Theo Chánh kinh. Đức Thế Tôn lần lượt hỏi Saccaka về năm uẩn; Saccaka thừa nhận “năm uẩn không phải là tự ngã của ta”.

Mỗi câu hỏi, Đức Thế Tôn đều nhấn mạnh: “Này Aggivessana, hãy suy nghiệm kỹ; sau khi suy nghiệm kỹ hãy trả lời”.

Và Ngài khiển trách Saccaka trước đại chúng là “lời nói đầu của người không phù hợp với lời nói cuối; lời nói cuối của người không phù hợp với lời nói đầu”.

Đức Thế Tôn nhấn mạnh “này Aggivessana, hãy suy nghiệm kỹ, sau khi suy nghiệm kỹ hãy trả lời”, để cho Đại chúng chứng kiến: “Saccaka đã suy nghĩ cân nhắc kỹ, rồi mới trả lời Samôn Gotama”, để Saccaka không còn cơ hội trá trở: “Vì khi ấy ta hấp tấp, không suy nghiệm kỹ, không cân nhắc kỹ nên đã trả lời Samôn Gotama như thế”.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết giảng đến Đại chúng bằng pháp thoại liên quan đến những câu hỏi được nêu ra ba lần với Saccaka (cách thuyết giảng Pháp thoại này được gọi là *Teparivatta dhamma desanā* – Pháp thoại ba lần xoay quanh) rằng:

- Này Aggivessana, người nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?
- Thưa Tôn giả Gotama, là vô thường.
- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?
- Thưa Tôn giả Gotama, là khổ.
- Cái gì vô thường, khổ, biến hoại. Có hợp lý chăng khi thấy đúng đắn rằng: “Cái này là ta, là của ta, là tự ngã của ta?”.
- Thưa Tôn giả Gotama, không hợp lý.
- Này Aggivessana, người nghĩ thế nào? Thọ là thường hay vô thường? ... Tưởng ... hành Thức là thường hay vô thường?
- Thưa Tôn giả Gotama, là vô thường.
- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?
- Thưa Tôn giả Gotama, là khổ.
- Cái gì vô thường, khổ, biến hoại. Có hợp lý chăng khi thấy đúng đắn rằng: “Cái này là ta, là của ta, là tự ngã của ta?”.
- Thưa Tôn giả Gotama, không hợp lý.
- Này Aggivessana, người nghĩ thế nào? Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, tham đắm khổ có thể quán khổ: “Cái này không phải của ta, cái này không phải ta, cái này không phải là tự ngã của ta”. Hơn nữa, nó có thể tự hiểu “cái khổ của tự mình” hay nó có thể “sống diệt trừ cái khổ” không?

- Thưa Tôn giả Gotama, không, không thể được.

Giải.

Ở đây, “*khổ*” trong những cụm từ “ái luyến *khổ*, chấp trước *khổ*, tham đắm *khổ*, có thể quán *khổ*” là chỉ cho “*năm uẩn*”.

Người *ái luyến* năm uẩn, bị dính mắc với năm uẩn, sẽ dẫn đến tà kiến “năm uẩn này là *của ta*” (thuộc thân kiến),

Người *nắm giữ* năm uẩn, sẽ dẫn đến *ngã mạn*, cho một hay cả năm là *ta*.

Người *đắm nhiễm* trong năm uẩn, sẽ dẫn đến tà kiến “*tự ngã*”, cho rằng: “Có một hay cả 5 uẩn tồn tại sau khi chết; là *thường kiến*”, hay cho “ một hay cả năm uẩn không tồn tại sau khi chết; là *đoạn kiến*”.

Như người huấn luyện rắn thiện xảo, buộc con rắn độc phải hút lại chất độc của nó ra khỏi thân thể người bị nó cắn.

Cũng vậy, Đức Thế Tôn buộc Nigantha Saccaka phải thừa nhận “năm uẩn là vô thường, là khổ, là vô ngã” từ chính miệng của Nigantha Saccaka trước đại chúng, trong đó có các Vương tử Licchavī đang ủng hộ Saccaka.

Nọc độc đó là tà kiến tự ngã (atta), tà kiến này do chính Saccaka nói ra trước đại chúng; tà kiến đó cũng chính Sacca phủ nhận từ miệng của mình trước đại chúng, ví như con rắn phun nọc độc rồi tự hút lại nọc độc của mình vừa phun ra.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Aggivessana, như người muốn được lõi cây, đi chỗ này chỗ kia tìm lõi cây. Nó cầm búa sắc bén đi vào rừng, nơi đây nó có thể thấy *cây chuối lớn* đứng thẳng, còn trẻ, không có khúc đốt. Nó chặt gốc cây ấy, rồi chặt ngọn cây, rồi lột ra những lá cuộn tròn; nhưng sau khi lột hết những lá cuộn tròn, nó không tìm thấy lõi cây.

Cũng vậy, này Aggivessana, sau khi được Ta hỏi, được Ta *chất vấn* về những lời của người; người đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, *thất bại* (aparaddhā). Này Aggivessana, những lời người đã tuyên bố cho hội chúng ở Vesāli (VệXá): “*Ta không thấy một Samôn hay một Balamôn nào, là vị hội chủ, là vị Giáo trưởng, là Sư trưởng giáo hội; dù tự cho là bậc ALaHán Chánh Đẳng Giác; khi đối thoại với ta, không ai là không run*

sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường”.

Nhưng chính từ trán của người, này Aggivessana, những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua thượng y đang rơi xuống đất; còn Ta, này Aggivessana, nay không có giọt mồ hôi nào trên thân ta.

Rồi Đức Thế Tôn để lộ kim thân cho đại chúng thấy.

Giải.

Đức Thế Tôn dùng hình ảnh “cây chuối lớn” để chỉ cho sự trống rỗng do không có cốt lõi. Cũng vậy, những chủ thuyết mơ hồ do suy luận, tưởng tượng ra như “thuyết linh hồn (attavāda)”, thuyết ấy được trau chuốt, gọt dũa cho trơn láng, dường như không có kẻ hở, nhưng thực chất không có cốt lõi, “linh hồn (hay tự ngã –atta)” chỉ là “một ảo tưởng” không có thật.

Hỏi. Đức Thế Tôn để lộ kim thân cho đại chúng thấy, Ngài để lộ kim thân như thế nào? Vì sao Ngài lại để lộ kim thân của mình?

Đáp.

Nên lưu ý: Mồ hôi sẽ đổ ra trên thân thể vào lúc này hoặc lúc khác, nhưng khi ấy trên thân Đức Thế Tôn không có giọt mồ hôi nào cả, do vậy, Ngài nói rằng: “Này Aggivessana, nay (hiện tại) không có giọt mồ hôi nào trên thân ta”.

Đức Thế Tôn để lộ kim thân như thế nào?

Đức Thế Tôn không để lộ toàn bộ thân Ngài ra trước đại chúng; khi ngồi trước đại chúng, y của Đức Thế Tôn có hạt nút dính vào hay mép của chiếc y vai trái, giữ yên chiếc y không bị sút ra trước đại chúng. Đức Thế Tôn mở nút áo, giữ một đầu y trên vai trái, phần y trên ngực được kéo xuống khoảng 4 cm, nơi khoảng trống của thân ấy, một vòng hào quang vàng cuộn cuộn tuôn ra xông lên phía trên như chiếc lọng vàng che trên đầu Đức Thế Tôn.

Ngài để lộ kim thân để đại chúng thấy “hiện tại Ngài không có giọt mồ hôi nào cả”.

Vì sao Ngài phải để lộ kim thân của mình?

Sở dĩ Ngài “để lộ kim thân không có giọt mồ hôi nào cả”, để đánh tan nghi hoặc hay sự xuyên tạc của những người ủng hộ Saccaka rằng: “Ngài nói không có đổ mồ hôi, nhưng chúng ta không thể thấy được “Ngài có đổ mồ hôi hay không”?, vì Ngài đắp y che kín thân mình, nếu có đổ mồ hôi cũng bị lớp thượng y che dấu”.

Mặt khác, “Đức Thế Tôn “để lộ kim thân không có giọt mồ hôi nào cả” mang niềm tin đến cho những ai chưa có niềm tin nơi Đức Phật, đồng thời củng cố niềm tin cho những ai đang có niềm tin nơi Đức Thế Tôn. Niềm tin này sẽ không bị giao động trước những lý lẽ bào chữa du sĩ Nigaṇṭha Saccaka, giúp đại chúng có nhiều lợi ích sau này.

Khi nghe nói như vậy, Nigaṇṭha Saccaka hổ thẹn, im lặng, cúi đầu, rụt vai, ngồi bàng hoàng không nói được lời nào.

Một Vương tử người Licchavī là Dummukha (Đum-Mú-Khá) thấy Nigaṇṭha Saccaka hổ thẹn, im lặng, cúi đầu, rụt vai, ngồi bàng hoàng không nói được lời nào; liền bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, con có một ví dụ.

- Này Dummukha, hãy nói lên ví dụ ấy.

- Bạch Thế Tôn, như một hồ sen không xa làng hay thị trấn bao nhiêu, ở đấy có con cua. Bạch Thế Tôn có số đông con trai, con gái đi đến hồ sen, lặn xuống hồ sen bắt con cua lên, đặt nó trên đất khô, Bạch Thế Tôn, khi con cua này thò ra cái càng nào thò những người con trai hay con gái, với cây, đá ... đánh gãy và đập nát càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn con cua ấy bị gãy, bị đập nát tất cả càng, ngoe, nó không thể bò xuống hồ sen như trước.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, mọi khúc thuyết, gian kế, tranh luận của Nigaṇṭha Saccaka bị Đức Thế Tôn bẻ gãy, chặt đứt, đập tan. Và nay, bạch Thế Tôn, Nigaṇṭha Saccaka không thể đến gặp Thế Tôn, chớ đừng nói là “*có ý định đàm luận (vādadhīppāya)*”⁽¹⁾.

Được nghe như vậy, Nigaṇṭha Saccaka nói với Vương tử Dummukha người Licchavī rằng:

- Dummukha, người hãy dừng lại; Dummukha, người hãy dừng lại. Chúng tôi không đàm luận với người, chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama.

Giải.

Dummukha là một Vương tử của bộ tộc Licchavī, tuy có tên là *Dummukha* (Gương mặt xấu) chứ thật ra vị Vương tử này rất xinh đẹp. Do vì tâm tính cao ngạo, hẹp hòi nên được gọi như thế; và Nigaṇṭha Saccaka gọi thẳng tên với ý không tôn trọng rằng: “Dummukha, người hãy dừng lại; Dummukha, người hãy dừng lại”⁽²⁾.

Khi nghe ví dụ của Vương tử Dummukha với ý khinh thị Nigaṇṭha Saccaka, những Vương tử Licchavī khác chợt nhớ đến cách đối xử thô lỗ nhận được từ Saccaka. Các Vương tử Licchavī suy nghĩ “cái bàn đã bị lật ngược, đây là cơ hội tốt nhất để chúng ta trả đũa hành vi thô lỗ của Saccaka”.

Các Vương tử đang tìm những ví dụ cay nghiệt để thổi bay “kẻ thù đang bị ngã”.

Nghe ví dụ của Vương tử Dummukha, Nigaṇṭha Saccaka kinh hoàng cảm nhận sự bất ổn sắp giáng xuống cho mình. Y linh cảm các Vương tử Licchavī đang tìm cách hạ nhục y trước đại chúng.

Nigaṇṭha Saccaka suy nghĩ: “Các Vương tử Licchavī này không kiên nhẫn được lâu, nếu một trong số họ có cơ hội nói lên ví dụ để miệt thị ta, thì lần lượt họ sẽ nêu lên ví dụ của mình. Thế là ta không có cơ hội ngẩng đầu lên được, ta phải ngăn chặn ngay từ bây giờ”.

Nigaṇṭha Saccaka liền nói với Vương tử Dummukha rằng:

- Dummukha, người hãy dừng lại; Dummukha, người hãy dừng lại. Chúng tôi không đàm luận với người, chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama.

Rồi Nigaṇṭha Saccaka nói lời thỉnh cầu với Đức Thế Tôn.

- Tôn giả Gotama, hãy để yên những lời nói của chúng tôi, những lời nói của các Samôn, Balamôn khác. Tôi nghĩ cuộc đàm luận vô bổ này thật *đáng hối tiếc*⁽³⁾.

Giải.

Đây xem như những lời Nigaṇṭha Saccaka thừa nhận “lỗi của mình”; từ trước cho đến khi đối diện với Đức Thế Tôn, đây là lần đầu tiên Nigaṇṭha Saccaka thừa nhận “tôi là người có lỗi” trước đại chúng.

Nigaṇṭha Saccaka suy nghĩ: “Hiện Samôn Gotama đang ở thế thượng phong, đa số đang đứng về phía Samôn Gotama. Ta cần phải tiếp cận Samôn Gotama để xoa dịu, làm lắng yên những bất mãn, những khó chịu, bất bình dành cho ta”.

Để tỏ ra là “người biết phục thiện”, nên Nigaṇṭha Saccaka nói lên những lời “thừa nhận mình có lỗi trước đại chúng”.

“*Hãy để yên những lời nói của chúng tôi, những lời nói của các Samôn, Balamôn khác*”.

Nghĩa là: “Những lời nói của chúng tôi cùng với những Samôn, Balamôn khác không có giá trị gì cả, xin Samôn Gotama đừng lưu tâm đến những lời ấy.

“*Cuộc đàm luận vô bổ này thật đáng hối tiếc*”.

Nghĩa là “những lời thách thức luận chiến của chúng tôi với Samôn Gotama chỉ là lời phù phiếm, không đúng thực chất, không mang lợi ích chi đến chúng tôi cả”.

Tiếp theo Nigaṇṭha hỏi với ý thỉnh cầu rằng:

(1)- *Vādadhīppāya* có nghĩa là “một người đối thoại, chất vấn”.

(2)- MA. i. 459.

(3) *Vilāpaṃ vilāpitaṃ*.

- Cho đến mức độ nào, một đệ tử Thịnh văn của Tôn giả Gotama trở thành tuân phụng Thánh điển, *chấp nhận giảng huấn* (ovādatikara), nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu không lo sợ, sống trong hội chúng của Bốn sư, khỏi phải nương tựa một ai?

- Ở đây, này Aggaivessana, vị Thánh đệ tử Thịnh Văn của Ta, đối với bất cứ Sắc nào: Quá khứ, vị lai hay hiện tại; bên trong hay bên ngoài; thô thiển hay vi tế; thù thắng hay thấp kém; xa hay gần (11 pháp); *thấy như thật* với *chánh trí* (yathābhūtaṃ sammappaññāya passati) là: "Cái này không phải của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta".

Đối với bất cứ Thọ ... Đối với bất cứ Tưởng ... Đối với bất cứ Hành ... Đối với bất cứ Thức nào: Quá khứ, vị lai hay hiện tại; bên trong hay bên ngoài; thô thiển hay vi tế; thù thắng hay thấp kém; xa hay gần; *thấy như thật* với *chánh trí*: "Cái này không phải của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta".

Này Aggivessana (Ấc-Gí-Quét-Sá-Ná), cho đến mức độ như vậy, một đệ tử Thịnh văn của ta, trở thành tuân phụng giáo điển, *chấp nhận giảng huấn*, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu không lo sợ, sống trong hội chúng của Bốn sư, khỏi phải nương tựa vào ai.

Giải.

Theo Kinh điển, bậc Thánh có hai hạng: Thánh Hữu học và Thánh Vô học.

Thánh Hữu học là chỉ cho ba tầng Thánh quả: Dự Lưu, Nhất Lai và Bất lai, những bậc này còn nằm trong lãnh vực "còn phải học tiếp (sikkhā bhūmi)".

Thánh Vô học là chỉ cho bậc ALaHán (Arahatta).

"*Khỏi phải nương tựa vào ai*". Là chỉ cho "niềm tin" của vị ấy; tức là vị ấy "tin vào pháp mà vị ấy chứng đắc", niềm tin này trở nên bất động; vị ấy tự lực để thoát ra mọi trói buộc, không nương tựa vào một tha lực nào khác.

"*Thấy như thật với chánh trí*". Ở đây, thuật ngữ "*thấy* (passati)" mang ý nghĩa "tiến trình còn tiếp tục, chưa hoàn tất ở hành động *thấy*".

Tuy Nigaṇṭha Saccaka chưa hiểu hết ý nghĩa thuật ngữ "*thấy*" của Đức Thế Tôn, nhưng trí của vị ấy cũng nhạy bén, hiểu được rằng "*thấy*" là phát hiện được điều gì đó dẫn đến giác ngộ.

Nên Nigaṇṭha Saccaka bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng.

-Thưa Tôn giả Gotama (Gô-Tá-Má), cho đến mức độ nào, vị Tỳkhuu là bậc ALaHán, các ô nhiễm đã tận, tu tập viên mãn, các việc nên làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, các sợi dây trói buộc đã bị cắt đứt, được chánh trí giải thoát?

- Này Aggivessana, ở đây, vị Tỳkhuu đối với bất cứ Sắc nào: Quá khứ, vị lai hay hiện tại; bên trong hay bên ngoài; thô thiển hay vi tế; thù thắng hay thấp kém; xa hay gần; *thấy như thật* với *chánh trí* là: "Cái này không phải của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta".

Đối với bất cứ Thọ ... Đối với bất cứ Tưởng ... Đối với bất cứ Hành ... Đối với bất cứ Thức nào: Quá khứ, vị lai hay hiện tại; bên trong hay bên ngoài; thô thiển hay vi tế; thù thắng hay thấp kém; xa hay gần; *thấy như thật* với *chánh trí*: "Cái này không phải của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta".

Này Aggivessana, cho đến mức độ này, vị Tỳkhuu ALaHán, các ô nhiễm đã đoạn tận, tu tập viên mãn, các việc cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, thành tựu mục đích, các sợi dây trói buộc bị diệt trừ.

Này Aggivessana, với tâm giải thoát như vậy, vị Tỳkhuu thành tựu ba pháp: "Thấy vô thượng (dassanānuttariyena), Đạo vô thượng (paṭipadānuttariyena), Giải thoát vô thượng (vimuttānuttariyena)".

Này Aggivessana, được giải thoát như vậy, vị ấy chỉ kính lễ, tôn trọng, đánh lễ cúng dường Như Lai.

Buddho so bhagavā bodhāya dhammaṃ deseti.

“Thế Tôn đã Giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ”.

Danto so bhagavā damathāya dhammaṃ deseti.

“Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục”.

Santo so bhagavā samathāya dhammaṃ deseti.

Thế Tôn đã an tịnh, Ngài thuyết pháp để an tịnh”.

Tiṇṇo so bhagavā taraṇāya dhammaṃ deseti.

Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua”.

Parinibbuto so bhagavā parinibbānāya dhammaṃ deseti”ti.

“Thế Tôn đã chấm dứt trọn vẹn, Ngài thuyết pháp để chấm dứt trọn vẹn”.

Nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy, Nigaṇṭha Saccaka bạch rằng:

-Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thật lỗ mãng, chúng tôi thật khinh suất, chúng tôi đã dám nghĩ “dùng lời nói để luận chiến với Samôn Gotama”.

Thưa Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con voi dữ; nhưng không thể có sự an toàn cho người chiến đấu chống Tôn giả Gotama.

Thưa Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với đám lửa hùng; nhưng không thể có sự an toàn cho người chiến đấu chống Tôn giả Gotama.

Thưa Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con rắn độc dữ tợn; nhưng không thể có sự an toàn cho người chiến đấu chống Tôn giả Gotama.

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thật lỗ mãng, chúng tôi thật khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ “dùng lời nói để luận chiến với Samôn Gotama”.

Mong Tôn giả Gotama nhận lời, ngày mai dùng bữa ăn của tôi cùng với chúng Tỳkhuu.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Giải.

Nigaṇṭha Saccaka nói: *“Không thể có sự an toàn cho người chiến đấu chống Tôn giả Gotama”.*

Đó là câu nói vừa tán thán Đức Thế Tôn, cũng là câu nói chừa thẹn của du sĩ Saccaka.

Nghĩa là: “Trong thế gian này, không ai không thảm bại khi luận chiến với Samôn Gotama. Những quan điểm được chuẩn bị để chống lại quan điểm của Samôn Gotama, khi đứng trước Samôn Gotama, tất cả những quan điểm ấy không thể thoát khỏi bị hủy diệt và người ấy phải ra đi với chính quan điểm bị hủy diệt của mình”. Đó là lời tán thán Đức Thế Tôn của du sĩ Saccaka.

Chừa thẹn là: “Ta luận chiến bị thảm bại trước Samôn Gotama, đó cũng là chuyện bình thường; thử hỏi, “trong đại chúng đang có mặt đây, có ai có thể luận chiến thắng được Samôn Gotama chăng? Không có ai cả”.

Lại nữa, với ba ví dụ: *“Chiến đấu với con voi dữ, đám lửa hùng và con rắn độc dữ tợn còn có thể có an toàn, nhưng không thể có sự an toàn cho người chiến đấu chống Tôn giả Gotama”.*

Đây là câu nói vừa tán thán Đức Thế Tôn cũng vừa tự tán thán mình của du sĩ Saccaka.

Tán thán Đức Thế Tôn. Nghĩa là: “Đức Thế Tôn không làm hại đến sinh mạng cũng như tài sản, sự hạnh phúc của bất cứ chúng sinh nào, nếu như chúng sinh ấy đừng có ý niệm chống đối Đức Thế Tôn; những ai có ý nghĩ “chống lại Samôn Gotama”, người ấy tự chuốc họa vào thân, ví như người đánh mạnh vào bức tường sắt, sự phản chấn từ sức mạnh cái đánh đó mang tai họa đến người ấy; chứ bức tường sắt không có hại người ấy”.

Cũng như con voi dữ, đám lửa hừng, con rắn độc, không gây tổn hại đến những ai không chiến đấu chống nó.

Tự tán thán mình. Ví như người vừa thổi sáo rồi tự khen mình thổi sáo hay; cũng vậy, du sĩ Saccaka tự khen mình như vậy: “Từ lâu ta được nghe danh tiếng của Samôn Gotama, chưa có ai luận chiến, thắng được Samôn Gotama; nhưng ta có can đảm đến luận chiến với Samôn Gotama. Trong đại chúng các người đây, có ai can đảm có ý nghĩ “ta sẽ luận chiến để thắng Samôn Gotama chẳng?”.

Hoặc “một người bình thường không bao giờ có ý nghĩ “sẽ chiến đấu với con voi dữ, đám lửa hừng hay con rắn độc dữ tợn”, chỉ có “những ai can đảm và tài giỏi mới có can đảm chiến đấu với con voi dữ, đám lửa hừng, hay con rắn độc dữ tợn”.

Lời tán thán Đức Thế Tôn của Saccaka ví như lời khen của vị vua chiến đấu với vị vua nghịch, khen rằng: “Vị vua ấy rất dũng mãnh và tài giỏi”, để tự tôn vinh mình.

Khi biết Đức Thế Tôn nhận lời mời của mình, Niganṭha Saccaka nói với các Vương tử Licchavī (Lích-Chá-Quy) rằng.

- Các Tôn giả Licchavī hãy nghe tôi. Samôn Gotama cùng chúng Tỳkhuu, được mời ăn ngày mai; hãy mang đến cho tôi những gì mà quý vị nghĩ là hợp thời.

Vào sáng hôm sau, các Vương tử Licchavī mang đến cho Niganṭha Saccaka năm trăm phần cơm nấu với sữa.

Tại vườn của mình, Niganṭha Saccaka chuẩn bị những vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm; khi đã sẵn sàng, du sĩ Niganṭha Saccaka cho người đến Đức Thế Tôn báo giờ.

- Thừa Tôn giả Gotama, đã đến giờ; vật thực đã chuẩn bị xong.

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn sau khi đắp y tề chỉnh, tay cầm lấy y bát; Ngài cùng đại chúng Tỳkhuu 500 vị ngự đến khu vườn của du sĩ Niganṭha Saccaka.

Đức Thế Tôn ngồi vào nơi được soạn sẵn cùng với đại chúng Tỳkhuu. Rồi du sĩ Niganṭha Saccaka tự tay phục vụ các vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm đến Đức Thế Tôn và các vị Tỳkhuu.

Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong rồi, tay rời khỏi bát, du sĩ Niganṭha Saccaka lấy một chiếc ghế thấp khác, ngồi xuống kế bên, thưa với Đức Thế Tôn rằng:

- Thừa Tôn giả Gotama, trong cuộc bố thí này, nếu có *phước báu* (puñṇā) và *phước báu phụ* (puñṇamahī), mong rằng những vị bố thí sẽ hưởng được hạnh phúc.

- Nay Aggivessana, sẽ có phước báu đến những người bố thí đến bậc đáng cúng dường. Tuy người vẫn còn tham, vẫn còn sân, vẫn còn si; nhưng Ta là bậc không có tham, là bậc không có sân, là bậc không có si.

Giải.

Phước báu (puñṇā). Là chỉ cho sự tái sinh trong tương lai, được kết quả là “ngườicaosang hay chư thiên”; tức là kết quả của ngũ uẩn trong tương lai.

Phước báu phụ (puñṇamahī). Là chỉ cho tài sản, dung sắc, sức mạnh, tuổi thọ, danh tiếng ... có liên hệ đến năm uẩn đó.

So sánh hai quả bố thí, quả cúng dường của du sĩ Niganṭha Saccaka cao thượng hơn 500 Vương tử người Licchavī, vì 500 Vương tử người Licchavī cúng dường đến du sĩ Saccaka là người “có tham, có sân, có si”.

Trái lại du sĩ Saccaka cúng dường đến Đức Thế Tôn là “bậc không có tham, không có sân, không có si”.

Khi nghe như vậy, du sĩ Niganṭha Saccaka hoan hỷ rằng: “Như vậy ta là người có phước báu hơn 500 Vương tử Licchavī, vì ta cúng dường đến Samôn Gotama, là bậc không có tham, không có sân, không có si”.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn dạy như thế?

Đáp. Tuy trong kiếp ấy, Niganṭha Saccaka không nương nhờ Tam Bảo thì còn nói gì đến chứng đắc Đạo quả? Do vì du sĩ Niganṭha Saccaka thiếu *cận y duyên* (upanissayapaccaya); *vì sao?* Vì sự *ngã mạn* (māna) đang có trong tâm của du sĩ

Nigaṇṭha Saccaka, y nghĩ rằng: “Hiện tại ta như một Tôn chủ có danh tiếng lớn, có 500 đệ tử. Nếu ta quy ngưỡng Samôn Gotama, tôn Samôn Gotama là thầy, ta sẽ mất hết danh tiếng cùng lợi đắc”.

Với Phật trí, Đức Thế Tôn thấy “hiện tại du sĩ Nigaṇṭha Saccaka không có duyên lành Đạo quả Siêu thế, nhưng tiềm năng chứng Thánh quả đang có nơi tâm của Saccaka. Như Lai sẽ nhấn mạnh để gieo hạt giống giải thoát cho Nigaṇṭha Saccaka trong mai hậu”.

Nên Đức Thế Tôn nhấn mạnh: “Này Aggivessana, tuy ngươi vẫn còn tham, vẫn còn sân, vẫn còn si; nhưng Ta là bậc không có tham, là bậc không có sân, là bậc không có si”. Để Nigaṇṭha lưu giữ lại hạt giống này trong tâm, mỗi khi du sĩ Nigaṇṭha Saccaka nhớ lại “Ta có cúng dường đến Samôn Gotama”, vị ấy là bậc không có tham, là bậc không có sân, là bậc không có si; nhưng ta vẫn còn tham, vẫn còn sân, vẫn còn si. Vậy ta phải cố gắng trở thành người “không có tham, không có sân, không có si”⁽¹⁾.

Ngoài Cūḷasaccakasuttaṃ (Tiểu kinh Saccaka), Đức Thế Tôn còn thuyết giảng Mahāsaccakasuttaṃ (Đại kinh Saccaka) đến Nigaṇṭha Sacca.

Theo nội dung Đại kinh Saccaka, có khả năng bài kinh này được Đức Thế Tôn thuyết giảng cho du sĩ Nigaṇṭha Saccaka nghe, trước khi du sĩ Nigaṇṭha Saccaka luận chiến với Đức Thế Tôn. Vì rằng.

Ngài Ānanda (A-Nan-Đá) nhìn thấy du sĩ Nigaṇṭha Saccaka nhàn du trong Đại Lâm, đi đến “*Giảng đường nóc nhọn*”, liền bạch với Đức Thế Tôn rằng.

- Bạch Thế Tôn, du sĩ Nigaṇṭha Saccaka đang đi đến, tánh ư luận chiến, biện luận, thiện xảo biện luận, được số đông tôn kính. Bạch Thế Tôn. vị này ư chỉ trích Phật, chỉ trích Pháp, chỉ trích Tăng.

Bạch Thế Tôn. Thế Tôn vì lòng bi mẫn, ngồi lại một lát.

Lưu ý. Sự thất bại thảm hại của du sĩ Nigaṇṭha Saccaka khi luận chiến với Đức Thế Tôn trước đại chúng ở thành Vesālī (VệXá), đã làm chấn động cả kinh thành Vesālī. Nếu Đại kinh Saccaka được Đức Thế Tôn giảng cho Nigaṇṭha Saccaka sau cuộc luận chiến, thì Ngài Ānanda không cần bạch với Đức Thế Tôn những lời như trên.

Do vậy, trước khi “luận chiến với Samôn Gotama”, du sĩ Saccaka dành thời gian tìm hiểu Giáo thuyết của Đức Thế Tôn, và cố gắng tìm ra nhược điểm trong Giáo thuyết này.

Khi tìm thấy nhược điểm của Giáo thuyết này, du sĩ Saccaka mới “luận chiến với Samôn Gotama” trước đại chúng.

**Nội dung Saccaka đại kinh*⁽²⁾.

Du sĩ Nigaṇṭha Saccaka đề cập với Đức Thế Tôn về “*thân tu tập* (kāyabhāvanā)” và “*tâm tu tập* (cittabhāvanā). Du sĩ Saccaka cho rằng:

- *Thân tu tập* nhưng không có *tâm tu tập*, có thể dẫn đến khổ thọ về thân, chân bị tê liệt, tim có thể bị nứt vỡ, máu nóng có thể trào ra từ miệng. Vì thân điều khiển tâm.

- *Tâm tu tập* nhưng không có *thân tu tập*, có thể dẫn đến đau khổ về thân, chân bị tê liệt, tim có thể bị nứt vỡ, máu nóng có thể trào ra từ miệng. Vì thân tùy thuộc vào tâm.

Du sĩ Nigaṇṭha Saccaka chỉ trích các vị Tỳkhuu đệ tử của Đức Thế Tôn, chỉ có “*tâm tu tập*”, không có “*thân tu tập*”.

- Này Aggivessana, ngươi nghe “*tu tập về thân*” như thế nào?

- Như *Nanda Vaccha* (Nan-Đá Quách-Cha), *Kisa Saṅkicca* (Kí-Sá Săng-Kích-Chá), *Makkhali Gosāla* (Mắc-Khá-Lí Gô-Sa-Lá)⁽³⁾.

Tiếp theo, Nigaṇṭha nói về sự “*thực hành khổ hạnh*” của những “*tu sĩ khổ hạnh* (ājivakā)”, cho đến nửa tháng mới ăn một lần.

- Này Aggivessana, chúng có thể tự nuôi sống với mức độ như vậy hay không?

(1)- Xem thêm HT. TMC (d). M.i. Tiểu kinh Saccaka (Cūḷasaccakasuttaṃ); kinh số 35.

(2)- Trong Hán Tạng không có kinh tương đương với kinh này.

(3)- Ba vị này là *niyyākara* nổi tiếng của các “*tu sĩ khổ hạnh* (ājivikā)” về thực hành khổ hạnh.

- Nay Tôn giả Gotama, không phải như vậy, thỉnh thoảng chúng dùng những vật thực thượng vị loại cứng loại mềm. Nhờ những vật thực ấy nuôi dưỡng thân, là cho thân to lớn, thân béo mập.

- Như vậy, nay Aggivessana, những gì ban đầu chúng từ bỏ, về sau chúng thọ dụng trở lại. Như vậy, *có được có mất* cho thân này.

Nay Aggivessana, người nghe “*tu tập về tâm*” như thế nào?

Du sĩ Nigantha Saccaka im lặng, không thể trả lời được.

- Nay Aggivessana, *thân tu tập* mà người vừa nói không phải là “*thân tu tập*” đúng pháp trong Giới luật bậc Thánh.

Nay Aggivessana, người không hiểu “*thân tu tập*” thì làm sao hiểu “*tâm tu tập*”.

(Tiếp theo, Đức Thế Tôn giảng về “*thân tu tập*” và “*tâm tu tập*”).

Nghe vậy, Nigantha Saccaka nói.

- Như vậy tôi có lòng tin tưởng đối với Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama là vị có *thân tu tập* và có *tâm tu tập*.

- Nay Aggivessana, dầu cho lời của người có vẽ trịch thượng và khiêu khích; nhưng Ta sẽ trả lời cho người.

(Đây cũng là một chứng cứ cho thấy “*bài kinh này*” được Đức Thế Tôn giảng cho Nigantha Saccaka trước khi Nigantha Saccaka luận chiến với Đức Thế Tôn. Nếu xảy ra sau khi *luận chiến*, thì Nigantha Saccaka không dám có lời trịch thượng khiêu khích, mỉa mai như thế).

Tiếp heo Đức Thế Tôn giảng cho Nigantha Saccaka biết quá trình hành đạo, kể từ khi Ngài xuất gia cho đến khi chứng đạt Vô thượng Chánh Giác.

Nghe xong, Nigantha Saccaka tán thán rằng:

- Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Gotama; thật hy hữu thay Tôn giả Gotama.

Dù cho Tôn giả Gotama bị chống đối một cách mỉa mai, dù cho bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại; màu da của Tôn giả Gotama vẫn trong sáng, sắc mặt của Tôn giả Gotama vẫn trong sáng như vị ALaHán Chánh Giác.

Và Nigantha Saccaka cho Đức Thế Tôn biết rằng: “Với sáu tôn chủ đương thời là Purāṇa Kassapa (Pú-Ra-Ná Kát-Sá-Pá), Makkhali Gosāla (Mắc-Khá-Lí Gô-Sa-Lá), Ajita Kesakambala (Á-chí-Tá Kê-Sá-Kăm-Bá-Lá), Pakudha Kaccāyana (Pá-Kú-Thá Kách-Cha-Dá-Ná), Sañjaya Belaṭṭhaputta (Sanh-Cha-Dá Bê-Lát-Thá-Pút-Tá) và Nigantha Nātaputta (Ní-Găng-Thá Na-Tá-Pút-Tá)⁽¹⁾, khi tranh luận với du sĩ Nigantha Saccaka đã né tránh vấn đề, tỏ lộ phần nộ và tức tối⁽²⁾.”

Bài kinh *Đại kinh Saccaka* và *Tiểu kinh Saccaka*, được Ngài Ānanda (A-Nan-Đa) trùng tuyên vào cuộc Kết tập Phật ngôn lần I.

Trong kinh *Đại kinh Saccaka*, Đức Thế Tôn thuyết rất dài và rộng rãi những chi tiết trong quá trình hành đạo kể từ khi Ngài xuất gia cho đến khi Ngài chứng Vô thượng Chánh Giác.

Nhưng cuối thời pháp, Nigantha Saccaka không chứng đắc Thánh quả, không xuất gia, thậm chí cũng không quy ngưỡng Tam Bảo?

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn thuyết giảng rộng rãi Giáo pháp đến du sĩ Nigantha Saccaka như vậy?

Đáp. Tuy biết Nigantha Saccaka trong hiện kiếp thiếu “*cận y duyên* (upanissayapaccaya)” với Giáo pháp này, nhưng Nigantha Saccaka có tiềm năng chứng đạt Thánh quả sau này.

Do vậy, Đức Thế Tôn thuyết giảng rộng rãi Giáo lý Tứ đế để gieo hạt giống “*giải thoát*” trong tâm của y.

(1)- Về sáu vị Tôn chủ ngoại giáo này, xin xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 14).

(2)- Xem HT. TMC (d). M.i. Mahāsaccakasuttam. (Đại kinh Saccaka), kinh số 36.

Có hai hạng người nghe Saccaka Đại kinh là:

- Hạng người có tâm *hoang mang* (sammuhla puggala).

- Hạng người không có tâm *hoang mang* (asammuhla puggala).

*Hạng người có tâm *hoang mang* là.

"Người có tâm nghi ngờ, hoặc tán loạn, không tập trung" để lắng nghe Pháp, không đưa tâm quán xét Pháp theo lời dạy của Đức Thế Tôn.

*Hạng người *không có tâm hoang mang* là.

"Người có tâm ổn định, chú ý lắng nghe lời dạy của Đức Thế Tôn". Với hạng người này, Đức Thế Tôn thuyết vừa phải, nghe xong thời Pháp, người ấy có khả năng chứng đạt Thánh quả.

Hạng người có *tâm hoang mang*, Đức Thế Tôn thuyết rộng rãi và chi tiết để gieo hạt giống giải thoát cho người ấy; người ấy sẽ được giải thoát trong mai hậu.

Du sĩ Nigaṇṭha Saccaka thuộc hạng người "*có tâm hoang mang*"; khi ấy tâm của du sĩ Nigaṇṭha Saccaka phóng túng, cố gắng tìm sơ hở trong lời giảng của Đức Thế Tôn để vặn hỏi, bác bẻ ... qua ngôn ngữ, nên không thể tập trung sự chú ý để tìm hiểu chân pháp.

Theo Bản Sớ giải kinh Trung bộ. Sau khi Đức Thế Tôn viên tịch gần ba trăm năm, hậu thân của du sĩ Nigaṇṭha Saccaka là Đại Trưởng lão Kāḷa Buddha Rakkhita ở xứ Sīmhala (Tích Lan), bấy giờ Giáo pháp của Đức Thế Tôn đang hưng thịnh nơi xứ Sīhala (Tích Lan)⁽¹⁾.

Tiền thân của du sĩ Nigaṇṭha Saccaka chính là Senaka (Sê-Ná-Ká) trong Bốn sự Mahā Ummagga (Đường hầm lớn)⁽²⁾.

* *Các Khổ hạnh sư nổi tiếng được Du sĩ Saccaka đề cập.*

Nanda Vaccha.

Theo Bản Sớ giải kinh Trung bộ, Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) cho biết: Nanda (Nan-Đá) là tên, còn Vaccha (Quách-Chá) là họ⁽³⁾.

Theo Bản Sớ giải Sutta Nipāta (Kinh Tụng), Ngài Dhammapāla (Hộ Pháp) cho biết: Đó là hai người riêng biệt, một vị tên là Nanda (Nan-Đá), một vị tên là Vaccha (Quách-Chá)⁽⁴⁾.

Nanda Vaccha (Nan-Đá Quách-Chá) được xếp vào danh sách "*các bậc trưởng thượng của các tu sĩ khổ hạnh (ājivakā)*" .

Nanda Vaccha được Tôn chủ Purāṇa Kassapa (Pú-Ra-Ná Kát-Sá-Pá) xếp vào "sinh loại cực trắng (*paramasukkābhijāta*) trong sáu sinh loại (*chaḷabhijāta*) mà Tôn chủ Purāṇa Kassapa chủ trương⁽⁵⁾.

Nhiều kinh tường thuật lời dạy của Đức Thế Tôn "dù xuất hiện từ lâu, nhưng trong nhóm "ngoại đạo khổ hạnh (ājivaka) chỉ có ba người nổi tiếng là: Nanda Vaccha, Kisa Saṅkicca (Kí-Sá Săng-Kích-Chá) và Makkhali Gosāla (Mắc-Khá-Lí Gô-Sa-Lá) mà thôi"⁽⁶⁾.

Kisa Saṅkicca.

Là một ẩn sĩ lỏa thể (acelaka) cùng thời với Đức Thế Tôn.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: "*Kisa* là tên, còn *Saṅkicca* là họ"⁽⁷⁾.

Kisa Saṅkicca được xem như "một trong ba ngọn đuốc lớn" của các "tu sĩ khổ hạnh", ông được xếp vào "sinh loại cực trắng" trong sáu sinh loại của Tôn chủ Purāṇa Kassapa.

(1)- MA.i. 469.

(2)- JA. vi. 478.

(3)- MA. i. 463; xem thêm M. i. 524.

(4)- SnA. i. 372.

(5)- A. iii. 384; DA. i. 162; SNA. i. 372. Nhưng MA. ii. 632 xếp họ dưới các Ājivaka; Ājivaka mới được gọi là *paramasukkābhijāta* (sinh loại cực trắng).

(6)- M.i. 524.

(7)- MA. i. 463.

Đại Trưởng lão Kāḷa Buddharakkhita.

Sau khi Đức Thế Tôn viên tịch gần 300 năm, hậu thân của du sĩ Nigaṇṭha Saccaka từ cõi chư thiên tái sinh về nhân giới, trong một gia tộc Đại thần Tướng quân của vua Tích Lan, ở ngôi làng gần Dakkhiṇagiri Vihāra (Đại tự Nam Sơn), được đặt tên là Buddharakkhita (Hộ Phật), vì hài tử có da ngăm đen nên được gọi là Kāḷa Buddharakkhita (Hộ Phật đen).

Đại thần Tướng quân này là người chịu trách nhiệm cung cấp vật thực cho Đại tự Dakkhiṇagiri (Nam Sơn).

Khi đến tuổi trưởng thành, Kāḷa Buddharakkhita (Ka-Lá Bút-Thá-Rắc-Khí-Tá) gia nhập Tăng đoàn. Sau khi trở thành vị Tỳkhưu, vị ấy nỗ lực học tập và thuộc lòng Tam Tạng, có nhiều hội chúng đệ tử.

Một hôm Ngài Kāḷa Buddharakkhita đến đánh lễ thầy Tế Độ (upaccaya), vị Trưởng lão muốn khiển trách Ngài Kāḷa Buddharakkhita lơ là, không tinh cần hành pháp để vượt ra khỏi vòng sinh tử, nên vị Trưởng lão quay mặt, không nhận sự đánh lễ của Ngài Kāḷa Buddharakkhita.

Hôm sau, Ngài Kāḷa Buddharakkhita đi đến Tự viện, vào đánh lễ thầy Tế độ xong rồi, bạch rằng.

- Bạch Thầy, con đã học xong Tam Tạng Kinh điển, nhưng dường như Thầy không muốn gặp con, con không biết mình đã sai phạm điều chi?

- Này Buddharakkhita, con nghĩ “thuộc lòng Tam Tạng là làm xong phận sự Samôn” của mình rồi, phải chăng?

- Bạch Thầy, con còn phải làm việc chi nữa?

- Này Buddharakkhita, phận sự Samôn trong Giáo pháp này là “học pháp và hành pháp”. Con cần phải từ bỏ những trói buộc, chuyên tâm thực hành Pháp để thanh lọc mọi ô nhiễm trong tâm, hãy giải tán các hội chúng đệ tử, tìm nơi thánh vắng để thực hành Samôn pháp.

- Vâng, thưa Thầy.

Nghe lời dạy của Thầy, Ngài Buddharakkhita (Bút-Thá-Rắc-Khí-Tá) giải tán các hội chúng của mình, đi đến một Đại tự trên núi *Vātakasīta* (Vātakasītapabbata vihāra) để hành pháp.

Thời gian sau, Ngài Buddharakkhita chứng đạt Thánh quả ALaHán cùng với Tuệ vô ngại giải (paṭisambhidā).

Sau khi thành tựu Thánh quả ALaHán, Ngài Buddharakkhita vẫn cư ngụ trên núi ấy, trở thành vị Trưởng lão danh tiếng, là thầy của Đức vua và dân chúng.

Vua Tissa nghe pháp.

Đức vua Tissa ngưỡng mộ danh tiếng của Ngài Kāḷa Buddharakkhita, nói với vị Tỳkhưu thị giả của Trưởng lão Buddharakkhita rằng:

- Thưa Ngài, khi nào Trưởng lão Buddharakkhita giảng pháp, Ngài hãy thông báo cho ta biết.

Vào đêm trăng non, Ngài Kāḷa Buddharakkhita đi đến tháp Kaṇṭaka (Kăng-Tá-Ká) (Kaṇṭaka cetiya) để đánh lễ Bảo Tháp tôn thờ Xá Lợi Phật, có vị Tỳkhưu đến hỏi Ngài Buddharakkhita về bài kinh Kāḷakārāma (Ka-Lá-Ka-Ra-Má).

Ngài Buddharakkhita dạy:

- Này Tỳkhưu, hãy tập trung hội chúng nơi Giảng pháp đường đi.

- Thưa vâng, bạch Trưởng lão.

Ngài Buddharakkhita ngồi vào Pháp tọa bằng gỗ mun nơi Tự viện Kandhaka (Kăn-Thá-Ká), để giảng pháp đến đại chúng.

Bấy giờ vua Tissa (Tít-Sá) (có thể là vua Saddhā Tissa(Sát-Thá Tít-Sá))⁽¹⁾ đang trú trong một hang động gần đó.

Khi Ngài Buddhārakkhita mở đầu bằng những câu kinh giới thiệu bài kinh Kālakārāma, vị Tỳkhưu thị giả của Ngài Buddhārakkhita đi đến hang động, thông báo đến vua Tissa rằng:

- Thưa Đại vương, Ngài Buddhārakkhita đang giảng pháp đến đại chúng.

Vua Tissa vội đến Giảng pháp đường ngay, và ngồi vào trong Đại chúng như một cư sĩ bình thường..

Ngài Buddhārakkhita thuyết giảng trọn đêm, Ngài triển khai ân đức Phật rộng rãi qua bài kinh Kālakārāma. Vua Tissa nghe pháp trọn cả đêm và tán thán “sādhu, sādhu (lành thay, lành thay)” vào cuối thời pháp.

Khi ấy, Trưởng lão Buddhārakkhita mới nhận ra Đức vua Tissa, Ngài hỏi rằng:

- Đại vương đã đến đây từ bao giờ?

- Bạch Ngài, toàn bộ thời pháp thoại của Ngài.

- Nay Đại vương, Đại vương đã làm một điều khó làm.

- Bạch Ngài, đây không phải là việc khó làm chỉ cả khi ngồi suốt đêm nghe Pháp thoại. Thực tế, ta đã theo dõi, chăm chú lắng nghe từng lời giảng của Ngài. Ta nói lời chân thật với Ngài, “nếu không đúng với sự thật ta sẽ bị tước mất vương quyền cai trị đảo Sihala (Tích Lan) này, không còn chút quyền lực nào cho dù đó là mảnh đất nhỏ bằng đầu ngọn roi”.

Bạch Ngài, ân đức của Đức Thế Tôn được Ngài mô tả trọn đêm như vậy, được đầy đủ chưa hay còn nữa?

- Nay Đại vương, ân Đức Đức Thế Tôn còn nhiều vô lượng, ta có thể mô tả nhiều hơn thế nữa.

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy giải thích với ví dụ.

- Nay Đại vương, ví như cánh đồng rộng một ngàn *pai*⁽²⁾, số lượng hạt ngũ cốc trên thân một cây so với lượng ngũ cốc toàn cánh đồng đó thật là nhỏ nhoi. Cũng vậy, ân đức Đức Thế Tôn được ta mô tả trọn đêm vẫn còn nhỏ so với ân đức vô biên của Đức Thế Tôn, như số lượng hạt ngũ cốc một thân cây so với cánh đồng rộng lớn vậy.

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy cho một ví dụ khác.

- Nay Đại vương, như con chim sẻ với đôi cánh nhỏ đang bay liệng giữa hư không, đôi cánh nhỏ của nó chỉ che được khoảng nhỏ hư không rộng lớn. Cũng vậy, ân đức của Đức Thế Tôn được ta mô tả trọn đêm ví như khoảng không đôi cánh con chim sẻ, còn ân đức của Đức Thế Tôn chưa được mô ra rộng lớn như hư không còn lại vậy.

Đức vua Tissa rất hoan hỷ, tán thán rằng:

- Ôi! Ân đức Đức Thế Tôn rộng và sâu thẳm vô biên. Bạch Ngài, ta xin cúng dường vương quyền cai trị đảo Sihala (Tích Lan) rộng 300 do tuần này đến Ngài, như một vật thí của kẻ nghèo.

- Lành thay, lành thay, này Đại vương. Đại vương đã có tâm tín thành mãnh liệt với ân đức của Đức Thế Tôn. Ta đã nhận, giờ đây ta gửi vương quyền đến Đại vương. Mong rằng, Đại vương trị dân theo chánh pháp và cư dân nơi đảo Sihala này sống trong sự an lạc⁽³⁾.

Kinh Kālakārāma.

Được Đức Thế Tôn thuyết giảng nơi Tự viện Kāḷaka (Ka-Lá-Ká) trong thành phố Sāketa (Sa-Kê-Tá).

(1)- MA. i. 470.

(2)- *Pai* là đơn vị đo đạc cổ của Tích Lan, một *pai* # 1,75 x 0, 4 hecta.

(3)- MA.i. 469.

Theo lời thỉnh cầu của nàng Cūḷa Subhaddā (con gái thứ của Trưởng giả Cấp Cô Độc), Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu theo đường hư không đến nơi đây để tế độ gia tộc Trưởng giả Kāḷaka, nên bài kinh được gọi là Kāḷakāramasutta.

Kāḷaka là tên một Trưởng giả sống ở thành Sāketa, là cha chồng của nàng Cūḷa Subhaddā (Tiểu Hiền). Trước khi quy ngưỡng Đức Thế Tôn, ông là môn đệ của Nigaṇṭha (NiKiềnTử), ông có một ngôi vườn riêng (nên vườn có tên là Kāḷaka) dành riêng cho các du sĩ Nigaṇṭha, khi chúng đạt Thánh quả Dự lưu, Trưởng giả Kāḷaka tẩn xuất hết các nhóm du sĩ Nigaṇṭha, cúng dường khu vườn này đến Tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng thủ.

Ngoài ra Trưởng giả Kāḷaka còn xây dựng một tự viện cúng dường đến Tăng chúng, nên tự viện này được gọi là Kāḷakārama (Tự viện Kāḷaka)⁽¹⁾.

Nội dung kinh Kāḷakārama.

Đức Thế Tôn dạy các Tỳkhuu rằng.

- Nay các Tỳkhuu, cái gì trong toàn thể giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Samôn, Bàlamôn, chư thiên và loài người được thấy ... được ý tư sát, tất cả Ta đều biết.

- Nay các Tỳkhuu, cái gì trong toàn thể giới ... được thấy, được ý tư sát; Ta đã được rõ, được biết như sau: "Tất cả đều được Như Lai biết đến, Như Lai không có dựng đứng lên (naupatṭhāsi)".

*Nay các Tỳkhuu, nếu Ta nói rằng: "Ta *biết tất cả*, cái gì trong toàn thể giới ... được thấy, được ý tư sát", như vậy là có nói dối trong Ta".

*Nếu Ta nói; "Ta cả hai *biết* và *không biết*", như vậy là có nói dối trong Ta.

*Nếu Ta nói; "Ta *không biết* và cũng *không không biết*", như vậy là có nói dối trong Ta.

Giải.

Ví như, người biết tất cả dân trong làng, việc trong làng; nhưng không phải lúc nào cũng biết như vậy. Khi nào người dân làng xuất hiện, hay khi nghĩ đến người nào trong làng thì người ấy đều biết rõ. Tương tự như vậy với "tất cả việc".

Mặt khác, trong từng thời điểm, người ấy chỉ biết một trong hai điều: "Dân làng hay việc trong làng"; không thể cùng một lúc biết cả hai được; phải biết theo tuần tự trước sau.

Cũng vậy, Đức Thế Tôn biết tất cả, nhưng không phải lúc nào "Ngài cũng *biết tất cả*, chỉ khi nào Đức Thế Tôn tác ý đến việc gì, việc ấy lập tức hiển lộ ra; nếu Đức Thế Tôn không tác ý đến, thì điều ấy không xuất hiện trước võng trí của Ngài". Như trường hợp Đức Thế Tôn đang an trú tâm trong thiền tịnh chẳng hạn; đồng thời, trong một thời điểm Đức Thế Tôn không thể biết "*tất cả*", Đức Thế Tôn biết "*tất cả*" theo trình tự trước sau; tức là việc này biết trước rồi tiếp đến việc kia.

Do vậy, Đức Thế Tôn dạy: "Ta *biết tất cả*, cái gì trong toàn thể giới ... được thấy, được ý tư sát", như vậy là có nói dối trong Ta".

*Về mệnh đề thứ ba " ... *không biết* và cũng *không không biết*"; nghĩa là "cả hai "dường như biết, dường như không biết; hoặc là "cả hai, có điều không biết, có điều thì biết".

Đức Thế Tôn thuyết như vậy để bác bỏ "ngụy biện thuyết" của Nigaṇṭha Nāṭaputta (NiKiềnTử Na-Tá-Pút-Tá); Nigaṇṭha Nāṭaputta tuyên bố rằng: "Ta là bậc toàn tri toàn kiến, dù ta có ngu toàn tri, toàn kiến vẫn có trong ta"⁽²⁾.

*Nay các Tỳkhuu, Như Lai là vị đã thấy những gì *cần thấy*, nhưng:

- Không có *tướng tượng* (na maññati) *điều đã được thấy*.

(1)- AA. ii. 482. Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 13).

(2)- Xem M.i.

- Không có tướng tượng cái gì *không được thấy*.

- Không có tướng tượng *những gì cần phải thấy*.

- Không có tướng tượng *đối với người thấy*.

*Đã nghe những gì *cần nghe*, nhưng:

- Không có *tướng tượng* điều đã được nghe.

- Không có tướng tượng cái gì *không được nghe*.

- Không có tướng tượng *những gì cần phải nghe*.

- Không có tướng tượng *đối với người nghe*.

*Đã nhận lãnh (vedanā) những gì *cần nhận lãnh*, nhưng:

- Không có *tướng tượng* điều đã được nhận lãnh.

- Không có tướng tượng cái gì *không được nhận lãnh*.

- Không có tướng tượng *những gì cần phải nhận lãnh*.

- Không có tướng tượng *đối với người nhận lãnh*.

*Đã thức tri những gì *cần thức tri*, nhưng:

- Không có *tướng tượng* điều đã được thức tri.

- Không có tướng tượng cái gì *không được thức tri*.

- Không có tướng tượng những gì *cần phải thức tri*.

- Không có tướng tượng *đối với người thức tri*.

Như vậy, này các Tỳkhuu, Như Lai đối với pháp được thấy, được nghe, được nhận lãnh, được thức tri, nên vị ấy là như vậy (tādi).

Lại nữa “người như vậy” (tamhā ca pana tādi tamhā), không có ai khác tối thượng hơn. Ta tuyên bố như vậy (HT.TMC d)⁽¹⁾.

Được biết, sau khi Đức Thế Tôn thuyết giảng vừa dứt kinh này, trái đất rung chuyển như chứng thực lời Đức Thế Tôn dạy⁽²⁾.

D- Sự du hành của Đức Thế Tôn.

Khi mãn an cư mùa mưa lần thứ năm, theo thông lệ Đức Thế Tôn lên đường du hành. Đức Thế Tôn du hành đến kinh thành Rājagaha (Vương Xá) sau khi trú nơi kinh thành Vương Xá với thời gian thích hợp, Đức Thế Tôn lại lên đường du hành đến kinh thành Sāvatti.

1-Hai cách du hành.

a- Du hành cấp tốc.

Cách du hành này có tên gọi là Turita cārika (du hành nhanh lẹ) , trong cách “*du hành nhanh*” chỉ có một mình Đức Thế Tôn ra đi.

Khi Đức Thế Tôn quán xét thế gian, thấy được “*người hữu duyên cần nhanh chóng tế độ*”, Ngài nhanh chóng lên đường một cách bất ngờ, không thông báo cho các Tỳkhuu biết, như:

- Đức Thế Tôn đi từ Hương thất ở Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm) đến đền Bahuputta (Đa Tử), khoảng cách là ba gāvuta (# 12 km) để tế độ Ngài Mahā Kassapa (Đại CaDiếp)⁽³⁾.

- Đức Thế Tôn vượt đường dài 30 dotuần để tế độ Daxoa Ālavaka (A-Lá-Quá-Ká) (xem những tập sau).

- Đức Thế Tôn vượt 30 dotuần để tế độ Ngài Aṅgulimāla (Ăng-Gú-Lí-Ma-Lá) (Xem những tập sau).

- Đức Thế Tôn vượt 45 dotuần, từ kinh thành Sāvatti (XáVệ) đến kinh thành Rājagaha (Vương Xá) để tế độ Ngài Pukkusāti (Púc-Kú-Sa-Ti)⁽⁴⁾

(1)- A.ii. 24. Kālakasuttam (kinh Kāḷaka).

(2)- DA. i. 130-1.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 9).

- Đức Thế Tôn vượt 120 do tuần, từ kinh thành Sāvatti (XáVệ) đến sông Candabhāgā (Chăn-Đá-Pha-Ga) để tế độ vua Mahā Kappina (Má-Ha Kấp-Pí-Ná) cùng 1.000 đại thần và Hoàng hậu Anojā (Á-Nô-Cha) cùng 1000 vị phu nhân⁽¹⁾.

- Đức Thế Tôn vượt 700 do tuần, từ kinh thành Sāvatti (XáVệ) đến sông Mahī (Má-Hi), tế độ gia đình trưởng giả Dhaniya.

Những chuyến du hành như thế gọi là Turita cārika (du hành nhanh).

b- Du hành tuần tự.

Du hành này được gọi là Aturita cārika (du hành không vội vã).

Khi mãn mùa an cư, khoảng 15 ngày sau, nếu không có lý do gì đặc biệt để ở lại, Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhưu tùy tùng lên đường du hành.

Ngài đi từ nơi an cư mùa mưa đến những thị trấn, làng mạc để ban hạnh phúc đến các cư dân, những người này có cơ hội cúng dường vật thực hay đánh lễ Đức Thế Tôn và Tặng chúng hoặc nghe Pháp vấn tắt. Mỗi ngày, Ngài đi một hay hai do tuần đều đặn.

**Chủ trại bò Dhaniya.*

Dhaniya (Thá-Ní-Dá) là một trưởng giả chủ trại bò sống trên bờ sông Mahī (Má-Hi) (Mahī là một trong năm con sông lớn của Ấn cổ thời bấy giờ).

Chủ trại bò Dhaniya sống ở thị trấn Dhammakonḍa (Thăm-Má-Kon-Đá) thuộc thành phố trung tâm Pabbaraṭṭha (Pấp-Bá-Rất-Thá) của Vương quốc Videha (Quí-Đê-Há).

Trưởng giả Dhaniya có một đàn bò gồm 30 ngàn bò đực và 20 ngàn bò cái, ông có hai trang trại, “trang trại mùa khô” là cồn đất rộng lớn nằm giữa hai nhánh sông Mahī, “trang trại mùa mưa” là cánh đồng cỏ rộng lớn nơi đất liền.

Vào mùa mưa, gia đình Trưởng giả Dhaniya sống ở “trang trại mùa mưa”, vì nước lũ làm nước sông Mahī dâng cao, có thể làm tổn hại đến đàn bò của ông. Khi mùa khô đến, cỏ nơi cánh đồng không đủ cung cấp thực phẩm cho đàn bò, ông Dhaniya cùng gia đình sống ở “trang trại mùa khô”; nơi đây có đủ lượng cỏ để cung cấp thực cho đàn bò của ông. Ông bà Trưởng giả Dhaniya có 7 người con trai và 7 người con gái.

Khi mùa mưa sắp đến, ông chuẩn bị mọi việc để đưa đàn bò vào đất liền, nơi “trang trại mùa mưa”.

Trước khi đưa đàn bò vào trong đất liền, Trưởng giả Dhaniya làm lễ tế đàn để cầu “thần mưa” cho mưa xuống.

Khi mọi việc xong xuôi, Trưởng giả Dhaniya cùng gia đình đến tế đàn để cầu mưa.

Vào buổi sáng hôm ấy, theo thông lệ, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thế gian, gia đình Trưởng giả Dhaniya lọt vào trong võng trí của Ngài”. Sau khi tắm rửa, vận mặc y phục chỉnh tề, Đức Thế Tôn theo đường hư không từ kinh thành Sāvatti (XáVệ) đến sông Mahī, Đức Thế Tôn vượt khoảng đường dài 700 do tuần, đứng giữa hư không trước tế đàn của chủ trại bò Dhaniya, hào quang từ thân Đức Thế Tôn tỏa ra sáng rực cả vùng

Gia đình chủ trại bò Dhaniya cho rằng: “Thần mưa linh ứng, hiện thân để nhận lễ vật”, chủ trại bò Dhaniya hân hoan nói lên kệ ngôn cầu mưa.

Khi chủ trại bò Dhaniya nói lên một kệ ngôn, Đức Thế Tôn nối tiếp bằng kệ ngôn khác, sau khi nghe dứt những kệ ngôn của Đức Thế Tôn, ông bà chủ trại bò Dhaniya cùng 14 người con chúng Thánh quả Dự Lưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn mới cho gia đình Dhaniya biết Ngài là “Đấng Như Lai”. Những người con của chủ trại bò xin quy ngưỡng Đức Thế Tôn trọn đời, riêng vợ chồng Trưởng giả Dhaniya xin Đức Thế Tôn xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Ngài.

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 11).

Ác ma lo sợ nên chen vào quyến rũ vợ chồng gia chủ Dhaniya đừng nên xuất gia, hãy hoan hỷ với con và đàn bò. Đức Thế Tôn khiển trách Ác ma và ác ma biến mất tại chỗ.

Về sau, cả hai vợ chồng Dhaniya đều chứng Thánh quả ALaHán.

Theo sự gợi ý của Ngài Dhaniya, những người con của Trưởng giả Dhaniya có kiến tạo một Tự viện Gokulaṅka (Gô-Kú-Lăng-Ká) cúng dường đến Tăng chúng⁽¹⁾. Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) cho biết “Tự viện vẫn còn tồn tại cho đến thời của Ngài”⁽²⁾.

**Kinh Dhaniya.*

18- Pakkodano duddhakhīrohamasmi, (iti dhaniyo gopo)

Anutīre mahiyā samānavāso;

Channā kuṭi āhito gini, atha ce patthayasī pavassa deva”.

Dhaniya:

“Cơm ta, nấu đã chín, sữa uống, ta vắt xong.

Mục đồng Dhaniya, đã nói lên như vậy.

Trên bờ sông Mahī, ta chung sống đồng cư.

Chòi lá được khéo lợp, lửa đốt được cháy đỏ.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

19- Akkodhano vigatakhilohamasmi, (iti bhagavā)

Anutīre mahiyekarattivāso;

Vivatā kuṭi nibbuto gini, atha ce patthayasī pavassa deva”.

Thế Tôn:

“Ta đoạn được phần nộ, tâm hoang vu không còn.

Bậc Thế Tôn, Chánh Giác, đã nói lên như vậy.

Trên bờ sông Mahī, Ta chỉ sống một đêm.

Chòi lá được rộng mở, lửa đốt được tịch tịnh.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

20- Andhakamakasā na vijjare, (iti dhaniyo gopo)

Kacche rūḷhatiṇe caranti gāvo;

Vuṭṭhimpī saheyyumāgataṃ, atha ce patthayasī pavassa deva”.

Dhaniya:

“Ruồi lẩn và muỗi mòng, ở đây không tìm thấy.

Mục đồng Dhaniya, đã nói lên như vậy.

Trên cánh đồng cỏ mọc, đàn bò đi ăn cỏ.

Dầu cơn mưa có đến, chúng có thể chịu đựng.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

21- Baddhāsi bhisī susaṅkhatā, (iti bhagavā)

Tiṇṇo pāragato vineyya oghaṃ;

Attho bhisiyā na vijjati, atha ce patthayasī pavassa deva”.

Thế Tôn:

“Các bè đã được cột, khéo tác thành tốt đẹp.

Bậc Thế Tôn, Chánh Giác, đã nói lên như vậy.

Ai qua được bờ kia, nhiếp phục dòng nước mạnh.

Lợi ích của chiếc bè, đâu còn thấy cần thiết.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

22- Gopī mama assavā alolā, (iti dhaniyo gopo)

Dīgharattaṃ saṃvāsīyā manāpā;

Tassā na suṇāmi kiñci pāpaṃ, atha ce patthayasī pavassa deva”.

(1)- SnA. i. 26.

(2)- SnA. i. 46.

Dhaniya:

“Vợ ta khéo nhu thuận, không có tham dục gì.

Mục đồng Dhaniya, đã nói lên như vậy.

Đã lâu ngày chung sống, vừa đẹp ý đẹp lòng.

Ta không nghe điều gì, thuộc ác hạnh về nàng.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

23- Cittam mama assavam vimuttam, (iti bhagavā)

Dīgharattam paribhāvitam sudantam;

Pāpam pana me na vijjati, atha ce patthayasī pavassa deva.

Thế Tôn:

“Tâm Ta khéo nhu thuận, được giải thoát, mở rộng,

Bậc Thế Tôn, Chánh Giác, đã nói lên như vậy.

Lâu ngày tu viên mãn, khéo nhiếp phục chế ngự.

Trong Ta các pháp ác, không còn được tìm thấy.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

24-Attavetanabhatohamasmi, (iti dhaniyo gopo)

Puttā ca me samāniyā arogā;

Tesam na suṇāmi kiñci pāpam, atha ce patthayasī pavassa deva”.

Dhaniya:

“Với lợi tức trâu hoạch, ta tự nuôi sống ta.

Mục đồng Dhaniya, đã nói lên như vậy.

Con ta và cả ta, sống chung không bệnh hoạn.

Ta không nghe điều gì, thuộc ác hạnh về chúng.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

25- Nāham bhatakosmi kassaci, (iti bhagavā)

Nibbiṭṭhena carāmi sabbaloke;

Attho bhatiyā na vijjati, atha ce patthayasī pavassa deva.

Thế Tôn:

“Ta không có làm mưu, cho một ai ở đời.

Bậc Thế Tôn, Chánh Giác, đã nói lên như vậy.

Với điều được chúng đắc, Ta du hành thế giới.

Về tiền công cần thiết, không thể có nơi Ta.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

26- Atthi vasā atthi dhenupā, (iti dhaniyo gopo)

Godharaṇiyo paveṇiyopi atthi;

Usabhopi gavampatīdha atthi, atha ce patthayasī pavassa deva.

Dhaniya:

“Đây có các bò cái, đây có các bò con.

Mục đồng Dhaniya, đã nói lên như vậy.

Đây có những bò mẹ, mang thai, nối giống dòng.

Đây có những bò đực, những con chúa đầu đàn.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

27- Natthi vasā natthi dhenupā, (iti bhagavā)

Godharaṇiyo paveṇiyopi natthi;

Usabhopi gavampatīdha natthi, atha ce patthayasī pavassa deva.

Thế Tôn:

“Đây không có bò cái, đây không có bò con.

Bậc Thế Tôn, Chánh Giác, đã nói lên như vậy.

Đây không có bò mẹ, mang thai, nối giống dòng,

Đây không có bò đực, những con chúa đầu đàn.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

28- Khilā nikhātā asampavedhī, (iti dhaniyo gopo)

Dāmā muñjamayā navā susaṅṭhānā;

Na hi sakkhinti dhenupāpi chettuṃ, atha ce patthayasī pavassa deva.

Dhaniya:

“Cây cột được đóng sâu, không còn bị dao động.

Mục đồng Dhaniya, đã nói lên như vậy.

Các dây bằng cây lau, được bện lại mới chắc.

Và các con bò con, không thể nào giật đứt.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

29- Usabhoriva chetva bandhanāni, (iti bhagavā)

Nāgo pūtilataṃva dālayitvā;

Nāhaṃ punupessaṃ gabbhaseyyaṃ, atha ce patthayasī pavassa deva.

Thế Tôn:

“Giống như con bò đực, giật đứt các trói buộc.

Bậc Thế Tôn, Chánh Giác, đã nói lên như vậy.

Như voi làm bứt đứt, các giây leo héo mục.

Ta không còn đi đến, chỗ thai tạng tái sinh.

Nếu là ý người muốn, Thần mưa, hãy mưa đi”.

80- Ninnañca thalañca pūrayanto, mahāmegho pavassi tāvadeva;

Sutvā devassa vassato, imamattaṃ dhaniyo abhāsatha.

“Rồi mưa lớn đổ xuống, làm đầy tràn đất trũng.

Làm tràn ngập đất cao, nghe tròi gầm, mưa, thét”.

Mục đồng Dhaniya, nói lên lời như sau:

31- Lābhā vata no anappakā, ye mayamaṃ bhagavantamaṃ addasāma;

Saraṇamaṃ taṃ upema cakkhuma, satthā no hohi tuvaṃ mahāmuni.

Dhaniya:

“Lợi thay cho chúng ta, đâu phải là lợi nhỏ.

Chúng ta được chiêm ngưỡng, Bậc Chánh Giác, Thế Tôn.

Ôi! Kính bậc Pháp nhân, con xin quy y Ngài.

Kính bậc Đại ẩn sĩ, hãy là Thầy chúng con”.

32- Gopī ca ahañca assavā, brahmacariyaṃ sugate carāmaṃ;

Jātimaṃ paṇassa pāragū, dukkhassantakarā bhavāmaṃ.

“Vợ con và cả con, là những người nhu thuận.

Xin sống đời Phạm hạnh, dưới chân bậc Thiện Thệ.

Được đến bờ bên kia, vượt khỏi sinh già chết.

Chúng con sẽ trở thành, người đoạn tận đau khổ”.

33- Nandati puttehi puttimā, (iti māro pāpimā)

Gomā gohi tatheva nandati;

Upadhī hi narassa nandanā, na hi so nandati yo nirūpadhi.

Māra (Ác ma):

“Ai có các con trai, hoan hỷ với con trai.

Đây là lời Ác ma, đã nói lên như vậy.

Người chủ các con bò, hoan hỷ với con bò.

Còn người thì hoan hỷ, đối với sự sinh y”.

Ai không có sanh y, không thể có hoan hỷ.

34- Socati puttehi puttimā, (iti bhagavā)

Gopiyo gohi tatheva socati;

Upadhī hi narassa socanā, na hi so socati yo nirūpadhī”ti.

Thế Tôn :

"Ai có các con trai, sàu muộn với con trai.
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác, đã nói lên như vậy.
Người chủ các con bò, sàu muộn với con bò.
Sàu muộn của con người, chính do sự sinh y.
Ai không có sinh y, không thể có sàu muộn" (HT.TMC d)⁽¹⁾.
c- Phạm vi du hành.

*Mahā maṇḍhala (du hành dài).

Khi mãn thời an cư mùa mưa và làm lễ Pavāraṇā (Tự tứ) xong, nếu không có lý do đặc biệt như "chờ đợi tế độ người hữu duyên cần tế độ", Đức Thế Tôn sẽ thông báo cho các Tỳkhuu biết "Đấng Như Lai sẽ ra đi du hành vào nửa tháng tới". Vào ngày trăng khuyết của tháng Assayuja (tháng 9-10 dl, tức vào ngày 30 hay 29 tháng 9 âl theo lịch VN), Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu lên đường du hành.

Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu du hành 9 tháng cho đến ngày trăng tròn tháng Āsālha (tháng 6-7 dl; tức ngày 15 tháng 6 âl theo lịch VN) của năm sau.

Với thời gian 9 tháng, Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu đồng hành du hành quanh khu vực có đường kính là 300 dotuần theo đường chim bay. Với vùng đất 300 dotuần trung tâm này, hai vùng đất bên phải và bên trái (mỗi vùng là 300 dotuần) có cơ hội tạo thiên nghiệp đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng như: Cúng dường vật thực, nghe Giảng pháp ..., xem như được Đức Thế Tôn đến viếng. Như các gia chủ được nghe "Đức Thế Tôn đang trú ngụ ở ..., liền đi đến yết kiến Đức Thế Tôn; sau khi nghe pháp từ Đức Thế Tôn đã thỉnh Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu thọ thực nơi tư gia vào ngày mai", hoặc "sau khi nghe pháp từ Đức Thế Tôn xong, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ra đi". Như vậy vùng mahā maṇḍhana (du hành dài) có phạm vi là 900 dotuần.

Mỗi nơi trong vùng "du hành dài" như làng, thị trấn ..., Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu chỉ trú lại một, hai hay ba ngày rồi ra đi.

*Majjhima maṇḍhāla (du hành trung bình).

Nếu vì lý do nào đó để chờ đợi, Đức Thế Tôn sẽ lên đường vào ngày trăng tròn tháng Kattika (tháng 10-11 dl; tức vào ngày trăng tròn tháng 10 âl theo lịch VN). Trong trường hợp các Tỳkhuu tu tập thiền tịnh hay thiền quán chưa thuần thục, lễ Pavāraṇā được hoãn lại vào ngày trăng tròn tháng sau, là vào ngày trăng tròn tháng Kattika. Vào ngày trăng khuyết tháng Kattika (30 hay 29 âl tháng 10 theo lịch VN), Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu đồng hành lên đường du hành khoảng tám tháng, khu vực du hành được thu hẹp lại, vùng trung tâm có đường kính là 200 dotuần theo đường chim bay, hai vùng phụ cận (bên phải và bên trái) mỗi vùng là 200 dotuần; vùng du hành này này được gọi là Majjhima maṇḍhāla (du hành trung bình). Như vậy vùng "du hành trung bình" có phạm vi là 600 dotuần.

*Anto maṇḍhala (du hành bên trong).

Nếu chúng sinh chưa hội đủ duyên lành, Đức Thế Tôn vẫn ở lại nơi an cư mùa mưa cho đến thời điểm thích hợp, thời gian này kéo dài có khi đến ngày trăng khuyết của tháng Phussa (tháng 12-1 dl, tức vào tháng 12 âl theo lịch VN), Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu lên đường du hành.

Với thời du hành ngắn từ 7, 6, 5 hay 4 tháng, Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu du hành trong khu vực trung tâm có đường kính là 100 dotuần, hai vùng phụ cận (bên phải và bên trái) có kích cỡ 100 dotuần theo đường chim bay.

Vùng du hành này được gọi là Anto maṇḍhala (du hành bên trong, hay du hành ngắn); như vậy, vùng "du hành ngắn" có phạm vi là 300 dotuần.

(1) - Sn. vv. 18 -34. Dhaniyasuttam. (kinh Dhaniya).

2- Ngụ về kinh thành Sāvatti (XáVệ).

Sau khi mãn mùa an cư lần thứ năm nơi “Giảng đường nóc nhọn” trong Đại Lâm gần kinh thành Vesāli (VệXá).

Vào thời điểm thích hợp, Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu lên đường du hành đến kinh thành Sāvatti (XáVệ) trú nơi Đại Tự KỳViên (Jetavanavihāra) do Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) cúng dường.

Bà Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī cùng 500 nữ ni dòng ThíchCa cũng theo Đức Thế Tôn cùng chư Tăng đi đến kinh thành Sāvatti, trú ngụ trong Andhavana (rừng Mù)⁽¹⁾ gần đó.

Các cận sự nam nữ trong thành Sāvatti (XáVệ) nhanh chóng xây dựng những liêu thất cho các nữ ni trú ngụ trong rừng.

Ba nàng công nương Nandā dòng Thích Ca xuất gia.

Trong thời gian Đức Thế Tôn trú ngụ nơi thành Sāvatti (XáVệ), ba nàng công nương dòng ThíchCa cũng có tên là Nandā (Năn-Đa) là: Sundarī Nandā, Janapadakalyānī Nandā và Abhirūpa Nandā cùng đi đến kinh thành Sāvatti (XáVệ), xuất gia trong Ni đoàn với Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī.

Truyền thuyết về ba vị Trưởng lão ni Nandā đã có sự nhầm lẫn từ ban đầu; chúng tôi sẽ trình bày ở những tập sau.

a- Những Thánh nữ ALaHán sinh quán thành Sāvatti.

1'- Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā.

Tuy chưa tìm thấy chính xác thời điểm xuất gia của Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā (Úp-Pá-Lá-Quảng-Na), có khả năng nàng Uppalavaṇṇā xuất gia sau nàng Khemā (Khê-Ma), nhưng chắc chắn nàng Uppalavaṇṇā xuất gia vào hạ thứ năm hay hạ thứ sáu của Đức Thế Tôn vì cuối hạ thứ sáu của Đức Thế Tôn, nàng Uppalavaṇṇā đã có mặt trong Ni chúng, chính nàng xin Đức Thế Tôn cho nàng dùng thần thông nhiếp phục chúng ngoại giáo⁽²⁾.

Tiền hạnh.

Kể từ Hiền kiếp (Bhadda kappa) này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời thế gian này rực sáng với Phật quang của Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân nàng Uppalavaṇṇā sinh vào gia tộc Đại trưởng giả trong kinh thành Hamsavati (Hãng-Sá-Quá-Ti).

Có lần nàng cận sự nữ này chứng kiến một Trưởng lão ni được Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho địa vị “đệ nhất thần thông” của Ni chúng. Nữ cận sự ấy ao ước thành tựu địa vị ấy trong thời Đức Chánh Giác tương lai.

Nàng thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng và chư Ni đến thọ thực nơi tư gia của nàng trọn 7 ngày. Nàng cúng dường vật thực thượng vị loại cứng loại mềm đến Đức Thế Tôn Padumuttara cùng chư Tăng và chư Ni.

Vào ngày thứ 7, sau khi cúng dường đến Đức Thế Tôn một đại y đặc giá, chư Tăng và chư Ni mỗi người một bộ đại y xong rồi.

Nàng đi đến trước Đức Thế Tôn, cúng dường dưới chân Đức Thế Tôn Padumuttara bảy đóa hoa sen xanh. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, nàng bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, với phước sự con đã thực hành 7 ngày qua, con mong thành tựu địa vị “tối thắng về thần thông” trong hàng nữ đệ tử của Đức Chánh Giác trong tương lai và con có được màu da xinh đẹp như cánh hoa sen xanh này”.

Đức Thế Tôn Padumuttara đưa Phật trí quán xét, rồi Ngài tiên tri rằng:

“Kể từ kiếp trái đất này trở đi, sau 100 ngàn kiếp trái đất, ước nguyện của cận sự nữ này sẽ trở thành hiện thực trong thời Đức Chánh Giác Gotama”.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 4). Rừng Andha.

(2)- DhpA. Câu số 181.

Mệnh chung nữ cận sự ấy tái sinh về cõi Trời Tāvātimsa (Ba mươi ba)⁽¹⁾.

Theo tập Apadāna (Thánh nhân ký sự) có khác là: “Thời ấy tiền thân nàng Uppalavaṇṇā (Úp-Pá-Lá-Quăng-Na) là nữ Rắn chúa Vimalā (Quí-Mā-La) con gái của Rắn chúa Đại Long (Mahānāga) có đại thần lực.

Theo lời thỉnh cầu của Rắn chúa Đại Long, Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa) ngự xuống cõi Rắn chúa Đại Long (Mahānāga).

Rắn chúa Đại Long cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng và chư Ni trọn thể suốt 7 ngày. Vào ngày thứ 7, Đức Thế Tôn dạy Trưởng lão ni “tối thắng về thần thông” thể hiện năng lực thần thông.

Nữ rắn chúa Vimalā hoan hỷ với Trưởng lão ni “tối thắng về thần thông”, đã thỉnh cầu Đức Thế Tôn Padumuttara cùng chư Tăng và chư Ni lưu lại cõi Rắn 7 ngày, nữ Rắn chúa Vimalā cúng dường trọn thể đến Đức Phật cùng chư Tăng và chư Ni trọn 7 ngày, rồi cúng dường đến Đức Thế Tôn đóa hoa sen xanh cao quý của loài Rắn chúa, đóa hoa sen có tên là Aruṇa (Á-Rú-Ná), nữ Rắn chúa Vimalā ước nguyện thành tựu địa vị “tối thắng về thần thông” trong nữ đệ tử của Đức Chánh Giác tương lai và có được màu da như cánh hoa sen xanh Aruṇa”.

Đức Thế Tôn Padumuttara đã tiên tri như trên⁽²⁾.

**Dâng vật thực đến Đức Phật Độc Giác.*

Có một kiếp, hậu thân nữ gia chủ này từ Thiên giới tái sinh về nhân giới.

Có lần nữ gia chủ này nhìn thấy Đức Phật Độc Giác đang đi vào thành khất thực, nàng cúng dường vật thực đựng trong những đóa hoa sen xanh đến Đức Phật Độc Giác (sđd).

**Cúng dường đến Đức Thế Tôn Vipassā.*

Kể từ Hiền kiếp (Bhaddakappa) này trở về trước 91 kiếp trái đất.

Vào thời Đức Thế Tôn Vipassii (Quí-Pát-Si), tiền thân của nàng Uppalavaṇṇā từ thiên giới tái sinh về nhân giới, là con gái một gia tộc Đại trưởng giả trong thành Bārāṇasī (BaLaNại). Nàng có cúng dường trọn thể đến Đức Thế Tôn Vipassī cùng chư Tăng và chư Ni; ngoài ra nàng còn cúng dường đến Đức Thế Tôn Vipassī những cánh hoa sen xanh và thắm ước nguyện “được làn da có màu xanh xinh đẹp như những cánh hoa sen xanh này”.

Mệnh chung nàng tái sinh về Thiên giới, rồi luân chuyển trong hai cảnh giới “người và chư thiên” trọn 91 kiếp trái đất.

**Là con gái của vua Kikī.*

Trong Hiền kiếp này, vào thời thế gian rực sáng với Phật quang của Đức Thế Tôn Kassapa (CaDiếp), từ thiên giới tiền thân nàng Uppalavaṇṇā tái sinh về nhân giới, là cô công chúa thứ ba của Đức vua Kikī (Kí-Ki) cai trị Vương quốc Kāsi (Ka-Sí) có kinh thành là Bārāṇasī (BaLaNại), nàng có tên là Samanaguttā (Sá-Má-Ná-Gút-Ta).

Nàng Samanaguttā được nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Kassapa (CaDiếp), nàng muốn xuất gia là Tỳkhu ni trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, nhưng cha nàng là Đức vua Kikī không đồng ý, nàng sống độc thân suốt 20 ngàn năm.

Bảy nàng công chúa con của Đức vua Kikī (ngoại trừ công chúa trưởng là nàng Uracchalā (Ú-Răc-Chá-La) đã viên tịch) cùng nhau kiến tạo một Tự viện cúng dường đến Tăng chúng có Đức Thế Tôn Kassapa là vị Thượng thủ.

Mệnh chung nàng Samanaguttā tái sinh về thiên giới.

**Kiếp là tiền thân của nàng Ummadantī.*

Có một kiếp tiền thân nàng Uppalavaṇṇā (Úp-Pá-Lá-Quăng-Na) sinh ra trong một gia đình nghèo khổ, ở gần kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại).

(1)- AA.i . 188; ThigA. pp. 182.

(2)- Ap.ii. 553.

Theo thông lệ, hằng năm kinh thành Bārāṇasī thường mở lễ hội cho dân chúng vui chơi 7 ngày, bấy giờ cô bé khoảng 13 -14 tuổi này nhìn thấy những nữ nhân xinh đẹp mặc những chiếc y xinh đẹp cùng nhau đi dự lễ hội.

Cô bé khóc nài nỉ cha mẹ rằng:

- Hãy cho con chiếc y đẹp để mặc vui chơi lễ hội.

- Nay con, nhà chúng ta quá nghèo, làm sao có được y đẹp để cho con đây.

- Vậy cha mẹ hãy cho con đi làm nơi giàu có, để con có được chiếc y đẹp do tiền công của con đi.

- Được rồi, con hãy đi tìm nơi làm việc theo ý con đi.

Cô bé đi đến nhà vị Trưởng giả trong kinh thành Bārāṇasī nói rằng:

- Thưa chủ, con muốn có được tấm y xinh đẹp, chủ hãy nhận con làm việc. Tiền công của con là chiếc y xinh đẹp.

- Nay con, nếu con làm việc tốt trong nhà ta, sau ba năm ta sẽ trả công con chiếc y xinh đẹp.

- Vâng, thưa chủ.

Cô bé chăm chỉ làm việc trong nhà vị Trưởng giả, thấy cô bé siêng năng, làm việc trong nhà chu đáo. Trước thời gian ba năm, vị Trưởng giả trả công cho cô chiếc y quý màu vàng xinh đẹp, ngoài ra còn thưởng thêm cho cô một chiếc y xinh đẹp khác.

Cô gái mang hai chiếc y xinh đẹp ra bờ sông tắm, cô suy nghĩ: "Sau khi tắm gội xong, ta sẽ mặc chiếc y xinh đẹp này".

Bấy giờ có Thánh ALaHán, trên đường đi Ngài bị bọn cướp, chúng đã cướp bộ y của Ngài, Ngài đi vào rừng tìm những mảnh vỏ cây, kết lại làm thành chiếc y vỏ cây. Mặc chiếc y vỏ cây, vị Thánh ALaHán đi về kinh thành Bārāṇasī.

Ngài đi dọc theo bờ sông để đi vào kinh thành, cô gái mang hai chiếc y ra bờ sông chuẩn bị tắm, nhìn thấy vị Samôn mặc chiếc y bằng vỏ cây kết lại, trông thật thiếu náo. Cô bé xúc động suy nghĩ:

- Khi trước ta nghèo khổ, nhưng còn những tấm vải che thân, còn Ngài chỉ có những mảnh vỏ cây để che thân. Vậy ta hãy cúng dường chiếc y vàng đến Ngài.

Cô gái đi đến trước vị Tỳkhuu, sau khi đánh lễ vị Tỳkhuu theo cách "năm chi chạm đất", bạch rằng:

- Bạch Ngài Thánh giả, con xin cúng dường Ngài chiếc y vàng này.

- Lành thay, lành thay, này cô,

Vị Tỳkhuu đi vào lùm cây rậm để thay đổi y phục, từ lùm cây Ngài bước ra, cô gái nhìn thấy Ngài sáng rực như vị Thiên nhân vừa xuất hiện.

Thật vậy, dung quang được rực rỡ khi người ta khoác trên mình bộ y phục mới và xinh đẹp, cũng vậy vị Tỳkhuu không rực sáng khi khoác lên mình chiếc y bằng những mảnh vỏ cây kết lại, nhưng khi khoác lên mình bộ y vàng thì thấy xinh đẹp, rực rỡ hẳn lên.

Cô gái suy nghĩ: "Trước đây Ngài không rạng rỡ, nay mặc chiếc y vàng của ta Ngài rạng rỡ, xinh đẹp hẳn lên".

Vô cùng hân hoan, cô gái đi đến vị Thánh ALaHán, đánh lễ Ngài với cách "năm chi chạm đất", rồi ước nguyện rằng:

- Bạch Ngài, với phước lành mà con đã tạo được bằng cách cúng dường đến Ngài chiếc y vàng do công khó của con đã làm việc vất vả ba năm. Xin cho kiếp sau con có được nhan sắc tuyệt trần, bất cứ ai nhìn thấy con, cũng không thể tự chủ được. Và không một nữ nhân nào có thể xinh đẹp hơn con cả.

Vị Samôn phúc chúc rằng:

- Mong ước nguyện của người hãy trở thành sự thật.

Sau khi chúc phúc đến cô gái xong rồi, Ngài ra đi.

Mệnh chung, cô gái ấy sinh về thiên giới⁽¹⁾.

Luân lưu trên thiên giới thời gian dài, hậu thân cô gái tái sinh về nhân giới, là con gái của Đại trưởng giả Tiritavaccha (Tí-Rí-Tá-Quách-Chá) trong thành Aritthapura (Á-Rít-Thá-Pú-Rá) của Vương quốc Sivi (Sí-Quí).

Đại trưởng giả Tiratavaccha có tài sản là 800 triệu tiền vàng, khi lớn lên, nhan sắc của nàng cực kỳ lộng lẫy, bất cứ ai nhìn thấy nàng cũng không thể tự chủ tâm được, nên nàng được gọi là Ummadantī (*Người nữ gây sóng gió*).

Nàng Ummadantī (Um-Má-Đăn-Ti) có màu da vàng óng ánh như thỏi vàng được tinh luyện nhiều lần, rất xinh đẹp.

Như tập Apadāna (Thánh nhân ký sự) ghi nhận.

564. Tato cutā manussesu upapannā mahākule,
Pītamattṭham varam dussam adam arahato aham.

"Từ nơi ấy chết đi, được sinh vào giữa loài người, trong đại gia tộc, tôi đã dâng đến vị ALaHán tấm vải màu vàng mịn màng quý giá".

565. Tato cut' āriṭṭhapure jātā vippakule aham,
Dhītā tiriṭavacchassa ummādanī manoharā.

"Từ nơi ấy chết đi, tôi đã được sanh vào gia tộc dòng Balamôn ở trong thành Aritṭha, là con gái của Tiriṭavaccha, có nét quyến rũ, tên là Ummādanī"⁽²⁾.

**Kiếp là nàng Kỳ nữ Ummadantī.*

Duyên khởi.

Có vị Tỳkhuu đi khát thực trong thành Sāvatti (XáVệ), nhìn thấy một nữ nhân xinh đẹp với xiêm y rực rỡ, Vị Tỳkhuu phát sinh ái duyên nữ nhân ấy.

Khi về đến liêu thất nơi Đại tự KỳViên, vị Tỳkhuu không thể tu tập được, bỏ cả ăn uống vì tâm tư đắm nhiễm hình bóng của nữ nhân xinh đẹp, thân hình trở nên gầy gò, tiều tụy, vàng vọt, nổi gân xanh.

Những vị Tỳkhuu bạn hỏi.

- Nay hiền giả, vì sao thân hình của hiền giả tiều tụy, vàng vọt, nổi gân xanh như vậy?

Vị Tỳkhuu bị đắm nhiễm trình bày tâm sự của mình đến các bậc đồng phạm hạnh, các vị Tỳkhuu mang vị Tỳkhuu bị đắm nhiễm đến trình lên Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Nay Tỳkhuu, bậc trí ngày xưa dù cai trị quốc độ rộng lớn, vẫn có làm bị cảm dục một thời gian. Nhưng rồi vị ấy cố gắng điều phục tâm tư, không rơi vào tà hạnh trong các dục.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa, Vương quốc Sivi (Sí-Quí) có kinh thành là Aritṭhapura (Á-Rít-Thá-Pú-Rá), do Đức vua Sivi trị vì.

Bồ tát tái sinh vào thai bào của Chánh hậu và được đặt tên là Vương tử Sivi (Sivikumāra); vợ vị Thống soái (Senāpatissapi) trong triều cũng sinh ra người con trai, đặt tên là Ahipāraka (Á-Hí-Pa-Rá-Ká).

Hai Vương tử kết bạn với nhau từ thuở nhỏ, rất thân hữu với nhau.

Khi được 16 tuổi, cả hai cùng đi đến kinh thành Takkaṣilā (*Viên đá lý luận*) để học tập nghiệp nghệ gia tộc.

Khi thành tài, cả hai cùng trở về kinh thành Aritṭhapura; Đức vua Sivi giao vương quyền cai trị quốc độ cho Hoàng tử Sivi.

Vi Tân vương phong cho Vương tử Ahipāraka kế nghiệp cha mình, là vị Thống soái trong triều.

(1)- JA. Chuyện số 527. Kỳ nữ Ummadantī.

(2)- Ap.ii. Uppalavaṇṇāpādānaṃ (Ký sự Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā).

Tân vương Sivi trị nước theo Chánh pháp.

Trong kinh thành có một Đại trưởng giả tên là Tiritavaccha (Tí-Rí-Tá-Quách-Chá), tài sản của Đại trưởng giả có đến 800 triệu tiền vàng.

Đại Trưởng giả Tiritavaccha có người con gái rất xinh đẹp, nàng có đủ mọi quý tướng biểu tượng của người "đại phúc", nàng có sắc đẹp lạ thường, khi còn nằm trong nôi, bất cứ người nào nhìn thấy cô bé cũng mất tự chủ, nên nàng được đặt tên là Ummadantī (Um-Má-Đăn-Ti nghĩa là "*người nữ gây sóng gió*").

Khi được 16 tuổi, nàng Ummadantī có một dung sắc như một nữ chư thiên tuyệt sắc, những nam nhân khi nhìn thấy nàng, không thể kèm giữ tâm bình thản được, đều điên đảo mất tự chủ, như người uống phải rượu mạnh không thể kèm giữ được tâm.

Đại Trưởng giả Tiritavaccha nhân khi đi đến Hoàng cung để yết kiến Đức vua Sivi theo thông lệ, thưa với Đức vua Sivi rằng:

- Thưa Đại vương, tôi có một nữ báu, tôi muốn dâng đến Đại vương.

- Đây Đại trưởng giả, nữ báu ấy là ai?

- Thưa Đại vương, là con gái của tôi, tên là Ummadantī. Đại vương hãy cho các nhà chiêm tướng tài giỏi đến xem tướng nàng Ummadantī. Xin Đại vương hãy tuyển dụng nàng Ummadantī.

Đức vua cho vời những vị Bàlamôn tinh thông nhân tướng học đại tài, đến Hoàng cung, bảo rằng:

- Đây các vị, Đại Trưởng giả Tiritavaccha có nàng con gái là Ummadantī, Đại Trưởng giả muốn tiến cung nàng Ummadantī. Các vị hãy đến tư dinh của Đại trưởng giả xem tướng nàng Ummadantī ra sao, rồi về báo cho ta biết.

- Vâng, thưa Đại vương.

Những Bàlamôn tinh thông nhân tướng học đi đến tư dinh của Đại trưởng giả Tiritavaccha (Tí-Rí-Tá-Rá-Quách-Chá) nói rằng:

- Đây Trưởng giả, theo lệnh Đức vua Sivi, chúng tôi đến đây để xem tướng nàng Ummadantī (Um-Má-Đăn-Ti).

- Vâng, thưa các Ngài. Xin mời các Ngài vào bên trong.

Đại trưởng giả đưa những vị Bàlamôn chiêm tướng vào Khánh đường sang trọng. Các vị Bàlamôn được khoản đãi bằng loại vật thực là bánh sữa đặc biệt.

Đại trưởng giả bảo các nữ tỳ mời nàng Ummadantī ra Khánh đường để chào các vị Bàlamôn Sứ giả của Đức vua Sivi.

Trong lúc các Bàlamôn đang dùng bánh sữa, nàng Ummadantī từ trong bước ra chào hỏi các Bàlamôn rất lễ phép. Nhìn thấy nàng Ummadantī tuyệt sắc với y trang lộng lẫy, trang điểm cực kỳ xinh đẹp, các Bàlamôn mất tự chủ, ví như người uống rượu mạnh không thể kèm chế được mình, họ quên mất "đang dùng tiệc dở dang", có người cầm bánh sữa đặt lên đầu, có người đưa vào tai, có người đưa lên má, có người làm rớt bánh xuống bên hông, có người ném bánh sữa vào tường ... Những Bàlamôn chiêm tướng như đang trở thành những kẻ ngớ ngẩn nhất. Thấy vậy, nàng Ummadantī nói.

- Những kẻ ngớ ngẩn như thế này, gọi là các Bàlamôn chiêm tướng đấy ư? Họ không còn biết mình đang làm gì, thì làm thế nào có thể nhìn thấy những đặc tướng quý của ta? Hãy tổng cổ đám ngớ ngẩn này ra ngoài đi.

Rồi nàng bỏ đi vào bên trong, các Bàlamôn hổ thẹn ra về với sự căm tức nàng Ummadantī trong tâm. họ thưa với vua Sivi rằng:

- Thưa Đại vương, nàng Ummadantī tuy xinh đẹp, nhưng không xứng đáng với Đại vương. Nàng có những tướng làm hư hoại Hoàng tộc cùng Vương quyền của Đại vương, nàng có sắc đẹp rất ma quái, như một nữ phù thủy.

Đức vua Sivi nghe nói "nàng có sắc đẹp như một nữ phù thủy", nên không triệu nàng vào cung.

Nghe được việc này, nàng Ummadantī suy nghĩ: “Đức vua quá tin lời những Balamôn dối trá này. Được rồi, có dịp ta sẽ cho Đức vua biết “sắc đẹp của nữ phù thủy”.

Được nghe Đức vua Sivi từ chối nàng Ummadantī, Thống soái Ahipāraka (Á-Hí-Pa-Rá-Ká)) liền đến tư dinh của Đại trưởng giả, xin cưới nàng Ummadantī về làm vợ.

Nàng Ummadantī rất được Thống soái Ahipāraka sủng ái.

Theo thông lệ, hằng năm kinh thành Aritthapura (Á-Rít-Thá-Pú-Rá) mở lễ hội Kattika (Kất-Tí-Ká) (vào ngày trăng tròn tháng 10 âm, theo lịch VN), dân kinh thành trang hoàng thành phố xinh đẹp như thành phố chư Thiên.

Thống soái Ahipāraka (Á-Hí-Pa-Rá-Ká) do nhiệm vụ phải đi đến những trạm canh, điều động binh lính dưới quyền để giữ an toàn cho cư dân kinh thành vui chơi lễ hội, đồng thời bảo vệ Đức vua Sivi (Sí- Quí) đi diễu hành quanh kinh thành khai mở lễ hội Kattika. Trước khi đi, Thống soái Ahipāraka nói với nàng Ummadantī rằng:

- Nay nàng Ummadantī, hôm nay là ngày lễ hội Kattika, Đức vua sẽ đi diễu hành quanh kinh thành để khai mở lễ hội. Đức vua sẽ đi ngang qua dinh của chúng ta, nàng chớ lộ diện, e Đức vua trông thấy nàng sẽ không thể chế ngự tâm, sẽ mang đến những bất trắc cho chúng ta đấy.

- Vâng, thưa anh.

Khi Thống soái Ahipāraka ra khỏi tư dinh, nàng Ummadantī bảo những nữ tỳ rằng:

- Khi Đức vua sắp ngự ngang qua dinh của chúng ta, các em hãy báo cho ta biết.

- Vâng, thưa chủ.

Khi vầng trăng tròn như đĩa bạc xuất hiện trong không trung, khắp kinh thành sáng rực với ánh đèn cùng ánh đuốc lung linh. Đức vua Sivi trang điểm thật xinh đẹp như vị chúa Chư Thiên, Ngài ngự trên chiếc Vương xa, cùng đoàn quân hộ tống đi diễu quanh kinh thành để khai mở lễ hội.

Trước yên, Đức vua Sivi ngự đến tư dinh của Thống soái Ahipāraka, rồi từ điểm này, Đức vua đi diễu hành quanh kinh thành Aritthapura.

Dinh của Thống soái Ahipāraka nằm trong bốn bức tường bao quanh có màu sơn đỏ thắm, cổng cùng các tháp canh được trang trí rất sang trọng.

Khi Đức vua Sivi sắp ngự đến tư dinh của Thống soái Ahipāraka, các nữ tỳ báo tin cho nàng Ummadantī rằng:

- Thưa chủ, Đức vua sắp ngự đến dinh của chủ.

- Nay em, như vậy là tốt rồi.

Nàng Ummadanti bảo nữ tỳ mang đến cho nàng những cánh hoa xinh đẹp đựng trong giỏ, trước đó, nàng trang điểm thật xinh đẹp, rồi đứng cạnh cửa sổ ở lầu bảy. Khi Đức vua đi ngang qua, nàng Ummadantī giả vờ làm rớt giỏ hoa xuống đất, rồi đưa nửa người ra cửa sổ như tìm giỏ hoa.

Đức vua Sivi thấy giỏ hoa xinh đẹp rớt xuống, theo phản ứng tự nhiên Đức vua nhìn lên phía trên, thấy nàng Ummadanti được trang điểm xinh đẹp như một nữ chư Thiên.

Đức vua Sivi không thể tự chủ tâm được, quên mất “mình đang đứng trước dinh của Thống soái Ahipāraka”. Đức vua hỏi quan quản xa Sunanda rằng:

- Nay Sunanda (Sú-Năn-Đá), đây là nơi nào? Nàng ấy là ai vậy? Nàng ấy có chồng hay còn độc thân?

- Thưa Đại vương, đây là tư dinh của Thống soái Ahipāraka, nàng ấy là vợ của Thống soái có tên là Ummadantī.

- Ô! Nàng đúng như tên được gọi.

Biết Đức vua không thể tự chủ được, nàng Ummadantī khép cửa sổ lại, đi vào bên trong.

Đức vua Sivi chẳng còn tha thiết đến lễ hội, chẳng màng đi diễu quanh kinh thành lộng lẫng, xinh đẹp này nữa, Ngài bảo quan quản xa rằng:

- Nay Sunanda, hãy cho xe trở về Hoàng cung. Lễ hội này không hợp với ta, chỉ hợp với Thống soái Ahipāraka, cả ngại vàng này cũng như thế.

Khi về đến Hoàng cung, Đức vua Sivi đi thẳng vào cung nội, nằm trên giường, tâm Đức vua Sivi cứ mơ tưởng đến hình bóng của nàng Ummadantī, chẳng còn tha thiết gì đến vương quyền, miệng nói lảm nhảm khen ngợi nhan sắc của nàng Ummadantī.

Bỗng nhiên thấy Đức vua Sivi quay vương xa trở lại Hoàng cung, không diễu hành để khai mở lễ hội Kattika. Các Đại thần đến thưa với Thống soái Ahipāraka (Á-Hí-Pa-Rá-Ká) rằng:

- Thưa Thống soái, chẳng biết vì sao Đức vua quay trở lại Hoàn cung rồi.

- Nay các Đại thần, Đức vua từ đâu quay về Hoàng cung.

- Từ dinh của Thống soái.

Thống soái Ahipāraka suy nghĩ: “Có lẽ Đức vua đã thấy nàng Ummadantī”.

Thống soái trở về dinh hỏi nàng Ummadantī rằng:

- Nay nàng, có phải Đức vua nhìn thấy nàng rồi chẳng?

- Thưa anh, em cũng không biết, khi em đứng bên cửa sổ lỡ làm rơi giỏ hoa xuống bên dưới, em đưa người nhìn xuống để tìm giỏ hoa. Thấy người trang phục thật xinh đẹp ngược nhìn lên, em quay vào bên trong.

Nghe vậy, Thống soái Ahipāraka than rằng:

- Nàng đã gây ra tai họa rồi.

Sáng sớm hôm sau, Thống soái Ahipāraka đi đến Hoàng cung, khi đứng trước cung của Đức vua Sivi, Thống soái Ahipāraka nghe Đức vua cứ gọi tên nàng Ummadantī.

Thống soái Ahipāraka suy nghĩ: “Đức vua đang si tình nàng Ummadantī, nếu không có được nàng Ummadantī Đức vua sẽ mạng chung. Ta hãy tìm cách cứu mạng Đức vua, nhưng không gây ra lỗi lầm”.

Thống soái trở về tư dinh, cho gọi người hầu cận can đảm đến, bảo rằng:

- Nay con, cạnh đền thờ thần linh có cây cổ thụ, cây cổ thụ có bông cây lớn. Khi đêm xuống, con hãy đi đến đó ẩn mình trong bông cây ấy.

Ta sẽ đến nơi ấy làm lễ tế thần linh và sẽ cầu nguyện như vầy: “Thưa Thiên vương, Đức vua Sivi trong khi đi diễu hành quanh kinh thành, chẳng biết vì sao Ngài bỗng trở lại Hoàng cung, nằm trên giường miệng nói lảm nhảm, không biết Đức vua có bệnh gì chẳng? Xin Thiên vương hãy chỉ cách cứu mạng Đức vua, Đức vua thường cúng dường chư Thần linh hằng năm, chi tiêu vào việc cúng tế cả ngàn đồng vàng”.

Khi nghe ta khẩn nguyện như vậy, từ bông cây con giả giọng thần linh, nói rằng: “Này Thống soái, Đức vua Sivi không có bệnh chi cả, Đức vua đang si tình nàng Ummadantī, nếu có được nàng Ummadantī thì Đức vua sẽ hết bệnh”.

Sắp xếp mọi việc xong, Thống soái Ahipāraka cùng các Đại thần đến đền thờ thần linh tế lễ, cầu nguyện cho Đức vua Sivi khỏi bệnh.

Người hầu của Thống soái từ trong bông cây giả giọng thần linh, nói rằng: “Nay Thống soái, Đức vua Sivi không có bệnh chi cả, Đức vua đang si tình nàng Ummadantī, nếu được nàng Ummadantī thì Đức vua sẽ khỏi bệnh”.

Thống soái và các vị Đại thần đều nghe rõ. Sau khi tế lễ thần linh xong, Thống soái Ahipāraka đi vào Hoàng cung, gõ cửa cung thất của Đức vua. Đức vua Sivi cũng vừa hồi tỉnh, hỏi rằng: “Ai đấy?”.

- Thưa Đại vương, thần là Ahipāraka.

Rồi Thống soái đẩy cửa đi vào nội cung, sau khi đánh lễ Đức vua Sivi xong rồi, Thống soái Ahipāraka thưa rằng:

- Thưa Đại vương, vừa rồi thần cùng các Đại thần cùng nhau đi đến điện thờ thần linh cầu nguyện thần linh bảo hộ sự an lành cho Đại vương. Thần linh cho biết Đại vương không có bệnh chi cả, chỉ vì Đại vương đang thương nhớ nàng Ummadantī, nếu

Đại vương được nàng Ummadantī thì sẽ bình phục thôi. Nay thần đến đây xin Đại vương hãy cho nàng Ummadantī được tiến cung.

- Nay hiền hữu Ahipāraka, các vị Thần linh biết ta đang si mê nàng Ummadantī sao?
- Vâng, thưa Đại vương.

Đức vua Sivi nghĩ thầm: “Việc hèn hạ xấu xa của ta, đã bị thế gian biết cả rồi. Ta không thể nào hành động sai quấy khi ra lệnh nàng Ummadantī tiến cung được”.

Đức vua lấy lại sự đoan chính nội tâm, suy nghĩ rằng: “Ta không thể vì một cô gái mà đánh mất sự đoan chính của mình. Ta thà chết cũng không rơi vào việc tồi tệ này được”. Đức vua nói với Thống soái Ahipāraka rằng:

- Nay Thống soái, ta không thể làm việc đó được đâu, đó là một việc hèn hạ, xấu xa cho ta.

- Thưa Đại vương, việc tiến cung nàng Ummadantī ngoài thần và đại vương ra, không ai biết được đâu. Xin Đại vương đừng e ngại.

- Nay Thống soái, ngay cả việc ta tưởng nhớ nàng Ummadantī, thần linh còn biết được, huống chi là việc tiến cung nàng Ummadantī mà thần linh không biết sao? Nay Thống soái, ta không làm việc này, cho dù có chết, ta cũng không làm.

Nay Thống soái, người trí dù có đau khổ như thế nào, cũng không thực hành điều tà vạy. Chỉ có kẻ ngu dám làm những điều ác, xấu để tầm cầu sự hoan lạc do dục vọng mang đến.

Đức vua nhủ thầm rằng: “Nay Sivi, nếu người có chết vì thương nhớ nàng Ummadantī, người chỉ chết một kiếp này thôi. Nếu người chạy theo lòng tham dục, hành động sai quấy, người phải chịu đau khổ nhiều đời nhiều kiếp”.

Đức vua Sivi suy gẫm đến chánh pháp, và Ngài đã dứt bỏ được tâm tham luyến nàng Ummadantī.

Nhận diện Bốn sự.

Thống soái Ahipāraka nay là Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất); quan đánh xe Sunanda nay là Ngài Ānanda; nàng Ummadantī nay là nàng Uppalavaṇṇā. Đức vua Sivi nay là Đức Thế Tôn.

Dứt Bốn sự, Đức Thế Tôn thuyết lên lý Tứ đế; cuối thời pháp vị Tỳkhuu đảm nhiệm chứng đạt Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

**Kiếp là cô gái giữ ruộng.*

Nàng Ummadantī mệnh chung, tái sinh vào một gia tộc nông dân trong ngôi làng nhỏ. Cô gái này có phận sự trông coi ruộng cho nhóm nông dân có 500 người.

Một buổi sáng nọ, cô gái giữ ruộng từ nhà ra ruộng, trên đường đi cô nhìn thấy một hoa sen đang nở rất xinh đẹp trong đầm, cô bước xuống đầm sen hái cánh hoa sen xinh đẹp.

Khi ra đến đồng, cô lấy một số gạo rang lên để dùng bữa trưa, cô đếm được 500 hạt gạo; cô dùng lá sen để đựng những hạt gạo rang.

Có vị Phật Độc Giác trú ngụ nơi núi Gandhamādana (Gần-Thá-Ma-Đá-Ná; Hương Sơn) sau khi xuất khỏi Thiên diệt thọ tướng, Ngài quán xét tìm người hữu duyên để tế độ, hình ảnh cô gái giữ ruộng lọt vào võng trí của Ngài.

Sau khi chà răng bằng cây chà răng, súc miệng và tắm rửa nơi hồ Anotatta, Ngài vận y phục tề chỉnh, tay cầm y bát, theo đường hư không Ngài đi đến căn chòi của cô gái giữ ruộng.

Nhìn thấy vị Samôn đang đứng trước chòi của mình, cô gái giữ ruộng vô cùng hân hoan rằng: “Ồ! Hạnh phúc đến với ta rồi. Khi ta muốn cúng dường thì chẳng có vật thực cúng dường, khi ta có vật thực cúng dường thì không gặp được các Ngài. Nay ta được gặp Ngài, lại có vật thực cúng dường. Vậy ta hãy tạo phước cho mai hậu vậy”.

(1)- JA. Ummadantījātaka (Bốn sự Kỳ nữ Ummadantī); chuyện số 527.

Cô gái giữ ruộng mang những hạt gạo rang đặt vào cánh hoa sen xanh, đi đến vị Samôn, sau khi đánh lễ Ngài bằng cách “*năm chi chạm đất*”, rồi cúng dường 500 hạt gạo rang cùng hoa sen vào bát của vị Samôn.

Đức Phật Độc Giác nhận vật thực rồi ra đi, khi Ngài đi được một khoảng, cô gái giữ ruộng suy nghĩ: “Ngài là bậc xuất gia, Ngài đâu cần bông hoa để làm gì. Ta nên lấy lại hoa sen để làm vật trang trí cho chòi lá này”.

Cô gái giữ ruộng chạy theo Đức Phật Độc Giác, thưa với Ngài rằng:

- Thưa Ngài, Ngài là bậc xuất gia đâu dùng hoa. Xin Ngài hãy cho lại con cánh hoa sen.

Cô gái giữ ruộng mở bát vị Samôn lấy lại cánh hoa sen (do hành động này, nên những kiếp tương lai, nàng nhận nhiều bất hạnh).

Khi Đức Phật Độc Giác đi được một khoảng đường, cô gái giữ ruộng lại suy nghĩ: “Nếu Ngài không cần dùng thì Ngài đã từ chối rồi; nhưng Ngài vẫn nhận cánh hoa sen, như vậy Ngài vẫn cần dùng hoa sen. Vậy ta nên cúng dường hoa sen đến Ngài”.

Cô gái giữ ruộng đi nhanh đến trước vị Phật Độc Giác sám hối Ngài, rồi cúng dường cánh hoa sen vào bát của Ngài.

Nàng ước nguyện rằng: “Bạch Ngài, do phước cúng dường hạt gạo rang đến Ngài, xin cho con có được 500 người con trai trong kiếp tương lai. Và do phước con cúng dường hoa sen đến Ngài, xin cho kiếp tương lai của con, mỗi bước chân con có cánh hoa sen đỡ chân”.

Đức Phật Độc Giác chúc phúc rằng: “Ước nguyện của người hãy trở thành sự thật vậy”.

Khi ấy có 500 người nông dân đang ngồi nghỉ dọc theo bờ ruộng, nhìn thấy những việc làm của cô gái giữ ruộng và nghe lời ước nguyện của cô gái, họ suy nghĩ rằng: “Cô gái này can đảm hy sinh phần cơm trưa của mình, cúng dường đến vị Samôn, nàng tạo phước báu rất lớn, chắc chắn có quả báu lớn trong tương lai. Chúng ta cũng tạo phước phước riêng cho mình vậy”.

Năm trăm người làm ruộng cúng dường mật ong đến Đức Phật Độc Giác,

Để làm tăng trưởng sự hân hoan trong tâm cô gái giữ ruộng, Đức Phật Độc Giác theo đường hư không trở lại núi Hương Sơn trước sự chứng kiến của nhóm người làm ruộng và cô gái giữ ruộng. Ngài đặt cánh hoa sen trước cửa Ngọc động (Nandamūla) và 500 vị Phật Độc Giác trú trong Ngọc động dùng cánh hoa sen làm phẩm chùi chân.

Nhìn thấy cảnh tượng này, cô gái giữ ruộng vô cùng hoan hỷ. Năm trăm người nông dân cũng hân hoan, suy nghĩ: “Như thế ước nguyện của cô gái này sẽ trở thành hiện thực”, nhớ đến lời nguyện của cô gái, 500 người nông dân thầm ước nguyện “là con của cô gái trong tương lai”.

**Kiếp là Hoàng hậu Padumavati.*

Mệnh chung, cô gái giữ ruộng tái sinh về Thiên giới, là Thiên hậu của vua Trời Sakka (Đế Thích), mỗi bước chân vị Thiên hậu này đều nở cánh hoa sen đỡ lấy bước chân của nàng.

Mệnh chung từ Thiên giới, nàng Thiên hậu tái sinh về nhân giới trong cánh hoa sen nơi hồ sen lớn dưới chân núi HyMāLapSơn, cạnh hồ sen là ngôi thảo lư của một ẩn sĩ.

Vào buổi sáng, vị ẩn sĩ nhìn thấy trong hồ sen có một đóa hoa sen to lớn khác thường, vị ẩn sĩ suy nghĩ: “Đóa hoa sen này to lớn khác thường hơn những cánh hoa sen khác, hẳn có điều chi kỳ lạ đây, ta hãy kiên nhẫn chờ xem”.

Những cánh hoa sen khác nở ra rồi tàn đi theo thông lệ, nhưng đóa sen lớn ngày càng lớn ra nhưng vẫn còn là nụ hoa. Trải qua hơn nửa tháng nụ hoa sen vẫn như thế, vị ẩn sĩ không dần được tính hiếu kỳ, liền đi xuống hồ sen đến nụ hoa sen đặc biệt, đưa tay định hái lấy cánh hoa sen, khi vừa chạm tay vào cọng sen, đóa sen chợt nở bung ra, nằm trên đài sen là một bé gái rất xinh đẹp, nhìn vị ẩn sĩ nở nụ cười rất dễ thương.

Ấn sĩ chợt phát sinh tình cảm trĩu mến lạ thường, có cảm giác “là con gái của mình”, nên mang bé gái cùng đóa hoa sen trở về am thất, đặt đóa sen cùng bé gái vào một nơi an toàn trong am thất.

Khi bé gái đói, nhờ phước riêng, từ trong đài sen, những hạt sen nhỏ tuôn ra dòng sữa, chảy vào miệng bé gái và bé gái uống loại sữa sen ấy để no lòng.

Khi cánh hoa sen tàn héo, cô bé gái khóc lên và không chịu nằm bất cứ nơi đâu, vị ẩn sĩ suy nghĩ: “Đứa bé này sinh ra từ cánh hoa sen, có lẽ hoa sen là chỗ nằm tốt nhất cho nó”.

Vị ẩn sĩ đi ra hồ sen hái một cánh hoa sen vừa nở mang về, đặt đứa bé gái lên hoa sen, bé gái nín khóc (đây là quả phước do các vị Phật Độc giác chùi chân trên cánh hoa sen), khi bé gái đói, từ đài sen những hạt sen nhỏ tuôn ra dòng sữa chảy vào miệng bé gái.

Cô bé gái dùng sữa sen nuôi sống và tăng trưởng thân cho đến khi có thể dùng những loại vật thực bình thường như những trẻ khác.

Do sinh ra từ cánh hoa sen nên ẩn sĩ đặt tên cô bé là Padumā (Liên Hoa), khi Padumā (Pá-Đú-Ma) biết đi, mỗi bước đi của bé gái xuất hiện cánh hoa sen đỡ chân, thấy được điều kỳ diệu này vị ẩn sĩ suy nghĩ: “Đức bé gái này là bậc Đại phước” và gọi cô bé là Padumavatī (Vòng đai Liên Hoa).

Vị ẩn sĩ nuôi dưỡng Padumavatī (Pá-Đú-Má-Quá-Ti) đến khi được 16 tuổi; nàng có màu da như cánh sen vàng rực sáng, nhan sắc của nàng vượt trội hơn người, như một Thiên nữ trên cõi “Ba mươi Ba” (Tāvātīṣa).

Hằng ngày ẩn sĩ đi vào rừng tìm trái cây, còn Padumavatī quét dọn am thất sạch sẽ, sau khi dùng trái cây được cất giữ hôm qua, rồi cô đi dạo chơi chung quanh khu thảo lư, tìm những cánh hoa rừng mang về trang hoàng ngôi thảo am và chờ đợi cha về.

**Nàng Padumavatī trở thành Hoàng hậu.*

Một thợ rừng sống gần kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại) của Vương quốc Kāsi (Ka-Si) đi tìm gỗ quý trong vùng rừng núi của dãy HyMāLạpSơn, bị lạc đường tình cờ đi đến vùng thảo am của vị ẩn sĩ, nhìn thấy nàng Padumavatī (Pá-Đú-Má-Quá-Ti) đang đi dạo trong rừng tìm hoa về trang hoàng ngôi thảo am.

Người thợ rừng thấy cô gái đẹp như Thiên nữ, mỗi bước chân xuất hiện cánh hoa sen đỡ chân, y suy nghĩ: “Ta chưa từng thấy một cô gái nào xinh đẹp như cô này, lại nữa mỗi bước chân cô lại hiện ra hoa sen đỡ chân. Nàng này là người, Thiên nữ hay là Dạ xoa? Ta phải cố gắng tìm hiểu cô này thuộc dạng nào”.

Người thợ rừng âm thầm theo dõi nàng Padumavatī, nàng Padumavatī sau khi tìm những loại hoa rừng, hái mang về trang hoàng ngôi thảo am, rồi ngồi đợi cha về.

Vào buổi chiều, ẩn sĩ từ rừng sâu trở về, nàng Padumavatī ra trước thảo am đón cha, nàng tiếp lấy gánh trái cây cùng bình nước từ vị ẩn sĩ mang vào thảo am, mang nước ra rửa chân cho cha, mang nước mát đến cho ẩn sĩ giải khát, lựa trái cây chín tươi tốt từ gánh ra, đặt vào đĩa dành cho ẩn sĩ ...

Người thợ rừng núp trong bụi cây rậm quan sát, thấy rõ mọi việc, suy nghĩ: “Đây là người, không phải Thiên nữ cũng không phải Dạ xoa, có lẽ nàng là con gái của vị ẩn sĩ. Hai cha con ẩn cư, sống nơi thảo am hoang vắng này”.

Người thợ rừng từ lùm cây bước ra, đi đến ngôi thảo am; sau khi đánh lễ ẩn sĩ xong rồi, ngồi xuống một bên hạp lế. Ẩn sĩ hỏi:

- Ngươi là ai, vì sao đi đến nơi này?

- Thưa Ngài, tôi là người thợ rừng, nhân đi tìm gỗ quý trong rừng, bị lạc đường, nên tình cờ đi đến đây.

- Ồ! Thì ra ngươi là thợ rừng.

Ẩn sĩ ân cần tiếp đãi người thợ rừng, bảo con gái mang trái cây tươi chín cùng nước mát ra đãi khách.

Người thợ rừng hỏi.

- Thưa Ngài ẩn sĩ, chẳng hay cô gái trong am thất của Ngài là người hay là thiên nữ.

- Đây người thợ rừng, là người, là con gái của ta.

- Ô! Thưa ẩn sĩ, nếu là người vì sao mỗi bước chân của nàng ấy lại xuất hiện cánh hoa sen đỡ chân.

- Đó là do phước riêng của con gái ta. Là phúc tướng đặc biệt của nó.

Ẩn sĩ cho người thợ rừng biết những điều kỳ diệu của nàng Padumavatī, nghe xong người thợ rừng suy nghĩ “những điều này thật hy hữu, thật kỳ diệu”, ẩn sĩ lại hỏi rằng:

- Đây người thợ rừng, người lưu lại nơi này để tìm gỗ hay trở về nhà?

- Thưa Ngài ẩn sĩ, con không có việc gì cần làm ở đây nữa, con sẽ trở về nhà.

- Nếu vậy, người đừng nói cho ai biết “những gì người nhìn thấy ở đây”, được không?

- Thưa Ngài ẩn sĩ, nếu Ngài đã không muốn cho người khác biết, thì tại sao con phải nói chứ.

Người thợ rừng nói như thế để làm an lòng vị ẩn sĩ, thật ra trong tâm y nghĩ rằng: “May mắn đã đến với ta rồi, ta biết được nàng nữ báu này, ta sẽ thưa lên Đức vua đang cai trị Vương quốc Kāsi (Ka-Sí). Khi thấy nàng, chắc chắn Đức vua sẽ rước nàng về kinh thành Bārāṇasī và ta sẽ được ban thưởng trọng hậu”.

Khi ra khỏi thảo lư của ẩn sĩ, người thợ rừng đánh dấu cẩn thận những gốc cây cổ thụ, những nhánh cây, đồng thờ cố ghi nhớ lộ trình, để sau này dễ dàng tìm đến vùng thảo lư của vị ẩn sĩ.

Về đến kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại), vài ngày sau người thợ rừng đi vào Hoàng cung, xin được yết kiến Đức vua vì có việc quan trọng muốn trình lên Đức vua. Đức vua cho vời người thợ rừng vào nội cung, hỏi rằng:

- Đây người kia, người là ai? Có việc gì quan trọng muốn trình lên ta?

- Thưa Đại vương, con là người thợ rừng, là kẻ nô lệ hèn kém của Đại vương. Con đến báo cho Đại vương biết “đã xuất hiện một nữ báu kỳ diệu”, đó là tài sản của Đại vương, Đại vương hãy nhanh chóng mang nữ báu về kinh hành. Nếu trễ, sẽ có người mang đi mất.

Rồi người thợ rừng trình lên Đức vua xứ Kāsi cuộc hội ngộ hy hữu với vị ẩn sĩ và nàng Padumavatī.

Nghe giai thoại này, Đức vua xứ Kāsi vô cùng thích thú, không để mất thời gian, Đức vua lập tức tổ chức cuộc đi săn trong vùng rừng núi của dãy HyMăLạpSơn, giao triều chính cho các quan Đại thần tạm cai quản.

Người thợ rừng hướng dẫn đoàn săn bắn đi đến gần vùng thảo lư của vị ẩn sĩ.

Đức vua cho cắm trại không xa ngôi thảo lư của ẩn sĩ, vào buổi sáng sau khi đợi ẩn sĩ dùng sáng xong, Đức vua cùng vài cận thần và người thợ rừng đi đến “lều cỏ” gặp ẩn sĩ.

Vị ẩn sĩ đang ngồi trên sàng tọa của mình, Đức vua cùng đoàn tùy tùng đến đánh lễ ẩn sĩ, nói lên những lời chào hỏi thân hữu, rồi ngồi vào nơi hợp lễ, dâng đến ẩn sĩ lễ phẩm là những vật dành cho bậc xuất gia như: Y, tọa cụ, bình nước ... Nhìn thấy người thợ rừng cùng những vị khách với y phục sang trọng, ẩn sĩ biết là “đây những bậc quyền quý”, nghĩ trong tâm rằng:

- Người thợ rừng không giữ lời hứa, hôm nay ta không thể giữ được con gái mình rồi.

Ẩn sĩ hỏi:

- Thưa các Ngài, các Ngài là ai? Các Ngài ngự đến thảo am này có việc chi chẳng?

Đức vua đáp rằng:

- Thưa ẩn sĩ, tôi là Đức vua đang trú ngụ nơi kinh hành Bārāṇasī (BaLaNại), chúng tôi đang đi săn bắn trong vùng này. Thưa ẩn sĩ, được nghe Ngài có người con gái rất xinh

đẹp và có phúc tướng đặc biệt là “mỗi bước chân có hoa sen đỡ chân”, điều ấy có thật chăng?

- Thưa Đại vương, điều ấy có thật.

- Thưa ẩn sĩ, Ngài có thể cho ta thấy và chứng kiến điều kỳ diệu của con gái Ngài được chăng?

- Thưa Đại vương, được.

Ẩn sĩ gọi nàng Padumavatī như thường gọi khi nàng còn thơ ấu.

- Này Padumavatī, con gái nhỏ thân yêu của ta, hãy ra đây.

Từ trong phòng riêng nàng Padumavatī bước ra, nhìn thấy những người khách lạ nàng vẫn thản nhiên, đi đến đánh lễ cha rồi đứng sang một bên (đó là do phước riêng của nàng sung mãn, nên nàng không hề kinh sợ), ẩn sĩ nói:

- Này con thân yêu, đây là Đức vua vị lãnh tụ quân của xứ Kāsi. Con hãy chào hỏi vị ấy cùng những quan cận thần đi.

Nàng Padumavatī lễ phép chào hỏi Đức vua cùng những quan hầu cận.

Vừa nhìn thấy nàng Padumavatī, tâm Đức vua không kèm được sự tự chủ, Ngài say đắm nhan sắc như thiên nữ của nàng Padumavatī.

Ẩn sĩ bảo nàng Padumavatī mang những trái cây tươi, ngon ngọt ra đãi khách. Đức vua xứ Kāsi hỏi thăm dò rằng:

- Thưa ẩn sĩ, Ngài ngụ nơi hoang vắng này có rất nhiều nguy hiểm. Tôi thỉnh Ngài hãy về thành Bārāṇasi ngụ nơi vườn Thượng Uyển của Hoàng cung, tôi sẽ là người hộ độ cho Ngài.

- Thưa Đại vương, từ lâu rồi tôi sống nơi đây, tôi đã quen với cảnh núi rừng. Hơn nữa, nơi kinh thành không thích hợp với tôi, không thích hợp với đời sống xuất gia. Thưa Đại vương, tôi không về kinh thành Bārāṇasī để cư ngụ đâu.

- Thưa ẩn sĩ, nếu vậy xin ẩn sĩ cho tôi được cưới con gái của Ngài vậy. Một bậc xuất gia đạo hạnh như Ngài, không nên để nữ nhân cùng trú ngụ trong một ngôi thảo am được

Với lời cầu hôn trực tiếp của Đức vua, khiến ẩn sĩ cảm thấy khó khăn, ẩn sĩ nói khéo rằng:

- Thưa Đại vương, con gái tôi từ nhỏ đến nay sống nơi hoang dã này, chỉ có tôi là người thân. Khi nó theo Đại vương về kinh thành, thật khó khăn cho nó vì “một người không thể làm vừa lòng nhiều người” trong Hoàng cung, như vậy con gái tôi không thể có được sự an toàn cho nó.

Đức vua đánh tan sự lo ngại của ẩn sĩ, thưa rằng:

- Thưa ẩn sĩ, nếu tôi được cưới nàng Padumavatī, tôi sẽ đặt nàng vào ngôi vị “đệ nhất Hoàng hậu”, để chứng tỏ tình yêu của tôi đối với nàng.

Ẩn sĩ đưa trí quán xét, thấy rằng: “Padumavatī đến thời được ngôi vị Hoàng hậu của xứ Kāsi”, nên Ngài nói với nàng Padumavatī rằng:

- Này Padumavatī, con gái nhỏ thân yêu của cha. Con nay đến tuổi trưởng thành rồi, Đức vua đã nhìn thấy mặt con, con không thể trú ngụ nơi này được nữa rồi. Này con gái nhỏ thân yêu của cha, con hãy theo Đức vua về kinh thành Bārāṇasī để sống vậy.

Nàng Padumavatī khóc nói rằng:

- Thưa cha, cha nay già yếu rồi, con muốn ở lại phụng dưỡng cha.

- Này con thân yêu, Đức vua nói đúng: “Bậc xuất gia không nên ở chung với nữ nhân trong một nơi trú ngụ”. Con nay đã trưởng thành, tốt nhất con nên theo Đức vua về kinh thành, Đức vua đặt con vào ngôi vị “đệ nhất Hoàng hậu”, đó là điều tốt đẹp cho cha con chúng ta.

- Vâng, thưa cha.

Tuy nhiên, nàng vẫn đứng yên mà khóc.

Đức vua bày tỏ sự chân thành của mình, sai quan hầu cận trở về nơi đóng quân, mang lễ vật là vàng ngọc đến, lót đường cho nàng Padumavatī đi ra khỏi thảo lư, đặt nàng ngồi lên đồng vàng ngọc, ngay tại chỗ nàng ngồi, Đức vua làm lễ tấn phong nàng Padumavatī lên ngôi vị “*đệ nhất Hoàng hậu*”.

Khi về đến Hoàng cung, Đức vua tổ chức lễ thành hôn thật trọng thể.

**Hoàng hậu Padumavatī trở thành nạn nhân.*

Hoàng hậu Padumavatī (Pá-Đú-Má-Quá-Ti) chiếm ưu thế trong trái tim của Đức vua, từ khi có được nàng Padumavatī Đức vua rất sủng ái nàng, tất cả những Hoàng hậu cùng những cung phi khác bị Đức vua thờ ơ.

Những nữ nhân này cảm thấy cay đắng khi bị thất sủng, họ cố gắng tìm cách khôi phục lại vị trí của mình trong trái tim của Đức vua.

Những nữ nhân này tìm cách xuyên tạc Hoàng hậu Padumavatī rằng:

- Thưa Đại vương, Đại vương hãy suy xét lại, Hoàng hậu Padumavatī không phải là người, nếu là người, có ai mỗi bước chân lại có đóa sen hiện ra đỡ chân.

Padumavatī là nữ dọxa trá hình, nàng ấy rất nguy hiểm, có thể sát hại những người trong cung luôn cả Đại vương, Đại vương hãy trục xuất nàng ấy ra khỏi Hoàng cung đi.

- Này các nàng, trong nội cung có ai mất tích chưa?

- Thưa Đại vương, chưa có.

- Nếu nàng ấy là nữ dọxa hóa thân, thì có nhiều cách để che dấu chân tướng, có lý đầu để lộ chân tướng lộ liễu như vậy. Đây là do phước riêng của nàng ấy, những đóa hoa sen xuất hiện đỡ chân một cách tự nhiên, không phải do nàng muốn mà có.

Lại nữa, từ khi nàng Padumavatī về đây khá lâu, nhưng trong nội cung không có ai mất tích, thì làm sao bảo nàng ấy là nữ dọxa trá hình?

Đức vua bỏ ngoài tai mọi luận điệu xuyên tạc về nàng Padumavatī.

Thời gian sau, nàng Padumavatī mang thai sắp đến ngày sinh, khi ấy vùng biên cương có giặc xâm chiếm bờ cõi, Đức vua phải thân chinh ra vùng biên địa để dẹp loạn.

Những nữ nhân trong cung nhân cơ hội này tấn công nàng Padumavatī, họ cùng nhau gom góp tư trang rồi mua chuộc người nữ hầu của Hoàng hậu Padumavatī, bảo rằng:

- Khi Hoàng hậu Padumavatī sinh con, người hãy tráo đũa bé bằng khúc gỗ có bôi máu.

Do tham số tài vật rất lớn này, người nữ hầu nhận lời.

Hoàng hậu Padumavatī sinh ra người con trai (đây là vị duy nhất nhập thai bào), khi hài tử vừa ra khỏi thai bào do quá đau đớn, Hoàng hậu Padumavatī mệt mỏi rơi vào giấc ngủ.

Từ chiếc nhau thai bào những giọt máu bắn ra, hình thành một bé trai, tổng cộng có 499 hạt máu bắn ra từ chiếc nhau thai bào (đây là những Hoàng tử sinh ra theo cách thấp - hóa sinh).

Người nữ hầu báo tin cho những nữ nhân trong nội cung biết: “Hoàng hậu Padumavatī sinh ra được 500 Tử hoàng”.

- Hãy đánh tráo bằng mảnh gỗ bôi máu và giao 500 Tử hoàng cho chúng ta.

Người nữ hầu làm theo lời các nữ nhân trong nội cung, đặt mảnh gỗ bôi máu nằm cạnh Hoàng hậu.

Năm trăm nữ nhân trong nội cung, mỗi người nhận một hài tử, họ đặt hài tử vào trong cái rương gỗ. Mang ra dòng sông Hằng thả trôi.

Ngai vàng vua trời Sakka (Đế Thích) chợt nóng lên, đưa thiên nhân quán xét thế gian, hiểu rõ mọi việc. Vua trời Sakka ra lệnh cho những Rắn chúa (nāga) trú ngụ nơi đáy sông Hằng gìn giữ những chiếc rương không cho tai hại xảy đến cho các hài tử, những chiếc rương trôi êm ả trên dòng nước sông Hằng.

Tự thân vua Trời Sakka khắc bên trong trên nắp rương dòng chữ: “Đây là những Hoàng tử con của Đức vua xứ Bārāṇasī và Hoàng hậu Padumavatī. Do tâm đố kỵ với nàng Padumavatī, năm trăm nữ nhân trong nội cung đã đánh cắp các Tử hoàng và thả 500 Tử hoàng trên dòng sông Hằng. Vua xứ Kāsi hãy biết rõ điều này”.

Do phước riêng của những vị Tử hoàng, khi đói lòng, từ ngón tay tuôn ra dòng sữa, giúp các Tử hoàng no lòng, các Rắn chúa nơi sông Hằng, gìn giữ năm trăm rương gỗ quây quần cùng nhau ở giữa sông Hằng, không cho trôi tản mạn.

Khi Hoàng hậu Padumavatī tỉnh dậy, hỏi người nữ hầu rằng:

- Nay em, ta sinh con trai hay con gái?

- Thưa Hoàng hậu, Hoàng hậu không có sinh con, Hoàng hậu sinh ra mảnh gỗ.

Người nữ hầu chỉ cho Hoàng hậu Padumavatī thấy mảnh gỗ có bôi máu; Hoàng hậu kinh hoàng rằng:

- Sao lại như thế được. Hãy vớt đi cho mau, đừng để cho ai thấy; thật là bất hạnh cho ta.

Giả vờ trung thành với chủ, người nữ hầu ném mảnh gỗ có bôi máu vào lò lửa.

Khi đại quân hùng mạnh của Đức vua xứ Kāsi kéo đến biên cương, do uy lực của vua xứ Kāsi, các nghịch vương cùng nhau rút binh, trả lại sự thanh bình cho đất nước Kāsi.

Đức vua trở về kinh thành Bārāṇasī, đóng quân bên ngoài kinh thành chờ ngày giờ thích hợp theo sự tính toán của các nhà chiêm tinh thông thái tài giỏi nhất, để vào thành về Hoàng cung.

Các nữ nhân trong nội cung cùng nhau đi đến đánh lễ Đức vua, báo cho Đức vua biết: “Hoàng hậu Padumavatī sinh ra 500 mảnh gỗ có bôi máu”, nghe tin này, Đức vua vô cùng kinh sợ. Các nữ nhân lại khích động Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, rõ ràng Hoàng hậu Padumavatī là nữ dọxa trá hình; vì khi sinh con không thể thi triển huyền thuật được, nên lộ nguyên hình. Đại vương nên trục xuất nữ dọxa này ra khỏi Hoàng cung ngay, nếu không tính mạng của đại vương sẽ khó bảo toàn. Vì nữ dọxa biết mình đã lộ hình, khi gặp Đại vương chắc chắn sẽ sát hại Đại vương ngay.

Do kinh sợ, lại bị các nữ nhân trong cung khích động, Đức vua xứ Kāsi không kịp suy nghĩ, ra lệnh rằng: “Hãy trục xuất nữ dọxa này ra khỏi nội cung”.

(Đây là do phước của nàng Padumavatī đã bị thối giảm, nguyên nhân là “do nàng xin lại cánh hoa sen xinh đẹp, nên mất ngôi Hoàng hậu).

Khi ấy do phước bị khiếm khuyết, nàng Padumavatī bị trục xuất ra khỏi Hoàng cung, nàng không còn dung mạo xinh đẹp như Thiên nữ, cũng không còn có đóa sen hiện ra để đỡ lấy chân nữa.

Ra khỏi thành Bārāṇasī (BaLaNại), nàng đi thất thiếu với sự tuyệt vọng, với nỗi bi thương không sao nói hết được.

Một bà lão sống trong chòi lá nhỏ ngoài cổng thành Bārāṇasī, nhìn thấy nàng, bà sinh khởi sự thương mến như gặp lại người con gái đã xa cách từ lâu, bà hỏi nàng rằng:

- Nay con gái, con đang đi đâu vậy?

- Thưa mẹ, con đang đi tìm nơi trú ngụ.

- Vậy con hãy về nhà ta ở đi, ta sống chỉ có một mình thôi.

- Vâng, thưa mẹ.

Bà lão đưa nàng Padumavatī về căn chòi lá của mình trú ngụ và nuôi dưỡng nàng Padumavatī.

**Hoàng hậu Padumavatī được minh oan.*

Các nữ nhân trong cung vô cùng hân hoan vì nhờ được cây gai nhọn trong mắt, cùng nhau đi đến Đức vua thưa rằng:

- Thừa Đại vương, khi Ngài ra biên cương dẹp loạn, chúng em có ra sông Hằng cầu nguyện thần linh hộ trì Ngài chiến thắng trở về. Nay Đại vương được an lành trở về, chúng em muốn ra sông Hằng tạ lễ thần linh, sau đó chúng ta cùng tắm trong dòng sông Thiêng này.

Đức vua xứ Kāsi vui vẻ ưng thuận, ra lệnh dọn dẹp bãi tắm dành riêng cho Đức vua cùng các nữ nhân trong nội cung, quanh khu vực lớn được lưới sắt bao phủ, không cho những loại cá dữ xâm nhập vào,

Khi tế lễ xong, Đức vua cùng 500 nữ nhân xuống sông Hằng tắm, bấy giờ các Rắn chúa đưa 500 rương gỗ có 500 vị tử hoàng bên trong, trôi tấp vào lưới sắt nơi Đức vua đang tắm. Đức vua hỏi: "Cái gì thế?".

- Thừa Đại vương, là những chiếc rương gỗ.

- Hãy mở ra xem, bên trong chứa những gì?

Chiếc rương đầu được mở ra, bên trong là một hài tử (Hoàng tử đầu của Đức vua), hài tử đưa mắt nhìn Đức vua nhoèn miệng cười, Đức vua chợt phát sinh tình cảm trìu mến lạ thường, như tìm thấy con trai của mình. Đức vua ra lệnh:

- Hãy mang chiếc rương cùng hài tử đến đây.

Khi chiếc rương được đưa đến Đức vua, nhìn trên nắp rương có dòng chữ do vua Trời Sakka khắc. Đức vua suy nghĩ: "Được nghe Hoàng hậu Padumavatī sinh ra quái thai là 500 mảnh gỗ có bôi máu. Sao trên nắp rương có dòng chữ ghi "đây là con trai ta cùng Hoàng hậu Padumavatī?".

Đức vua chợt hiểu "có việc ám muội xảy ra trong cung cấm, có lẽ Hoàng hậu Padumavatī bị hàm oan".

Năm trăm chiếc rương có 500 hài tử xinh xắn và đều có hàng chữ của Thiên vương Đế Thích ở trên nắp rương. Tự thân vua xứ Kāsi ẵm hoàng tử cả trên tay, những Tử hoàng còn lại, Đức vua cho người mang tất cả về Hoàng cung.

Năm trăm nữ nhân cùng nhau hành động ám muội để trục xuất Hoàng hậu Padumavatī ra khỏi Hoàng cung, nhìn thấy 500 chiếc rương gỗ có chứa 500 Tử hoàng cùng với những dòng chữ trên nắp rương, họ vô cùng kinh sợ.

Về đến Hoàng cung, Đức vua xứ Kāsi triệu tập các đại thần tụ hội nơi sân Hoàng cung, sai gọi người nữ hầu trước đây của Hoàng hậu Padumavatī đến sân Hoàng cung.

Người nữ hầu mặt tái xanh vì kinh sợ, run rẩy đi vào sân Hoàng cung, nhìn thấy dáng điệu người nữ hầu, Đức vua đã thấy rõ "có sự ám muội bên trong". Đức vua hỏi:

- Này nữ hầu, ngươi là người chăm sóc Hoàng hậu Padumavatī lúc sinh sản phải không?

- Vâng, thưa Đại vương.

- Này nữ hầu, ngươi hãy khai thật, ta còn có thể tha mạng cho ngươi. Hoàng hậu Padumavatī sinh nở như thế nào?

Trước sự uy nghiêm của Đức vua cũng như không khí trang nghiêm nơi sân Hoàng cung, người nữ hầu suy nghĩ: "Giờ đây chẳng một ai là nơi nương của ta cả, chỉ có sự thật mới hy vọng giữ được mạng sống của ta mà thôi. Ta nên khai hết việc ám muội của ta cùng 500 nữ nhân trong nội cung".

Suy nghĩ như thế xong rồi, nàng nữ hầu quỳ nơi sân Hoàng cung, khai hết mọi việc vu khống "hoàng hậu Padumavatī sinh ra 500 mảnh gỗ có bôi máu" đến Đức vua cùng các quan đại thần.

- Thừa Đại vương, những việc này là do các Hoàng hậu, Thứ phi và Cung phi thuê con. Xin Đại vương tha mạng sống cho con.

Mọi việc đã sáng tỏ, Đức vua truyền lệnh.

- Này các Đại thần, hãy cho đóng những cỗ tượng xa, trên cỗ Tượng vương treo túi tiền chứa 1.000 đồng vàng, đi khắp trong ngoài kinh hành Bārāṇasī thông báo rằng: "Ai thấy hay biết Hoàng hậu Padumavatī ở đâu, hãy đến nhận túi tiền 1.000 đồng vàng này".

Đoàn tượng xa đi khắp trong, ngoài kinh thành Bārāṇasī truyền rao “tìm Hoàng hậu Padumavatī”. Nghe được thông báo này, nàng Padumavatī nói:

- Thừa mẹ, mẹ hãy đến lấy 1.000 đồng vàng nơi cổ voi đi.

- Nay con gái, ta không dám đâu.

- Thừa mẹ, mẹ hãy đến lấy 1.000 đồng vàng ấy đi, không có gì tai hại đến mẹ đâu.

- Nay con gái, ta phải nói như thế nào để lấy 1.000 đồng vàng.

- Mẹ hãy nói rằng: “Tôi có thấy Hoàng hậu Padumavatī”.

- Nay con gái, nhưng ta có thấy Hoàng hậu Padumavatī đâu? Nếu ai hỏi thì ta phải trả lời sao?

- Mẹ hãy nói: “Con gái ta thấy”.

Thấy con gái mình nói rất nghiêm túc, bà lão đặt tin tưởng vào con gái, nghĩ thầm “có lẽ nó biết Hoàng hậu Padumavatī đang ở đâu, nên mới nói nghiêm túc như vậy”. Bà lão đi đến cổ tượng xa, nói rằng: “Hãy cho ta 1.000 đồng vàng trên cổ voi đi”.

- Nay bà lão, bà có thấy Hoàng hậu Padumavatī không?

- Ta không thấy, nhưng con gái ta thấy.

- Vậy 1.000 đồng vàng này là của bà. Bà hãy đưa chúng ta đến gặp con gái của bà.

Khi ấy, phước của nàng Padumavatī đã phục hồi như xưa (là do nàng cúng dường trở lại cánh hoa sen đến Đức Phật Độc Giác), nên dung mạo của nàng trở nên xinh đẹp như Thiên nữ, đồng thời có hoa sen đỏ chân khi nàng đi.

Đoàn quân đi tìm Hoàng hậu Padumavatī, đi đến căn chòi lá của bà lão, nhìn thấy Hoàng hậu Padumavatī. Tất cả đều quý phủ phục trước mặt nàng, khi ấy bà lão mới biết: “Ồ! Thì ra nó là Hoàng hậu Padumavatī”, bà la rầy với sự thương yêu rằng:

- Con bé này thật liêu lĩnh, bất chấp địa vị cao quý của mình, tìm đến trú ngụ nơi tồi tàn nghèo khổ, không người phục dịch này.

Vị Đại thần thưa rằng:

- Thừa Hoàng hậu, Đức vua sai chúng tôi đi tìm Hoàng hậu. Nay chúng tôi tìm được Hoàng hậu rồi, xin thỉnh Hoàng hậu trở về Hoàng cung.

- Nay quan đại thần, ta vô cớ bị Đức vua trục xuất khỏi Hoàng cung. Nay ta không trở về nơi đó nữa.

Không biết phải làm sao, vị Đại thần cho quân dùng vải trắng thượng hạng bao quanh căn chòi lá nhiều lớp, cất người canh giữ an toàn, cất người phục vụ chu đáo cho Hoàng hậu cùng với bà lão.

Quan đại thần trở về Hoàng cung, báo cho vua xứ Kāsi rằng:

- Thừa Đại vương, đã tìm thấy Hoàng hậu Padumavatī.

Vô cùng hân hoan, Đức vua xứ Kāsi cho mang kiệu vàng cùng cờ phướn xinh đẹp, chiêng trống vang lừng, đi rước Hoàng hậu Padumavatī. Nhưng nàng nói rằng:

- Trước đây ta vô tội, Đức vua không suy xét rõ ràng, ra lệnh trục xuất ta ra khỏi Hoàng cung. Cả kinh thành Bārāṇasī đều biết “Hoàng hậu Padumavatī bị trục xuất”, nay Đức vua cho rước ta về Hoàng cung một cách âm thầm như thế này sao?

Đức vua cho tổ chức nghi lễ “rước Hoàng hậu Padumavatī về hoàng cung thật long trọng theo ý Hoàng hậu”. Từ căn chòi lá dẫn đến Hoàng cung là “lối đi có mái che, được trang hoàng xinh đẹp bằng những ngôi sao vàng lấp lánh, dọc hai bên là cờ lớn, cờ nhỏ đủ màu sắc phối hợp hài hòa, những chiếc trống lớn, trống nhỏ, chiêng, chập chả ... thi nhau nổi lên từng hồi, năm loại nhạc khí cùng hòa tấu với những âm thanh vui nhộn, trên lối đi là những tấm thảm hoa cực kỳ xinh đẹp. Hoàng hậu nói: “Hãy để cho chúng dân trong thành Bārāṇasī này, thấy được sự cao quý của ta”.

Đức vua ra lệnh “cư dân kinh thành Bārāṇasī, hãy đến chiêm ngưỡng Hoàng hậu Padumavatī ngự về Hoàng cung”.

Các nhà chiêm tinh thông thái chọn ngày giờ tốt để rước Hoàng hậu trở về cung điện. Hoàng hậu Padumavatī trang điểm thật xinh đẹp, với trang phục vô cùng lộng lẫy,

nhìn nàng khi ấy ai cũng ngỡ nàng là một Thiên nữ xuất hiện với những chiếc thiên y tỏa sáng hào quang, nàng thong thả bước trên những tấm thảm hoa xinh đẹp, mỗi bước chân của nàng có đóa hoa sen nổi lên đỡ lấy chân.

Tất cả cư dân kinh thành Bārāṇasī đều chứng kiến sự huy hoàng độc nhất của Hoàng hậu Padumavatī, tiếng tán thán “sādhu, sādhu (lành thay, lành thay)” vang lên từng hồi khi nàng Padumavatī đi qua.

Những tấm thảm quý xinh đẹp là lễ vật của Hoàng hậu Padumavatī dành cho bà lão, cùng với những lễ phẩm trọng hậu khác để đền ơn bà lão.

**Hoàng hậu Padumavatī bao dung.*

Đức vua cho gọi năm trăm nữ nhân đã ám hại Hoàng hậu Padumavatī đến sân Hoàng cung, trước sự chứng kiến của các Đại thần, Đức vua nói:

- Nay Hoàng hậu Padumavatī, ta ban cho nàng năm trăm nữ nhân này, họ sẽ là những nữ hầu của nàng.

- Nếu vậy, thưa Đại vương, Ngài hãy thông tri cho cư dân thành phố biết: “Đại vương ban cho Hoàng hậu Padumavatī 500 nữ nhân đã ám hại Hoàng hậu, những nữ nhân này trở thành nữ hầu của Hoàng hậu Padumavatī”.

Đức vua xứ Kāśi cho đánh chuông trống, thông báo khắp kinh thành rằng: “Năm trăm nữ nhân ám hại Hoàng hậu Padumavatī, nay trở thành những nữ hầu của Hoàng hậu Padumavatī”.

Sau khi hài lòng vì dân kinh thành đã biết rõ “Hoàng hậu Padumavatī bị hàm oan”, nàng Padumavatī nói với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, Thần thiếp có thể trả tự do cho những người nữ hầu này không?

- Nay Hoàng hậu, nàng có quyền làm theo ý thích của nàng đối với năm trăm nữ nhân này.

- Thưa Đại vương, nếu vậy, Đại vương hãy thông báo cho dân chúng nơi kinh thành Bārāṇasī biết: “Hoàng hậu Padumavatī đã trả tự do cho 500 nữ nhân đã ám hại Hoàng hậu trước đây”.

Đức vua cho đánh chuông trống truyền rao khắp kinh thành rằng: “Hoàng hậu Padumavatī đã trả tự do cho năm trăm nữ nhân trước đây đã ám hại Hoàng hậu”.

Năm trăm vị Tử hoàng, Hoàng tử trưởng (người sinh ra từ thai bào) được gọi là Mahāpaduma (Má-Ha-Pá-Đú-Má, nghĩa là “Đại Liên Hoa”).

Hoàng hậu Padumavatī tự mình nuôi dưỡng Hoàng tử Mahāpaduma bằng những giọt sữa từ thân của mình, còn 499 vị Tử hoàng còn lại, Hoàng hậu giao cho 500 nữ nhân ám hại bà, trở thành những nữ hầu chăm sóc.

**Năm trăm Hoàng tử trở thành Phật Độc Giác.*

Năm trăm vị Hoàng tử rất thích nước và thường trắm mình trong nước, khi Hoàng hậu hay các nữ hầu ẵm ra khỏi nước thì các Tử hoàng khóc thét lên, đưa vào nước lại thì vui thích.

Khi các Hoàng tử đến tuổi nô đùa, ngoài các vật được ban thưởng, Đức vua còn cho kiến tạo một hồ sen rộng lớn nơi vườn hoa dành cho người Hoàng cung, giữa hồ là năm loại hoa sen năm màu, để các Tử hoàng tắm và nô đùa.

Khi các vị Tử hoàng được 16 tuổi, đang lúc tắm nô đùa trong hồ sen với những đóa sen đang nở rộ. Các Hoàng tử nhìn thấy sự tàn rụi của những cánh hoa sen nở tươi tốt hôm qua, thấy những cánh sen đang rụng rỏ xinh tốt, những búp sen sắp nở, những nụ sen còn búp...

Do phước Balamật tròn đủ, cảnh tượng này làm động tâm (saṃvegacitta) các Hoàng tử rằng: “Những cánh hoa sen này chỉ dựa vào thời tiết cùng dưỡng tố, thế mà cũng dẫn đến già rồi hoại diệt. Thân thể này dựa vào bốn yếu tố: Nghiệp, tâm, thời tiết và dưỡng tố; nghiệp và tâm vốn không vững bền; như vậy thân này cũng chẳng tồn tại

lâu. Cũng như cánh hoa sen kia, hiện tại tuy còn búp hoa nhưng chỉ thời gian ngắn sẽ tàn rụi; đời sống này như cánh hoa sen sớm nở tối tàn”.

Năm trăm vị Hoàng tử có Hoàng tử Mahāpaduma là trưởng, quán xét bản chất thật của thân “năm nhóm (ngũ uẩn)”, thấy rõ chúng xuất hiện tướng vô thường (không bền vững), tướng khổ và tướng vô ngã (rỗng không). cả 500 vị chứng đạt Độc Giác Trí (Paccekabodhi ñāṇa), thành tựu quả vị Độc Giác Phật ngay tại hồ sen trong vườn Ngự Uyển.

Từ chỗ ngồi quán xét tam tướng ban đầu, một hoa sen lớn hiện ra do năng lực thần thông của các Ngài, các Ngài ngồi “tréo chân” (palaṅka: Kiết già) trên cánh hoa sen, an trú tâm vào định Giải thoát.

Vào chiều tối, những người hầu đi đến vườn Ngự Uyển thấy 500 vị Hoàng tử đang tỉnh tọa trên 500 cánh hoa sen, nhắc nhở rằng: “Thưa Hoàng tử, đã đến giờ trở về cung điện”. Năm trăm vị Phật Độc giác yên lặng; những người hầu lặp lại ba lần lời thỉnh cầu: “Thưa các Hoàng tử, đã đến giờ trở về cung điện”, nhưng các Ngài vẫn yên lặng.

Những người hầu trở về cung báo lại cho Đức vua và Hoàng hậu Padumavatī rằng:
- Thưa Đại vương, chẳng biết vì sao năm trăm Hoàng tử đều ngồi yên lặng trên năm trăm cánh hoa sen.

- Năm trăm Hoàng tử ngồi yên lặng ở đâu?
- Thưa Đại vương, nơi hồ sen trong vườn Ngự Uyển.
- Hãy để con trai ta làm điều như ý mong muốn.

Năm trăm vị Phật Độc giác được bảo vệ suốt đêm, các Ngài vẫn ngồi yên bất động trên bảo tọa hoa sen suốt đêm.

Vào lúc bình minh, Đức vua và Hoàng hậu Padummavatī cùng với đoàn quân hộ tống đi đến hồ sen trong vườn Ngự Uyển. Những người hầu đi đến các Hoàng tử thưa rằng:

- Thưa các Hoàng tử, xin Ngài hãy trở về cung điện.
- Này các người, chúng ta không còn là những vị Hoàng tử nữa.
- Thưa Hoàng tử, các Ngài không còn là Hoàng tử, vậy các Ngài là gì?
- Này các người, chúng ta là Phật Độc Giác.
- Thưa các Hoàng tử, các Ngài nói không hợp lý.
- Vì sao không hợp lý.
- Thưa các Hoàng tử, các vị Phật Độc Giác xuất hiện trong phẩm mao của bậc xuất gia, có những dụng cụ riêng dành cho bậc Samôn, các Ngài không ở trong phẩm mao cư sĩ như các Hoàng tử.

Nghe vậy, các vị Hoàng tử có Mahāpaduma (Đại Liên Hoa) là trưởng, đưa tay lên đầu, lập tức râu tóc rụng xuống, trên người xuất hiện y phục samôn cùng những vật dụng dành riêng cho bậc xuất gia.

Từ chỗ ngồi, Ngài Mahāpaduma đứng dậy bước lên hư không, lần lượt các vị Phật Độc Giác còn lại tuần tự, trước sau đứng dậy bước lên hư không.

Các Ngài theo đường hư không đi đến núi Gandhamādana (Hương Sơn), dẫn đầu là Đức Độc Giác Mahāpaduma (Đại Liên Hoa).

Đột ngột mất đi năm trăm người con thân yêu, Hoàng hậu Padumavatī không chịu đựng nổi sự bi thương, nàng ngã xuống đất, bể tim mạng chung.

**Kiếp là nữ nông dân.*

Mệnh chung, Hoàng hậu Padumavatī tái sinh vào một gia tộc nông dân trong làng làm ruộng, nơi sườn núi Isigili (Í-Sí-Gí-Lí, nghĩa là “*Nuốt ắn sĩ*”)⁽¹⁾ không xa thành Rājagaha (Vương Xá). Khi trưởng thành nàng được gả cho một người làm ruộng trong làng.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

Thời gian trôi qua, Đức Phật Độc Giác Mahāpaduma đưa trí quán xét, tìm xem người mẹ (Hoàng hậu Padumavatī) hiện giờ ra sao? Ngài thấy bà tái sinh thành người khác đang sống với nghề làm ruộng gần cổng thành Rājagaha (Vương Xá). Ngài nói với những vị Phật Độc Giác em rằng:

- Nay các vị, mẹ chúng ta đã mệnh chung, tái sinh thành người nữ làm ruộng ở gần cổng thành Rājagaha. Chúng ta hãy đến tế độ người mẹ kiếp trước của chúng ta.

Ngài cùng 7 vị Phật Độc Giác theo đường hư không đi đến thành Rājagaha nơi làng làm ruộng gần cổng thành.

Bấy giờ, người nữ cày ruộng này đang mang cháo đến ruộng cho chồng, nhìn thấy tám vị Phật Độc Giác đang du hành trong hư không, từ xa đang tiến về khu ruộng của mình, bà hoan hỷ có cảm giác “gặp lại những người con thân yêu”, ngực bà bỗng tươm ra dòng thấm vào lớp vải trước ngực. Bà đi nhanh đến người chồng, nói rằng:

- Nay ông, hãy nhìn những vị Samôn có đại uy lực này, các Ngài đang du hành trong hư không. Chúng ta hãy thỉnh các Ngài nhận vật thực cúng dường từ chúng ta.

Nhưng người chồng là kẻ mê si, bôn xển, nói rằng:

- Không phải là những vị Samôn đâu, đó là những người kỳ lạ biết bay mà thôi.

Khi hai người đang thảo luận, tám vị Phật Độc Giác từ hư không đi xuống đất, đứng cách hai người một khoảng không xa lắm, người vợ hân hoan, mang phần cháo dành cho mình đi đến tám vị Phật Độc Giác, sau khi đánh lễ các Ngài với cách “*nām chi chạm đất*”, rồi cúng dường phần cháo của mình đến tám vị Samôn, rồi thỉnh rằng:

- Con xin thỉnh các Ngài hãy thọ thực vào ngày mai, nơi nhà của con.

- Lành thay, lành thay, này nữ gia chủ. Người hãy chuẩn bị tám phần vật thực và tám chỗ ngồi cho tám người. Khi người thấy xuất hiện nhiều vị Samôn, người đừng lo ngại, phước của người sẽ tăng trưởng rất lớn.

Người nữ nông dân (hậu thân của Hoàng hậu Padumavatī) chuẩn bị tám phần vật thực, soạn sẵn tám chỗ ngồi dành riêng cho tám vị Phật Độc Giác.

Đức Phật Độc Giác trưởng là Mahāpaduma (Đại Liên Hoa) nói với các vị Phật Độc Giác còn lại rằng:

- Hôm nay, các vị không đi nhận thực nơi nào khác. Chúng ta cùng đến người mẹ kiếp trước của chúng ta nhận vật thực, ban lợi ích đến cho bà.

-Lành thay, lành thay, thưa Ngài.

Năm trăm vị Phật Độc Giác theo đường hư không đến thành Rājagaha, nơi nhà người nữ nông dân. Nhìn thấy 500 vị Samôn, người nữ nông dân có cảm giác mơ hồ rằng: “Đây là 500 người con trai của ta trong kiếp trước”, nên tâm bà không hề lo lắng “số lượng đông như thế, làm sao có đủ vật thực cúng dường”.

Bà thỉnh tất cả những vị Phật Độc Giác vào trong nhà, dâng tám chỗ ngồi đến các Ngài.

Tám vị được thỉnh, ngồi vào chỗ được soạn sẵn, vị thứ 9 bước đến cạnh bên, tạo ra 8 chỗ ngồi kế tiếp (do năng lực thần thông), cứ như thế đến vị thứ 500 đều có chỗ ngồi, Ngôi nhà được mở rộng do năng lực thần thông.

Người nữ nông dân mang 8 phần vật thực được soạn sẵn, cúng dường đến các vị Phật Độc Giác, tất cả đều nhận vật thực đầy bát, nhưng vật thực vẫn còn y nguyên. Thấy được hiện cảnh này, tâm bà vô cùng hoan hỷ, mang ra tám cành hoa sen xanh đến tám vị Phật Độc Giác được thỉnh, đặt tám cành hoa sen xanh dưới chân các Ngài. Lạ thay, ngay lập tức, tất cả dưới chân các vị Phật Độc Giác, mỗi vị đều có cành hoa sen xanh, bà hân hoan quỳ dưới chân các vị Phật Độc Giác, ước nguyện rằng:

- Bạch các Ngài, với phước báu này xin cho con chứng đạt được an lạc pháp mà các Ngài đã đắc chứng. Xin cho trong vòng luân hồi, con luôn có được màu da xinh đẹp như màu hoa sen xanh này.

Chư Phật Độc Giác chúc phúc đến nữ nông dân rằng:

- Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ khippameva samijjhātu ...

"Ước nguyện của người hãy trở thành sự thật .."

Rồi các Ngài theo đường hư không trở về núi Gandhamādana.

Một trận mưa bầy bấu từ không trung rơi xuống, ngập tràn căn nhà rộng lớn của người nữ nông dân⁽¹⁾.

Thời gian sau, năm trăm vị Phật Độc Giác có Ngài Mahāpaduma là trưởng, theo lời thỉnh cầu của vua Nanda và Hoàng hậu đang trị vì kinh thành Bārāṇasī (là tiền thân của Ngài Mahākassapa (Má-Ha CaDiếp) và Trưởng lão ni Bhaddā Kāpilānī (Phách-Đa-Ka-Pi-La-Ni))⁽²⁾, các Ngài theo đường hư không từ núi Gandhamādana đi đến kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại) để tế độ vua Nanda và Hoàng hậu. Các Ngài được Đức vua và Hoàng hậu thỉnh an cư mùa mưa nơi vườn Ngự Uyển.

Khi trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển, một hôm nhận thấy tuổi thọ của mình đã mãn, năm trăm vị Phật Độc Giác đồng viên tịch, Hoàng hậu đi đến vườn Ngự Uyển để viếng thăm các Ngài, thấy các Ngài đã mệnh chung, nên vùng đất này được gọi là Isipatana (Í-Sí-Pá-Tá-Na, nghĩa là *"Ấn sĩ rơi xuống"*)⁽³⁾.

**Đời sống kiếp cuối cùng*

Mệnh chung, người nữ nông dân sinh về Thiên giới.

Vào thời Đức Thế Tôn hiện thế, từ Thiên giới hậu thân người nữ nông dân tái sinh về nhân giới, trong một gia tộc trưởng giả nơi kinh thành Sāvathi (XáVệ), nàng có màu da như hoa sen xanh nên được gọi là Uppalavaṇṇā (Úp-Pá-Lá-Quan-Na: *"Liên Hoa Sắc"*).

Nàng Uppalavaṇṇā rất xinh đẹp tựa như cánh sen xanh sắp nở, màu da trong sáng như ẩn hiện hào quang.

Khi nàng được 16 tuổi, những gia tộc danh giá, những gia tộc quyền quý trong và ngoài kinh thành Sāvathi (XáVệ) đều cử người đến cầu hôn nàng Uppalavaṇṇā cho con trai của mình.

Việc này khiến ông bà Trưởng giả cha mẹ của nàng Uppalavaṇṇā rơi vào khó xử, ông bà suy nghĩ: "Nếu gả Uppalavaṇṇā cho gia tộc này, sẽ dẫn đến thù oán cho những gia tộc còn lại", nên ông bà khéo léo kéo dài thời gian trả lời.

Khi đoàn nữ ni theo Đức Thế Tôn du hành đến kinh thành Sāvathi (XáVệ), nhìn thấy những Tỳkhuu ni đang đi khát thực trong thành Sāvathi, Trưởng giả cha của nàng Uppalavaṇṇā như tìm thấy giải pháp tốt đẹp nhất.

Hơn nữa, gia đình Trưởng giả cũng là những gia chủ cận sự của Đức Thế Tôn, trưởng giả suy nghĩ: "Nếu Uppalavaṇṇā trở thành Tỳkhuu ni thì hôn sự sẽ không còn bàn đến. Như vậy, gia đình ta không phải chuốc "thù oán của ai", đồng thời cũng là duyên lành cho Uppalavaṇṇā".

Trưởng giả cho gọi nàng Uppalavaṇṇā đến, hỏi rằng:

- Nay con yêu quý, con có muốn xuất gia, sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn không?

Từ lâu, khi chứng kiến uy lực và được nghe pháp từ Đức Thế Tôn nhân dịp Ngài thọ lãnh Đại tự KỳViên, tâm nàng Uppalavaṇṇā hướng về đời sống ly gia.

Lại nữa, nàng đang ở vào kiếp cuối trở thành bậc Vô sinh bất tử, nàng không thích thú cuộc sống chật hẹp trong gia đình, tâm nàng có khuynh hướng xuất gia tìm cảnh giới giải thoát.

Nghe cha hỏi, nàng hân hoan có cảm giác mát lạnh như vừa được rưới trên đầu loại dầu tinh luyện hằng trăm lần nàng thưa rằng:

(1)- *Therīgāthā*, pp. 182; AA. i. 188

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp (tập 8).

(3)- ThagA. ii. 140; SA. ii. 142; AA. i. 98, 190; MA. ii. 889.

- Vâng, nếu cha mẹ đồng ý, cha mẹ hãy cho con được xuất gia sống đời sống không nhà trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

- Lành thay, lành thay, con sẽ được như ý muốn.

Trưởng giả đi đến nơi các Tỳkhuu ni đang trú ngụ trong liêu thất, tìm đến bà Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī. Sau khi đánh lễ Trưởng lão ni xong rồi, Trưởng giả thưa rằng:

-Thưa Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī, con gái của tôi là Uppalavaṇṇā muốn sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, Xin Trưởng lão ni từ miễn tế độ cho nàng Uppalavaṇṇā.

-Lành thay, lành thay, này gia chủ.

Được Trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī chấp thuận lời thỉnh cầu, Trưởng giả tổ chức lễ xuất gia cho nàng Uppalavaṇṇā thật trọng thể. Thế là nàng Uppalavaṇṇā được xuất gia thọ giới Học nữ, do bà Trưởng lão ni Gotamī (Kiều Đàm Di) là Tế độ sư.

Thời gian không lâu sau đó, đến phiên nàng Uppalavaṇṇā phải dọn dẹp sạch sẽ khu vực Sīmā (Si-Ma) và thắp đèn sáng bên ngoài Sīmā (Si-Ma) để làm lễ Bótát (uposatha).

Khi thắp sáng các ngọn đèn, nàng nhìn những ngọn lửa lung linh trước gió, tâm hoan hỷ nàng lấy đó làm đề mục, niệm tưởng “tejo, tejo: Lửa, lửa”⁽¹⁾, chứng đạt Thiền định, từ nền tảng thiền định, nàng chuyển sang tuệ quán, quán xét về ba tướng: Vô thường, khổ và vô ngã của các pháp, chứng đạt Thánh quả ALaHán Tuệ phân tích (Paṭisambhidāñāṇa) ngay tại chỗ ngồi.

Theo tập Apadāna (Thánh nhân ký sự), nàng Uppalavaṇṇā xuất gia chưa đầy nửa tháng đã chứng đạt Thánh quả ALaHán, như Kinh văn.

580. Agāraṃ pajahitvāna pabbajimā anagāriyam,
Aḍḍhamāse asampatte arahattamapāpuṇim.

“Sau khi từ bỏ gia đình, tôi đã xuất gia vào cuộc sống không gia đình, không đầy nửa tháng tôi đã đạt được quả vị ALaHán” (ĐĐ Indacanda d)⁽²⁾.

Do ước nguyện trong quá khứ, nàng có khuynh hướng nỗ lực tu tập thiền tịnh để thành đạt những năng lực thần thông đặc biệt là Thần túc thông, thay hình đổi dạng (*iddhivikubbana*).

**Thanh niên Ānanda bị dứt rút.*

Nàng Uppalavaṇṇā có một liêu thất riêng trong Andhavana (Rừng Mù)

Sau khi thọ thực vào bữa trưa xong, nàng Uppalavaṇṇā trở về liêu thất để thực hành thiền tịnh.

Một người anh cô cậu với nàng Uppalavaṇṇā là thanh niên Balamôn Ānanda (thường được gọi là Nandamānava (thanh niên Nanda) để phân biệt với những vị có tên là Ānanda khác). Thanh niên Nanda thầm yêu nàng Uppalavaṇṇā khi nàng còn sống đời sống tại gia.

Khi biết nàng Uppalavaṇṇā xuất gia, sống đời sống Samôn, thanh niên Nanda âm thầm theo dõi nàng Uppalavaṇṇā, khi biết được nàng sống nơi thanh vắng trong rừng Andha (Anh-Thá).

Nhân lúc nàng Uppalavaṇṇā đi khất thực, thanh niên Nanda lén vào liêu thất của nàng, trốn dưới gầm giường.

Khi nàng Uppalavaṇṇā trở về liêu thất riêng, từ gầm giường, thanh niên Ānanda chui ra, ôm chầm lấy nàng Uppalavaṇṇā, nàng Uppalavaṇṇā khiển trách và chống cự quyết liệt. Nhưng không thể chống lại sức mạnh cùng với dục vọng của thanh niên Ānanda, nàng liền an trú tâm vào thiền định đã chứng đắc.

(1)- Thật ra chữ *tejo* nghĩa là “nhiệt độ”, còn *aggi* mới là “lửa”. Để độc giả dễ nắm bắt, *tejo* chúng tôi tạm thoát nghĩ, gọi là “lửa” -Ns.

(2)-Ap.ii. Uppalavaṇṇāpādānaṃ (Ky sự Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā).

Sau khi thỏa mãn dục tính, thanh niên Nanda ra khỏi liêu thất của nàng Uppalavaṇṇā chạy trốn, nhưng với ác hạnh của y đã tạo, vừa khuất tầm mắt của nàng Uppalavaṇṇā, trái đất chịu đựng không nổi ác nghiệp của thanh niên Nanda, đất nứt ra rút thanh niên Nanda vào lòng đất, mệnh chung y tái sinh vào địa ngục Avīci (A-Tỳ).

Có câu hỏi rằng:

Hỏi. Vì sao nàng Uppalavaṇṇā không dùng thần thông để bay đi?

Đáp. Do quả của bất thiện nghiệp khi xưa, trong kiếp là nàng Ummadantī, nàng dùng nhan sắc của mình cố ý gây khổ cho Đức vua Sivi, do quả của việc làm này, nên nàng không thể thi triển thần thông được, đành phải an trú tâm vào Thiền tịnh, mặc cho thanh niên Nanda muốn làm chi thì làm.

Nàng Uppalavaṇṇā không muốn có hậu quả khắc nghiệt đến những người không hiểu biết, khi họ có ác ngữ với nàng (vì nàng đã chứng Thánh quả ALaHán) qua việc nàng bị thanh niên Nanda cưỡng bức, nàng mang câu chuyện trên trình lên các Tỳkhuu ni.

Các Tỳkhuu ni trình lên các vị Tỳkhuu, các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, vị Tỳkhuu ni không ưng thuận thì vô tội⁽¹⁾.

Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, rồi Ngài dạy rằng.

- Nay các Tỳkhuu, kẻ ngu thực hành ác, nghĩ là mật ngọt khi ác quả chưa chín muồi; khi ác quả chín muồi, kẻ ngu không thoát được, khi ấy mới thấy khổ.

Đức Thế Tôn dạy lên kệ ngôn.

69- Madhu'vā maññati bālo, yāva pāpaṃ na paccati;

Yadā ca paccati pāpaṃ, bālo dukkhaṃ nigacchati.

"Kẻ ngu nghĩ mật ngọt; khi ác chưa chín muồi.

Khi ác quả chín muồi; kẻ ngu không thoát khỏi khổ"⁽²⁾.

Dứt kệ ngôn, thính chúng nhiều người đạt Thánh quả Dự Lưu.

Nhân sự việc này, Đức Thế Tôn cho mời Đức vua Pasenadi (PaTưNặc) đến Đại tự Kỳ Viên, nói với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trong Giáo pháp của Như Lai các hàng danh gia vọng tộc xuất gia rất nhiều, các nữ Samôn thuộc hàng danh giá cũng nhiều. Khi các nữ Samôn của Như Lai cư ngụ trong rừng, có nhiều tai hại xảy ra từ những thanh niên ác quấy, đê hèn, làm hư hỏng đời sống phạm hạnh của các nữ ni ấy. Vậy nên có một Ni viện dành riêng cho các Tỳkhuu ni và nữ ni ở trong kinh thành.

- Lành thay, lành thay. Bạch Thế Tôn.

Đức vua Pasenadi cho kiến tạo Ni viện trong thành Sāvattthi (XáVệ) gần Đại tự Kỳ Viên, Ni viện có tên là Rājakārama (Tự viện của Vua)⁽³⁾. Từ đó các Tỳkhuu ni không còn trú ngụ trong rừng Andha nữa⁽⁴⁾

Vào thời điểm khác, các vị Tỳkhuu ngồi bàn luận cùng nhau trong Giảng Pháp đường, nhân đề cập đến việc "Tỳkhuu ni Uppalavaṇṇā bị cưỡng bức", bàn luận với nhau rằng:

- Nay chư Hiền, bậc "*không còn ô nhiễm* (khīṇāsava)" mà còn thọ dụng dục lạc; điều này có thật chăng?. Vì sao lại không được? Các Ngài không phải vô tri giác, không phải là cây cỏ, gò mối, đất, đá. Da thịt các Ngài vẫn còn tươi tốt, do vậy các Ngài vẫn còn thọ hưởng dục lạc.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, ngồi vào chỗ được soạn sẵn, hỏi rằng:

(1)- ĐĐ Indacanda (d). Luật Tỳkhuu I. Số 55.

(2)- Dhp. Câu số 69.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

(4)- Xem DhpA. Câu 69.

- Nay các Tỳkhuu, các người đang bàn luận về vấn đề gì? Vấn đề gì được khởi lên nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn vấn đề đang được bàn luận. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, bậc “*không còn ô nhiễm*”, hằng không thích dục lạc, không thích thọ hưởng dục lạc. Ví như nước không thể dính trên lá sen hay ví như hạt cải không thể dính trên đầu mũi kim; cũng vậy, cả hai loại: Mong dục lạc và hưởng thụ dục lạc không hề có trong tâm bậc “*không còn ô nhiễm*”.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

401- Vāri pokkharapatteva, āraggeriva sāsapo;

Yo na limpati kāmesu, tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.

“*Như nước trên lá sen; như hạt cải đầu kim.*”

“*Người không nhiễm ái dục; ta gọi Bàlamôn*” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

Dứt kệ ngôn, thính chúng nhiều vị chứng đạt Thánh quả Dự Lưu.

***Thần thông của nàng Uppalavaṇṇā**

Do ước nguyện: “Tối thắng về thần thông trong hàng Tỳkhuu ni”, đã giúp tâm của nàng Uppalavaṇṇā nỗ lực tu tập thiền tịnh với 10 đề mục Kasina (hoàn tịnh): Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng đỏ, trắng, ánh sáng và hư không, thành tựu được năng lực thần thông.

Vào cuối hạ thứ sáu, trước khi ngự lên cung Trời Tāvātimsa (ĐạoLợi) an cư mùa mưa lần thứ 7, đồng thời thuyết lên Tạng Thắng pháp (Abhidhamma) để tế độ Thiên tử Māyā (hậu thân của Hoàng hậu Māyā, người đã sinh ra Bồ tát Siddhattha), Đức Thế Tôn dùng Song thông lực để nhiếp phục ngoại giáo.

Khi Đức Thế Tôn ngự đến cây xoài Gaṇḍamba (Găng-Đăm-Bá) để chuẩn bị thi triển Song thông lực, nàng Uppalavaṇṇā xin Đức Thế Tôn cho mình được thi triển thần thông để nhiếp phục ngoại giáo.

- Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn cho phép con thi triển năng lực thần thông để nhiếp phục chúng ngoại giáo.

- Nay Uppalavaṇṇā, con làm thế nào?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ hóa thân thành vị vua Chuyển luân, có đầy đủ 7 báu cùng với hội chúng rộng 36 dotuần. Vua Chuyển Luân cùng hội chúng đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn trước sự chứng kiến của đại chúng.

- Nay Uppalavaṇṇā, Như Lai biết con thực hiện được điều con vừa nói. Nhưng đây không phải là phận sự của con⁽²⁾.

Vào thời điểm khác, trong tập “*Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgāthā)*”, có ghi nhận: “Nàng Uppalavaṇṇā thi triển năng lực thần thông với sự chấp thuận của Đức Thế Tôn”.

Nàng hóa ra vị vua ngồi trên xe do bốn ngựa Sindhu (Sin-Thú) kéo, cùng hội chúng của mình, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn trước sự chứng kiến của Đại chúng. Như kinh văn ghi nhận.

229- Iddhiyā abhinimmitvā, caturassaṃ rathaṃ ahaṃ;

Buddhassa pāde vanditvā, lokanāthassa tādino.

“*Do hiện hóa thần thông; ta đến xe bốn ngựa.*”

“*Ta đánh lễ chân Phật; Thế giới chủ quang minh*” (HT.TMC d)⁽³⁾.

Lại nữa, trong tập Apadāna (Thánh nhân ký sự) có ghi nhận năng lực thần thông do bà Uppalavaṇṇā đã thể hiện trước khi bà viên tịch⁽⁴⁾.

(1)- Dhpa. Câu 401.

(2)- Dhpa. Câu số 181.

(3)- Thig. Uppalavaṇṇātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā).

(4)- Xem Ap.ii. Uppalavaṇṇāpadānaṃ (Ký sự Uppalavaṇṇā).

**Nàng Uppalavaṇṇā với Luật Tạng.*

Có thời Đức Thế Tôn ngự trú nơi kinh thành Rājagaha (Vương xá) trong Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra).

Khi ấy Tỳkhuu ni Uppalavaṇṇā trú nơi kinh thành Sāvatti (XáVệ), vào buổi sáng nàng đi khát thực trong thành XáVệ, sau bữa ăn trưa, nàng Uppalavaṇṇā đi vào rừng Andha (Ăn-Thá) để nghỉ trưa. Nàng ngồi thiền tịnh nơi cội cây cổ thụ.

Có một bọn trộm, khi trộm được bò, chúng cùng nhau giết bò, cắt lấy thịt mang đi; chúng đi vào rừng Andha.

Tên trưởng nhóm nhìn thấy nàng Uppalavaṇṇā đang ngồi thiền tịnh nơi cội cổ thụ, suy nghĩ rằng:

- Nữ Samôn này rất xinh đẹp, nếu nhóm đàn em của ta trông thấy, chúng sẽ quấy rầy nữ Samôn này.

Tên trưởng nhóm liền rẽ sang hướng khác; rồi y lấy các miếng thịt ngon nhất trong phần thịt đã nấu chín, dùng lá buộc thành gói, treo lên một thân cây không xa nàng Uppalavaṇṇā, nói rằng: *"Samôn hoặc Bàlamôn nào thấy thịt thì hãy lấy thịt này"*, rồi bỏ đi.

Nàng Uppalavaṇṇā vừa xuất khỏi thiền tịnh, nghe được những lời này.

Nàng mang thịt ngon về Ni viện, sau khi qua đêm, nàng Uppalavaṇṇā sửa soạn phần thịt ấy, dùng thừng y gói phần thịt.

Theo đường hư không, nàng Uppalavaṇṇā đi đến Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đi vào làng khát thực, Đại đức Udāyi (Ú-Đa-Dí) ở lại trông coi Đại tự Trúc Lâm.

Nàng Uppalavaṇṇā đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đánh lễ Ngài Udāyi, đứng sang một bên bạch hỏi rằng:

- Thưa Ngài, Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?

- Nay Sư tỳ, Đức Thế Tôn đã đi vào làng để khát thực.

- Đây là phần thịt ngon nhất, nhờ Ngài dâng đến Đức Thế Tôn.

- Nay Sư tỳ, Đức Thế Tôn sẽ hài lòng với phần thịt này. Nếu Sư tỳ dâng tôi chiếc y nội, tôi sẽ hài lòng với chiếc y nội ấy.

- Thưa Ngài, với thân nữ nhân, chúng tôi rất khó khăn về lợi lộc. Đây là chiếc y thứ năm⁽¹⁾ của tôi. Tôi không thể cho Ngài được.

- Nay Sư tỳ, giống như người đã cho con voi thì nên biếu luôn sợi dây nài. Cũng vậy, Sư tỳ dâng Đức Thế Tôn phần thịt ngon này, Sư tỳ cũng nên cho tôi chiếc y nội.

Trước sự nài ép của Ngài Udāyi, nàng Uppalavaṇṇā đành phải cho Ngài Udaayi chiếc y nội. Rồi nàng theo đường hư không trở về Ni viện.

Các Tỳkhuu ni tiếp rước y bát của Tỳkhuu ni Uppalavaṇṇā, đã hỏi rằng:

- Thưa Sư tỳ, y nội của cô đâu rồi?

Nàng Uppalavaṇṇā thuật lại câu chuyện trên, các Tỳkhuu ni đã phàn nàn Ngài Udāyi.

Câu chuyện được trình lên Đức Thế Tôn, do nhân này Đức Thế Tôn chế định học giới: *"Vị Tỳkhuu nào nhận lãnh y từ tay Tỳkhuu ni không phải là thân quyến thì (y ấy) nên được xả bỏ và (vị ấy) phạm tội pācittiya (ưng đối trị)"*⁽²⁾.

Nàng Uppalavaṇṇā có một đệ tử là Tỳkhuu ni, từng theo Đức Thế Tôn 7 năm để học Luật, nhưng nàng có trí nhớ lộn xộn, càng học càng quên. Do nhân này, Đức Thế Tôn cho phép các Tỳkhuu dạy Luật đến Tỳkhuu ni⁽¹⁾.

(1)- Ngoài ba y như Tỳkhuu là: Y Tănggiälê (Saṅghati), y vai trái (uttasrasaṅgam), y nội (antaravāsakam), Tỳkhuu ni còn có thêm hai y là: Áo lót (saṃkacchikā) và vải choàng tắm (udakasāṭikā). Xin xem *Tiểu Phẩm - Cullavagga*, chương X.

(2)- ĐĐ Indacanda (d). Phân tích Giới Tỳkhuu II. Chương Nisaggiyapācittiya (Ưng xả đối trị). Phần y. Điều học thứ 5.

Chính nàng Uppalavaṇṇā truyền Tỳkhuu giới đến Hoàng hậu Anojā cùng 1.000 phu nhân là vợ của 1.000 vị đại thần của vua Mahākappina theo lệnh của Đức Thế Tôn⁽²⁾.

**Nàng Uppalavaṇṇā với Kinh Tạng.
Với Ác ma (Māra).*

Có lần nàng Uppalavaṇṇā sau khi dùng bữa trưa, nàng đi vào rừng Andha để thiền tịnh, nàng đứng nơi cội cây Sāla (Sa-Lá) đang trở hoa. Ác ma muốn làm cho nàng Uppalavaṇṇā kinh sợ, từ bỏ thiền tịnh, liền đi đến nàng Uppalavaṇṇā nói lên kệ ngôn.

Supupphitaggaṃ upagamma bhikkhuni,
Ekā tuvaṃ tiṭṭhasi sālamūle;

Na catthi te dutiyā vaṇṇadhātu,

Bāle na tvam bhāyasi dhuttakāna”nti.

“Này nàng Tỳkhuu ni; dưới gốc cây Tala.

Đang nở nụ trăm hoa; nàng đến đứng một mình.

Nhan sắc nàng tuyệt đẹp; không ai dám sánh bằng.

Tại đây, nàng đã đến; trong tư thế như vậy.

Nàng ngu dại kia ơi; không sợ cám dỗ sao?” (HT.TMC d).

Nghe tiếng nhưng không thấy người, nàng Uppalavaṇṇā suy nghĩ: “Ai đã nói kệ ngôn này? Người hay phi nhân?”.

Đưa trí quán xét, nàng biết: “Đây là Ác ma”. Nên trả lời bằng kệ ngôn.

Sataṃ sahaṣṣāni dhuttakānaṃ,

Idhāgatā tādisakā bhaveyyuṃ;

Lomaṃ na iñjāmi na santasāmi,

Na māra bhāyāmi tamekikāpi.

“Trăm ngàn người cám dỗ; có đến đây như người.

Mảy lông ta không động; ta không có gì sợ hãi.

Ác ma, ta không sợ; ta đứng đây một mình”.

Esā antaradhāyāmi, kucchiṃ vā pavisāmi te;

Pakhumantarikāyampi, tiṭṭhantiṃ maṃ na dakkhasi.

Cittasmiṃ vasībhūtāmi, iddhipādā subhāvitā;

Sabbabandhanamuttāmi, na taṃ bhāyāmi āvuso”ti.

“Ta có thể biến mất; hay vào bụng các người.

Ta đứng giữa hàng mi; người không thấy ta được.

Với tâm khéo nhiếp phục; thần túc khéo tu trì.

Ta thoát mọi trói buộc; ta đâu có sợ người.

Này hiền giả Ác ma”.

Ác ma biết: “Tỳkhuu ni Uppalavaṇṇā đã biết ta”, nên buồn khổ, thất vọng liền biến mất tại chỗ⁽³⁾.

Được ban địa vị tối thắng về thần thông.

Vào thời điểm thích hợp, nơi Giảng Pháp đường trong Đại tự KỳViên, giữa hàng tứ chúng, Đức Thế Tôn dạy:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ iddhimantīnaṃ yadidaṃ uppalavaṇṇā:

“Này các Tỳkhuu, trong hàng Tỳkhuu ni đệ tử của Như Lai, tối thắng về thần thông là Uppalavaṇṇā”⁽⁴⁾.

Là tấmgương cho các Tỳkhuu ni.

Đức Thế Tôn có dạy rằng:

(1)- Vin.ii. Tiểu phẩm ii. 261.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8). Hoàng hậu Anojā.

(3)- S.i. 131. Uppalavaṇṇāsuttaṃ.

(4)- A.i. 24.

Saddhā, bhikkhave, bhikkhunī evaṃ sammā āyācamānā āyāceyya – ‘tādisī homi yādisī khemā ca bhikkhunī uppalavaṇṇā cā’ti. Esā, bhikkhave, tulā etaṃ pamāṇaṃ mama sāvikaṇaṃ bhikkhunīnaṃ yadidaṃ khemā ca bhikkhunī uppalavaṇṇā cā’ti.

“Ngày các Tỳkhuu, Tỳkhuu ni có niềm tin, nếu mong ước chân chánh, sẽ mong ước như sau: “Mong rằng ta sẽ như Tỳkhuu ni Khemā (Khê-Ma) và Uppalavaṇṇā. Ngày các Tỳkhuu, đây là cán cân, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỳkhuu ni của Ta, tức là Khemā và Uppalavaṇṇā”⁽¹⁾.

Trong tập “*Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgāthā)*”, có ghi lại 11 kệ ngôn của bà Uppalavaṇṇā, gồm có bốn phần.

**Phần 1.* Ba kệ ngôn đầu, bà nói lên nỗi đau khổ của một Tỳkhuu ni: Mẹ và con gái cùng lấy chung chồng, người đó lại là con ruột của mình, là anh trai (một mẹ khác cha) của con gái mình.

Người chồng ấy sau này trở thành Trưởng lão Gaṅgātīriya (Găng-Ga-Ti-Rí-Dá).

Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā nói lên ba kệ ngôn này để chiêm nghiệm nỗi đau luân hồi (có ai muốn như thế đâu, nhưng nghiệp luân hồi dẫn dắt khiến chúng sinh rơi vào đau khổ) và kinh sợ, nhằm chán ái dục.

224- Ubho mātā ca dhītā ca, mayam āsuṃ sapattiyo;

Tassā me ahu saṃvego, abbhuto lomahaṃsano.

Hai, mẹ và con gái; chúng tôi sống một chồng.

Lời nàng đã nói lên; làm ta xúc động mạnh.

Cảnh ngộ thật hy hữu; làm tóc lông dựng ngược”.

225- Dhiratthu kāmā asucī, duggandhā bahukaṇṭakā;

Yattha mātā ca dhītā ca, sabhariyā mayam ahuṃ.

“Đáng ngán thay các dục; bất tịnh, hôi, nhiều gai.

Ở đây, mẹ, con gái; chúng tôi lấy một chồng”.

226- Kāmesvādīnavam disvā, nekkhammaṃ daṭṭhu khemato;

Sā pabbajjīṃ rājagahe, agārasmānagāriyam.

“Thấy nguy hiểm trong dục; viễn ly an ổn vững.

Nàng xuất gia Vương Xá; bỏ nhà, sống không nhà”.

**Phần 2.* Hai kệ ngôn kế, nói lên sự hân hoan của bà khi thành đạt những pháp thượng nhân lỗi lạc.

227- Pubbenivāsaṃ jānāmi, dibbacakkuṃ visodhitam;

Cetopariccañāṇaṅca, sotadhātu visodhitā.

Ta biết các đời trước; thiên nhãn được thanh tịnh.

Trí biết được tâm người; nhĩ giới được trong sạch.

228- Iddhīpi me sacchikatā, patto me āsavakkhayo;

Chalābhiññā sacchikatā, kataṃ buddhassa sāsaṇam.

“Ta chứng được thần thông; lậu tận ta đạt được.

Ta chứng sáu thắng trí; lời Phật dạy, làm xong”.

**Phần 3.* Một kệ ngôn nói lên “sự thi triển thần thông lực” của bà, với sự cho phép của Đức Thế Tôn.

229- Iddhiyā abhinimmitvā, caturassaṃ ratham aham;

Buddhassa pāde vanditvā, lokanāthassa tādino.

“Do hiện hóa thần thông; ta đến xe bốn ngựa.

Ta đảnh lễ chân Phật; thế giới chủ, quang vinh”.

**Phần 4.* Năm kệ ngôn cuối nói lên “khiển trách” và chiến thắng Ác ma của bà, khi bà đứng một mình nơi cội cây Sāla trở hoa (phần này trong tập Tương Ung kinh có ghi chép).

(1)- A.i. 88.

230- Supupphitaggaṃ upagamma pādapamaṃ, ekā tuvaṃ tiṭṭhasi sālāmūle ;
Na cāpi te dutiyo atthi koci, na tvamaṃ bāle bhāyasi dhuttakānaṃ.

Ác ma.

"Nàng đi đến gốc cây; đang nở hoa tuyết đẹp.

Nàng đến, đứng một mình; dưới gốc cây có hoa!

Nàng đến chỉ một mình; này kẻ đại khờ kia.

Sao nàng lại không sợ; có kẻ căm dỗ nàng!"

231- Satamaṃ sahaṣṣānīpi dhuttakānaṃ, samāgatā edisakā bhaveyyuṃ;

Lomaṃ na iñje napi sampavedhe, kiṃ me tuvaṃ māra karissaseko.

Nàng.

"Trăm ngàn người căm dỗ, có đến đây như người.

Mảy lông ta không động; ta không gì hoảng hốt.

Ác ma, làm gì ta; khi người đến một mình".

232- Esā antaradhāyāmi, kucchiṃ vā pavisāmi te;

Bhamukantare tiṭṭhāmi, tiṭṭhantiṃ maṃ na dakkhasi.

"Ta có thể biến mất; hay vào bụng nhà người.

Ta đứng giữa hàng mi; người không thấy ta đứng".

233- Cittamhi vasībhūtāhaṃ, iddhipādā subhāvitā;

Chaḷabhiññā sacchikatā, kataṃ buddhassa sāsaṇaṃ.

"Vớ tâm khéo nhiếp phục; thần túc khéo tu trì.

Sáu thắng trí, ta chứng; lời Phật dạy, làm xong".

234- Sattisūlūpamā kāmā, khandhāsaṃ adhikuṭṭanā;

Yaṃ tuvaṃ 'kāmaratiṃ' brūsi, 'aratī' dāni sā mama.

"Các dục giống gương giáo; chém nát các uẩn ta.

Những dục mà người gọi; là lạc thú cuộc đời.

Ngày nay, dục lạc ấy; vớ ta, không hấp dẫn".

235- Sabbattha vihatā nandī, tamokhandho padālito;

Evamaṃ jānāhi pāpima, nihato tvamasi antakā"ti.

"Ở tất cả mọi nơi; hãy lạc được đoạn tận.

Khối tối tăm mù ám; đã bị làm tan nát.

Hỡi này kẻ Ác ma; người hãy biết như vậy.

Người chính là Ác ma; người đã bị bại trận" (HT.TMC d)⁽¹⁾.

Phụ lục.

Trưởng lão Gaṅgātīriya.

Tóm lược câu chuyện.

Nơi thành Sāvatti (XáVệ) có một Trưởng giả lớn tuổi là thương gia, Trưởng giả thường mang hàng hóa đến những vùng biên địa để buôn bán, đồng thời mang hàng hóa từ vùng biên địa trở về kinh thành VươngXá để bán. Một chuyến đi buôn của Trưởng giả thường kéo dài, có khi cả năm.

Trưởng giả có người vợ trẻ đẹp, một lần đi buôn ở xa, hành trình ước tính là cả năm mới trở về.

Một đêm nọ, Trưởng giả nhớ người vợ trẻ, khi ấy nàng cũng đang tưởng nhớ đến chồng. Một thiên nhân nơi nhà trọ của Trưởng giả thương tình, dùng thần lực mang nàng vợ trẻ đến cho Trưởng giả, sau đó mang nàng trở về kinh thành Sāvatti (XáVệ) như trước.

Trong đêm hội ngộ với chồng, nàng mang thai, khi thai bào phát triển, mẹ của Trưởng giả cho rằng "nàng đã ngoại tình", vì chồng ở xa thì làm sao nàng mang thai được, nên đuổi nàng ra khỏi nhà.

⁽¹⁾ Thig. Uppalavaṇṇātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā).

Trên đường đi tìm chồng để mình oan cho mình, nàng sinh ra một bé trai nơi phòng trọ của khách lữ hành

Một hôm, nàng ẵm con ra bờ sông tắm, đặt con nơi bóng mát của cội cây rồi xuống sông tắm, một gã buôn trẻ con đi ngang nhìn thấy đứa bé, y liền ẵm đứa bé đi mất.

Nàng mất con, vừa khóc đi lang thang khắp nơi trong rừng để tìm con. Trong rừng có một nhóm cướp đang trú ẩn, tên chúa đảng cướp thấy nàng xinh đẹp nên bắt về làm vợ.

Thời gian sau, nàng sinh ra một bé gái, tên chúa đảng rất thương yêu con gái mình.

Khi con nàng được ba tuổi, trong một cuộc cự cãi với tên tướng cướp, nàng vô ý làm rơi đứa bé gái khiến nó bị thương nơi đầu, máu tuôn ra rất nhiều.

Kinh sợ tên tướng cướp sẽ giết nàng, nàng bỏ chạy trốn; tên cướp chăm sóc đứa con gái nên chẳng quan tâm đến nàng.

Nàng lần dò ra khỏi rừng, rồi trở về kinh thành VươngXá, hành nghề kỹ nữ để sinh sống.

Nói về tên buôn trẻ con, y mang những đứa trẻ bắt cóc được đến thành Sāvatti để bán. Người Trưởng giả sau chuyến buôn xa trở về nhà, hiểu ra sự việc, cho người đi khắp nơi để tìm vợ con.

Có lần đi ngang qua chỗ tên buôn trẻ con, nhìn thấy một bé trai, Trưởng giả phát sinh tình cảm triu mến, có cảm giác là "con trai của mình", ông mua đứa bé trai về làm con (vì Trưởng giả không có con), ông đặt tên hài tử là Datta (Đát-Tá; đã được cho).

Khi Trưởng giả mệnh chung, Datta thừa hưởng tài sản của cha để lại, trở thành Trưởng giả nơi kinh thành XáVệ.

Có lần Trưởng giả Datta mang hàng hóa đến kinh thành VươngXá để bán, tình cờ gặp "người mẹ" (nhưng Trưởng giả Datta không biết nàng là mẹ ruột của mình), Trưởng giả phát sinh tình thương mến đặc biệt, liền cưới "mẹ mình" về làm thiếp.

Về sau, nhóm cướp trú ẩn trong rừng bị quan quân tảo trừ, chúng bỏ chạy để lẫn tránh, cô con gái cũng trốn chạy, ra khỏi rừng nàng lần dò đi đến kinh thành Sāvatti (XáVệ), làm công cho một gia tộc.

Có lần, Trưởng giả Datta đi tắm sông, nhìn thấy nàng làm công đang đi lấy nước sông về cho chủ, Trưởng giả cảm thấy yêu mến nàng và đã cưới nàng về làm thiếp.

Như vậy, hai mẹ con cùng lấy chung một chồng, một hôm người mẹ tình cờ thấy được vết sẹo trên đầu của người con, hỏi ra mới biết được "đây là người con gái ruột của mình với tên tướng cướp".

Về sau, Trưởng giả Datta phát giác ra "người thiếp lớn là mẹ ruột của mình, người thiếp kế lại là em gái cùng mẹ khác cha của mình".

Cả ba người cùng cảm thấy đau khổ tột cùng, người mẹ cùng người con gái bỏ nhà ra đi xuất gia. Riêng Trưởng giả Datta rất đau khổ, từ bỏ sản nghiệp xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Do mắc cảm phạm lỗi nghiêm trọng, nên Ngài ra nơi bờ sông Hằng thanh vắng, cất một thảo lư bằng lá thốt nốt để trú ngụ, chiếc bát Ngài dùng là chiếc ghè dùng để đựng sữa của người chết, y của Ngài là loại vải dùng để quấn thi hài người chết, hay vải được quăng bỏ nơi đồng rác. Do vậy, Ngài được gọi là Gaṅgātīriya (Găng-Ga-Ti-Rí-Dá: "*Người ở trên bờ sông Hằng*"); và Ngài nguyện "giữ im lặng" (tịnh khẩu).

Trọn một năm người ta không thấy Ngài nói một lời, thậm chí khi Ngài đi khất thực, các cận sự hỏi bất cứ điều gì, Ngài vẫn im lặng không trả lời.

Ngài luôn suy gẫm về nghiệp quả luân hồi, cùng với nỗi thông khổ phát sinh từ chúng.

Sang năm thứ hai, một nữ cận sự muốn thử xem Ngài có biết nói hay không; khi Ngài đi khất thực đứng trước nhà, người nữ cận sự này cúng dường sữa, bà đổ sữa đầy bát tràn ra ngoài, Ngài nói rằng: "Này chị, thôi vừa đủ rồi".

Sang năm thứ ba, Ngài chứng Thánh quả A-La-Hán.
Vào thời Đức Thế Tôn Padumuttara, tiền thân Ngài Gaṅgātīriya là một gia chủ, có cúng dường nước uống đến các vị Tỳkhuu⁽¹⁾.

Trong tập *Kệ ngôn Trưởng lão Tăng* (Theragāthā) có ghi nhận hai kệ ngôn của Ngài Gaṅgātīriya.

127- Tiṇṇaṃ me tālapattānaṃ, gaṅgātīre kuṭi katā;

Chavasittova me patto, paṃsukūlañca cīvaraṃ.

“Trên bờ sông Hằng Hà; dùng ba lá thốt nốt.

Ta dựng lên cho ta; một chòi lá cho mình.

Bát ta là cái ghè; dùng cúng sửa người chết.

Còn y áo của ta; lượm chắp từ đồng rác”.

128- Dvinnaṃ antaravassānaṃ, ekā vācā me bhāsita;

Tatiye antaravassamhi, tamokhandho padālito”ti.

Suốt hai năm sống vậy; ta chỉ nói một lời.

Trong khoảng năm thứ ba; khối si ám tan tàn” (HT.TMC d)⁽²⁾.

Ngài Gaṅgātīriya có thể là Ngài Udakāyaka (Ú-Đá-Ká-Đa-Dá-Ká) được đề cập trong tập Apadāna (Thánh nhân Ký sự)⁽³⁾.

***Những Bốn sự liên hệ đến bà Uppalavaṇṇā.**

Tiền thân bà Uppalavaṇṇā thường được đề cập trong các Bốn sự sau.

Bốn sự Kharādiya (Khá-Ra-Đí-Dá).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là nai cái, chị của nai chúa đàn (tiền thân của Đức Phật).

Duyên sự.

Khi Đức Thế Tôn ngụ trú nơi Thành XáVệ (Sāvatti), nơi Đại tự Kỳ Viên của Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Bấy giờ, nơi Đại tự có một Tỳkhuu là người khó bảo, vị ấy ngang bướng bỏ ngoài tai những lời khuyến giáo của các bậc đồng Phạm hạnh.

Các Tỳkhuu ngồi bàn luận về đề tài này nơi Giảng Pháp đường, Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, Ngài ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, hỏi các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các người đang bàn luận về đề tài gì? Vấn đề gì được khởi lên nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về đề tài đang được bàn luận. Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Tỳkhuu, có thật người là người khó dạy bảo, không nghe lời khuyến giáo của các vị Tỳkhuu khác?

- Bạch Thế Tôn, có thật như thế.

- Nay Tỳkhuu, thuở xưa cũng vì người khó dạy bảo, không nghe lời dạy của bậc hiền trí nên người đã bị sụp bầy và mạng vong.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nêu lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahamadatta (Brām-Má-Đát-Tá) trị vì ở kinh thành Bārāṇasī (Ba-La-Nại).

Bấy giờ Bòtát là nai chúa, sống vờn đàn nai vây quanh. Một nai cái là chị nai chúa mang nai con của mình, đến nói với nai chúa rằng:

- Nay em, đây là cháu của em ; em hãy dạy cho nó biết “sự không ngoan của loài nai”.

Nai chúa nói với nai cháu rằng:

- Nay cháu, hãy đến đây học tập vào giờ này.

(1)- ThagA. i. 248.

(2)- Thag. 127-128. Gaṅgātīriyattheragaathā (Kệ ngôn Trưởng lão Gaṅgātīriya).

(3)- Ap.ii. 437.

Nhưng nai cháu khó dạy bảo, không đến học “sự khôn ngoan của loài nai” theo giờ được qui định, nó bỏ trốn một ngày, rồi hai ngày, cho đến ngày thứ bảy cũng vậy.

Nai chị đến hỏi nai chúa.

- Nay em, cháu em học tập ra sao ?

- Nay chị, nó thật khó dạy bảo ; cả bảy ngày qua nó không đến học tập “sự khôn ngoan” của loài nai. Tôi không dạy nó nữa.

Nai chúa nói lên kệ ngôn.

Aṭṭhakkhuraṃ kharādiye, migamaṃ vaṅkātivāṅkinamaṃ;

Sattahi kālātikkantaṃ, na namaṃ ovaditussahe”ti.

“Khi nai có tám móng; với sừng chĩa nhiều nhánh.

Lại có bảy mưu chước; để tự cứu lấy mình.

Ta không dạy nó nữa; hỏi nai Kha-Ra-Đi-Dá” (B. Trần Phương Lan d).

Nai Kharādiya đi lang thang trong rừng, vì không học tập nên không biết bẫy rập của người thợ săn, nó rơi xuống bẫy rập, bị người thợ săn giết chết.

Nhận diện bốn sự.

Nai cháu nay là vị Tỳkhuu khó dạy bảo; nai chị nay là Tỳkhuu ni Uppalavaṇṇā; nai chúa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Tipallatthamiga (con nai có ba cử chỉ).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là nai cái, em của nai chúa (tiền thân Đức Phật) và là mẹ của nai con (tiền thân Ngài Rāhula)⁽²⁾.

Bốn sự Kaṇhā (Con bò đen).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là “bà lão, mẹ nuôi của bò chúa Ayyakāḷaka).

Duyên sự.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ nơi Đại tự KỳViên. Nhân các Tỳkhuu bàn luận về Song thông lược mà Đức Thế Tôn đã thi triển để nhiếp phục các ngoại giáo, việc làm của Ngài không ai có thể làm được.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, việc làm của Đấng Như Lai không ai có thể thay thế nổi, không ai có thể làm được. Điều này không có gì lạ khi Như Lai đã trở thành Bạc Chánh Giác.

Thuở xưa, khi ta còn là súc sinh, việc làm của ta cũng không ai có thể làm nổi rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Ngài nêu lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại).

Gần khu rừng có một bà lão nghèo khổ, sống ven khu rừng. Một người lái bò, đem bò đến kinh thành BaLaNại bán, lỡ đường tìm đến xin bà lão cho ngụ qua đêm, nơi người lái buôn cho đàn bò của mình trú ngụ gần ngôi nhà của bà lão. Trong đêm, con bò cái trong đàn sinh ra con bò nhỏ; người chủ đàn bò cùng bà lão săn sóc con nghé vừa sinh ra. Bà lão cảm thấy thương mến con nghé này, khi người lái thương trả tiền trọ qua đêm, bà nói.

- Tôi sống gần khu rừng vắng này, tiền đối với tôi cũng không có ích lợi gì, vì chẳng có mua bán chi ở nơi đây. Ở đây rất vắng vẻ, ông hãy cho tôi con nghé vừa sinh ra trong đêm thay cho số tiền này, nó sẽ ở đây với tôi. Có nó, tôi cảm thấy đỡ hiu quạnh.

Người chủ bò đồng ý. Bà lão nuôi dưỡng con nghé, xem như là đứa con của mình, cho bò ăn cỏ cháo mà mình có được. Con nghé dần lớn lên, nó có bộ lông đen mượt, nên được gọi là: Ayya-kāḷaka, nghĩa là “con bò đen của bà lão”.

(1)- JA. Kharādiyajāta (Bốn sự Kharādiya); chuyện số 15.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 12).

Khi con bò đen trưởng thành, nó trở thành bò đầu đàn của nhóm bò trong làng ven khu rừng ấy. Trẻ con trong làng thường cưỡi lên lưng và nô đùa với con bò đen.

Một hôm con bò đen suy nghĩ: “Mẹ ta sống khổ cực, xem ta như con của mình, nuôi dưỡng ta rất khó khăn. Ta nên tìm cơ hội giúp mẹ ta thoát ra sự sống khó nhọc này”.

Từ hôm đó trở đi, con bò đen tìm cơ hội kiếm tiền để giúp cho mẹ.

Một hôm, có người lái buôn với 500 cỗ xe bò mang hàng hóa đến ngôi làng ven bờ rừng, ngôi làng có con suối, nhóm mục đồng thường mang bò đến uống nước và nô đùa cùng nhau. Trong đêm, một cơn mưa lớn đã trút xuống, khiến con suối nước dâng cao và chảy xiết, trở thành con suối lớn như con sông nhỏ nhưng cạn.

Người lái buôn cùng với 500 cỗ xe hàng hóa đi đến con suối ấy, các con bò của người lái buôn không thể kéo những cỗ xe vượt qua con suối đang chảy xiết, tuy người lái buôn đã cột những cỗ xe vào với nhau để chống lại sức mạnh của dòng nước chảy xiết. Những con bò cùng với 500 cỗ xe tuy không bị nước cuốn trôi, nhưng không thể nhúc nhích được.

Khi ấy nhóm mục đồng cùng những con bò đi đến suối để uống nước. Người thương buôn là người rất thiện xảo trong việc xem tướng bò, để giám định giá trị con bò, nhìn thấy con bò đen, người lái buôn biết “đây là loại bò chúa, có sức mạnh, nó có thể kéo 500 cỗ xe này qua dòng suối đang chảy xiết”. Người lái buôn hỏi những trẻ mục đồng:

- Ai là chủ của con bò đen này? Nếu nó kéo được 500 cỗ xe hàng của ta qua dòng suối, ta sẽ trả công cho nó.

- Chủ của con bò đen này là bà lão ở ven rừng. Ở đây không ai là chủ của nó cả.

Nghe vậy, người thương buôn mang cỗ xe vào cổ con bò đen, ra hiệu cho bò đen kéo cỗ xe. Nhưng con bò đen vẫn đứng yên không nhúc nhích.

Theo truyền thuyết “là loại bò chúa, nếu chưa được định đúng giá thì nó sẽ không đi”. Hiểu ý bò chúa, người lái buôn nói.

- Đây bò chúa, nếu người kéo 500 cỗ xe của ta qua được dòng suối này, mỗi cỗ xe ta sẽ trả người hai đồng vàng.

Khi ấy con bò đen rống lên, tỏ ý bằng lòng.

Người lái buôn cột một cỗ xe hàng hóa vào ách bò, bò đen kéo cỗ xe đầy hàng hóa qua bên kia dòng suối dễ dàng, lần lượt 500 cỗ xe hàng hóa được bò đen kéo sang bên kia dòng suối.

Người lái buôn cột vào cổ bò túi tiền 500 đồng vàng, nói rằng: “Đây bò chúa, đây là tiền công của người”.

Bò chúa suy nghĩ: Người này không trả tiền công cho ta đúng theo lời hứa. Ta sẽ không cho nó đi”. Bò chúa rống lên tỏ ý không hài lòng, đi đến đứng trước cỗ xe đầu đàn; những con bò trong đàn không con nào dám kéo cỗ xe hàng hóa đi qua, cho dù người chủ đánh roi vào người chúng, ra lệnh chúng kéo cỗ xe.

Người lái thương thấy bò chúa đứng cản trước đầu xe, y suy nghĩ: “Có lẽ nó biết ta trả công không đủ, nên không cho đoàn xe của ta đi qua. Nó có sức mạnh rất lớn, không khéo nó sẽ phá tan 500 cỗ xe hàng hóa này”.

Người lái buôn lấy thêm 500 đồng vàng, bỏ vào bọc, mang đến treo vào cổ bò, nói: “Tiền công của người ta đã trả đủ, người hãy cho đoàn xe hàng hóa của ta đi qua”.

Khi ấy, bò chúa mới chịu trở lại, sang bên kia suối, mang tiền về nhà cho mẹ, trẻ mục đồng thấy trên cổ bò đen có hai túi tiền, chạy đến để lấy, nhưng bò đen không cho chúng đến gần, nó chạy nhanh về nhà.

Vì kéo 500 cỗ xe hàng hóa, lại phải chạy nhanh về nhà, nên bò chúa rất mệt mỏi, hai mắt nó đỏ ngầu lên. Bà lão thấy bò đen mang hai túi ở cổ, mở ra thấy tiền vàng, bà hỏi:

- Đây con thân, tiền này con lấy được từ đâu?

Những trẻ mục đồng cũng vừa chạy đến nhà bà lão, chúng tường thuật lại câu chuyện, nghe xong bà lão xúc động rằng:

- Nay con thân, ta đâu có muốn sống nhờ tiền của con. Sao con lại khổ nhọc như thế.

Bà lão dùng nước nóng tắm cho bò, cho bò uống nước mát để mau hồi sức, cho bò ăn những vật thực thích hợp. Từ đó bà cùng bò chúa sống nơi ven khu rừng ấy cho đến khi mạng chung, cả hai đi theo nghiệp riêng của mình.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, chẳng phải hôm nay việc làm của Như Lai không ai có thể làm nổi, thuở quá khứ cũng đã từng như vậy rồi.

Rồi Bạc Đạo sư nói lên kệ ngôn.

29- Yato yato garu dhuraṃ, yato gambhīravattanī;

Tadāssu kaṇhaṃ yuñjanti, svāssu taṃ vahate dhuranti.

"Với gánh nặng phải mang; với khúc sông phải qua

Chúng cột con bò đen; bò đi kéo gánh nặng" (B. Trần Phương Lan d).

Nhận diện bốn sự.

Bà lão nay là bà Uppalavaṇṇā, bò chúa đen nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Mudulakkhaṇa (Nhu tưóng).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là Hoàng hậu Mukhalakkhaṇā (Nhu Tưóng).

Duyên khởi.

Trong thành Sāvattthi có một thiện gia nam tử, ngher được Pháp từ Đức Thế Tôn. thiện gia tử này khởi tâm muốn sống đời sống xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Được cha mẹ đồng ý, vị ấy xuất gia trở thành vị Tỳkhuu trong Giáo đoàn; sau khi xuất gia vị Tỳkhuu này chuyên tâm tu tập thiền quán.

Một hôm, vị Tỳkhuu đi khát thực trong thành Sāvattthi (XáVệ), trông thấy một nữ nhân có nhan sắc xinh đẹp, nữ nhân vận y phục lộng lẫy như Thiên nữ cõi Ba mươi Ba (Tāvatisa). Dục tham từ vùng "ngũ ngầm (anusaya)" chợt trỗi dậy trong tâm vị Tỳkhuu ấy, tâm tu tập ngã gục chẳng khác chi cây thốt nốt bị búa rìu đốn ngã.

Từ khi bị dục tham chi phối, vị Tỳkhuu không còn thấy hứng thú trong đời sống Phạm hạnh, tâm tư luôn bị bóng hình nữ nhân ám ảnh, vị ấy chẳng buồn cắt tóc rêu, nhìn vị Tỳkhuu chẳng khác gì con thú rừng với râu tóc cùng với móng tay, móng chân mọc dài, y phục chẳng buồn giặt giũ, thân chẳng buồn tắm rửa, trở nên hôi hám.

Nhì thấy hiện trạng của vị ấy, các Tỳkhuu đồng phạm hạnh hỏi:

- Nay Hiền giả, vì sao hiện trạng Hiền giả thay đổi, tâm tư Hiền giả không còn hưng phấn như trước?

Vị Tỳkhuu ấy tỏ bày tâm sự mình với các bậc Đồng Phạm hạnh, nghe vậy các vị Tỳkhuu bạn khuyên rằng: "Nay Hiền giả, lạc thú ở đời vui ít khổ nhiều. Hiền giả hay vui thích với đời sống Phạm hạnh đi".

- Nay các Hiền giả, nay tôi chẳng còn ham thích đời sống Phạm hạnh nữa, tôi muốn trở về với đời sống thế tục.

Thấy vị Tỳkhuu cương quyết muốn trở về với đời sống thế tục, các vị Tỳkhuu bạn đưa vị Tỳkhuu bị cảm nhiễm đến trước Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, có chuyện gì thế?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về sự cảm nhiễm của vị Tỳkhuu ấy, Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Tỳkhuu, có thật như thế chăng?

- Có thật như thế, bạch Thế Tôn.

(1)- JA. Kaṇhajātaka (Bốn sự Con bò đen). Chuyện số 29.

- Nay Tỳkhuu, vì sao người thối giảm tinh cần trong việc thực hành Pháp Giải thoát như thế?

- Bạch Thế Tôn, khi con đi khát thực trong thành Sāvattthi (XáVệ), nhìn thấy một nữ nhân nhan sắc xinh đẹp với trang phục lộng lẫy, con bị cảm dục sinh lên khiến tâm con không còn thấy phấn khởi khi thực hành Phạm hạnh.

- Nay Tỳkhuu, việc ấy chẳng có gì lạ, "sắc nữ nhân thường xâm chiếm, chế ngự tâm người nam". Ngay cả bậc hiền trí thuở xưa, tuy đã chứng đắc "tám thiền chứng cùng năm thắng trí", tâm được thanh tịnh, đôi chân đi vào hư không.

Nhưng rồi "sắc nữ nhân" đã quật ngã vị ấy, khiến "tám thiền lực cùng năm thắng trí bị tiêu hoại", vinh quang tột đỉnh bị sụp đổ; ví như trận cuồng phong cực mạnh có thể làm sụp đổ núi chúa Sineru (TuDi), thì có sá gì những ngọn đồi nhỏ. Ví như ngọn gió mạnh có thể thổi cạn nước dòng sông lớn, thì sá gì chút ít nước nhỏ nhoi trong cái ao làng.

Năng lực tham dục có khả năng quật ngã bậc Hiền trí thuở xưa như thế, thì chẳng có gì lạ khi người bị cảm dục chi phối và điều sử người.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nêu lên câu chuyện quá khứ.

Bốn sự.

Thuở xưa, khi Đức vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại), Bòtát tái sinh vào một gia tộc Balamôn trưởng giả, có đại tài sản. Trưởng thành, Ngài thông thạo ba Tạng kinh điển Veda (VệĐà); khi cha mẹ qua đời, Bòtát bố thí hết gia sản, Ngài đi vào rừng Tuyết trong dãy HymāLạoSơn, xuất gia làm ẩn sĩ, thành tựu được "tám thiền chứng cùng năm thắng trí". Ngài sống an lạc nơi núi rừng thanh vắng.

Một hôm, Bòtát đi đến kinh thành Bārāṇasī để tìm muối dấm, Ngài trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển của Đức vua xứ Kāśi (Ka-Sí).

Hôm sau, sau khi tắm rửa sạch sẽ, Ngài xếp lại tọa cụ, khoác lên mình chiếc y vỏ cây, đắp bên ngoài là tấm áo làm bằng da con Sơn dương màu đen, Ngài đi vào kinh thành Bārāṇasī để khát thực.

Bòtát đi ngang qua cổng Hoàng cung, bấy giờ Đức vua đang đứng trên lầu cao nhìn xuống đường, thấy Bòtát với phong thái uy nghi, nước da trong sáng, các môn quyền được gìn giữ nghiêm trang, Đức vua phát sinh tâm cảm phục phong cách vị Ẩn sĩ, cho với Bòtát đến Hoàng cung.

Vị ẩn sĩ ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, là một Bảo tọa sang trọng, lộng lẫy, Đức vua cúng dường vật thực thượng vị dành riêng cho mình đến Ẩn sĩ, sau khi thọ thực xong, Bòtát chúc phúc an lành đến Đức vua cùng Hoàng tộc.

Đức vua thỉnh Ẩn sĩ trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển.

Suốt 16 năm dài, Ẩn sĩ trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển, hằng ngày Ngài đến Hoàng cung để thọ thực, chúc phúc lành và giảng pháp đến Hoàng tộc.

Bấy giờ, nơi biên cương có giặc loạn, Đức vua thân chinh ra chiến trận để tảo trừ quân phiến loạn, trước khi lên đường ra chiến trận, Đức vua ủy thác cho Hoàng hậu Mudulakkhaṇā (Nhu Tưống) việc cúng dường vật thực cùng những vật cần thiết đến Ẩn sĩ.

Và Bòtát hằng ngày vẫn đến Hoàng cung thọ thực do Hoàng hậu Mudulakkhaṇā (Mú-Đú-Lắc-Khá-Na) cúng dường.

Một hôm, sau khi chuẩn bị vật thực cúng dường đến Ẩn sĩ đã hoàn tất, nhưng vì Bòtát đến muộn. Hoàng hậu đi vào phòng, tắm rửa sạch sẽ với nước hoa thơm ngát, rồi Hoàng hậu lên sân thượng để phơi khô mình trong nắng, nàng nằm trên chiếc ghế dài bằng ngọc, đắp lên người chiếc lụa mỏng.

Khi xuất khỏi Thiền tịnh, Bòtát thấy trễ giờ, Ngài theo đường hư không đi đến Hoàng cung thọ thực.

Nghe tiếng động sột soạt từ chiếc y vỏ cây phát ra ở trên hư không, Hoàng hậu ngồi dậy. Bồ tát cũng vừa phi hành đi đến, theo thói quen Hoàng Hậu đứng lên tiếp kiến Bồ tát, chiếc y choàng rơi xuống đất, phơi bày tấm thân kiều diễm của nàng trước mặt Bồ tát.

Lửa dục được đề nên từ bao năm nay, chợt bùng lên, tâm Bồ tát rơi vào cảm dục, “thiền lực cùng năm thắng trí” của Ngài, ngay giây phút ấy bị hoại. Bồ tát như thân cây cổ thụ bị đốn ngã từ chiếc rìu bén ngọt “sắc nữ nhân”, như Đại bàng bị cắt đứt đôi cánh, không còn soãi cánh vẫy vùng giữa hư không rộng lớn.

Tuy ngồi thọ thực, nhưng Ngài chẳng còn tâm trí gì đối với vật thực, Ngài phải đi bộ trở về vườn Ngự Uyển.

Khi về nơi trú ngụ, tâm Bồ tát vẫn nhớ đến thân hình kiều diễm của Hoàng hậu Mudulakkhaṇā (Nhu Tướng), Ngài chẳng còn tha thiết chi đến thiền tịnh.

Liên tục bảy ngày, Ngài không đến Hoàng cung thọ thực, chỉ nằm trên sàng tọa mơ tưởng đến bóng hình của Hoàng hậu Nhu Tướng, Ngài nhịn ăn cả bảy ngày như vậy.

Vào ngày thứ bảy, Đức vua trở lại kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại) sau khi bình định giặc loạn nơi biên thùy.

Khi về đến Hoàng cung, Đức vua hỏi Hoàng hậu Mudulakkhaṇā rằng:

- Này Hậu, Ấn sĩ vẫn thường đến Hoàng cung nhận vật thực phải không?

- Thưa Đại vương, bảy ngày qua, Ấn sĩ không đến.

Ngạc nhiên, Đức vua lập tức đi vào vườn Ngự Uyển viếng thăm Ấn sĩ, thấy ấn sĩ nằm thiếp trên sàng tọa, tướng Ấn sĩ bệnh nặng, Đức vua cho người quét dọn am thất sạch sẽ, vỗ vào chân ấn sĩ, hỏi rằng:

- Thưa Ấn sĩ, có phải Ngài lâm trọng bệnh chăng?

- Thật vậy, này Đại vương, ta đang lâm trọng bệnh.

- Thưa Ấn sĩ, Ngài bệnh ra sao?

- Này Đại vương, ta đang bị lửa cảm dục thiêu đốt tâm.

- Thưa Ấn sĩ, ai thiêu đốt Ngài.

- Là Hoàng hậu Mudulakkhaṇā (Mú-Đú-Lắc-Khá-Na).

- Vậy, Hoàng hậu Mudulakkhaṇā sẽ là của Ngài kể từ hôm nay. Ta sẽ trao nàng cho Ngài, Ngài hãy chuẩn bị đến Hoàng cung để nhận Hoàng hậu Mudulakkhaṇā.

Nghe vậy, Bồ tát như vừa được hồi sinh, Ngài ngồi dậy một cách khỏe mạnh, như chưa hề bị bệnh.

Đức vua từ giả Ấn sĩ ra về để sắp xếp việc trao Hoàng hậu Mudulakkhaṇā (Nhu Tướng) đến Ấn sĩ. Đức vua bảo Hoàng hậu trang điểm thật lộng lẫy, đeo những trang sức quý trên mình cùng với xiêm y tuyệt đẹp. Đức vua nói với Hoàng hậu Nhu Tướng rằng:

- Ấn sĩ vốn thanh tịnh, nhưng chẳng may cảm dục trước sắc đẹp của nàng, nên bị lửa dục thiêu đốt tâm. Chúng ta phải tìm cách cứu ấn sĩ, đưa ấn sĩ trở lại trạng thái thanh tịnh như xưa.

- Đại vương hãy yên tâm, việc này thiếp có thể làm được.

Khi Ấn sĩ đến Hoàng cung, Đức vua trao tặng Hoàng hậu Mudulakkhaṇā đến Ấn sĩ, bằng cách rưới nước vào tay hai người.

Ấn sĩ cùng với Hoàng hậu Nhu Tướng đánh lễ Đức vua, rồi cùng nhau ra khỏi Hoàng cung. Khi đến cổng Hoàng cung, Hoàng hậu kêu lên.

- Này Ngài Ấn sĩ, chúng ta phải có nhà để trú ngụ chứ. Ngài hãy trở vào Hoàng cung xin Đức vua căn nhà để chúng ta trú ngụ.

Ấn sĩ phải trở lại Hoàng cung, xin Đức vua ban cho căn nhà; Đức vua ban cho hai người căn nhà tồi tàn mà khách lữ hành dùng làm căn nhà thay y phục.

Ấn sĩ đưa Hoàng hậu đến căn nhà đổ nát, nhưng nàng không chịu bước vào nhà vì nhà rất dơ bẩn, nàng nói:

- Nơi này dơ bẩn quá, Ngài hãy dọn dẹp cho sạch sẽ đi.

- Nhưng nơi đây không có cuốc xẻng, chổi quét, ta làm sao dọn dẹp sạch sẽ?
- Ngài hãy vào Hoàng cung xin Đức vua xẻng, cuốc, chổi quét ...
Do đang là nô lệ của tham dục, nên Bôttát lại đi vào Hoàng cung xin Đức vua những vật dụng làm sạch căn nhà.

Hoàng hậu lại nói:

- Nơi đây thiếu những vật dụng cho chúng ta, Ngài hãy vào Hoàng cung xin Đức vua những vật dụng đi.

- Ta phải xin những gì?

- Ngài hãy xin giường nằm, ghế ngồi ...

Rồi Hoàng hậu bảo Ấn sĩ gánh nước về đổ đầy các chậu nước ... Ấn sĩ làm việc suốt ngày, cảm thấy mệt mỏi, lửa dục hạ dần trong tâm.

Ngài mệt mỏi ngồi vào chiếc giường, bấy giờ Hoàng hậu Mudulakkhaṇā nắm lấy râu Ấn sĩ, hỏi rằng:

- Nay Balamôn, Ngài có còn là ấn sĩ thanh tịnh không? Ngài quên mình là một Balamôn thanh tịnh rồi sao? Ngài tình nguyện làm nô lệ cho tham dục đấy ư?

Nghe những câu hỏi của Hoàng hậu, Ấn sĩ chợt tỉnh ngộ rằng: “Trước đây ta là một Samôn thanh tịnh, ta không phải làm những việc hèn mọn này. Chỉ vì để cho tham dục xâm chiếm, điều sử, ta mất hết những Thượng nhân pháp, đồng thời trở thành kẻ nô lệ cho người sai khiến. Tham dục này sẽ dẫn ta rơi vào khổ cảnh, hôm nay ta phải thoát ra vòng kèm tỏa của tham dục”.

Ngài kêu lên rằng:

- Hôm nay ta sẽ trả Hoàng hậu về cho Đức vua và ta sẽ từ giả nơi này.

Bôttát đưa Hoàng hậu trở lại Hoàng cung, tìm gặp Đức vua, nói rằng:

- Thừa Đại vương, ta không còn ham muốn Hoàng hậu nữa. Chính vì Hoàng hậu mà khát ái bùng dậy trong ta, nó sẽ đưa ta rơi vào khổ cảnh, nay ta trả Hoàng hậu lại cho Ngài.

Sau khi trao trả Hoàng hậu Mudulakkhaṇā đến Đức vua, Bôttát hồi tưởng lại nếp sống thanh tịnh của mình khi còn trú ẩn nơi vùng núi Tuyết, Ngài trú tâm vào đề mục đã từng tu tập, dần dần chứng đắc trở lại “tám thiền chứng cùng năm thắng trí” như trước.

Ấn sĩ bước vào hư không, ngồi “tréo chân (pallaṅka)” giữa hư không nơi Hoàng cung, Ngài nói lên kệ ngôn.

66- Ekā icchā pure āsi, aladdhā mudulakkhaṇam;

Yato laddhā aḷarakkhī, icchā iccham vijāyathāti.

“Trước có ước muốn; nhận được nàng Nhu Tướng.

Khi nhận, biết không an toàn; nên không còn ước muốn”.

Rồi Ngài theo đường hư không đi về vùng núi Tuyết của mình, không trở lại kinh thành Bārāṇasi (BaLaNại) nữa. Mệnh chung Ấn sĩ sinh về Phạm Thiên giới.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết giảng “Bốn sự thật”.

Dứt Pháp thoại, vị Tỳkhuu cảm dục chứng Thánh quả ALaHán.

Nhận diện Bốn sự.

Đức vua nay là Ngài Ānanda, Hoàng hậu Mudulakkhaṇā nay là nàng Uppalavaṇṇā, vị Ấn sĩ nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Sārambha (Con bò Sārambha)⁽²⁾.

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là nữ Balamôn. Chi tiết câu chuyện này rất giống Bốn sự Nandivisāla (Nan-Đí-Quí-Sa-Lá), chỉ khác chi tiết là: Trong Bốn sự Sārambha (Sa-Răm-Phá), Bôttát là con bò Sārambha, còn trong Bốn sự Nandivisāla, Bôttát

(1)- JA. Mudulakkhaṇajātaka (Bốn sự Hoàng hậu Nhu Tướng); chuyện số 66.

(2)- JA. Sārambhajātaka. Chuyện số 88.

là con bò Nandivāsāla và trong Bốn sự Nandivāsāla không đề cập đến tiền thân bà Uppalavaṇṇā.

Lại nữa bò mộng Nandivāsāla được tìm thấy trong Tạng Luật, tập “Phân tích Giới Tỳkhuu II”; chương *Uṅgđoitṛi* (Pācittiya), phẩm: Nói dối; điều học thứ hai.

Bốn sự Nandivāsāla (Con bò Nandivāsāla).

Duyên khởi.

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Bấy giờ nhóm Tỳkhuu Lục Sự, khi cãi cọ với các Tỳkhuu hiền thiện, đã nhiếc mắng các Tỳkhuu hiền thiện qua nhiều khía cạnh như: Dòng họ, tên gọi, nơi sinh ra, công việc, nghề nghiệp, bệnh tật ... lại còn chửi rửa, khinh bỉ, sỉ vả bằng những lời thô tháo.

Câu chuyện được các vị Tỳkhuu hiền thiện trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn cho gọi nhóm Tỳkhuu Lục Sự đến hỏi rằng:

- Nay các Tỳkhuu, có thật chăng: “Nghe nói các người trong khi cãi cọ với các Tỳkhuu hiền thiện, đã nhiếc mắng các Tỳkhuu hiền thiện qua nhiều khía cạnh như: Dòng họ, tên gọi, nơi sinh ra, công việc, nghề nghiệp, bệnh tật ... lại còn chửi rửa, khinh bỉ, sỉ vả bằng những lời thô tháo”.

- Bạch Thế Tôn, có thật như vậy.

Đức Thế Tôn khiển trách các Tỳkhuu nhóm Lục Sự xong rồi, Ngài nói lên câu chuyện quá khứ.

Bốn sự.

Thuở quá khứ, Bồ tát tái sinh là con bò ở kinh thành Takkaṣilā (Tắc-Ká-Sí-La) của nước Gandhāra (Gần-Tha-Rá), con bò này thuộc giống bò chúa, được đặt tên là Nandivāsāla (Năn-Đí-Quí-Sa-Lá), vì khi sinh ra nó mang lại niềm vui lớn cho gia tộc này.

Một Bàlamôn biết được giá trị của bò chúa Nandivāsāla nên đến xin bò chúa khi còn là con nghé, mang về nuôi dưỡng chu đáo và xem nó như là con của mình.

Khi bò chúa Nandivāsāla trưởng thành, suy nghĩ rằng: “Trong cõi Diêm-phù (Jambu) này không có con bò nào có sức mạnh ngang với ta. Ta hãy giúp Bàlamôn này có số tiền lớn, để đền công nuôi dưỡng ta chu đáo”.

Bò chúa Nandivāsāla đi đến nói với Bàlamôn rằng:

- Thưa chủ, tôi có sức mạnh, có thể kéo hàng trăm cỗ xe hàng hóa, chủ hãy thách thức với Trưởng giả có nhiều đàn bò trong vùng, có con bò nào có thể kéo hàng trăm cỗ xe hàng hóa? Và chủ hãy đánh cược 1.000 đồng vàng rằng: “Con bò của tôi có thể kéo cả trăm cỗ xe hàng hóa chuyển động khỏi vị trí”.

Người Bàlamôn đi đến gặp vị Trưởng giả có nhiều bò, hỏi rằng:

- Trong kinh thành Takkaṣilā này, bò của ai có sức mạnh kéo nổi trăm cỗ xe đầy hàng hóa?

- Không có con bò nào có được sức mạnh như thế cả.

- Thưa Trưởng giả, bò của tôi có được sức mạnh như thế?

- Ta không thể tin có con bò có sức mạnh như thế được.

- Vậy chúng ta hãy đánh cược 1.000 đồng vàng đi.

- Được thôi.

Người Bàlamôn cho bò Nandivāsāla ăn no với cơm gạo thơm, tắm và thoa xức dầu cho bò. Người Bàlamôn đặt 100 cỗ xe chất đầy hàng hóa vào nhau thành một chuỗi dài, buộc bò Nandivāsāla vào ách của cỗ xe đầu.

Người Bàlamôn với gậy thúc bò, ngồi vào chỗ điều khiển xe, đưa cao gậy thúc bò, quát lên rằng:

- Nay đồ đê tiện, hãy kéo xe đi.

Bò Nandivāsāla chưa từng nghe lời thô lỗ này, nên nó năn chí, nghĩ thầm: “Bàlamôn này chưa từng dùng lời thô lỗ với ta. Nay tại sao dùng lời này đối với ta? Ta sẽ không kéo trăm cỗ xe này nữa”.

Bò Nandivīsāla đứng yên, không nhúc nhích, dù người Bālamôn có thúc gậy vào hông nhiều lần.

Thế là, người Bālamôn thua cuộc 1.000 đồng vàng, tháo bò ra khỏi ách xe, trở về nhà nằm dài với tâm sầu muộn.

Bò Nandivīsāla đi vào nhà, thấy người Bālamôn nằm trên ghế dài với sự buồn rầu, hỏi rằng:

- Thưa chủ, vì sao chủ phiền muộn.
- Làm sao ta không phiền muộn được, khi ta đã thua cuộc mất đi ngàn đồng vàng.
- Thưa chủ, từ trước đến giờ, tôi có làm hư hại gì đến đồ vật trong nhà chưa?
- Nay bò, chưa có.
- Tôi có đi tiêu, tiểu không đúng chỗ, làm cho nhà trở nên hôi thối không?
- Nay bò, không có.
- Vậy tại sao ông gọi tôi là "đồ đê tiện", nghe tiếng gọi này, tôi nãn chí, không muốn giúp ông thắng cuộc. Đó là lỗi của ông, không phải là lỗi của tôi.
- Nay bạn hiền thiện, ta hiểu rồi.
- Vậy chủ hãy đánh cuộc với người Trưởng giả 2.000 đồng vàng lần nữa, nhưng đừng dùng lời thô lỗ với tôi.
- Được rồi, này bạn hiền thiện.

Người Bālamôn lại đánh cuộc với Trưởng giả lần nữa, tiền đánh cuộc lần này là 2.000 đồng vàng.

Khi bò chúa Nandivīsāla được mắc vào còng xe với 100 cổ xe đầy hàng hóa, người Bālamôn ngồi nơi điều khiển cổ xe đầu, đưa cao gậy thúc bò, nói rằng:

- Này bạn hiền thiện, hãy đi. Này bạn hiền thiện, hãy kéo 100 cổ xe này.

Nghe lời êm dịu, bò chúa Nandivīsāla hân hoan, dùng hết sức mình kéo cả trăm cổ xe chuyển động, di chuyển một đoạn dài.

Thế là người Bālamôn thắng cuộc, đại chúng chúng kiến sức mạnh của bò chúa Nandivīsāla, hân hoan ném tiền thưởng vào thân bò chúa rất nhiều. Tất cả tiền thưởng thuộc về người Bālamôn.

Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn.

28- Manuññameva bhāseyya, nāmanuññaṃ kudācanam;

Manuññaṃ bhāsamānassa, garuṃ bhāraṃ udaddhari;

Dhanañca naṃ alābhesi, tena cattamaṇo ahūti.

"Hãy nói lời hòa nhã; tránh xa không hòa nhã.

Được nói lời êm dịu; bò kéo đi gánh nặng.

Thành tựu được tài sản; nhờ vậy được hân hoan".

Nhận diện Bốn sự.

Người Bālamôn nay là Ngài Ānanda, bò chúa Nandivīsāla nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Nhân đó, Đức Thế Tôn chế định Học giới cho các Tỳkhuu "Vị Tỳkhuu dùng lời *mắng nhiếc người khác, phạm Ưngđối trị*"⁽²⁾.

Bốn sự Kurudhamma (Pháp Kuru).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là nàng Kỹ nữ⁽³⁾.

Bốn sự Sirikālakāṇṇī.

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là Thiên nữ Sirīdevī (Sí-Ri-Đê-Quy).

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Từ khi Trưởng giả Anāthapiṇḍika chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, trong nhà Trưởng giả từ vợ con cho đến gia nhân đều giữ gìn năm giới.

(1)- JA. Nandivīsāla jāta (Bốn sự Nandivīsāla), Chuyện số 28.

(2)- Xem Indacanda (d). Phân tích Giới Tỳkhuu II. Chương Ưngđối trị. Phần nói đối; điều học thứ hai.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 6).

Một hôm, nơi Giảng Pháp đường trong Đại tự KỳViên, các Tỳkhuu ngồi bàn luận cùng nhau rằng:

- Nay chư Hiền, toàn bộ gia tộc của Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đều gìn giữ năm giới thật trong sạch. Đây là điều hy hữu.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, nghe được đề tài thảo luận ấy. Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các bậc trí thuở xưa cũng gìn giữ toàn gia tộc được trong sạch như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nêu lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa khi Đức vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại).

Khi ấy, có một Trưởng giả thường bố thí đến những người nghèo khổ, gìn giữ năm giới; ngoài ra toàn thể gia đình và gia nhân cũng theo gương Trưởng giả gìn giữ năm giới, nên Trưởng giả được gọi là *Suciparivāra* (Toàn gia thanh tịnh).

Một hôm Trưởng giả Suciparivāra (Sú-Chí-Pá-Rí-Qua-Rá) suy nghĩ: "Nếu có vị Giới đức trong sạch hơn ta, khi đến đây ta mời ngồi vào ghế của ta hay nằm trên giường của ta, điều này thật bất xứng với vị ấy".

Trưởng giả Suciparivāra cho kiến tạo một ghế ngồi và một giường nằm đặc biệt dành cho bậc có giới đức.

Nơi cõi Tứ Đại vương (Catuttharājadevā), có nàng Kālakaṇṇī (Bất Hạnh) là ái nữ của Thiên vương Virūpakkha (Quảng Mục Thiên vương) và nàng Sirīdevī (Hạnh Phúc) là ái nữ của thiên vương Dhataratta (Trì Quốc Thiên vương).

Cả hai nàng đều mang nhiều vòng hoa và hương liệu, cùng đi đến hồ Anotatta (Vô Nhiệt) để tắm, rồi nô đùa nơi ấy.

Nơi hồ Anotatta (Á-Nô-Tất-Tá) có nhiều chỗ tắm: Nơi dành riêng cho Đấng Chánh Giác, nơi dành riêng cho các Bậc Độc Giác, nơi dành riêng cho các bậc ALaHán, nơi dành riêng cho các Samôn, Balamôn có thắng trí, nơi dành riêng cho các Thiên nam thuộc cõi Tứ Đại vương, nơi dành riêng cho các Thiên nam cõi Đạo Lợi ... nơi dành riêng cho các Thiên nữ cõi Tứ Đại vương, nơi dành riêng cho các Thiên nữ cõi Đạo Lợi

Hai thiên nữ đi đến nơi tắm dành riêng cho mình cùng lúc, hai nàng đều tranh nhau tắm trước. Nàng Kālakaṇṇī (Ka-Lá-Kăng-Ni) nói:

- Ta cai quản cõi nhân loại, hồ Anotatta ở cõi người. Như vậy, ta là người tắm trước.

Nàng Sirīdevī (Sí-Ri-Đê-Quy) nói:

- Ta là người mang an lành đến nhân loại, là người gìn giữ con đường Giới hạnh. Như vậy, ta là người tắm trước mới hợp lý.

Cả hai cùng tranh lý với nhau, rồi bảo nhau: "Chúng ta đi đến Tứ Đại vương để nhờ phân xử, xem ai là người được tắm trước".

Quảng Mục Thiên vương suy nghĩ: "Nếu ta nói con gái ta được tắm trước, ta sẽ bị phê phán là "thiên vị", nếu ta nói "Sirīdevī" được tắm trước" thì con gái ta sẽ buồn phiền". Nên nói rằng:

- Việc này ta không thể quyết định được.

Trì Quốc Thiên vương cũng suy nghĩ "Nếu ta nói con gái ta được tắm trước, ta sẽ bị phê phán là "thiên vị", nếu ta nói "Kālakaṇṇī" được tắm trước" thì con gái ta sẽ buồn phiền". Nên nói rằng:

- Việc này ta không thể quyết định được.

Hai vị Thiên vương còn lại là Đa Văn Thiên vương (Vessavana) và Tăng Trưởng Thiên vương (Virūlhaka) suy nghĩ: "Nếu ta xử nàng này được tắm trước sẽ mất lòng vị Thiên vương kia", nên hai vị cũng nói rằng:

- Việc này ta không thể quyết định được.

Tứ Đại vương phân xử không được, hai nàng cùng đi đến cõi Trời Đạo Lợi nhờ Thiên vương Sakka phân xử.

Nghe hai Thiên nữ trình bày sự việc, Thiên vương Sakka (Đế Thích) suy nghĩ: “Hai Thiên nữ này là ái nữ của hai vị Thiên vương, Tứ đại vương là chư hầu của ta. Ta không nên làm mịch lòng một trong hai Thiên vương này”, nên nói rằng:

- Nay hai Thiên nữ, việc này ta không thể quyết định được. Nơi thành Bārāṇasī (BaLaNại) có một hiền trí là Trưởng giả Suciparivāra (Sú-Chí-Pá-Rí-Qua-Rá), là người trung thực; nàng nào được ngồi trên bảo tọa hay được nằm trên bảo sàng, nàng ấy sẽ được tắm trước.

Hai Thiên nữ đi đến kinh thành Bārāṇasī đứng giữa không trung nơi lầu bảy của Trưởng giả Suciparivāra vào giữa đêm. Thiên nữ Kālakaṇṇī tranh đến trước để được ngồi trên Bảo tọa hay nằm trên Bảo sàng.

Nàng Kālakaṇṇī vận thiên y xanh thắm, thoa xức hương liệu xanh, trang điểm những trang sức xanh thắm, đứng giữa hư không với sự kiêu hãnh, phát ra ánh sáng xanh thắm (màu xanh thắm gần giống với màu đen, là màu hắc vận), chiếu vào nơi nằm của Trưởng giả Suciparivāra nơi lầu bảy.

Trưởng giả Suciparivāra nhìn lên không trung thấy nàng Kālakaṇṇī, Trưởng giả thấy nàng Thiên nữ này không có vẻ nhân từ hiền thiện, liền hỏi.

- Nàng là ai, vì sao có màu xanh thắm như thế?

- Nay Trưởng giả, ta là Thiên nữ Kālakaṇṇī con gái của Quảng Mục Thiên vương. Ta muốn được ngồi trên “ghế đặc biệt”, hay nằm trên “giường đặc biệt” của ông.

- Nay Thiên nữ, nàng có đặc tính như thế nào? Và thường giúp đỡ những ai?

Các thiên nhân không hề biết dối trá, nên Thiên nữ Kālakaṇṇī nói lên đặc tính của mình là “giả dối, vong ân, đổ kỵ, bôn xén; thường hay giúp kẻ ác để những người này thành công rồi họ sẽ đi vào con đường bại vong. Ngoài ra, nàng thường phẫn nộ, thích tranh đấu ...”.

Nghe vậy, Hiền trí Suciparivāra liền khiển rách:

- Như vậy nàng là người không hiểu biết gì về Giới hạnh. Nàng hãy đi khỏi nơi này ngay.

Với uy lực giới hạnh của bậc Hiền trí, Thiên nữ Kālakaṇṇī không thể đứng yên, liền biến mất giữa hư không.

Kế đến, nàng Sirīdevī xuất hiện giữa hư không nơi lầu bảy của Trưởng giả Suciparivāra. Nàng vận thiên y vàng, thoa xức hương liệu vàng, trang điểm với những trang sức màu vàng; nàng đi vào sảnh đường đứng trên nền đất chấp tay chào Trưởng giả với vẻ kính cẩn. Trưởng giả hỏi:

- Nàng là ai, vì sao có được ánh sáng vàng? Nàng đến đây có việc gì?

- Tôi là Sirīdevī, con gái của Trì Quốc Thiên vương. Tôi đến đây mong Ngài cho tôi được ngồi lên “ghế đặc biệt” hay nằm trên “giường đặc biệt”.

- Đặc điểm của nàng như thế nào?

- Tôi thường trợ giúp những người đang bị khổ, nhả nhận, hiền hòa, khoan dung, thẳng thắn, thân cận bậc hiền trí, tránh xa kẻ ác.

Trưởng giả hân hoan nói rằng:

- “Ghế và giường đặc biệt” xứng đáng dành cho nàng. Nàng hãy ngồi hay nằm theo ý thích.

Thiên nữ Sirīdevī ở nơi sảnh đường cho đến khi đêm gần mãn, rồi trở về cõi Tứ đại vương, đi đến hồ Anotatta tắm.

Sàng tọa được Sirīdevī dùng có tên là Sirisaya (giường hạnh phúc), đó cũng là nguồn gốc của từ *Sirisaya* được dùng cho đến ngày nay.

Nhận diện Bốn sự.

Thiên nữ Sirīdevī nay là nàng Uppalavaṇṇā; Trưởng giả Suciparivāra nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Bhisapuppha (Củ sen và hoa).

Trong bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *nữ thần cây*.

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi ngụ trú nơi Đại tự KỳViêm của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Có một vị Tỳkhuu từ giả Đại tự KỳViêm, đi đến trú ngụ nơi một khu rừng trong xứ Kosala (KiềuTấtLa).

Gần thảo lư của vị Tỳkhuu có một hồ sen, có một cánh hoa sen vừa nở rất xinh đẹp, vị Tỳkhuu đi đến, đứng dưới gió để ngửi hương sen. Vị nữ thần cây (rukkhadevī) ở gần đấy, hiện thân đe dọa vị Tỳkhuu rằng:

- Nay Tôn giả, đây là hình thức của sự trộm cắp. Tôn giả đã phạm vào giới trộm cắp.

Kinh hoàng, vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Đức Thế Tôn có chế định Học giới cho các Tỳkhuu rằng: “*Vị Tỳkhuu lấy vật chưa được cho có giá trị năm māsaka, phạm vào giới Pārājika (trục xuất)*”⁽²⁾. Có thật ta đã rơi vào Học giới này chăng?”.

Vị Tỳkhuu đi đến Đại tự KỳViêm, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, trình lên câu chuyện trên.

- Nay Tỳkhuu, người không phải là người đầu tiên bị *nữ thần cây* cảnh báo. Bậc trí thuở xưa cũng bị nữ thần cây cảnh báo và đe dọa như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nêu lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadata (Brăm-Má-Đất-Tá) trị vì kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại). Bồ tát sinh vào một gia tộc Bàlamôn của xứ Kāsi (Ka-Sí), khi trưởng thành Ngài theo học nghiệp nghệ gia tộc nơi kinh thành Takkaśilā (Tất-Ká-Sí-La) của Vương quốc Gandhāra (Gần-Tha-Rá), khi thành tựu nghiệp nghệ gia tộc, Ngài trở lại quê hương.

Khi cha mẹ mệnh chung, Bồ tát bố thí hết gia sản, xuất gia làm ẩn sĩ, trú ngụ nơi chân núi Tuyết trong dãy HyMāLạpSơn, Ngài cất một thảo lư cạnh một hồ sen gần đó để trú ngụ.

Một hôm, Ngài bước xuống hồ sen để ngửi hương thơm từ cánh hoa sen đang nở. Một *nữ thần cây* (rukkhadevī) ngụ nơi cây cổ thụ gần đó hiện ra, đe dọa ẩn sĩ rằng:

- Nay Ẩn sĩ, Ngài không được ngửi hương hoa sen, là một vị Samôn, Ngài đã vi phạm vào giới “*lấy vật chưa được cho*”.

- Nay nữ thần cây, ta không hái hoa, không bẻ hoa. Ta chỉ ngửi hương hoa từ xa, vì sao người bảo “*lấy của chưa được cho*”?

Khi ấy có người thợ rừng đi xuống hồ sen, y móc củ sen, làm gãy những thân sen cùng những cánh hoa sen tươi đẹp. Ẩn sĩ nói.

- Nay nữ thần cây, nàng gọi “*người ngửi hương từ xa, là kẻ trộm*”. Sao nàng không nói như thế với người đang móc củ sen nơi kia?

Nữ thần cây đáp:

- Những người sống phóng túng, buông lung, không biết giữ mình đối với thiện nghiệp, đang chạy theo ác nghiệp, ta không có gì để nói với những kẻ như thế. Ta chỉ nói với Ngài, vì Ngài đang tìm cách thoát ra khỏi lưới tham dục, cố gắng hành trì để thân và tâm được trong sạch.

Đối với Ngài, một lỗi nhỏ như sợi tóc cũng to lớn như đám mây đen.

Nghe nữ thần cây cảnh báo, Ẩn sĩ tâm xúc động mạnh, tán thán nữ thần cây rằng:

(1)- JA. Sirikālakāṇṇijātaka (Bốn sự Sirikālakāṇṇi), chuyện số 382.

(2)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Phân tích Giới Tỳkhuu I. Điều học thứ hai.

- Nay nữ thần hiền thiện, nàng đã có tâm hiền thiện đối với ta, cảm ơn nàng đã nhắc nhở ta đối với những lỗi lầm nhỏ nhặt. Ta hứa với nàng, trọn đời ta không vi phạm vào những điều không nên xem thường như thế nữa.

- Nay Ấn sĩ, ta với người không ai làm thuê cho ai. Ngài hãy đi theo đường riêng của Ngài, ta đi theo đường của ta vậy.

Nói xong, nữ thần biến mất trở về nơi ngụ của mình. Ấn sĩ tinh cần tu tập thiền tịnh, mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên “*Bốn sự thật*”, dứt Pháp thoại, vị Tỳkhuu chứng Thánh quả Dự Lưu.

Nhận diện Bốn sự.

Nữ thần cây nay là bà Uppalavaṇṇā, vị Ấn sĩ nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Manoja.

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là sư tử cái em của sư tử Manoja (Má-Nô-Chá)).

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ nơi Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra). Nhân đề cập đến vị Tỳkhuu thân cận với kẻ ác xấu, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không phải trong hiện tại Tỳkhuu ấy thân cận bạn ác, trong quá khứ đã từng như vậy và bị thiệt mạng rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nêu lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa, khi Đức vua Brahmadata (Brăm-Má-Đất-Tá) trị vì kinh thành Bāraṇasī (BaLaNại).

Trong khu rừng rậm gần kinh thành BaLaNại có con sư tử chúa.

Sư tử chúa và sư tử vợ có hai sư tử con, một đực, một cái. Sư tử con tên là Manoja(Má-Nô-Chá) khi trưởng thành có vợ là một sư tử cái khác. Như vậy đoàn sư tử chúa có 5 con sư tử.

Sư tử Manoja thường đi săn mồi, nó giết trâu rừng rồi mang thịt về nuôi cha mẹ, vợ và em.

Một hôm khi đi săn mồi, sư tử Manoja nhìn thấy con chó rừng Giriya (Gí-Rí-Dá) do không chạy được, đang nằm úp mặt xuống đất. Nó hỏi:

- Nay chó rừng, ngươi sao thế?

- Thưa Ngài sư tử, tôi muốn theo hầu Ngài.

- Tốt lắm, nay chó rừng.

Sư tử Manoja đưa chó rừng Giriya về hang, sư tử chúa nói:

- Chó rừng là loại độc ác, xảo quyệt, gian tham; nó hay xúi giục làm những điều tai hại, con nên xa lánh kẻ xấu ác này đi.

Nhưng sư tử Manoja không nghe lời cha.

Một hôm chó rừng muốn ăn thịt ngựa, nên nói:

- Thưa chủ, thịt những loài thú khác chúng ta đã dùng rồi, chỉ có thịt ngựa là chúng ta chưa được thưởng thức thôi.

- Nay chó rừng, chúng ta tìm thịt ngựa ở đâu?

- Thưa chủ, nơi bờ sông gần kinh thành BaLaNại.

Sư tử Manoja cùng chó rừng đi đến bờ sông, nơi dành riêng tắm ngựa của Hoàng cung. Nó vồ lấy một con ngựa rồi mang trên lưng chạy về hang, Sư tử chúa nói:

- Nay con, ngựa này là tài sản của Đức vua; những vị vua có nhiều mưu kế, có những tay cung thiện xảo. Con không nên bắt ngựa của Đức vua nữa, nếu không con không thể thoát được tay của những thợ săn thiện xảo và con sẽ mạng chung.

(1)- JA. Bhisappupphajātaka (Bốn sự Củ sen và Hoa sen), chuyện số 392.

Nhưng sư tử Manoja không nghe lời cha, nó vẫn tiếp tục bắt ngựa của Đức vua. Nghe có con sư tử thường xuất hiện sát hại những con ngựa quý của mình, Đức vua cho làm một hồ nước lớn trong kinh thành là nơi tắm ngựa, sư tử Manoja phóng qua tường thành bắt ngựa mang trên lưng rồi phóng ra tường thành.

Đức vua cho gọi những xạ thủ thiện xảo nhất, đến hỏi rằng:

- Các người có thể giết con sư tử thường bắt ngựa quý của ta chăng?

Người xạ thủ thiện xảo nhất thưa rằng:

- Thưa Đại vương, có thể được.

Người xạ thủ cho làm một tháp canh gần bức tường mà sư tử thường đến bắt ngựa và đợi nơi ấy.

Sư tử và chó rừng cùng đến kinh thành để bắt ngựa, sư tử để chó rừng ở ngoài nghĩa địa, nó phóng qua tường thành để vào bắt ngựa, người xạ thủ suy nghĩ: "Con sư tử này khi đến có tốc lực quá nhanh, ta khó bắn trúng nó. Ta hãy đợi nó về".

Khi sư tử bắt được ngựa, mang trên lưng phóng qua tường thành, vì vướng gánh nặng trên lưng nên tốc lực của nó không nhanh như khi đến. Người xạ thủ bắn một mũi tên nhọn trúng đuôi sư tử xuyên suốt qua thân sư tử Manoja bay vút ra ngoài, sư tử Manoja rống lên đau đớn.

Người xạ thủ khi bắn mũi tên, tiếng bật dây cung rền vang như tiếng sấm, chó rừng nghe tiếng rống sư tử cùng tiếng bật dây cung, nó suy nghĩ: "Chắc chắn sư tử bị trúng tên rồi và sư tử sẽ chết, chẳng còn tình bạn chi với vật đã chết. Ta hãy trở về hang cũ của mình". Chó rừng bỏ chạy về hang.

Sư tử Manoja cố gắng chạy về đến hang, ném xác ngựa xuống rồi ngã lăn ra chết, máu tuôn thấm đỏ thân mình sư tử Manoja.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên lý Tứ đế, Dứt Pháp thoại, vị Tỳkhuu thân cận bạn ác chứng Thánh quả Dự Lưu.

Nhân diện bốn sự.

Chó rừng nay là Tôn giả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa), sư tử Manoja nay là vị Tỳkhuu thân cận bạn ác, sư tử em nay là bà Uppalavaṇṇā, vợ sư tử Manoja nay là bà Tỳkhuu ni Khemā (Khê-Ma), sư tử mẹ nay là bà Yasodharā (Da Du-Đà La, mẹ của La Hầu La), sư tử cha nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Kumbhakāra (Người thợ gốm).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là con gái vị ẩn sĩ⁽²⁾.

Bốn sự Jāgara (Người tỉnh thức).

Duyên khởi.

Nơi thành Sāvatti (Xá Vệ), có một cận sự nam đã chứng đạt Thánh quả Dự Lưu. Một hôm, người cận sự nam này tháp tùng với đoàn thương nhân cùng mang hàng hóa đến ngôi làng ở vùng quê để bán.

Khi đoàn xe đến khu rừng rậm, người trưởng đoàn cho cột những cỗ xe hàng hóa vào nhau, trú nơi bìa rừng, đợi đến sáng mới qua rừng.

Mọi người nằm ngủ rải rác khắp nơi quanh những cỗ xe hàng, riêng người cận sự nam không ngủ, ông đi kinh hành tưởng niệm ân đức Phật trọn đêm, người cận sự nam đi kinh hành quanh những cỗ xe hàng hóa.

Trong rừng có nhóm cướp năm trăm tên, chúng được đồng bọn báo tin "có 500 cỗ xe hàng sẽ đi ngang qua khu rừng". Khi biết đoàn thương nhân đến bìa rừng, chúng cùng nhau kéo đến bìa rừng, chờ đợi mọi người ngủ say, chúng xông ra cướp những cỗ xe hàng hóa, nhưng chúng thấy vị cận sự nam cứ đi vòng quanh, chúng cho rằng: "đoàn thương nhân vẫn còn thức" nên chúng chờ đợi.

(1)- JA. Manojajātaka (Bốn sự Manoja), chuyện số 397.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 11).

Người cận sự nam vẫn đi kinh hành suốt đêm, đến gần sáng bọn cướp đành bỏ đi. Khi sáng ra, những người trưởng đoàn nhìn thấy gạch đá cùng những vũ khí như cây, gậy ... của bọn cướp ném bỏ, họ mới hiểu ra: “Chúng ta vừa thoát khỏi tai nạn là nhờ người canh gác trọn đêm cho chúng ta”. Người trưởng đoàn cùng các thương nhân trong đoàn tôn vinh người cận sự nam.

Khi đến làng quê, giải quyết những việc cần thiết xong rồi, người cận sự nam trở về kinh thành Sāvattthi (XáVệ), đi đến Đại tự KỳViện, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, cận sự nam trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện trên.

- Nay cận sự nam, bậc trí ngày xưa cũng từng tỉnh thức như người rồi.

Theo lời thỉnh cầu của Đại chúng, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này,

Bốn sự.

Khi vua Brahmadata (Brăm-Má-Đát-Tá) trị vì kinh thành Bārāṇasī (BaLaNại), bấy giờ Bôttát sinh vào một gia tộc Balamôn, khi trưởng thành Ngài theo học nghiệp nghệ của gia tộc nơi kinh thành Takkasīlā (Tắc-Ká-Sí-La; Hòn Đá lý luận), rồi trở lại quê nhà thay cha nối nghiệp gia tộc.

Khi cha mẹ mệnh chung, Bôttát bố thí hết gia sản, Ngài xuất gia làm ẩn sĩ, cư trú nơi rừng Tuyết trong dãy HyMāLapSơn.

Bôttát nỗ lực tu tập thiền tịnh, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt các thiền chứng. Bôttát tinh cần tu tập, suốt đêm không ngủ, Ngài đi kinh hành rồi thiền tịnh, rồi đi kinh hành.

Một *nữ thần cây* (rukkhadevī) trú ngụ ở cội cổ thụ cuối con đường kinh hành của Ngài, hoan hỷ với hạnh tỉnh thức của Bôttát, hiện thân ở cuối đường kinh hành, nói lên kệ ngôn.

135- Kodha jāgarataṃ sutto, kodha suttesu jāgaro;

Ko mametaṃ vijānāti, ko taṃ paṭibhaṇāti me.

“Ai thức, ai còn ngủ; ai đang ngủ, ai thức.

Ai hiểu lời của ta; ai giải được lời ta”.

Bôttát đáp.

136- Ahaṃ jāgarataṃ sutto, ahaṃ suttesu jāgaro;

Ahametaṃ vijānāmi, ahaṃ paṭibhaṇāmi te.

“Ta thức, người còn ngủ; ta đang ngủ, người thức.

Ta hiểu được lời người; ta giải đáp lời người”.

Nữ thần cây.

137- Kathaṃ jāgarataṃ sutto, kathaṃ suttesu jāgaro;

Kathaṃ etaṃ vijānāsi, kathaṃ paṭibhaṇāsi me.

“Vì sao thức, khi người còn ngủ;

Vì sao đang ngủ, khi người thức.

Vì sao hiểu lời ta; giải đáp được lời ta”.

Bôttát.

138- Ye dhammaṃ nappajānanti, saṃyamoti damoti ca;

Tesu suppaṃānesu, ahaṃ jaggāmi devate.

“Ai không hiểu pháp; không tự kèm chế.

Người ấy còn đang ngủ; ta thức, này nữ thần”.

139- Yesaṃ rāgo ca doso ca, avijjā ca virājītā;

Tesu jāgaramānesu, ahaṃ suttosmi devate.

Người không còn ái luyến, sân; vô minh và ô nhiễm.

Người ấy đã tỉnh thức; ta còn ngủ, hỡi nữ thần”.

140- Evaṃ jāgarataṃ sutto, evaṃ suttesu jāgaro;

Evametaṃ vijānāmi, evaṃ paṭibhaṇāmi te.

“Như vậy, ta thức, người còn ngủ;

Ta đang ngủ, người thức.

Như vậy, hiểu lời người; ta giải đáp lời người”.

Nữ thần cây hoan hỷ, nói rằng:

141- Sādhū jāgarataṃ sutto, sādhu suttesu jāgaro;

Sādhumetaṃ vijānāsi, sādhu paṭibhaṇāsi meti.

“Lành hay, Ngài thức, người khác ngủ;

Lành thay, Ngài ngủ, người khác thức.

Lành thay, Ngài hiểu được lời ta;

Lành thay, lời giải đáp của Ngài”.

Sau khi tán thán Bồ tát, nữ thần cây trở về chỗ ngủ của mình.

Nhận diện bốn sự.

Nữ thần cây nay là bà Uppalavaṇṇā, Bồ tát nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Saṅkha (Bàlamôn Saṅkha).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *nữ thần biển*⁽²⁾.

Bốn sự Mahājanaka (Đại vương Mahājanaka).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *nữ thần biển*⁽³⁾.

Bốn sự Mūgapakkha (còn được gọi là Bốn sự Temiya).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *nữ thần trong chiếc lọng trắng*⁽⁴⁾.

Bốn sự Sāma (Hiếu tử Sāma).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *nữ thần Bahusodarī*⁽⁵⁾.

Bốn sự Bhūridatta (Đại trí Bhūridatta).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *nữ rắn chúa Accimukhī*⁽⁶⁾.

Bốn sự Mahosatha (còn gọi là Mahā –Ummagga: Đường hầm lớn).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *nữ ẩn sĩ Bherī*⁽⁷⁾.

Bốn sự Kiñchanda (Dục tham kỳ lạ).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là *Nữ thần.*

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi ngụ trú nơi Đại tự Kỳ Viên. Nơi thành kinh thành Sāvattī (XáVệ) có rất nhiều cận sự nam nữ, là đệ tử của Đức Thế Tôn.

Một ngày nọ, những nam nữ cận sự nơi kinh thành Sāvattī (XáVệ) cùng nhau thọ trì Bồ tát giới (Uposathasīla; là giữ gìn tám giới trọn ngày đêm), vào buổi chiều, các nam nữ cận sự này đến Giảng pháp đường nơi Đại tự Kỳ Viên, nghe pháp từ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thấy được duyên lành Thánh quả của nhóm cận sự nam nữ này. Ngài hỏi rằng:

- Nay các cận sự, các người có giữ gìn giới Bồ tát vào những ngày Bồ tát chăng?

- Bạch Thế Tôn, chúng con có giữ Bồ tát giới vào những ngày Bồ tát.

- Lành thay, lành thay, này các cận sự, thuở xưa có người chỉ giữ giới Bồ tát có nửa ngày nhưng đạt được vinh quang tốt đẹp.

Theo lời thỉnh cầu của đại chúng, Đức Thế Tôn nói lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadata (Brăm-Má-Đát-Tá) trị vì Vương quốc Kāsi (Ka-Si), có kinh thành là Bārāṇasi (BaLaNại). Đức vua trị nước theo Chánh pháp, Ngài thường thực hành hạnh bố thí, trì giới ... và khuyên đại chúng trong kinh thành gìn giữ và thực hành những thiện pháp.

(1)- JA. Jāgarajāta (Bốn sự Người thức tỉnh), chuyện số 414.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 9).

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 7).

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 10).

(5)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 8).

(6)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 9).

(7)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 9), Mahosathajāta.

Tuy nhiên có vị Đại thần Tế lễ sư cũng là vị Phán quan trong kinh thành thường hay xử án thiên vị vì ăn hối lộ.

Vào ngày giữ gìn giới Bốtát, vị Phán quan cùng các Đại thần đi vào Hoàng cung yết kiến Đức vua Brahmadata. Đức vua hỏi:

- Nay các Đại thần, các người có giữ ngày Bốtát, có thọ trì Bốtát giới không?

Các Đại thần luôn cả Tế lễ sư đều đáp:

- Thưa Đại vương, có.

Khi rời khỏi Hoàng cung, trên đường trở về, một Đại thần đã khiển trách Tế lễ sư rằng:

- Nay Tế lễ sư, ông đã nói dối, chắc chắn ông không có giữ giới Bốtát.

- Khi mặt trời lặn, sau khi ta súc miệng, ta nguyện giữ gìn giới Bốtát, ta không ăn gì nữa. Như vậy ta cũng giữ giới Bốtát được nửa ngày, ta không có nói dối với Đức vua.

- Nếu ông nói thế, thôi cũng tạm được vậy.

Sau khi về đến tư dinh, Tế lễ sư thực hiện điều mình đã nói.

Một hôm, vào ngày Bốtát, Tế lễ sư đến Pháp đường để xử án, một nữ nhân có giới đang giữ gìn giới Bốtát, nhưng việc của nàng chưa xong, nàng không thể trở về nhà đứng thờ để thọ thực, nàng suy nghĩ:

- Ta đã nguyện giữ Bốtát giới, ta nên nhịn ăn bữa trưa cho giới được trong sạch vậy. Thế là nàng không về nhà, ở lại Pháp đường.

Vào buổi chiều, Tế lễ sư tiếp tục xử án, nhìn thấy nữ nhân ban sáng, Tế lễ sư suy nghĩ:

- Nàng này có lẽ giữ giới Bốtát nên không kịp trở về nhà thọ thực vào bữa trưa, nên ở lại Công đường đến bấy giờ.

Khi ấy có người mang biểu Tế lễ sư những trái xoài chín, Tế lễ sư lấy một trái xoài chín đưa cho nữ nhân, nói rằng:

- Nàng hãy dùng trái xoài này đi.

- Thưa Ngài, tôi giữ giới Bốtát.

- Mọi người ai cũng biết nàng giữ giới Bốtát, nàng hãy dùng trái xoài này đi. Vào buổi tối, sau khi súc miệng nàng nguyện giữ giới Bốtát cũng được vậy.

E ngại Tế lễ sư sẽ xử án bất lợi cho mình, nếu không làm theo lời Tế lễ sư, nên nữ nhân ấy thọ dụng trái xoài.

Mệnh chung, Tế lễ sư tái sinh vào cảnh giới *ma đói* (peta) Vemānika (Quê-Ma-Ní-Ká)⁽¹⁾, do phước bố thí cho người có giới trái xoài chín, nên *ma đói* Vemānika trú ngụ nơi khu rừng xoài rộng ba dotuần gần bờ sông Kosiki (sông Kosiki (Kô-Sí-Kí) là một chi nhánh của sông Hằng) trong vùng núi HyMāLạpSơn.

Khu rừng xoài này có phong cảnh rất xinh đẹp và thoáng mát, có một cung điện bằng vàng như tòa Thiên cung nơi cõi ĐaoLoi. Vào ban đêm, *ma đói* Vemānika trở thành Thiên nhân, ngụ trong tòa Thiên cung ấy, có 16 ngàn thiên nữ phục vụ, hưởng an lạc trong cảnh giới chư Thiên, đây là quả của việc giữ giới Bốtát vào ban đêm.

Nhưng khi bình minh xuất hiện, vị cung chủ phải rời khỏi thiên cung, lập tức trở thành loài *ma đói* có thân như cây thốt nốt cao 80 hắc tay (# 37m), toàn thân bị ngọn lửa đỏ thiêu đốt như cây phượng vĩ trở hoa, *con ma đói* này chỉ có một ngón tay trên bàn tay, móng ngón tay rất dài và to như cái cuốc.

Ma đói dùng móng tay móc thịt, móc ruột của mình xé ra ăn, nó đau đớn kêu khóc rống lên, tuy vậy, nó vẫn phải dùng móng tay dài móc thịt, cào ruột của mình ra ăn. Đây là ác quả của nghiệp ăn hối lộ rồi xử án bất công.

(1)- Vemānika là loài ma đói, do sinh tiền tạo thiện nghiệp cũng có, tạo ác nghiệp cũng có. Hạng ma đói này ban ngày chịu khổ khốc liệt, nhưng ban đêm hưởng an lạc như chư thiên hay ngược lại ban đêm khổ, ban ngày an lạc. Hoặc có hạng Vemānika nửa tháng khổ, nửa tháng an lạc.

Khi mặt trời lặn thì quả khổ này mất, ma đói trở thành vị thiên nhân, sự việc cứ như thế mà tiếp diễn cho đến khi ác nghiệp hết hiệu lực.

Về Đức vua Brahmadata hiểu rõ đau khổ sinh ra từ tham dục, nên liả bỏ vương quyền, xuất gia làm ẩn sĩ, trú ngụ trong một thảo lư cạnh bờ sông Hằng, nơi có phong cảnh xinh đẹp, bằng lòng với những gì tìm được như trái cây, lá cây, rễ cây ... có chung quanh để dùng qua ngày.

Vào mùa xoài chín, một trái xoài chín rơi xuống dòng suối lớn rồi trôi ra sông Hằng, trái xoài chín trôi đến vùng trú ngụ của vị ẩn sĩ. Ẩn sĩ vớt được trái xoài chín, sau khi thọ dụng xoài chín, tâm ẩn sĩ phát sinh tham đắm vào vị ngọt của xoài, ẩn sĩ dùng những loại trái cây có quanh thảo lư, cảm thấy nhạt nhẽo nên nguyện rằng: "Ta chỉ dùng xoài mà thôi".

Ẩn sĩ ra bờ sông Hằng, nhìn vào dòng sông hy vọng tìm gặp trái xoài chín, quyết không đứng dậy cho đến khi tìm được một trái xoài chín. Sáu ngày trôi qua, thân thể ẩn sĩ khô héo nhưng ẩn sĩ cương quyết không rời khỏi chỗ ngồi, đến ngày thứ bảy, một nữ chư thiên trú ngụ gần đấy thấy ẩn sĩ cứ ngồi cạnh bờ sông nhìn vào dòng nước, nên hiện ra hỏi rằng:

- Thưa Ngài ẩn sĩ. Vì sao sáu ngày qua Ngài ngồi yên nhìn vào dòng nước, không buồn thọ thực chi cả.

- Nàng là ai ? Dạ xoa hay nữ thần?

- Tôi là nữ chư thiên ngụ gần đây, tôi không phải là dạ xoa.

- Nay nữ chư thiên, vì ta dùng hương vị xoài rất ngon ngọt, khi dùng những trái cây chung quanh đây, ta không được hài lòng. Do vậy, ta quyết tìm trái xoài trôi trên dòng sông Hằng này.

- Xưa Ngài là vị Đại vương, Ngài đã từ bỏ mọi dục lạc xuất gia làm ẩn sĩ. Nay vì sao chỉ vì chút tham vị chất mà Ngài chịu khổ cực như thế, việc làm của Ngài ta không tán thán chút nào cả. Trái xoài mà Ngài nhặt được ở trong khu rừng xoài trên thượng nguồn, rất hiếm khi xoài rơi vào giòng sông Hằng này, Ngài chờ đợi thật hoài công.

- Hỡi nữ chư thiên có đại thần lực, nàng nhờ tạo phước thiện nên trở thành một nữ thần cao quý. Nay nàng nhìn thấy người khổ mà không giúp đỡ, trong khi nàng có thể giúp được. Đó là điều bất xứng với nàng vậy.

- Thôi được, nếu Ngài nói thế ta sẽ đưa Ngài đến rừng xoài để Ngài thọ dụng xoài chín theo ý.

Nữ chư thiên dùng thần lực mang Ẩn sĩ đến khu rừng xoài rồi biến mất, Ẩn sĩ dùng xoài thỏa thích cho đến khi hết cơn thèm muốn.

Vào buổi chiều, ẩn sĩ đi dạo trong khu rừng xoài thoáng mát, chợt ẩn sĩ trong thấy *ma đói Vemānika* đang bị ác nghiệp hành hạ cực kỳ thống khổ, Ẩn sĩ kinh hoàng với ác quả của ác bất thiện nghiệp.

Không bao lâu, hoàng hôn xuất hiện, *ma đói Vemānika* trở thành Thiên cung chủ, có những thiên nữ xinh đẹp phục vụ, thọ hưởng an lạc của thiên giới.

Ngạc nhiên, ẩn sĩ hỏi vị Thiên cung chủ rằng:

- Nay Thiên nhân, vì sao ban chiều Ngài thọ thống khổ không sao kể xiết, móc thịt, cào ruột của mình để ăn. Giờ đây lại Ngài hưởng lạc thú nơi thiên giới như vậy.

Thường loài ma đói có thể nhớ lại kiếp trước của mình (chỉ một kiếp thôi, đây là thần thông phát sinh do nghiệp), vị thiên cung chủ đáp rằng:

- Thưa Đại vương, kiếp trước tôi là Tế lễ sư của Ngài. Nhờ Ngài tôi giữ giới Bấtát nửa ngày, nên ban đêm tôi hưởng quả an lạc nơi thiên giới; ban ngày tôi là quan xử án, do ăn hổ lộ xử án bất công, nên tôi phải chịu thống khổ vào ban ngày, phải móc thịt, cào ruột của mình để ăn.

Nghe xong, ẩn sĩ kinh cảm cho tham dục; suy nghĩ: "Ta đã rơi vào tham vị chất, nếu chìm đắm trong đó ta sẽ rơi vào khổ cảnh như vị thiên nhân này".

Thiên cung chủ hỏi:

- Thưa Ẩn sĩ, vì sao Ngài đi đến nơi này?

Ẩn sĩ thuật lại việc của mình, thiên nhân hỏi:

- Ngài muốn lưu trú ở nơi này hay ra đi?

- Ta muốn trở lại thảo am của ta.

- Lành thay, tôi sẽ đưa Ngài trở lại chốn cũ, tôi sẽ thường xuyên dâng Ngài xoài chín.

Vị Thiên nhân đưa Ẩn sĩ trở về thảo am, khuyên Ẩn sĩ sống thiếu dục, biết đủ, rồi ra đi. Từ đó khi mùa xoài chín, thiên nhân thường xuyên cung cấp xoài chín đến ẩn sĩ.

Ẩn sĩ tinh cần tu tập, mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên *Bốn sự thật*, dứt Pháp thoại thính chúng có số chứng Thánh quả Dự Lưu, một số chứng Thánh quả Nhất Lai, một số chứng Thánh quả Bất Lai.

Nhận diện bốn sự.

Nữ chư thiên nay là bà Uppalavaṇṇā, vị Ẩn sĩ nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Jayaddisa (Vương tử chiến thắng).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là em gái của Vương tử Alīnasatta (Vương tử Alīnasatta là tiền thân Đức Thế Tôn)⁽²⁾.

Bốn sự Sudhābhojana (Vật thực trong sạch).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là thiên nữ Heridevatā⁽³⁾.

Bốn sự Vessantara.

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là công nương Kaṇhajinā⁽⁴⁾.

Bốn sự Khaṇḍahāla (còn gọi là Bốn sự Candakumāra).

Trong Bốn sự này, tiền thân bà Uppalavaṇṇā là công nương Selā⁽⁵⁾.

(Trong Bốn sự Tesakuṇa (Ba con chim)⁽⁶⁾ có ghi nhận: Tiền thân bà Uppalavaṇṇā là chim mái có tên là Kundalini (Kun-Đá-Lí-Ni)).

2'- Trưởng lão ni Sakulātherī.

Trong cuộc Kết tập Phật ngôn lần thứ VI, trong bản Sớ giải kinh Tăng chi (Aṅguttara-Atthakathā) Trưởng lão ni Sakulā (Sa-Kú-La) được ghi nhận bằng tên gọi là Bakulā (Bá-Kú-La). Còn trong Bản Sớ giải kinh Tăng chi của Sri Lanā (Tích Lan) bà được ghi nhận là Sakulā; trong Bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão ni" (Therīgāthā-Atthakathā) của cuộc kết tập Phật ngôn lần thứ VI, bà cũng được gọi là Sakulā. Do vậy, chúng tôi chọn tên vị Trưởng lão ni này là Sakulā là dựa vào bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão ni" có nhiều thông tin hơn.

Tiền hạnh.

Kể từ kiếp trái đất này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân Trưởng lão ni Sakulā là Công nương Nandā (Năn-Đa) của vua Ānanda (A-Năn-Đá); Công nương Nandā là em một cha khác mẹ với Đức Thế Tôn Padumuttara.

Công nương Nandā được nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Padumuttara, nàng trở thành cận sự nữ của Đức Thế Tôn Padumuttara. Có lần nàng Nandā được chứng kiến một Trưởng lão ni được Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho địa vị "*tối thắng về thiên nhân*" trong hàng Tỳkhuu ni. Công nương Nandā mong ước đạt địa vị này trong Giáo pháp của Đức Chánh Giác tương lai, nàng cúng dường đến Đức Thế Tôn Padumuttara cùng Tăng

(1)- JA. Kiñchannajāta (Bốn sự Dục Tham Kỳ dị); chuyện số 511.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 9), Vương tử Alīnasatta; JA. Chuyện số 513.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 9).

(5)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

(6)- JA. Tesakuṇajāta (Ba con chim), chuyện số 521.

chúng trọn bảy ngày, vào ngày thứ bảy công nương Nanda phát nguyện “đạt được địa vị tối thắng về Thiên nhân trong Giáo pháp của Đức Chánh Giác tương lai”.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri rằng: “Sau 100 ngàn kiếp trái đất, ước nguyện của nữ cận sự này sẽ thành hiện thực vào thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác Gotama (Gô-Tá-Má)”.

Công nương Nandā tích cực thực hành những thiện pháp trong quảng đời của mình, mệnh chung bà tái sinh về cảnh giới chư thiên. Trải qua 100 ngàn kiếp trái đất, hậu thân công nương Nandā chỉ luân chuyển trong hai cảnh giới: Người và chư thiên.

**Kiếp là nữ du sĩ.*

Vào thời Đức Phật Kassapa (CaDiếp), hậu thân Công nương Nandā tái sinh về nhân giới, và trở thành nữ du sĩ (Paribbājikā).

Sau khi Đức Thế Tôn Kassapa viên tịch, Xá Lợi Phật được tôn trí vào ngôi Bảo tháp (Thūpa) lớn. Một hôm, nữ du sĩ phát sinh một số dầu, bà mang số dầu có được đi đến Bảo tháp cúng dường ánh sáng đến Xá Lợi Phật suốt đêm và ước nguyện đạt được “thiên nhân”. Mệnh chung nữ du sĩ tái sinh về cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba)⁽¹⁾.

**Kiếp sống cuối.*

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại thế, hậu thân Công nương Nandā (Năn-Đa) từ cảnh giới chư Thiên tái sinh về nhân giới, nàng sinh vào gia tộc Balamôn trưởng giả trong kinh thành Sāvattthi được đặt tên là Sakulā (Sá-Kú-La).

Khi trưởng thành, nàng tham dự lễ Lạc thành và cúng dường Đại tự Kỳ Viên (Jetavanavihāra) đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, do Trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) tổ chức suốt bốn tháng.

Nàng Sakulā cảm phục uy lực của Đức Thế Tôn, nàng trở thành cận sự nữ của Giáo pháp này. Về sau, nghe được Pháp thoại từ vị Tỳkhuu Thánh ALaHán, nàng Sakulā khởi tâm muốn xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Sau khi thọ giới Tỳkhuu ni, nàng Sakulā tinh cần tu tập, không bao lâu sau nàng chứng đạt Thánh quả ALaHán Lục thông.

Do tiền duyên đã tạo trong quá khứ, nàng Sakulā nỗ lực thực hành thiền tịnh nhất là phát triển “thiên nhân thông”.

**Được ban địa vị Tối thắng.*

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng tứ chúng nơi Đại tự Kỳ Viên. Đức Thế Tôn dạy rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ Dibbacakkhukānaṃ yadidaṃ sakulā.

“Này các Tỳkhuu, trong hàng Tỳkhuu ni đệ tử của Như Lai, tối thắng về Thiên nhân là Sakulā”⁽²⁾.

Hồi tưởng lại thành quả tốt đẹp đã đạt được của mình, b2 trưởng LÃO NI Sakulā nói lên năm kệ ngôn.

97- Agārasmiṃ vasantīhaṃ, dhammaṃ sutvāna bhikkhuno;

Addasaṃ virajaṃ dhammaṃ, nibbānaṃ padamaccutaṃ.

“Khi sống ở gia đình; nghe Tỳkhuu thuyết pháp.

Ta thấy pháp vô ược; Đạo Nípàn bất tử”.

98- Sāhaṃ puttama dhītarañca, dhanadhaññañca chaḍḍiya;

Kese chedāpayitvāna, pabbajima anagāriyaṃ.

“Từ bỏ con trai, gái; cả tài sản lúa gạo.

Cạo tóc ta xuất gia; sống đời sống không nhà”.

99- Sikkhamānā ahaṃ santī, bhāventī maggamañjasam;

(1)- Thig. vss. 98-101; ThigA. 91; Ap. ii. 569; AA. i. 199

(2)- A.i. 25.

Pahāsiṃ rāgadosañca, tadekaṭṭhe ca āsave.
*"Ta làm người học nữ; tu tập con đường chánh.
Đoạn tận tham và sân; đoạn từng lậu hoặc một".*
100- Bhikkhunī upasampajja, pubbajāṭimanussariṃ;
Dibbacakkhu visodhitam, vimalam sādhubhāvitam.
*"Thọ giới Tỳkhuu ni; ta nhớ đời quá khứ.
Thiên nhãn ta thanh tịnh; không uế, khéo tu tập".*
101- Saṅkhāre parato disvā, hetujāte palokite;
Pahāsiṃ āsave sabbe, sītibhūtāmi nibbutā"ti.
*"Thấy các hàng ngoại diện; do nhân sanh biến hoại.
Ta đoạn mọi lậu hoặc; mát lạnh ta tịch tịnh" (HT.TMC d)⁽¹⁾.*
3'- **Trưởng lão ni Paṭācārā.**
Tiền hạnh.

Cách trái đất này rở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời thế gian rực sáng với Phật quang Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân bà Paṭācārā là con gái của một gia tộc Balamôn trưởng giả.

Có lần nàng được chứng kiến một Trưởng lão ni được Đức Thế Tôn ban cho địa vị "Tối thắng trì Luật", cận sự nữ này ao ước địa vị Tối thắng ấy.

Nàng cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa) cùng Tăng chúng liên tục 7 ngày. Vào ngày thứ bảy, nàng ước nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara đạt được địa vị "Tối thắng trì Luật" trong thời Đức Chánh Giác tương lai.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri rằng: "Sau 100 ngàn kiếp trái đất kể từ kiếp trái đất này, ước nguyện của nữ nhân này sẽ trở thành hiện thực trong thời Đức Chánh Giác Gotama".

Cận sự nữ ấy nỗ lực thực hành những thiện sự trọn kiếp sống của mình, mệnh chung tái sinh về thiên giới. Trải qua 100 ngàn kiếp trái đất, hậu thân nữ gia chủ ấy không hề biết đến bốn khổ cảnh, chỉ luân lưu trong hai cảnh giới chư Thiên và nhân loại.

***Kiếp là Công nương Bikkhunī.**

Trong Hiền kiếp này (Bhaddakappa), vào thời Đức Thế Tôn Kassapa còn tại thế, hậu thân nữ gia chủ ấy tái sinh về nhân giới, là công nương Bikkhunī (Phích-Khú-Ni) con gái thứ tư của Đức vua Kikī (Kí-Ki)⁽²⁾.

Bảy nàng Công nương con gái của Đức vua Kikī cùng nhau kiến tạo một Tự viện cúng dường đến Đức Thế Tôn Kassapa cùng Tăng chúng.

Trong số 7 cô Công nương, có sáu nàng (trừ cô công nương út là Saṅghadāsī) sống đời Phạm hạnh suốt 20 ngàn năm⁽³⁾.

Mệnh chung nàng Bikkhunī tái sinh về cõi Tāvatisa (Ba mươi Ba).

***Kiếp sống cuối cùng.**

Vào thời Đức Thế Tôn Gotama còn tại thế, hậu thân nàng Bikkhunī từ thiên giới tái sinh về nhân giới, là con gái của một Balamôn trưởng giả có tài sản 400 triệu tiền vàng trong thành Sāvatti (XáVệ), nàng rất xinh đẹp.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng được hứa hôn với một thanh niên thuộc gia tộc trưởng giả môn đăng hộ đối, cha mẹ nàng định ngày đưa nàng về nhà chồng. Nhưng nàng trót thương người hầu của cha mẹ, khi được tin này, nàng báo với tình nhân rằng:

(1)- Thig. Sakulātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Sakalā), số 97- 101.

(2)- Đức vua Kikī có 8 nàng con gái. Công nương trưởng là nàng Uracchadā (Ú-rắc-Chá-Đa) nghe pháp từ Đức Phật Kassapa, chứng Thánh quả ALaHán rồi viên tịch ngay trong ngày, còn lại là 7 cô công nương; nàng Bikkhunī đứng hàng thứ ba trong số 7 công nương ấy.

(3)- ThigA. 108; Ap. ii. 557; AA. ii. 194; Dhpa. ii. 260; Dhpa. iii. 434; JA. vi. 481.

- Nay anh, cha mẹ sắp gả em về cho một gia tộc môn đăng hộ đối. Chúng ta không thể ở lại nơi này nữa, anh hãy đưa em trốn khỏi nơi đây, có thể chúng ta mới được gần nhau.

- Lành thay, lành hay. Nay em, chúng ta sẽ trốn khỏi nhà này. Ngày mai anh sẽ đợi em ở cổng thành, em hãy cố gắng ra nơi ấy, chúng ta sẽ rời khỏi nơi đây.

Hôm sau, người hầu trốn nhà đi trước, đến đứng đợi nàng ở cổng thành, nơi đã hẹn trước. Còn nàng, sau khi thu dọn một số tư trang, nàng mặc y phục tầm thường, giả dạng nô tỳ ra sông múc nước; khi ra khỏi nhà, nàng đi nhanh đến nơi đã hẹn.

Cả hai bỏ kinh thành Sāvatti (XáVệ), đến ngôi làng gần bìa rừng cách kinh thành Sāvatti (XáVệ) ba hay bốn tuần để sinh sống.

Hằng ngày người chồng đi vào rừng khai phá đất rừng để trồng hoa màu, mang cây, củ, trái cây rừng ... về nhà; còn người vợ lo việc nhà như mang bình ra sông lấy nước, chẻ củi, nấu cơm, giặt giũ ...

Thời gian sau, người vợ có thai, khi thai bào sắp chào đời, người vợ nói với chồng rằng:

- Thưa anh. ở đây hoang vắng, không có ai giúp đỡ em khi sinh con. Cha mẹ bao giờ cũng có lòng bi悯 đối với con, chúng ta hãy trở về nhà để em sinh con được an toàn và tốt hơn.

- Nay em, anh không dám trở về nhà đâu. Khi gặp mặt anh, cha mẹ sẽ trừng phạt anh ngay, có thể sẽ giết chết anh.

Người chồng không dám trở về nhà của ông bà Trưởng giả là cha mẹ vợ ở kinh thành Sāvatti, cho dù người vợ nhiều lần năn nỉ, người chồng vẫn từ chối.

Người vợ quyết định trở về với cha mẹ của mình, khi người chồng vào rừng làm việc, người vợ bỏ trốn trở về kinh thành Sāvatti. Người chồng về nhà thấy vắng vợ, hiểu ngay rằng : "Vợ ta bỏ về với cha mẹ rồi", người chồng lập tức đuổi theo, gặp được vợ ở giữa đường, người chồng năn nỉ vợ "đừng trở về nhà", nhưng người vợ cương quyết về nhà.

Trong lúc đang co, bỗng người vợ chuyển bụng, sinh ra được một hài tử sau một lúc oằn oại với sự khổ khi sinh con. Người chồng nói rằng:

- Nay em, chúng ta có được đứa con rồi; thôi chúng ta hãy quay trở về nhà của mình đi.

Người vợ suy nghĩ: "Ta muốn trở về nhà để sinh con được an toàn, nay con ta sinh ra được an toàn rồi. Hơn nữa, chồng ta không dám trở về nhà gặp cha mẹ của ta, thôi ta cũng không nên trở về nhà nữa".

Ha vợ chồng cùng ẵm đứa con vừa sinh ra trở lại ngôi nhà cũ.

Thời gian sau, nàng lại có mang, khi thai bào sắp đến thời khai mở, nàng lại xin chồng đưa mình trở về nhà cha mẹ ở kinh thành Sāvatti (XáVệ), người chồng vẫn từ chối như lần trước. Và nàng lén bỏ nhà ẵm con, tìm đường trở lại kinh thành Sāvatti như lần trước.

Người chồng đi làm về, thấy vắng vợ hiểu rằng: "Vợ ta lại bỏ về với cha mẹ của mình rồi".

Và người chồng lập tức đuổi theo, họ lại gặp nhau ở giữa đường; người chồng năn nỉ vợ quay trở về, nhưng người vợ cương quyết không về.

Bỗng trời chuyển mưa lớn, mây đen ùn ùn kéo về, khắp bầu trời sấm sét giáng tứ phía. Bất ngờ, người vợ lại chuyển bụng, nàng nói với chồng rằng:

- Anh ơi, em lại chuyển bụng, em không chịu đựng được với cơn mưa lớn như vậy đâu. Anh cố tìm chỗ cho em trú mưa để sinh nở.

Người chồng dựng một túp lều nhỏ bằng những cây rừng quanh đó, tìm những cành lá để lợp mái, rồi đi cắt những bó cỏ ở một gò cao để lót chỗ nằm cho vợ.

Vì những giọt mưa thấm ướt mình, trong khi anh cắt cỏ, hơi từ trong người anh bốc ra; một con rắn hổ trú trong gò đất cảm thấy khó chịu với mùi lạ này, nó bò ra khỏi hang và mổ vào thân người chồng.

Lập tức nọc độc của rắn chạy nhanh khắp người, anh có cảm giác một luồng lửa nóng chạy nhanh trong thân, anh ngã lả ra nằm bất động rồi chết ngay chỗ ấy.

Trong lúc người chồng bị rắn độc cắn chết, nơi lều trú mưa người vợ chuyển bụng, sau cơn oằn oại khi sinh con, nàng sinh ra một bé trai. Không thấy chồng quay lại, nàng nghĩ "chồng ta có lẽ đã bỏ đi rồi".

Do cơn mưa lớn kéo dài suốt đêm, nên nàng không thể đi tìm chồng.

Khi trời sáng, cơn mưa cũng vừa nhẹ hạt, nàng tay ấm đứa con vừa mới sinh, tay dắt đứa con lớn ra khỏi lều trú mưa, lần theo dấu chân người chồng, nàng đi đến gò đất, nhìn thấy chồng nằm chết trên gò đất, thi thể đã chuyển sang màu xanh đen.

Nàng khóc rống lên rằng: "Chồng là nơi nương tựa của ta, nay đã chết giữa đường rồi. Tất cả chỉ vì ta".

Sau một hồi than khóc, nàng đành mang hai con trở về nhà cha mẹ ruột, nàng công đưa con lớn trên lưng, ấm đứa con vừa sinh trên tay, tìm đường trở về kinh thành Sāvattthi.

Cơn mưa lớn suốt đêm qua, làm nước sông Aciravatī (Á-Chí-Rá-Quá-Ti) dâng cao, nước tạo thành một dòng suối khá sâu, có chỗ sâu đến đầu gối, có chỗ sâu đến ngực và chảy xiết, chắn ngang đường đi.

Nàng nghĩ: "Ta không thể cùng lúc mang hai con sang con suối này được, nàng đặt con trai lớn ngồi ở bên bờ suối này, mang đứa con vừa sinh ra, lội băng qua dòng suối, đặt hài tử nằm trên chỗ cao, rồi nàng quay lại dòng suối, sang bên kia rước đứa con lớn, nàng vừa đi vừa quay lại trông chừng đứa bé sơ sinh.

Khi nàng đi đến giữa dòng suối, một con Kên Kên đi tìm vật thực, thấy đứa bé sơ sinh có màu đỏ, tưởng là miếng thịt, Kên kên từ trên không sà xuống để gắp cục thịt.

Thấy con Kên kên sà xuống, nàng kinh hoàng đưa tay lên hư không vẫy, miệng quát tháo để xua đuổi Kên kên, nhưng vì đứng cách xa, con Kên kên vẫn thản nhiên cắp đứa bé vào hai chân bay lên hư không. Nàng tuyệt vọng đứng nhìn theo con Kên Kên bay xa dần.

Đứa bé bên kia bờ suối thấy mẹ vẫy tay, kêu lớn, nó ngỡ mẹ gọi nên bò đến mẹ và ngã lả xuống dòng suối, bị nước chảy xiết cuốn trôi đi. Nàng lại đứng bất lực nhìn theo dòng nước cuốn đứa con trôi xa, không biết làm cách gì để cứu con mình. Nàng khóc nức nở, thốt lên lời than não nuột rằng:

Ubho puttā kālaṅkatā, panthe mayhaṃ patī mato'ti.

"Hai con ta đều chết, chồng ta cũng chết giữa đường".

Cổ nuốt bi thảm vào trong, nàng băng qua dòng suối trở về kinh thành Sāvattthi (XáVệ), vừa đi vừa than khóc rằng: "Hai con ta đều chết, chồng ta chết giữa đường, đó là lỗi do ta".

Khi đến cổng thành Sāvattthi, vì quá đau khổ nàng không thể tìm đến căn nhà cũ của cha mẹ mình, đồng thời do không rành đường trong kinh thành. Nàng hỏi thăm người trong kinh thành rằng:

- Thưa ông, ông chỉ hộ tôi nhà Trưởng giả tên như vậy... như vậy.

- Cô ở đâu đến đây?

- Tôi cũng là người sống trong thành Sāvattthi trước đây.

Người ấy chỉ cho nàng thấy làn khói bốc lên từ giàn hỏa thiêu, nói rằng:

- Cô có thấy làn khói đen bốc lên không?

- Thưa ông, tôi thấy.

- Đó là nhà của ông bà Trưởng giả mà cô muốn tìm.

- Nhưng, thưa ông, vì sao nơi đó có làn khói đen bốc lên vậy?

- Ngày cô, đêm qua có trận mưa lớn, gió mưa làm sập căn nhà của ông bà trưởng giả. Gia đình ông bà Trưởng giả cùng người con trai đã bị nhà sập đổ đè chết, tất cả đang được thiêu xác trên giàn hỏa.

Nàng chỉ nói được câu nói : "Sao? ông vừa nói gì?", không chịu đựng nổi những thống khổ dồn dập kéo đến, nàng ngã lăn ra bất tỉnh.

Khi tỉnh dậy nàng trở thành người mất trí, không còn biết lễ nghi hay hổ thẹn chi cả, nàng cởi bỏ tất cả quần áo, đi lang thang miệng lẩm nhẩm:

Ubho puttā kālaṅkatā, panthe mayhaṃ patī mato;

Mātā pitā ca bhātā ca, ekacitakasmimṃ dayhare'ti.

"Hai con ta đều chết; chồng cũng chết giữa đường.

Mẹ, cha và em trai, tất cả được thiêu trên giàn hỏa".

**Ý nghĩa từ Paṭācārā.*

Nàng cứ để lỏa thể đi lang thang khắp đường phố, nhiều người thương tình mang cho nàng những tấm y để che thân, nhưng nàng xé bỏ tất cả, nên nàng được gọi là *Paṭācārā* (Pá-Ta-Cha-Ra) nghĩa là: "*Người nữ lỏa thể*", một ý nghĩa khác của từ này là "*người nữ không biết hổ thẹn*".

**Nàng Paṭācārā tìm được sự yên bình.*

Nàng Paṭācārā cứ đi lang thang khắp nơi trong kinh thành Sāvatti, miệng nói lẩm nhẩm:

"Hai con ta đều chết; chồng cũng chết giữa đường.

Mẹ, cha và em trai, tất cả được thiêu trên giàn hỏa".

Dân kinh thành thấy nàng đi đến, xua đuổi rằng: "Hãy đi đi, này con điên khùng". Họ lấy đá, gạch, chai lọ ... ném vào nàng để xua đuổi nàng.

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thế gian, hình ảnh nàng Paṭācārā lọt vào võng trí của Đức Thế Tôn.

Vào buổi chiều, Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, giảng pháp thoại đến thính chúng, Ngài dùng Phật lực hướng nàng Paṭācārā đi lang thang đến Giảng pháp đường, một số cận sự nam nữ cố cản, không cho nàng đi vào hội chúng, Đức Phật dạy:

- Này các cận sự, đừng ngăn cản nàng ấy.

Nàng Paṭācārā miệng lẩm nhẩm đi lần vào Giảng pháp đường, Đức Phật dạy : "Này Paṭācārā, hãy định tâm lại".

Nàng Paṭācārā nghe tiếng gọi, đưa mắt nhìn lên; vừa thấy dung quang của Đức Thế Tôn, nàng chợt tỉnh trí, thấy mình lỏa thể, nàng cảm thấy hổ thẹn, ngồi xuống, cong người lại, khép đôi chân, dùng tay che phần ngực.

Những cận sự trong Giảng pháp đường ném cho nàng tấm y, nàng dùng tấm y đắp vào người để che thân, đi đến quỳ xuống dưới đôi chân có bánh xe với ngàn chấu xe của Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy tế độ con. Một đứa con sơ sinh của con đã bị Kên kên gắp đi, một đứa lớn bị nước cuốn trôi, chồng con chết giữa đường; mẹ, cha, em con cũng chết trong căn nhà sập đổ và cùng hỏa thiêu trên giàn hỏa.

- Này Paṭācārā, chớ nên sầu thảm nữa, con có thể đi đến nơi trú ngụ an lành. Này Paṭācārā, nước mắt của con đổ xuống vì mất những người thân, nhiều hơn nước của bốn đại dương này rồi. Trong vòng luân hồi, nước mắt của một người đổ xuống vì đau khổ khi mất người thân, nhiều hơn cả nước bốn đại dương.

Đức Thế Tôn nói lên Kệ ngôn:

Catūsu samuddesu jalāṃ parittakakaṃ.

Tato bahū assujalāṃ anappakaṃ.

Dukkheṇa puṭṭhassa nārassa socato.

Kimkāraṇā amma tuvaṃ pamajjasī'ti.

"Nước trong bốn biển có bao nhiêu.

Nước mắt so ra mới thật nhiều.

Trong cõi nhân gian đầy khổ lụy.

Sao con lo đến thả xuôi chiều” (ĐTL Pháp Minh dịch).

Tiếp theo, Đức Thế Tôn nói đến sự khổ triền miên tiếp diễn khi còn trôi lăn trong biển sinh tử của vòng luân hồi.

Khi biết nàng Paṭācārā (Pá-Ta-Cha-Ra) đã kiểm soát được tâm, những thống khổ khi mất người thân đã vơi đi, không còn chướng ngại cho hành trình chứng đạt Thánh đạo, Ngài dạy nàng Paṭācārā rằng:

- Nay Paṭācārā, khi một người đã mệnh chung, đã sang thế giới khác, dù cho thân quyến là: Mẹ, cha, chồng, con hay thân quyến cũng không thể bảo vệ được cho người ấy. Thế nên, trong hiện tại, con hãy theo gương các bậc Hiền trí, tự dọn cho mình con đường đi để nơi trú an toàn qua pháp *“gìn giữ Giới luật thật trong sáng”*.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn.

288- Na santi puttā tāṇāya, na pitā nāpi bandhavā;

Antakenādhīpannessa, natthi ñātīsu tāṇatā.

“Một khi tử thần đến; không có con che chở.

Không cha, không bà con; không thân thích che chở”.

289- Etamatthavasam ñatvā, paṇḍito sīlasamvuto;

Nibbānagamaṇam maggaṇam, khippameva visodhaye’ti.

“Biết rõ lý lẽ trên; kẻ trí siêng trì giới.

Thấu triệt đường Nípàn; sớm chứng Thanh tịnh đạo” (HT.TMCD).

Dứt kệ ngôn, nàng Paṭācārā cùng nhiều người chứng Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

**Nàng Paṭācārā chứng Thánh quả ALA Hán.*

Sau khi chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, nàng Paṭācārā suy nghĩ: “Hiện nay ta không còn ai là thân tộc, ta nên xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn”.

Nàng Paṭācārā xin Đức Thế Tôn cho nàng được xuất gia trong Ni đoàn, Đức Thế Tôn gửi nàng đến Ni viện để xuất gia. Và nàng trở thành Tỳkhuu ni trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Trong thời gian nàng Paṭācārā thọ giới Học nữ (Sikkhāmānā), do lời dạy của Đức Thế Tôn khi nàng vừa thoát ra khỏi cơn điên dại: “Nay Paṭācārā, con hãy theo gương các bậc Hiền trí, *“gìn giữ Giới Luật thật trong sáng”*, nàng Học nữ Paṭācārā chuyên tâm học Luật và gìn giữ Luật thật nghiêm minh.

Một hôm, nàng Paṭācārā cầm bình đi múc nước để rửa chân, những giọt nước từ chân của nàng chảy lan ra một khoảng rồi dừng, lần thứ hai, những giọt nước lan ra xa hơn rồi dừng, lần thứ ba những giọt nước càng lan ra xa hơn rồi dừng⁽²⁾. Hình ảnh này tạo ấn tượng trong tâm của nàng, nàng suy quán rằng: “Có hạng chúng sinh chết khi tuổi còn thơ ấu, có hạng chúng sinh chết khi tuổi trung niên, có hạng chúng sinh chết khi tuổi đã già. Và tất cả chúng sinh đều phải chịu sự chết chi phối”.

Nàng chú tâm quán xét về tướng vô thường (aniccalakkhaṇa) qua hiện tượng sự chết, dần dần *tướng khổ* (dukkhalakkhaṇa) của tất cả pháp hữu vi hiện rõ trong tâm của nàng, nàng tinh cần quán xét và *tướng rỗng không* (suññatalakkhaṇa) của sự vô ngã (anatta) hiện dần lên trong tâm của nàng.

(1)- Dhp. Câu 288- 289.

(2)- Đoạn kinh văn trên, Ngài Đại Trưởng lão Pháp Minh có cước chú rằng: “Ngài dịch theo nguyên bản Pāli: “Sā ekadivasam kuṭena udakam ādāya pāde dhovanti udakam āsiñci, tam thokam gantvā pacchijji. Dutiyavāre āsittam tato dūratarāgam agamāsi. Tatiyavāre āsittam tatopi dūrataranti ...”.

Trong Bản Kinh Pháp cú do Ngài Đại Trưởng lão Nārada soạn, 0, Phạm Kim Khánh dịch là: “Trong khi rửa chân bên bờ suối, bà ghi nhận rằng: “Những giọt nước từ chân bà rơi xuống, gieo điểm trên dòng nước chảy rồi tan đi. Điểm thì tan gần, điểm tan ra xa”. (Xem Chú Giải kinh Pháp Cú, Ngài ĐTL Pháp Minh (d). Kệ ngôn số 113).

Để quán xét sâu sắc về hiện tượng Tam tướng, nàng đi vào chỗ ngụ riêng của mình trong Tự viện, nơi có nhiệt độ (tejo) thích hợp với nàng.

Trong liêu thất riêng, nàng thấp lên ngọn đèn ở nơi thường đặt đèn, nằm trên giường nhìn ánh lửa đèn để quán xét. Do ngọn đèn quá sáng không lộ rõ tướng vô thường, nàng dùng cây kim ấn tim đèn xuống thấp để ngọn lửa khi mờ khi tỏ rạng.

Nơi Hương thất, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét, thấy được nàng Paṭācārā đang nỗ lực thực hành pháp quán xuyên qua hiện tượng sự chết.

Đức Thế Tôn quán xét rằng: “Nàng Paṭācārā tự mình có thể chứng đắc Thánh quả ALaHán được chăng?”. Ngài thấy rằng: “Nàng Paṭācārā cần sự hỗ trợ từ bên ngoài”.

Từ nơi Hương thất, Đức Thế Tôn phóng hào quang xuất hiện trước mặt nàng, nói lên kệ ngôn:

113- Yo ca vassasatam jīve, apassam udayabbayam;

Ekāham jīvitam seyyo, passato udayabbayam.

“Ai sống một trăm năm; không thấy pháp Sinh Diệt.

Tốt hơn sống một ngày; thấy được pháp Sinh Diệt” (HT. TMC d).

Nàng đưa tâm quán tưởng lời dạy Bạc Đạo Sư, chứng Thánh quả ALaHán cùng Tuệ phân tích ngay tại chỗ ngồi⁽¹⁾.

Về sau bà Paṭācārā trở thành vị Trưởng lão ni danh tiếng, nhiều nữ nhân bị sầu khổ chi phối, tìm đến bà xin chỉ giáo và những người này tìm được sự an lạc nội tâm.

***Được ban địa vị Tối thắng.**

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng Tứ chúng nơi Giảng Pháp đường trong Đại tự KỳViên, Đức Thế Tôn dạy rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ Vinayadharānaṃ yadidaṃ paṭācārā.

“Này các Tỳkhuu, trong hàng Tỳkhuu ni đệ tử của Như Lai, “gìn giữ Luật tối thắng” là Paṭācārā”⁽²⁾.

Trưởng lão ni Paṭācārā là hình ảnh “con người bị khổ đau dày xéo, được Giáo pháp của Đức Thế Tôn xoa dịu, đưa đến nơi an lành tuyệt đối”⁽³⁾.

***Kệ ngôn Trưởng lão ni Paṭācārā.**

Hồi tưởng lại cuộc đời mình, suy tư đến những thành quả chứng đạt được khi còn là Học nữ, hân hoan nàng nói lên kệ năm ngôn.

112- Naṅgalehi kasam khettaṃ, bījāni pavapaṃ chamā;

Puttadārāni posentā, dhanam vindanti māṇavā.

“Với cây, cày ruộng đất; gieo hạt giống trên đất.

Loài người được tài sản; nuôi dưỡng vợ và con”.

113 -Kimahaṃ sīlasampannā, satthusāsanakārikā;

Nibbānaṃ nādhigacchāmi, akusītā anuddhatā.

“Sao ta, giới đầy đủ; làm theo Đạo Sư dạy.

Lại không chứng Nípàn; không nhác, không dao động”.

114- Pāde pakkhālayitvāna, udakesu karomahaṃ;

Pādodakañca disvāna, thalato ninnamāgataṃ.

Tato cittaṃ samādhesiṃ, assaṃ bhadravajāniyaṃ.

“Khi ta đang rửa chân; làm cho dòng nước chảy.

Thấy được nước rửa chân; từ cao chảy xuống thấp.

Nhờ vậy, tâm được định; như ngựa hiền khéo luyện”.

115- Tato dīpaṃ gahetvāna, vihāraṃ pāvisiṃ ahaṃ;

Seyyaṃ olokayitvāna, mañcakamhi upāvisiṃ.

(1)- AA. i. 194; Dhpa. Kệ ngôn số 113; ThigA. Kệ ngôn số 112- 116.

(2)- A.i. 25.

(3)- DA. iii. 746; MA. i. 188; UdA. 127.

*“Rồi ta cầm cây đèn; bước vào ngôi tinh xá.
Nằm trên chiếc giường nhỏ; ta nhìn quán ngọn đèn”.*
116- Tato sūcim̐ gahetvāna, vaṭṭim̐ okassayāmaḥam̐;
Padīpasseva nibbānaḥ, vimokkha ahu cetaso”ti.
*“Rồi lấy cây kim nhỏ; dìm tim đèn xuống dần.
Thấy cây đèn Nípàn; tâm ta được giải thoát”*(HT. TMC d)⁽¹⁾.
**Những Tỳkhuu ni đệ tử của bà Paṭācarā.*

Trưởng lão ni Uttamā.

Tiền hạnh.

Theo tập Apadāna (Thánh nhân Ký sự) (được tập “Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni”(Therīgāthā- Atthakathā) trích dẫn).

Vào thời Đức Thế Tôn Vipassī (Quý-Pát-Si), tiền thân Trưởng lão ni Uttamā (Út-Tá-Ma) là một nô tỳ của một Trưởng giả trong thành Bandumatī (Bản-Thú-Má-Ti), bấy giờ Đức vua Bandhumā (Bản-Thú-Ma) cha của Bốtát Vipassī (Quý-Pát-Si) quy ngưỡng Đức Thế Tôn Vipassī, thực hành pháp theo lời dạy của Đức Thế Tôn Vipassī là “giữ Bốtát giới (Uposathasīla)” trắng tròn, sau khi cúng dường đến Đức Thế Tôn Vipassī cùng Tăng chúng, Đức vua Bandhumā đến nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Vipassī.

Cư dân kinh thành Bandhumatī theo gương Đức vua Bandhumā giữ gìn “Bốtát giới”, trong đó có nàng nô tỳ ấy.

Mệnh chung, hậu thân nữ nô tỳ tái sinh về cõi Tāvatisa (Ba mươi Ba), là Thiên hậu của Thiên vương Sakka (ĐếThích) 64 lần, và trở thành Chánh hậu của vua Chuyển Luân nơi nhân giới 63 lần⁽²⁾. Như tập Apadāna (Thánh nhân ký sự) có ghi nhận.

138. Catusaṭṭhidevarājūnaḥ mahesittamakārayim̐,
tesaṭṭhikkavattinaḥ mahesittamakārayim̐.

Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi bốn vị Thiên Vương.

Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi ba vị Chuyển Luân Vương ⁽³⁾.

**Kiếp cuối*

Vào thời Đức Thế Tôn Gotama (Gô-Tá-Má) còn tại thế, hậu thân nữ nô tỳ tái sinh về nhân giới, là con gái một Trưởng giả có đại tài sản trong thành Sāvatti (XáVệ), được đặt tên là Uttamā (Út-Tá-Ma).

Theo tập Apadāna (Thánh nhân ký sự), bà Uttamā xuất gia lúc 7 tuổi; sau hai tuần bà chứng đạt Thánh quả ALaHán. Bà chính là Trưởng lão ni Ekuposathikā (Ê-Kú-Pô- Sá-Thí-Ka) được đề cập trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

Theo tập “Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni”, khi bà Uttamā lớn tuổi, nghe được Pháp thoại từ bà Paṭācarā (Pá-Ta-Cha-Ra), bà xin gia nhập vào Ni đoàn.

Nhưng Tỳkhuu ni Uttamā không thể triển khai được thiền quán (vipassanā) vì không thể định tâm được.

Có lần bà theo hội chúng đến nghe pháp từ Trưởng lão ni Paṭācarā, Trưởng lão ni với tâm mình biết được tâm của Tỳkhuu ni Uttamā, thuyết lên Pháp thoại nói về Uẩn (khandha), Xứ (Ayatana) và Giới (Dhātu).

Hân hoan, bà Uttamā đưa tâm quán xét theo lời dạy của Trưởng lão ni Paṭācarā, dứt pháp thoại bà Uttamā chứng đạt Thánh quả ALaHán Tuệ phân tích.

Suy tư đến thành quả tốt đẹp đã chứng đạt được, bà nói lên ba kệ ngôn như xác định Thánh trí của mình⁽⁵⁾.

42- Catukkhattum̐ pañcakkhattum̐, vihārā upanikkhamim̐;

(1)- ThigA. Paṭācarātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Paṭācarā), số 112- 116.

(2)- Tập Sớ giải “Kệ ngôn Trưởng lão ni” ghi nhận: “Nàng sinh về cõi Tusita (Đầu Suất)

(3)- ĐĐ. Indacanda (d). Thánh nhân ký sự II. Ký sự Trưởng lão ni Ekuposathikā.

(4)- Ap. ii. 522.

(5)- ThigA. 46.

Aladdhā cetaso santim, citte avasavattinī.

“Bốn lần và năm lần; ta ra khỏi tinh xá.

Nhưng tâm không an tịnh; không nhiếp phục được tâm”.

43- Sā bhikkhunim upagacchim, yā me saddhāyikā ahu;

Sā me dhammadesesi, khandhāyatanadhātuyo.

“Ta đến Tỳkhuu ni; với ta đồng tín nữ.

Nàng thuyết pháp cho ta; với uẩn, xứ và giới”.

44- Tassā dhammaṃ suṇitvāna, yathā maṃ anusāsi sā;

Sattāhaṃ ekapallaṅkena, nisīdim pītisukhasamappitā

Aṭṭhamiyā pāde pasāresim, tamokhandhaṃ padāliya”ti.

“Nghe xong pháp nàng thuyết; như nàng đã dạy ta.

Bảy ngày ngồi kiết-già; Ta thọ hưởng hỷ lạc.

Mồng tám ta duỗi chân; phá tan khối si ám”(HT TMC d)⁽¹⁾.

Trưởng lão ni Candā.

Trong thời Đức Thế Tôn Gotama (Gô-Tá-Má) còn tại thế, bà sinh ra trong một gia đình Balamôn nghèo khổ, trong một ngôi làng Balamôn nơi vùng quê, ít được người biết đến, được đặt tên là Candā (Chăn-Đa).

Từ nhỏ, nàng Candā sống trong điều kiện thiếu thốn nhiều mặt; khi vừa đến tuổi trưởng thành, một bệnh thời khí phát sinh làm cả nhà đều mệnh chung, chỉ còn lại mình nàng, nàng phải đi xin ăn từ nhà này sang nhà khác với cái bát vỡ.

Nàng sống cuộc sống ăn xin trọn bảy năm, bữa no bữa đói, bị rét lạnh hay nắng nóng khô cằn, không nơi nương trú; lang thang từ nơi này đến nơi khác.

Một hôm, nàng Candā đến xin ăn nơi nhà một cận sự trong thành Sāvattthi (XáVệ), hôm ấy Trưởng lão ni Paṭācārā cùng các Tỳkhuu ni được gia chủ cúng dường vật thực. Nhìn thấy nàng Candā đang cầm bát vỡ đứng xin ăn trước cửa, Trưởng lão ni Paṭācārā bị mến, bố thí cho nàng những tàn thực của vị ấy.

Sau khi dùng tàn thực của Trưởng lão ni Paṭācārā xong, nàng Candā ngồi xuống một bên, Trưởng lão ni Paṭācārā giảng pháp thoại đến nàng; nghe xong Pháp thoại, nàng Candā hoan hỷ, xin được xuất gia trong Giáo pháp này.

Sau khi xuất gia, nàng Candā thực hành theo lời dạy của Trưởng lão ni Paṭācārā, tu tập thiền tịnh rồi triển khai thiền quán với sự nhiệt tâm và tinh cần.

Cảm thán với nỗi khổ luân hồi, một hôm nàng Candā với dũng lực mạnh mẽ, nỗ lực hành pháp quán. Với trí tuệ chín muồi, nàng chứng đạt Thánh quả ALaHán với Tuệ phân tích.

Hân hoan với Thánh quả ALaHán chứ1ng đạt được, nàng Candā nói lên năm kệ ngôn.

122- Duggatāhaṃ pure āsim, vidhavā ca aputtikā;

Vinā mittehi nātīhi, bhattacoḷassa nādhigaṃ.

“Trước ta sống bất hạnh; không chồng và không con.

Không bè bạn, bà con; không có cơm, có áo”.

123- Pattaṃ daṇḍaṅca gaṇhitvā, bhikkhamānā kulā kulam;

Sitūhena ca dayhantī, satta vassāni cārihaṃ.

“Ta cầm gậy bình bát; đi ăn xin từng nhà.

Bị lạnh nóng đày đọa; bảy năm ta sống vậy”.

124- Bhikkhunim puna disvāna, annapānassa lābhiniṃ;

Upasaṅkamma avocaṃ, “pabbajjaṃ anagāriyaṃ”.

“Thấy được Tỳkhuu ni; ta nhận đồ ăn uống”.

Sau khi đến, ta xin; được xuất gia không nhà”.

(1)- Thig. Uttamātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Uttamā) số 42 -44.

125- Sā ca maṃ anukampāya, pabbājesi paṭācārā;
Tato maṃ ovaditvāna, paramatthe niyojayi.

*“Nàng Pá-Ta-Cha-Ra; thương ta, cho xuất gia.
Rồi giảng dạy cho ta; hướng dẫn đến chân đế”.*

126- Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā, akāsiṃ anusāsanīṃ;
Amogho ayyāyovādo, tevijjāmi anāsavā’ti.

*“Nghe xong lời nàng giảng; ta làm theo lời dạy.
Lời giảng bậc tôn Ni; không phải lời trống không.
Ta chứng được Ba minh; ta không còn lậu hoặc” (HT. TMC d)⁽¹⁾.
Trưởng lão ni Uttarā.*

Trong thời Đức Thế Tôn Gotama tại tiền, nàng sinh ra trong một gia tộc là tộc trưởng Balamôn trong thành Sāvatti (XáVệ), được đặt tên là Uttarā (Út- Tá-Ra).

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng Uttarā được nghe Pháp thoại từ Trưởng lão ni Paṭācārā, nàng trở thành cận sự nữ trong Giáo pháp này do Trưởng lão ni Paṭācārā tiếp dẫn. Rồi sau đó, nàng Uttarā xin được xuất gia trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn.

Một hôm, với nghị lực kiên cường, khi ngồi vào chỗ tu tập thiền tịnh như thường lệ, nàng Uttarā (Út-Tá-Ra) phát nguyện: “Nếu không chứng đạt Thánh quả ALaHán, ta không rời khỏi chỗ ngồi này”, nàng nỗ lực triển khai pháp quán theo lời dạy của Trưởng lão ni Paṭācārā.

Khi đêm gần mãn, bình minh sắp ló dạng, nàng Uttarā chứng đạt Thánh quả ALaHán. Hân hoan với Thánh quả chứng đạt được, nàng nói lên bảy kệ ngôn, khi đêm mãn, bình minh xuất hiện, nàng Uttarā từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến bà Paṭācārā, lập lại bảy kệ ngôn trên như xác định Thánh trí của mình.

175- Musalāni gahetvāna, dhaññaṃ koṭṭenti māṇavā;
Puttadārāni posentā, dhanam vindanti māṇavā.

“Loài Người trong tuổi trẻ; cầm chày giã lúa gạo”.
Tuổi trẻ được tài sản; nuôi dưỡng vợ và con.

176- Ghaṭetha buddhasāsane, yaṃ katvā nānutappati;
Khippaṃ pādāni dhovivā, ekamantaṃ nisīdatha.

*“Hãy hành lời Phật dạy; không làm gì nhiệt não.
Rửa chân thật mau lẹ; hãy ngồi xuống một bên”.*

177- Cittam upatthapetvāna, ekaggaṃ susamāhitam;
Paccavekkhatha saṅkhāre, parato no ca attato’.

*“Sau khi an trú tâm; nhứt tâm, khéo định tĩnh.
Hãy quán sát các hành; thuộc ngoại, không thuộc ngã”.*

178- Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā, paṭācārānusāsanīṃ;
Pāde pakkhālayitvāna, ekamante upāvisiṃ.

*“Ta nghe lời giáo huấn; lời Pá-Ta-Cha-Ra.
Sau khi ta rửa chân; bước vào, ngồi một bên”.*

179- Rattiyā purime yāme, pubbajātimanussariṃ;
Rattiyā majjhime yāme, dibbacakkhum visodhayiṃ.

*“Trong đêm canh thứ nhất; ta nhớ đời quá khứ.
Trong đêm canh chặng giữa; Thiên nhãn được thanh tịnh”.*

180- Rattiyā pacchime yāme, tamokkhandham padālayiṃ;
Tevijjā atha vuṭṭhāsiṃ, katā te anusāsanī.

*“Trong đêm canh cuối cùng; khối si ám tan tàn.
Từ ba minh, đứng dậy; Giáo huấn Ngài, làm xong”.*

181- Sakkamva devā tidasā, saṅgāme aparājitam;

(1)- ThigA. p. 120; Thig. Candātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Candā); số 122- 126.

Purakkhatvā vihassāmi, tevijjāmi anāsavā.

“Như Thiên chủ Sakka; ở cõi trời Ba mươi Ba.

Không bao giờ bại trận; ở tại các chiến trường.

Ta sống, tôn xưng Ngài; là bậc Thầy lãnh đạo.

Ta chứng được ba minh; ta không còn lậu hoặc. (HT. TMC d)⁽¹⁾

Ba mươi Tỳkhuu ni tuyên bố Chánh trí dưới sự dẫn dắt của bà Paṭācārā.

Ba mươi Trưởng lão ni này là những nữ nhân trong nhiều gia tộc khác nhau, mỗi người chịu nỗi khổ riêng, nên tìm đến Trưởng lão ni Paṭācārā nhờ bà xoa dịu nỗi khổ.

Tất cả nghe Pháp thoại từ bà Paṭācārā, và trở thành nhóm môn đệ cận sự nữ của Trưởng lão ni Paṭācārā, cuối cùng nhóm ba mươi người này xin xuất gia trong Ni đoàn.

Nhóm ba mươi Tỳkhuu ni này làm tròn mọi bốn phận, sống khép mình vào giới hạnh, Trưởng lão ni Paṭācārā thuật pháp giáo giới cho ba mươi vị nữ ni này như sau.

117- Musalāni gahetvāna, dhaññaṃ koṭṭenti māṇavā;

Puttadārāni posentā, dhanam vindanti māṇavā.

“Loài Người trong tuổi trẻ; cầm chày giã lúa gạo.

Loài Người được tài sản; nuôi dưỡng vợ và con”.

118- Karoṭha buddhasāsanam, yaṃ katvā nānutappati;

Khippam pādāni dhovivā, ekamante nisīdatha;

Cetosamathamuyuttā, karoṭha buddhasāsanam.

“Hãy hành lời Phật dạy; không làm gì nhiệt não.

Rửa chân thật mau lẹ; hãy ngồi xuống một bên.

Chú tâm tu tâm chỉ, làm theo lời Phật dạy”.

119- Tassā tā vacanam sutvā, paṭācārāya sāsanaṃ;

Pāde pakkhālayitvāna, ekamantaṃ upāvisuṃ;

Cetosamathamuyuttā, akāṃsu buddhasāsanam.

“Sau khi nghe lời dạy; lời Pá-Ta-Cha-Ra.

Sau khi rửa chân xong; họ vào ngồi một bên.

Chú tâm tu tâm chỉ, làm theo lời Phật dạy”.

120- Rattiyā purime yāme, pubbajātimanussarum;

Rattiyā majjhime yāme, dibbacakkhum visodhayum;

Rattiyā pacchime yāme, tamokhandham padālayum.

“Trong đêm canh thứ nhất, họ nhớ đời quá khứ.

Trong đêm canh chạng giữa, Thiên nhân được thanh tịnh.

Trong đêm canh cuối cùng; khối si ám phá tan.

Ba mươi vị Tỳkhuu ni thực hành theo lời dạy của bà Paṭācārā, do duyên lành đã thuần thực, dẫn đến trí quán chín muồi, các Nữ ni nỗ lực thực hành pháp chứng đạt Thánh quả ALaHán cùng với Tuệ phân tích.

Hân hoan với thành quả chứng đạt được, các Trưởng lão ni này thêm một kệ ngôn nổi tiếp kệ ngôn của bà Paṭācārā, như xác định Thánh trí của mình.

121- Uṭṭhāya pāde vandimsu, ‘katā te anusāsanī;

Indamva devā tidasā, saṅgāme aparājitam;

Purakkhatvā vihassāma, tevijjāmi anāsavā”ti.

“Đứng dậy họ lễ chân; vị giáo giới cho họ.

Như Chư Thiên ba mươi, đánh lễ vị Sakka.

Vị không bị đánh bại, ở lại chỗ chiến trường.

Đặt Pá-Ta-Cha-Ra, vào hàng bậc lãnh đạo.

Chúng tôi sẽ được sống; Ba minh, không lậu hoặc” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

(1)- ThigA. 161-2; Thig. Uttarātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Uttarā); số 175 – 181.

Năm trăm Paṭācārā.

Trong thời Đức Thế Tôn Gotama còn tại thế, năm trăm vị nữ Thánh này là những nữ nhân trong những gia tộc khá giả, trú ngụ nhiều chỗ khác nhau trong kinh thành Sāvatti.

Trước khi xuất gia, các vị Nữ Thánh này đều có chồng và có con, nhưng rồi tất cả đều bị sự đau khổ “mất con” vào những thời điểm khác nhau dày vò; năm trăm nữ nhân này nghe được giai thoại của Trưởng lão ni Paṭācārā bị đau khổ vì mất chồng, con cùng thân quyến đến nỗi phải mất trí, họ tìm đến Trưởng lão ni Paṭācārā để nhờ Trưởng lão ni xoa dịu nỗi khổ của mình theo từng thời điểm khác nhau.

Trưởng lão ni xoa dịu nỗi khổ của các nữ nhân này bằng những kệ ngôn.

127- Yassa maggaṃ na jānāsi, āgatassa gatassa vā;

Taṃ kuto cāgataṃ sattaṃ, ‘mama putto’ti rodasi.

“Nàng không biết con đường; nó đến hay nó đi.

Từ đâu con trai đến; nàng lại khóc: “Con tôi”.

128- Maggañca khossa jānāsi, āgatassa gatassa vā;

Na naṃ samanusoceṣi, evaṃdhammā hi paṇino.

“Nàng đâu biết con đường; nó đến hay nó đi.

Nàng khóc nó làm gì? Pháp hữu tình là vậy”.

129- Ayācito tatāgacchi, nānuññāto ito gato;

Kutoci nūna āgantvā, vasitvā katipāhakaṃ;

Itopi aññena gato, tatopaññena gacchati.

“Không có ai yêu cầu; từ chỗ kia, nó đến.

Không có ai cho phép; từ chỗ này, nó đi.

Từ đâu, nó đến đây! được sống bấy nhiêu ngày”.

130- Peto manussarūpena, saṃsaranto gamissati;

Yathāgato tathā gato, kā tattha paridevanā.

“Từ chỗ này nó đến; từ chỗ kia, nó đi.

Nó đến một con đường! nó đi một con đường.

Mệnh chung, hình sắc người; luân hồi, nó sẽ đi!

Đến vậy, đi như kia; ở đây, khóc than gì?”.

Sau khi nghe Trưởng lão ni Paṭācārā Giáo giới, tâm các nữ nhân này dao động mạnh, xin được xuất gia trong Ni đoàn dưới sự hướng dẫn của bà Paṭācārā.

Các nữ ni này tinh cần thực hành pháp quán dưới sự chỉ dạy của bà Paṭācārā, các nàng chứng đạt Thánh quả ALaHán với Tuệ phân tích.

Suy tư đến Thánh quả thành tựu được, các nàng lập lại kệ ngôn của bà Paṭācārā, rồi thêm vào kệ ngôn của mình như sau:

131- Abbahī vata me sallamaṃ, duddasaṃ hadayassitaṃ;

Yā me sokaparetāya, puttasaṃ byapānudi.

“Cây tên, khó thấy được; từ tim ta, nổ lên.

Nàng diệt sâu vì con; sâu ấy ám ảnh ta”.

132- Sājja abbūlhasallāhaṃ, nicchātā parinibbutā;

Buddhaṃ dhammañca saṅghañca, upemi saraṇaṃ munimaṃ”.

“Nay cây tên được nhổ; không dục cầu, tịch tịnh.

Ta quy y ẩn sĩ; Phật, Pháp và chúng Tăng” (HT. TMC d).

Về sau những Thánh nữ ALaHán này rất giỏi về lời dạy của Trưởng lão ni Paṭācārā. Có tất cả là 500 vị Nữ Thánh ALaHán này, nên được gọi là “nhóm năm trăm Paṭācārā”⁽²⁾.

(1)- Thig. Kệ ngôn số 117 – 122.

(2)- ThigA. 136; Thig. Pañcasatamattātherīgāthā (Kệ ngôn nhóm 500 Tỳkhuu ni), số 127- 132.

4'- *Trưởng lão ni Kisāgotamī.*

**Tiền hạnh.*

Cách kiếp trái đất này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa) còn tại thế, tiền thân bà Kisāgotamī (Kí-Sa-Gô-Tá-Mi) sinh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Hamsavatī (Hãng- Sá-Quá-Ti). Sau nghe nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Padumuttara, nàng trở thành cận sự nữ trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Padumuttara.

Có lần, nàng cận sự nữ này chứng kiến một Tỳkhuu ni mà nàng sùng mộ được Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho địa vị "*Tối thắng về hạnh mang y thô xấu* (lūkhacīvaradharānam)". Nàng ước nguyện được địa vị này vào thời Đức Chánh Giác tương lai, nên cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn Padumuttara cùng Tăng chúng trọn bảy ngày.

Vào ngày thứ bảy, nàng phát nguyện đạt được địa vị "*Tối thắng về hạnh mang y thô xấu*" trong hàng Tỳkhuu ni của Đức Chánh Giác tương lai.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri rằng: "Kể từ kiếp trái đất này, sau 100 ngàn kiếp trái đất, ước nguyện của cận sự nữ này sẽ trở thành hiện thực vào thời Đức Chánh Giác Gotama (Gô-Tá-Má).

Cận sự nữ ấy thực hành thiện sự trọn kiếp sống của mình. Mệnh chung tái sinh về Thiên giới, trải qua 100 ngàn kiếp trái đất, hậu thân nữ gia chủ ấy chỉ luân lưu trong hai cảnh giới chư Thiên và người, không hề biết đến bốn khổ cảnh.

**Kiếp là Công nương của vua Kikī.*

Trong kiếp trái đất này, vào thời Đức Chánh Giác Kassapa (CaDiếp), hậu thân nữ gia chủ ấy tái sinh về nhân giới nơi kinh thành Bārānasī (BaLaNại), là Công nương thứ năm (trong bảy nàng Công nương còn lại) của Đức vua Kikī (Kí-Ki), nàng có tên gọi là Dhammā (Thăm-Ma), trọn 20 ngàn năm nàng Dhammā sống đời Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa (CaDiếp)⁽¹⁾. Mệnh chung, nàng Dhammā tái sinh về Thiên giới.

**Kiếp sống cuối.*

Vào thời Đức Thế Tôn Gotama còn tại thế, hậu thân nàng Dhammā tái sinh về nhân giới, trong một gia tộc Trưởng giả nơi kinh thành Sāvattī (XáVệ), được đặt tên là Gotamī (Gô-Tá-Mi), nhưng vì có thân hình mảnh mai, nên được gọi là Kisāgotamī (KiềuĐàm mảnh mai).

Do ác nghiệp chen vào trả quả, nên sự thịnh vượng của gia tộc dần dần bị suy giảm và gia tộc ấy trở nên nghèo khổ.

Hết thiện nghiệp trong quá khứ, trở nên nghèo khổ.

Đức Thế Tôn có dạy trong Nidhikaṇḍa Suttaṃ (Kinh. Chương Tài sản) rằng:

Yadā kammakkhayo hoti, sabbamettaṃ vinasati:

"Khi nghiệp chấm dứt, tất cả đều không còn".

Ở đây, "khi thiện nghiệp không còn, mọi tài sản đều biến mất".

Có một Trưởng giả trong thành Sāvattī (XáVệ), có tài sản là 400 triệu tiền vàng, đột nhiên toàn bộ những kho tiền vàng của Trưởng giả đều biến thành những kho than đen, những viên ngọc quý trở thành sỏi, đá.

Trưởng giả sầu não, bỏ cả ăn uống, nằm trên giường than thở cho số tài sản của mình bị biến mất.

Một người bạn của Trưởng giả đến thăm, thấy Trưởng giả sầu não, nằm trên giường, hỏi rằng:

- Ngày bạn, vì sao bạn sầu thảm như thế?

(1)- Ap. ii. 564; ThigA. 190.

- Nay bạn, chẳng hiểu vì sao tất cả những kho tiền vàng của tôi đều biến thành than đen, ngọc quý của tôi trở thành sỏi đá.

- Nay bạn, đó là do bạn hết phước rồi, nên tài sản của bạn biến thành than đen, sỏi đá. Bạn đừng sầu thảm nữa, tôi có phương cách giúp bạn khôi phục lại số tài sản này.

Trưởng giả vô cùng mừng rỡ, hỏi rằng;

- Nay bạn, tôi phải làm sao?

- Bạn hãy ra chợ, trải chiếc chiếu rộng, mang số than trong kho ra đổ trên chiếu thành đồng, bạn giả trang là người bán than.

Nếu có người hỏi: "Những người khác bán vải, lụa, dầu, mật, đường ... còn ông, sao ông lại bán than", bạn hãy đáp rằng: "Tài sản của tôi, tôi không bán thì tôi bán cái gì?". Có ai "mua than", bạn đừng bán.

Nếu có người hỏi: "Những người khác bán vải, lụa, dầu, mật, đường ... còn ông, sao ông bán vàng?". Bạn hãy nói: "Tôi bán than mà, vàng ở đâu?", nếu người đó chỉ đồng than, bảo là "vàng"; bạn hãy nói: "Nếu là đó vàng, hãy lấy cho tôi xem?". Khi người ấy lấy than trao cho bạn, than ấy sẽ trở thành vàng.

Nếu người ấy là cô gái, bạn hãy cưới về cho con trai bạn, rồi giao hết tài sản cho nàng ấy quản lý; nếu người ấy là nam, bạn hãy mang về gả con gái mình cho người ấy, rồi giao toàn bộ tài sản cho cậu ấy. Thế là tài sản của bạn được người có phước nắm giữ, nó sẽ trở lại như xưa.

Nghe vậy, Trưởng giả vô cùng mừng rỡ, làm theo lời dạy của người bạn.

Khi ấy, nàng Kisāgotamī (Kí-Sa-Gô-Tá-Mi) vừa tròn 16 tuổi, một hôm nàng ra chợ mua một ít vật dụng, đi ngang qua cửa hàng than, nàng nhìn thấy một đồng tiền vàng đang lấp lánh dưới ánh mặt trời, ngạc nhiên nàng hỏi Trưởng giả đang ngồi bán than rằng:

- Nay ông, người khác bán "vải, lụa, mật, dầu ... còn ông, sao ông bán vàng? Ông không sợ người khác cướp hay sao?".

Vô cùng mừng rỡ, Trưởng giả nói:

- Nay cô, tôi bán than, không phải vàng đâu.

- Tôi thấy rõ ràng là vàng mà.

- Cô nói là vàng, đâu cô mang cho tôi xem nào.

- Nàng KiềuĐàm mảnh mai (Kisāgotamī) lấy một ít than trong đồng than cầm trên tay; lạ thay, than đen biến thành những đồng tiền vàng. Cô đưa cho Trưởng giả, Trưởng giả nhận lấy những đồng tiền vàng, khi vào tay Trưởng giả nó trở thành than đen.

Trưởng giả hỏi.

- Nay cô, cô ở đâu?

- Thưa ông, tôi ở trong thành Sāvatti này.

- Cô có chồng chưa?

- Thưa ông, tôi vẫn còn độc thân.

Sau khi hỏi và biết nơi trú ngụ của nàng Kisāgotamī (Kí-Sa-Gô-Tá-Mi), Trưởng giả cho gia nhân mang đồng than về nhà; sau đó cho người đến cưới nàng Kisāgotamī về làm vợ con trai mình.

Khi nàng Kisāgotamī về làm dâu cho gia tộc Trưởng giả, Trưởng giả nói với nàng Kisāgotamī rằng:

- Nay con, cha giao hết toàn bộ tài sản này cho con, con hãy thay cha quản lý tài sản này đi.

- Vâng, thưa cha.

Khi nàng Kisāgotamī nhận lời, lập tức những kho than đen, biến thành những kho vàng, sỏi đá trở thành ngọc quý⁽¹⁾.

(1)- Chuyện này cũng được ghi nhận trong tập SA.i. 149.

Thời gian sau, nàng Kisāgotamī mang thai, khi thai bào được 10 tháng, nàng sinh ra một bé trai.

Theo tập Apadāna (Thánh nhân ký sự)⁽¹⁾, lúc đầu nàng Kisāgotamī bị gia đình chồng coi rẻ, ngoại trừ người chồng, cho đến khi nàng sinh được người con trai, khi ấy gia đình chồng mới quý trọng nàng. Như kinh văn ghi nhận.

712. Patim̐ ṭhapetvā sesā disanti adhanā iti,

Yadā ca sasutā āsiṃ sabbesaṃ dayitā tadā.

“Ngoại trừ người chồng, những người còn lại giễu là “Nữ nhân không tài sản.

Và đến khi tôi đã có con trai, khi ấy tôi đã được cảm tình của tất cả”⁽²⁾.

Trong tập “Số giải kinh Pháp cú” (Dhammapāda- Atthakathā) không đề cập đến việc “nàng bị khinh rẻ”⁽³⁾.

Khi con trai nàng Kisāgotamī biết đi chập chững, một cơn bạo bệnh đã cướp đi mạng sống của con trai nàng.

Nguồn hạnh phúc của nàng bỗng dưng tan vỡ, nàng Kisāgotamī chưa bao giờ chịu đựng nỗi đau mất người thân như thế. Lại nữa, con trai nàng là điều kiện giúp cho nàng có được vị trí quan trọng trong gia tộc bên chồng, nàng không tin con trai nàng chết, nàng không hề có ý nghĩ “mang xác con ném ra tha ma mộ địa, hay đưa xác con lên giàn hỏa”.

Nàng Kisāgotamī ẵm xác con trên tay, chạy đi khắp nơi trong thành Sāvatti (XáVệ) như một kẻ điên dại, gặp bất kỳ ai nàng đều hỏi: “Có thuốc nào cứu được con trai tôi chăng?”.

Một số người giễu cợt nàng rằng: “Nàng có thấy loại thuốc nào có thể cứu người đã chết sống lại chăng? Nàng quả thật là người điên”; những lời này tuy tàn nhẫn nhưng là sự thật. Tuy nhiên, những lời sự thật này không đủ sức mạnh làm nàng Kisāgotamī tỉnh ngộ. Vì nàng quá thương tiếc đứa con trai, xem như suối nguồn hạnh phúc của mình.

Mặc cho những lời chế giễu, nàng vẫn ẵm xác con trên tay đi từ nơi này sang nơi khác, tâm nàng vẫn tin rằng: “Nhất định có loại thuốc giúp con trai ta hồi sinh”.

Có người Hiền trí, cảm thương cho nàng, suy nghĩ rằng: “Nàng mất trí vì con chết, đây là tâm bệnh, chỉ có Đức Thế Tôn mới giải tỏa sâu não của nàng được mà thôi”. Người Hiền trí nói với nàng Kisāgotamī rằng:

- Nay cô, chỉ có một người biết loại thuốc trị bệnh con của cô mà thôi.

- Thừa ông, người ấy là ai? Đang trú ngụ nơi đâu?

- Nay cô, là Đức Thế Tôn, Ngài đang trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên.

Vô cùng mừng rỡ, nàng Kisāgotamī ẵm xác con chạy đến Đại tự Kỳ Viên.

**Sách lược của Đức Thế Tôn.*

Khi nàng Kisāgotama đến cổng Đại tự Kỳ Viên, với Phật trí Đức Thế Tôn thấy được duyên lành Thánh quả của nàng Kisāgotamī, Ngài suy nghĩ: “Kisāgotamī đang đau khổ vì cái chết của con trai, Như Lai sẽ giúp nàng hiểu rõ “sự chết”.

Nàng Kisāgotamī đi vào Giảng Pháp đường. có hội chúng đông đảo đang lắng nghe Pháp thoại từ Đức Thế Tôn.

Nàng Kisāgotamī đến trước Đức Thế Tôn, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con nghe nói “Ngài biết loại thuốc để trị bệnh cho con trai của con phải không?”.

-Thật vậy, này Kisāgotamī.

- Xin Ngài hãy dạy con loại thuốc ấy đi.

(1)- Tập Số giải “Kệ ngôn Trường lão ni”, cũng ghi nhận như tập Apadāna.

(2)-ĐĐ. Indacanda (d). Ap. ii. 22. Kisāgotamī Apādānaṃ (Ký sự Kisāgotamī), kệ ngôn số 712.

(3)- Dhpa. ii. 270.

- Này Kisāgotamī, con hãy tìm một nhúm hạt cải nơi nhà nào không có người chết, mang đến đây cho Như Lai.

-Vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Lưu ý.

Ở đây, lời dạy của Đức Thế Tôn rất cẩn thận, Ngài không nói “hãy mang đến đây một nhúm hạt cải từ ngôi nhà không có người chết, Như Lai sẽ cứu con trai người hỏi sinh”, Ngài chỉ dạy: “Hãy tìm nhúm hạt cải nơi nhà không có người chết mang đến đây cho Như Lai”.

Mục tiêu của Đức Thế Tôn là: “Giúp cho nàng Kisāgotamī tỉnh ngộ rằng: “Sự chết chẳng phải chỉ có riêng cho con trai nàng, sự chết có cho tất cả chúng sinh; không phải chỉ có riêng nàng chịu đau khổ vì mất người thân; những người khác cũng đã từng chịu sự đau khổ vì mất người thân như vậy”.

Nàng Kisāgotamī suy nghĩ: “Nếu ta có được nhúm hạt cải nơi nhà không có người chết, con trai ta sẽ được cứu sống”.

Nàng ẩm xác con trai đi đến một ngôi nhà, xin người chủ nhà rằng:

- Thưa ông, nhà ông có hạt cải không? Cho tôi xin một nhúm hạt cải để trị bệnh cho con trai tôi.

- Này cô, có.

Chủ nhà mang nhúm hạt cải cho nàng, nàng lại hỏi:

- Nhà này có người chết không?

- Ồ! người chết trong nhà này nhiều hơn người đang sống.

- Nếu thế thì không được.

Nàng Kisāgotamī trả lại chủ nhà nhúm hạt cải, rồi đến nhà bên cạnh, nhà bên cạnh cũng có người chết. Cứ như thế, nàng đi đến xế chiều, nhà nào cũng có người chết, có nhà “số người chết nhiều hơn số người đang sống”, nàng chợt hiểu ra rằng: “Cái chết có cho tất cả chúng sinh, chẳng phải dành riêng cho một ai cả”. Càng suy gẫm, sự khổ vì cái chết của con trai dịu dần, nàng Ksāgotamī suy nghĩ: “Đức Thế Tôn khéo dạy, khiến ta nhận thức được sự thật”, nàng Kisāgotamī mang xác con trai ra nghĩa địa, đặt xác con trai trên đất, nói rằng:

Na gāmadhammo nigamassa dhammo.

Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo.

Sabbassa lokassa sadevakassa.

Eseva dhammo yadidaṃ aniccatā”ti.

“Không là pháp cho làng; không là pháp cho thị trấn.

Cũng không là pháp dành riêng cho một gia tộc.

Có chung cho thế gian; luôn đến chư thiên.

Pháp ấy được gọi là vô thường”(1).

Rồi nàng đi vào Đại tự KỳViên, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, nàng Kisāgotamī đứng sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

- Này Kisāgotamī, con tìm được nhúm hạt cải chưa?

- Bạch Thế Tôn, con không tìm được nhúm hạt cải nơi nhà không có người chết. Nhà nào cũng có người đã chết cả.

- Thật vậy, này Kisāgotamī, con sâu thắm với ý nghĩ “con ta đã chết”. Đó là lẽ tất yếu, có cho tất cả chúng sinh, chẳng phải chỉ có cho con trai của con. Thật vậy, Tử thần đến với chúng sinh khi tuổi còn thơ ấu, tuổi thiếu niên, trung niên hay lão niên; chẳng khác nào dòng nước lũ cuốn trôi chúng sinh vào dòng sinh tử triền miên vô tận.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

287- Taṃ puttapasusammattam, byāsattamanasam naram;

(1)- ThigA. 2.3.82; Ap. ii. Kỳ sự Trưởng lão ni Kisāgotamī.

Suttam gāmaṃ mahoghova, maccu ādāya gacchati.

“Tâm này còn bị đắm say; con cái và súc vật.

Bị Tử thần bắt đi; như nước trôi làng ngủ” (HT.TMC d)⁽¹⁾.

Cuối thời pháp nàng Kisāgotamī chứng Thánh quả Dự Lưu⁽²⁾.

Theo Bản Sớ giải kinh Tăng chi (Aṅguttara-Atthakathā) có khác chút ít chi tiết là:

Khi nàng Kisāgotamī sau khi đặt xác con trai vào trong nghĩa địa, rồi đi vào Đại tự Kỳ Viên. Đức Thế Tôn hỏi rằng;

- Nay Kisāgotamī, con tìm được nhúm hạt cải chưa?

- Bạch Thế Tôn, con không tìm được nhúm hạt cải nơi nhà không có người đã chết.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

113- Yo ca vassasatam jīve, apassam udayabbayam;

Ekāham jīvitam seyyo, passato udayabbayam.

“Ai sống một trăm năm; không thấy pháp Sinh Diệt.

Tốt hơn sống một ngày; thấy được pháp Sinh Diệt” (HT. TMC d)⁽³⁾.

Như kệ ngôn Đức Thế Tôn dạy nàng Paṭācārā.

Rồi Đức Thế Tôn dạy tiếp kệ ngôn:

“Na gāmadhammo nigamassa dhammo ...”.

Nghe dứt hai kệ ngôn, nàng Kisāgotamī chứng Thánh quả Dự Lưu⁽⁴⁾.

Sau khi chứng Thánh quả Dự Lưu, nàng Kisāgotamī xin Đức Thế Tôn cho nàng được xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn.

Khi thọ đại giới Tỳkhu ni, nàng Kisāgotamī nghiêm mình trong Giới luật. Một hôm đến phiên nàng phải dọn dẹp sạch sẽ nơi làm lễ Bótát, nàng Kisāgotamī đốt đèn lên, rồi nhìn ánh sáng ngọn đèn, ánh sáng ngọn đèn chập chờn khi mờ khi tỏ, nàng suy gẫm rằng: “Có những chúng sinh cứ sinh ra rồi diệt đi, cứ như thế mãi, không đi đến nơi Bất tử là Níp Bàn”.

Nơi Hương thất, Đức Thế Tôn quán xét thấy được duyên lành Thánh quả ALaHán của nàng, từ Hương thất, Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trước mặt nàng, dạy rằng:

- Nay Kisāgotamī, thật vậy, chúng sinh cứ mãi trôi lăn trong chuỗi dài sinh rồi tử, như ánh đèn kia vậy; không tìm thấy Níp Bàn là nơi chấm dứt dòng sinh tử luân hồi.

Rồi Đức Thế Tôn dạy kệ ngôn

114- Yo ca vassasatam jīve, apassam amatam padam;

Ekāham jīvitam seyyo, passato amatam padam.

“Ai sống một trăm năm; không thấy câu Bất tử.

Tốt hơn sống một ngày; thấy được câu Bất tử” (HT.TMC d).

Dứt kệ ngôn, nàng Kisāgotamī chứng Thánh quả ALaHán cùng với Tuệ phân tích⁽⁵⁾.

***Được Đức Thế Tôn ban địa vị tối thắng.**

Do khuynh hướng được huân tập trong quá khứ, khi thành tựu Thánh quả ALaHán, Trưởng lão ni Kisāgotamī luôn hài lòng với những “tấm y thô xấu (lūkhacīvaram), với hạnh “biết đủ” cùng với tâm tế độ nhưn người nghèo khổ.

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng tứ chúng nơi Giảng pháp đường trong Đại tự Kỳ Viên, Đức Thế Tôn dạy rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ lūkhacīvaradharānaṃ yadidaṃ kisāgotamī:

“Này các Tỳkhu, trong hàng Tỳkhu ni đệ tử Như Lai, tối thắng “mang y thô xấu” là Kisāgotamī”⁽¹⁾.

(1)- Dhp. Câu 287.

(2)- DhpA. i. 270.

(3)- Dhp. Câu số 113.

(4)- AA. i. 205.

(5)- ThigA. 174; Ap. ii. 564; DhA. i. 270; AA. i. 205.

Trong Bản Số giải kinh Pháp cú (Dhammapāda – Atthakathā) có ghi nhận:
Tương truyền: Có lần Thiên vương Sakka (ĐếThích) cùng các Thiên tử tùy tùng, từ Thiên cung cõi ĐạoLợi (Tāvatiṃsa) đi đến núi Gijjhakūṭa (Kèn Kèn) đánh lễ Đức Thế Tôn.

Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, Thiên vương ĐếThích cùng thiên chúng tùy tùng ngồi xuống một bên.

Khi ấy, Tỳkhuu ni Kisāgotamī suy nghĩ: “Ta nên đến đánh lễ Đức Thế Tôn”, nàng theo đường hư không đến nơi Đức Thế Tôn ngự. Trông thấy Thiên vương Đế Thích cùng Thiên chúng, nàng Kisāgotamī quay trở về.

Thiên vương Sakka (Sắc-Ká) thấy nàng Kisāgotamī liền đi đến đánh lễ vị Thánh nữ ALaHán ấy, rồi quay trở về nơi ngồi của mình, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳkhuu ni có đại uy lực ấy là ai vậy? Vì sao vừa thấy Ngài, vị ấy lại quay về?

- Này Thiên vương Sakka, đó là con gái của Như Lai, nàng có tên gọi là Kisāgotamī tối thắng về hạnh “mặc y thô xấu”. Nàng đến để đánh lễ Như Lai, vì thấy Thiên vương cùng Thiên chúng đông đảo, nên nàng quay trở về.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

395- Paṃsukūladharaṃ jantum, kisaṃ dhamanisanthataṃ;

Ekaṃ vanasmim jhāyantaṃ, tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.

“Người mặc y quăng bỏ; gầy ốm lộ mạch gân.

Độc thân, thiền trong rừng; Ta gọi Bàlamôn” (HT. TMC d).

Dứt kệ ngôn, nhiều Thiên tử chứng đạt Thánh quả Dự Lưu⁽²⁾.

Trong tập Tương Ưng kinh (Saṃyuttanikāya) có ghi nhận.

Có lần nàng Kisāgotamī, vào buổi sáng, đắp y tề chỉnh, tay cầm lấy y bát đi vào thành Sāvatti (XáVệ) khát thực. Sau khi thọ thực vào buổi trưa xong rồi, trên đường trở về Ni viện, nàng đi vào rừng Andhavana (Ấn-Thá-Quá-Ná) để nghỉ trưa. Nàng đi sâu vào trong rừng, đến một cội cây cổ thụ để thiền tịnh.

Ác ma (māra) muốn làm cho nàng Kisāgotamī kinh sợ, lông tóc dựng ngược để từ bỏ thiền tịnh, liền đi đến Tỳkhuu ni Kisāgotamī, nói lên bài kệ rằng:

Kiṃ nu tvaṃ mataputtāva, ekamāsi rudammukhī;

Vanamajjhagatā ekā, purisaṃ nu gavesasī”ti.

“Sao nàng như mất con; một mình, mặt ứa lỵ

Hay một mình vào rừng; để tìm đàn ông nào?”.

Tỳkhuu ni Kisāgotamī suy nghĩ: “Ai nói lên bài kệ này? Người hay không phải người?”.

Tỳkhuu ni Kisāgotamī suy nghĩ: “Đấy là Ác ma muốn làm cho ta kinh sợ, lông tóc dựng ngược để từ bỏ thiền tịnh, nên nói lên kệ ngôn này”.

Biết là Ác ma, Tỳkhuu ni Kisāgotamī nói lên kệ ngôn với Ác ma.

Accantaṃ mataputtāmi, purisā etadantikā;

Na socāmi na rodāmi, na taṃ bhāyāmi āvuso.

“Con hại, đã qua rồi; đàn ông đã chấm dứt.

Ta không sầu, không khóc; Ta sợ gì các người?.

Khắp nơi hỷ, ái đoạn; khối mê ám nát tan.

Chiến thắng quân thần chết; Vô lậu, ta an trú”.

Ác ma biết “Tỳkhuu ni Kisāgotamī đã biết ta”, nên buồn khổ, thất vọng biến mất tại chỗ (HT. TMC d)⁽³⁾.

(1)- A.i. 25.

(2)- DhpA. Câu số 395.

(3)- S.i. 129. Kisāgotamīsuttaṃ (kinh Kisāgotamī) .

**Kệ ngôn Trưởng lão ni Kisāgotamī.*

Khi chiêm nghiệm những nỗi thống khổ khi mất con của nhiều nữ nhân, như bà Paṭācārā ... bà Kisāgotamī thấy rằng nỗi khổ của bà chỉ là một trong những nỗi thống khổ trên. Tất cả đều được Đức Thế Tôn ban cho phương thuốc “giải sầu”, mang đến bình an cho nhiều nữ nhân mất con như bà.

Có lần nơi Giảng Pháp đường trong Đại tự KỳViên, trước Đức Thế Tôn, Trưởng lão ni Kisāgotamī nói lên những kệ ngôn tán thán “sự thân cận bậc Trí”, cùng với những nỗi thống khổ của nữ nhân khi con chết, như bà Paṭācārā ...

213- Kalyāṇamittatā muninā, lokam ādiṣṣa vaṇṇitā;

Kalyāṇamitte bhajamāno, api bālo paṇḍito assa.

“Bạn lành được dẫn sĩ; khắp thế giới, ngợi khen.

Thân cận với bạn lành; kẻ ngu thành người trí”.

214- Bhajitabbā sappurisā, paññā tathā vaḍḍhati bhajantānaṃ;

Bhajamāno sappurise, sabbehipi dukkhehi pamucceyya.

“Hãy thân cận bậc chân nhân; thân vậy, trí tăng trưởng.

Thân cận bậc chân nhân; mọi khổ đau được thoát”.

215- Dukkhañca vijāneyya, dukkhassa ca samudayaṃ nirodhaṃ;

Aṭṭhaṅgikañca maggaṃ, cattāripi ariyasaccāni.

“Hãy biết, Bốn thánh đế; Khổ và khổ tập khởi.

Biết về đau khổ diệt; và đường Thánh tám ngành”.

216- Dukkho itthibhāvo, akkhāto purisadammasārathinā;

Sapattikampi hi dukkhaṃ, appekaccā sakim vijātāyo.

“Khổ thay phận nữ nhân; chính Ngài đã nói lên.

Bậc đánh xe điều ngự; nhưng ai đáng điều ngự.

Khổ thay phận chồng chung; nhiều người một lần sinh”.

217- Galake api kantanti, sukhumāliniyo visāni khādanti;

Janamārakamajjhagatā, ubhopi byasanāni anubhonti.

“Trong đau khổ đắm hóng; mẹ yếu uống thuốc độc.

Trường hợp gặp bào thai; bị chết khi đang sinh.

Cả hai mẹ và con; đều cùng gặp tai nạn”.

218- Upavijaññā gacchantī, addasāhaṃ patim matam;

Panthamhi vijāyitvāna, appattāva sakaṃ gharam.

“Khi mang thai đi về; ta thấy chồng chết đường.

Và khi ta sinh đẻ; ta không về đến nhà”.

219- Dve puttā kālakatā, patī ca panthe mato kapaṇikāya;

Mātā pitā ca bhātā, ḍayhanti ca ekacitakāyaṃ.

“Hai con đều bị chết; chồng nữ nhân khốn khổ.

Lại bị chết giữa đường; mẹ, cha và cả em.

Đều cùng bị thiêu đốt; đờn chung trên đồng lửa”.

220- Khīṇakulīne kapaṇe, anubhūtaṃ te dukhaṃ aparimānaṃ;

Assū ca te pavattaṃ, bahūni ca jātisahassāni.

“Ôi, nữ nhân khốn khổ; sinh gia cảnh khốn cùng.

Người phải chịu khổ đau; vô lượng, không kể xiết.

Nước mắt người đã khóc; trải nhiều ngàn lần sinh”.

221- Vasitā susānamajjhe, athopi khāditāni puttamaṃsāni;

Hatakulikā sabbagarahitā, matapatikā amatamadhigacchim.

“Ta thấy giữa nghĩa trang; thịt con ta bị ăn.

Gia đình bị tàn hại; bị mọi người khinh bỉ.

Tuy vậy, người chết chồng; đạt được sự bất tử”.

222- Bhāvito me maggo, ariyo aṭṭhaṅgiko amatagāmī;

Nibbānaṃ sacchikataṃ, dhammādāsaṃ avekkhiṃhaṃ .

“Ta tu tập Thánh đạo; đường tám ngành, bát tử.

Ta chứng được Nípàn; thấy được gương Chánh pháp”.

223- Ahamaṃhi kantasallā, ohitabhārā katañhi karaṇīyaṃ;

Kisā gotamī therī, vimuttacittā imaṃ bhaṇī”ti.

“Trên ta, mũi tên đâm; đã được rút ra khỏi.

Gánh nặng đã đặt xuống; việc nên làm đã làm.

Ta là Trưởng lão Ni; Kí-Sa-Gô-Tá-Mi.

Với tâm khéo giải thoát; ta nói lên đời này” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

**Bổn sự Tittira (chuyện Gà Gô).*

Trong Bổn sự này, tiền thân bà Kisāgotamī là con Tắc kè⁽²⁾.

5’- Trưởng lão ni Soṇā.

**Tiền hạnh.*

Kể từ kiếp trái đất này trở về trước; cách đây 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa) còn hiện thế, tiền thân bà Soṇā (Sô-Na) là một nữ gia chủ trưởng giả trong thành Hamsavatī (Thiên Nga thành), nữ gia chủ này là cận sự nữ trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Padumuttara.

Có lần, nữ cận sự này chứng kiến một Trưởng lão ni mà bà sùng mộ, được Đức Thế Tôn ban cho địa vị *“tối thắng về hạnh tinh tấn (āraddhavīriyānaṃ) trong hàng Tỳkhu ni”*. Nữ gia chủ này mong ước địa vị ấy, nên cúng dường đến Đức Thế Tôn Padumuttara cùng Tăng chúng trọn 7 ngày, rồi ước nguyện thành tựu địa vị *“tối thắng về hạnh tinh tấn”* trong Giáo pháp của Đức Chánh Giác tương lai.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri rằng: *“Sau trăm ngàn kiếp trái đất, kể từ kiếp trái đất này, ước nguyện của nữ gia chủ này sẽ trở thành hiện thực trong thời Đức Chánh Giác Gotama (Gô-Tá-Má)”*.

Nữ gia chủ ấy thực hành những thiện sự trong kiếp sống ấy, mệnh chung tái sinh về Thiên giới.

**Kiếp sống cuối.*

Hậu thân nữ gia chủ ấy lưu chuyển qua hai cảnh giới “người và chư thiên” suốt 100 ngàn kiếp trái đất.

Vào thời Đức Thế Tôn Gotama còn tại thế, hậu thân nữ gia chủ này tái sinh về nhân giới, trong một gia tộc trưởng giả nơi thành Sāvatti (XáVệ), được đặt tên là Soṇā (Sô-Na).

Khi trưởng thành, nàng Soṇā lập gia đình với người con trai của một gia tộc Trưởng giả tương xứng. Nàng sinh được mười người con, nên được gọi là Bahuputtikā Soṇā (Sô-Na người nhiều con).

Khi những người con trưởng thành, yên bề gia thất, chồng bà Bahuputtikā Soṇā (Bá-Hú-Pút-Tí-Ka Sô-Na) xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Pháp luật của Đức Thế Tôn Gotama, bà Bahuputtikā Soṇā phân chia tài sản cho các con đồng đều nhau.

Khi bà Soṇā đến ở nhà con trai trưởng, được vài ngày thì nàng dâu nói rằng: *“Mẹ chia tài sản cho chúng con đồng đều nhau, có chia cho vợ chồng con nhiều hơn đâu. Vì sao mẹ cứ ở đây, không đến nhà những người khác chứ?”*.

Bà Soṇā đến nhà người con kế, cũng nghe những lời nói bạc ơn như thế; bà đến nhà 10 người con, đều bị những người con dâu hay con rể đối xử tệ bạc.

Bà Soṇā trở thành người mẹ “vô dụng” trong mắt những người con của bà, nhận ra vị trí đáng kính sợ của mình, bà Soṇā suy nghĩ: *“Chồng ta đã xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, các con ta không nghĩ ai đến ta, đối xử tệ bạc với ta, ta không thể sống*

(1)- Thig. Kisāgotamītherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Kisāgotamī), câu 213- 223.

(2)- JA. Chuyện số 438; xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

nương nhờ nơi chúng. Vậy ta hãy xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn”.

Bà Soṇā tìm đến Ni viện, gặp vị Trưởng lão ni. vị này giảng cho bà nghe về những nỗi khổ trong luân hồi qua bài pháp nói về Uẩn (khandha), Xứ (āyatana) và Giới (dhātu); bà Soṇā xin được xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Vì xuất gia trở thành Tỳkhuu ni khi đã già, nên bà Soṇā luôn phạm Giới Luật, bị các Tỳkhuu ni cao hạ xử phạt, đồng thời bị các Tỳkhuu ni khinh thường, sai bảo bà làm việc suốt ngày.

Các con bà thấy thế chẳng hề xúc động, lại còn cười chế giễu rằng: “Bà lão này chưa học xong Luật trong Tự viện, thì tu tập được cái gì chứ?”.

Nghe lời chế giễu độc ác của những người con, tuy đau xót tâm nhưng bà Soṇā vẫn kiên nhẫn chịu đựng, cũng chính nhờ những lời chế giễu độc ác ấy đã giúp bà thức tỉnh rằng: “Ta nay đã già, chẳng còn sống bao lâu nữa, ta hãy bảo vệ lấy mình để chống lại những nghiệp lực nghiệt ngã, bất hạnh”.

Khi quán xét như vậy, bà Soṇā không để phí thời gian, ban ngày bà cố gắng làm tròn phận sự phục vụ các Tỳkhuu ni và Học pháp; ban đêm bà cố gắng thực hành pháp, quán tưởng về 32 thể trược.

Khi ngồi thiền, bà dùng tay giữ cây cột ở tầng trệt để ghi nhớ vị trí chỗ ngồi của mình, khi đi kinh hành, do tối trời bà thường bị va đầu vào những cây cột, nên bà dùng tay giữ lấy cây cột rồi đi kinh hành xoay vòng quanh cây cột ấy.

Bà thực hành pháp suốt đêm như thế.

**Tên gọi Tỳkhuu ni Soṇā tinh tấn.*

Vì xuất gia vào lúc tuổi đã già, lại có nhiều con nên ban đầu bà được gọi là “Soṇā có nhiều con (Bahuputtikā Soṇā)”. Về sau, do nỗ lực học pháp vào ban ngày và thực hành pháp vào ban đêm, bà được gọi là “*Soṇā tinh tấn (āraddhavīriya Soṇā)*”.

**Chứng Thánh quả ALaHán.*

Một hôm, vào ngày Bôttát (uposatha), các Tỳkhuu ni đi đến Đại tự KỳViên để nhận lời Giáo giới từ Đức Thế Tôn.

Các Tỳkhuu ni cao hạ bảo Tỳkhuu ni Soṇā rằng: “Hãy nấu một ít nước cho chúng tôi. Khi làm lễ Bôttát xong, chúng tôi trở về có nước ấm để dùng”.

Bà Soṇā đi xuống bếp, nhưng còn quá sớm để nấu nước, không để phí thời gian, bà vừa đi kinh hành vừa niệm 32 thể trược.

Nơi Hương thất trong Đại tự KỳViên, Đức Thế Tôn quán thấy duyên lành Thánh quả ALaHán của bà Soṇā đến thời nở rộ.

Từ Hương thất, Ngài phóng hào quang đến trước mặt bà Soṇā, nương theo ánh hào quang, bà Soṇā nhìn thấy Đức Thế Tôn xuất hiện trước mặt, bà quỳ xuống đánh lễ Đức Đạo Sư.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Soṇā, Pháp được Đấng Như Lai thuyết giảng, pháp ấy không phải để được học thuộc lòng hay để tham cứu, Pháp ấy cần phải được chứng thực.

Thật vậy, người sống dù cả trăm năm, không thấy được Pháp Tối thượng, tốt hơn chỉ sống một ngày, thấy được pháp Tối thượng.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

115- Yo ca vassasataṃ jīve, apassaṃ dhammamuttamaṃ;

Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo, passato dhammamuttamaṃ.

“Ai sống một trăm năm; không thấy Pháp Tối thượng.

Tốt hơn sống một ngày; thấy được Pháp Tối thượng” (HT. TMC d).

Bà Soṇā đưa tâm quán xét theo lời dạy của Đức Thế Tôn, dứt kệ ngôn bà chứng đắc Thánh quả ALaHán với Tuệ phân tích.

Hân hoan với thành quả vừa thành tựu, bà suy nghĩ: “Ta đã thành đạt Thánh quả ALaHán, nhưng các Tỳkhuu ni trong Tự viện này không thể biết được điều đó. Nếu họ vẫn có thái độ bất kính, khinh thường ta như thường ngày, họ sẽ tạo nghiệp bất thiện lớn, làm ảnh hưởng đến khả năng chứng đạt Thánh Đạo của họ sau này. Ta hãy cảnh báo cho họ biết, giúp họ thoát ra những trọng nghiệp bất thiện này”.

Bà Soṇā đi đến bếp, đặt một bình nước lên bếp nhưng không đánh lửa để đun nước.

Các Tỳkhuu ni sau khi làm lễ Bótát nơi Đại tự KỳViên, rồi cùng nhau trở về Ni viện, đi xuống bếp lấy nước nóng để dùng, không thấy có lửa nơi nhà bếp, than phiền rằng: “Chúng ta đã bảo Tỳkhuu ni Soṇā nấu nước nóng cho chúng ta dùng, nhưng bà không làm, thậm chí chẳng thềm nhóm lửa”.

Nghe vậy, Trưởng lão ni Soṇā nói:

- Thưa các Tôn ni, nhóm lửa để làm gì? Tôn ni nào cần nước nóng, cứ đến bình nước trên bếp không lửa mà lấy.

Ngạc nhiên với lời lẽ lạ thường của Trưởng lão ni Soṇā, các Tỳkhuu ni chợt nhận ra rằng: “Chắc có lý do gì đây, nên bà Soṇā này có thái độ khác hẳn thường ngày”. Các Tỳkhuu ni đi đến bình nước đặt trên bếp không lửa, rót nước ra để dùng, nước trở nên ấm; các Tỳkhuu ni dùng nước ấm theo như ý, nước trong bình nước vẫn đầy như cũ.

Các Tỳkhuu ni hiểu ra rằng: “Bà Soṇā đã chứng đạt Pháp Thượng nhân”.

Những Tỳkhuu thấp tuổi đạo hơn bà Soṇā kinh hoàng, quỳ xuống trước mặt bà Soṇā đánh lễ bà với cách “*nām chi chạm đất*”, nói lên lời sám hối rằng:

- Thưa Ngài Đại đức, chúng con là những người ngu si, không có trí hiểu biết, đã khinh thường và bắt nạt Ngài. Chúng con xin Ngài Đại đức từ miễn tha thứ những tội lỗi ấy cho chúng con.

Các Tỳkhuu ni có tuổi đạo cao hơn bà Soṇā, sau khi đắp y tề chỉnh, cùng nhau đi đến đứng trước bà Soṇā đồng chấp tay tỏ ý cung kính, nói rằng:

- Thưa Tôn ni, xin Tôn ni hãy tha thứ những hành vi không đúng của chúng tôi đã đối xử với Tôn ni từ trước cho đến nay.

- Lành thay, lành thay, thưa chư Tôn ni.

***Được ban địa vị Tối thắng.**

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng Tứ chúng nói Đại tự KỳViên, Đức Thế Tôn dạy: Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ āradhaviṛiyānaṃ yadidaṃ Soṇā.

“Này các Tỳkhuu, trong hàng Tỳkhuu ni đệ tử của Như Lai, tối thắng về tinh tấn là Soṇā”⁽¹⁾.

***Kệ ngôn Trưởng lão ni Soṇā.**

Một hôm hồi tưởng lại cuộc đời mình, hân hoan với Thánh quả ALaHán đã thành tựu viên mãn, Trưởng lão ni Soṇā nói lên những kệ ngôn.

102- Dasa putte vijāyitvā, asmim rūpasamussaye;

Tatohaṃ dubbalā jīṇṇā, bhikkhunim upasaṅkamim.

“Ta sinh được mười con; trong thân chất chứa này.

Do vậy ta già yếu. ta đến Tỳkhuu ni”.

103- Sā me dhammadesesi, khandhāyanadhātuyo;

Tassā dhammaṃ suṇitvāna, kese chetvāna pabbajim.

“Nàng thuyết pháp cho ta; về uẩn xứ và giới.

Nghe pháp nàng thuyết giảng; cắt tóc ta xuất gia”.

104- Tassā me sikkhamānāya, dibbacakkhu visodhitam;

Pubbenivāsam jānāmi, yattha me vusitam pure.

“Ta học lời nàng dạy; Thiên nhãn ta thanh tịnh.

(1)- A.i. 25.

Ta biết các đời trước; chỗ ta sống đời trước”.

105- Animittañca bhāvēmi, ekaggā susamāhitā;

Anantarāvimokkhāsiṃ, anupādāya nibbutā.

“Ta tu pháp vô tướng; nhất tâm khéo thiền tịnh.

Tức thời ta giải thoát; không chấp thủ tịch tịnh.

106- Pañcakkhandhā pariññātā, tiṭṭhanti chinnamūlakā;

Dhi tavatthu jare jamme, natthi dāni punabbhavo”ti.

“Năm uẩn được liễu tri; đứng lại, gốc bị cắt.

Tham dục, ta không có; căn cứ địa kiên tri?

Từ nay ta không còn; vấn đề phải tái sanh” (T. TMC d)⁽¹⁾.

6’- **Trưởng lão ni Puṇṇā** (hay **Puṇṇikā**)⁽²⁾.

7’- **Trưởng lão ni Vajirā**.

Ngoại trừ tập Tương Ưng kinh (Saṃyuttanikāya) có ghi nhận kệ ngôn của Trưởng lão ni Vajirā (Quá-Chí-Ra) trả lời Ác ma (Māra), không có tư liệu nào nói về Trưởng lão ni Vajirā, ngay cả tập “Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgāthā) hay tập Apadāna (Thánh nhân ký sự) đều không có.

Vì kệ ngôn của bà Vajirā trả lời Ác ma xảy ra nơi rừng Andha (Ăn-Thá), Trưởng lão ni Vajirā có thể có sinh quán là kinh thành Sāvatti (XáVệ), hoặc cũng có thể từ nơi khác đến trú ngụ nơi thành Sāvatti.

Do vậy, chúng tôi đưa Trưởng lão ni vào trong tiết mục này, mong quý đọc giả hoan hỷ.

Trưởng lão ni Vajirā vào buổi sáng, đắp y tề chỉnh, tay cầm y bát đi vào thành Sāvatti để khát thực. Sau khi thọ thực vào buổi trưa xong rồi, trên đường về Tự viện, Trưởng lão ni Vajirā đi vào rừng Andha (Andhavana) để nghỉ trưa, bà ngồi nơi gốc cây cổ thụ trong rừng sâu.

Ác ma muốn làm cho Trưởng lão ni Vajirā kinh sợ, lông tóc dựng ngược để từ bỏ thiền tịnh, Ác ma đi đến nói với bà Vajirā rằng:

Kenāyaṃ pakato satto, kuvamṃ sattassa kāraṃ;

Kuvamṃ satto samuppanno, kuvamṃ satto nirujjhatī”ti.

“Do ai, hữu tình này; được sinh, được tạo tác?

Người tạo hữu tình này; hiện nay ở tại đâu?

Từ đâu hữu tình sinh? đi đâu hữu tình diệt?”.

Tỳkhuu ni Vajirā suy nghĩ: “Ai đã nói lên lời này? Người hay không phải người”?

Tỳkhuu ni Vajirā suy nghĩ: “Chính Ác ma muốn làm ta kinh sợ, lông tóc dựng ngược để từ bỏ thiền tịnh”. Nên bà đáp rằng:

Kiṃ nu sattoti paccesi, māra diṭṭhigataṃ nu te;

Suddhasañkhārapuñjoyamṃ, nayidha sattupalabbhati.

“Sao ngươi lại nói hoài; đến hai chữ chúng sinh?

Phải chăng, này Ác ma?; ngươi rơi vào tà kiến.

Đây quy tụ các hành; chúng sinh được hình thành”.

Yathā hi aṅgasambhārā, hoti saddo ratho iti;

Evamṃ khandhesu santesu, hoti sattoti sammuti.

“Như bộ phận quy tụ; tên xe được nói lên.

Cũng vậy, uẩn quy tụ; thông tục gọi chúng sinh”.

Dukkameva hi sambhoti, dukkhamṃ tiṭṭhati veti ca;

Nāññatra dukkhā sambhoti, nāññamṃ dukkhā nirujjhatī”ti.

Chỉ có khổ được sinh; khổ tồn tại, khổ diệt.

(1)- Thig . Soṇātherīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni Soṇā), số 102- 106.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 11).

Ngoài khổ, không gì sinh; ngoài khổ không gì diệt”.

Ác ma biết rằng : “Tỳkhuu ni Vajirā đã biết ta, nên thất vọng, buồn khổ biến mất khỏi chỗ ấy (HT. TMC d)⁽¹⁾.

Kệ ngôn Trưởng lão ni Vajirā được dẫn chứng nhiều nơi, như trong tập “*Luận điểm* (Kathāvatthu)”⁽²⁾, sách “*Thanh Tịnh đạo* (Visuddhimagga)”⁽³⁾, sách “*Milanda hỏi* (Milandapañhā)”⁽⁴⁾.

Chùa Bồ Đề, Thành phố Vũng Tàu.
Soạn xong ngày 16 tháng 8 năm Ất mùi.
DL 28 - 09 - 2015.

(1)- S.i. 134.

(2)- Kvu. 240, 626; Mil. p. 28;

(3)- Vsm. ii. 593.

(4)- Mil. p. 28.

Mục lục

Những chữ viết tắt.....	3
Lời nói đầu.....	4
Chương XX. Mùa hạ thứ 5 (tt)	6
II- Những sự kiện quan trọng.....	6
A- Đức vua Suddhodana (Tịnh Phạn) viên tịch.....	6
B- Bà Di mẫu Gotamī (Kiều Đàm Ni) xuất gia.....	6
1- Tám Trọng pháp của Tỳkhuu ni.....	9
2- Linh tinh.....	12
a- Nghi thức cho nữ nhân xuất gia.....	12
b- Lời thỉnh cầu của bà Gotamī không được chấp thuận.....	14
c- Tỳkhuu ni thọ trì giới.....	14
d- Tám pháp đặc trưng là Pháp và Luật của Đức Thế Tôn.....	14
3- Bà Mahāpajāpati Gotamī.....	15
a- Tiền hạnh.....	15
b- Là trưởng nhóm nữ tỳ 500 người.....	16
* Nandamūla.....	18
c- Kiếp là Trưởng nhóm thợ dệt.....	18
d- Kiếp sống cuối.....	19
* Thọ ký Đức Chánh Giác Metteya (Di Lạc) vị lai.....	24
* Đức Phật Metteyya (Di Lạc).....	25
* Được ban địa vị tối thắng.....	26
* Bà Gotamī với những Học giới.....	26
e- Bà Mahāpajāpati Gotamī viên tịch.....	29
* Núi Daddara.....	35
f- Các bốn sự liên hệ đến bà Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī.....	39
* Bốn sự Cūlanandiya (Tiểu Hân hoan).....	39
* Bốn sự Culladhammapāla (Tiểu Hộ pháp).....	41
* Bốn sự Vessantara.....	43
4- Những Thánh nữ ALaHán dòng Thích Ca.....	44
a- Trưởng lão ni Tissā.....	44
b- Trưởng lão ni Tissā khác.....	44
c- Trưởng lão ni Dhīrā.....	44
d- Trưởng lão ni Mittā.....	45
e- Trưởng lão ni Mittā khác.....	45
f- Trưởng lão ni Bhadrā.....	46
g- Trưởng lão ni Upasamā.....	46
h- Trưởng lão ni Visākhā.....	46
i- Trưởng lão ni Sumanā.....	47
j- Trưởng lão ni Uttarā.....	47
k- Trưởng lão ni Saṅghā.....	47
5- Những Thánh nữ ALaHán do bà Gotamī tiếp dẫn.....	47
a- Trưởng lão ni Puṇṇā.....	47
b- Trưởng lão ni Muttā.....	48
c- Trưởng lão ni Therikā.....	49
d- Trưởng lão ni Cittā.....	51
e- Trưởng lão ni Mettikā.....	51
f- Trưởng lão ni Dantikā.....	52

g- Trưởng lão ni Guttā	53
h- Trưởng lão ni Subhā con gái người thợ vàng	54
i- Trưởng lão ni Subhā ở rừng xoài của Jīvaka	57
j- Trưởng lão ni Vô danh	61
C- Nhiếp phục du sĩ Saccaka	62
*Nội dung Saccaka đại kinh	77
* Các Khổ hạnh sự nổi tiếng được Du sĩ Saccaka đề cập	79
Nanda Vaccha	79
Kisa Saṅkicca	79
Đại Trưởng lão Kāla Buddharakkhita	80
Vua Tissa nghe pháp	80
Kinh Kālakārāma	81
D- Sự du hành của Đức Thế Tôn	83
1- Hai cách du hành	83
a- Du hành cấp tốc	83
b- Du hành tuần tự	84
* Chủ trại bò Dhaniya	84
* Kinh Dhaniya	85
c- Phạm vi du hành	88
2- Ngự về kinh thành Sāvattī (XáVệ)	89
a- Những Thánh nữ ALaHán sinh quán thành Sāvattī	89
1'- Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā	89
* Dâng vật thực đến Đức Phật Độc Giác	90
* Cúng dường đến Đức Thế Tôn Vipassāi	90
* Là con gái của vua Kikī	90
* Kiếp là tiền thân của nàng Ummadantī	90
* Kiếp là nàng Kỳ nữ Ummadantī	92
* Kiếp là cô gái giữ ruộng	96
* Kiếp là Hoàng hậu Padumavatī	97
* Nàng Padumavatī trở thành Hoàng hậu	98
* Hoàng hậu Padumavatī trở thành nạn nhân	101
* Hoàng hậu Padumavatī được minh oan	102
* Hoàng hậu Padumavatī bao dung	105
* Năm trăm Hoàng tử trở thành Phật Độc Giác	105
* Kiếp là nữ nông dân	106
* Đời sống kiếp cuối cùng	108
* Thanh niên Ānanda bị đất rút	109
* Thần thông của nàng Uppalavaṇṇā	111
* Nàng Uppalavaṇṇā với Luật Tạng	112
* Nàng Uppalavaṇṇā với Kinh Tạng	113
Được ban địa vị tối thắng về thần thông	113
Là tấm gương cho các Tỷkhu ni	113
Trưởng lão Gaṅgātīriya	115
* Những Bốn sự liên hệ đến bà Uppalavaṇṇā	117
Bốn sự Kharādiya (Khá-Ra-Đí-Dá)	117
Bốn sự Kaṇhā (Con bò đen)	118
Bốn sự Mudulakkhaṇa (Nhu tướng)	120
Bốn sự Sārambha (Con bò Sārambha)	123
Bốn sự Nandivīsāla (Con bò Nandivīsāla)	124
Bốn sự Sirikālakaṇṇī	125

Bốn sự Bhisapuppha (Củ sen và hoa).....	128
Bốn sự Manoja.	129
Bốn sự Jāgara (Người tỉnh thức).	130
Bốn sự Kiñchanda (Dục tham kỳ lạ).	132
2'- Trưởng lão ni Sakulātherī.	135
*Kiếp là nữ du sĩ.	136
*Kiếp sống cuối.	136
*Được ban địa vị Tối thắng.	136
3'- Trưởng lão ni Paṭācārā.	137
*Kiếp là Công nương Bikkhuṇī.	137
*Kiếp sống cuối cùng.	137
*Ý nghĩa từ Paṭācārā.	140
*Nàng Paṭācārā tìm được sự yên bình.	140
*Nàng Paṭācārā chứng Thánh quả ALaHán.	141
*Được ban địa vị Tối thắng.	142
*Kệ ngôn Trưởng lão ni Paṭācārā.	142
*Những Tỳkhuu ni đệ tử của bà Paṭācarā.	143
Trưởng lão ni Uttamā.	143
Trưởng lão ni Candā.	144
Trưởng lão ni Uttarā.	145
Ba mươi Tỳkhuu ni tuyên bố Chánh trí dưới sự dẫn dắt của bà Paṭācārā.	146
Năm trăm Paṭācārā.	147
4'- Trưởng lão ni Kisāgotamī.	148
*Tiền hạnh.	148
*Kiếp là Công nương của vua Kikī.	148
*Kiếp sống cuối.	148
*Sách lược của Đức Thế Tôn.	150
*Được Đức Thế Tôn ban địa vị tối thắng.	152
*Kệ ngôn Trưởng lão ni Kisāgotamī.	154
5'- Trưởng lão ni Soṇā.	155
*Tiền hạnh.	155
*Kiếp sống cuối.	155
*Tên gọi Tỳkhuu ni Soṇā tinh tấn.	156
*Chứng Thánh quả ALaHán.	156
*Được ban địa vị Tối thắng.	157
*Kệ ngôn Trưởng lão ni Soṇā.	157
6'- Trưởng lão ni Puṇṇā (hay Puṇṇikā)().	158
7'- Trưởng lão ni Vajirā.	158
Mục lục.	160